

làng văn

211
Tháng
3.2001



Dãi cát - ảnh Anh Châu, Florida

Nha-sĩ NGUYỄN CHÍNH CƯỜNG
Nha-sĩ VÕ THỊ LAN ĐÀI

Chirurgien Dentiste/Clinique Médicale RACHEL
4298 Rue St-Denis, Montréal, lầu hai, phòng 04
(Métro Mont-Royal hoặc Bus 30) **Tel: (514) 849-1038**

A fast growing Information System services firm
has short & long term contracts or permanent
positions for experienced Programmer/Analyst 3
years and up in DB2, CICS, IDMS, ADS/O, IMS,
UNIX, ORACLE, CLIENT/SERVER technology.

Please forward your résumé to:
DANCOM CONSULTING
790 Marcel Laurin, Ste #218
St-Laurent, Qc H4M 2M6
Attention: Dany Dinh
Fax #: 514-748-9399

DANCOM

Consulting Inc.

ALCO

SOLUTION INFORMATIQUE



95 Ste-Catherine Ouest, Montréal
Tél. (514) 843-3155

www.alco.qc.ca Email: service@alco.qc.ca

Luật sư / Avocat

LƯƠNG VĂN TUẤN

1114 Beaubien Est, Suite 206, Montréal
Tél: (514) 272-0503 - Fax: (514) 270-1143

Chuyên viên Tài-chánh & Bảo-hiêm Nhân-mạng
Châu Võ Thành Tường, B.Sc., A.V.C.

279 Place de la Poudrière, Verdun, Qc., H4G 3K5
(Métro Lasalle) - Tél: (514) 767-2874

TIỆM VÀNG - BIJOUTERIE

HOÀNG KIM

Mua bán & sửa chữa nữ trang
VÀNG • CẨM THẠCH • HỘT XOÀN
6700 Côte des Neiges #214 Tél: (514) 344-5692
Montréal, Québec H3S-3B2 Fax: (514) 344-8221

4300 Steeles East, #A-201 Tél: (416) 944-1900
Markham, Ontario L3R 0Y5

CALIFORNIA & WASHINGTON D.C.

Luật-Sư **NGUYỄN XUÂN NGHĨA**
chuyên về di-trú vào Hoa-kỳ

Văn phòng California:
19112 E. Center Ave.
Orange, CA 92869
Tel / Fax: (714) 633-5997

Văn-phòng DC:
6269 Leesburg Pike, Suite #306
Falls Church, VA 22044
Tel: (703) 237-5273 Fax: 532-7453

Luật sư **ĐÀO XUÂN HÒA**
(Nguyên Luật-sư Tòa Thượng-thẩm Sài-gòn)
7304A St. Denis, Montréal, H2R 2E2
Tél: (514) 279-7540

Văn-phòng Bảo-hiêm và Dịch-vụ
NGUYỄN BÁ DĨNH
4860 Circle Rd., Montréal
Tél: (514) 482-9153

NGUYỄN DỨC PHƯƠNG

CHIẾN TRANH
VIỆT NAM
TOÀN TẬP

TỪ TRẬN ĐẦU (ẤP BẮC - 1963)
ĐẾN TRẬN CUỐI (SÀI GÒN - 1975)



làng văn

Sách in tuyệt đẹp, trình-bày rõ-ràng, hợp-lý
Dày 960 trang khổ lớn, bìa cứng có jacket
Giá 45 mỹ-kim (70 gia-kim) kể cả cước-phí

Một xuất-phẩm 500.000 cựu quân-nhân
QL/VNCH và gia-đình đang chờ đợi:

Cuốn sách viết đầy-đủ, công-bằng và
trung-thực nhất về chiến-tranh Việt-nam, qua:

- 53 trận đánh lớn, kèm sơ-đồ, diễn-tiến, kết-quả.
- Nhận-định của tác-giả về chiến-tranh VN.
- Lịch-sử, tổ-chức, ưu-khuyết-điểm của Quân-lực VNCH
- Quân-đội Mỹ tại Việt-nam.
- Quân-đội CS Bắc Việt và Việt Cộng
- Một số chiến-cụ thông-dụng tại chiến-trường Việt-nam.
- Toàn văn Hiệp-định Genève 1954
- Toàn văn Hiệp-định Paris 1973
- Cựu Trung-tướng Trần Văn Trung, Tổng Cục Trưởng Tổng Cục Chiến-Tranh Chính-Trị đọc và viết lời giới-thiệu.
- Với sự giúp-đỡ của 12 cựu tướng-lãnh, 20 cựu đại-tá, 7 cựu trung-tá và 7 cựu thiếu-tá QL/VNCH

Liên-lạc:

LÀNG VĂN

P.O. Box 218 Station "U"
Toronto, Ontario M8Z 5P1
Canada

làng văn

P.O. Box 218, Station "U"
Toronto, Ont., M8Z 5P1, Canada
Tel: (905) 607-8010 / Fax: (905) 607-8011

E-mail: langvan@home.com
www.tapchilangvan.com

Canadian Publications Mail Product Sales Agreement #461709
Customer Account No: 2042916-99
Printed in Canada - Published 12 times a year
(Publications Class Mail Reg. No: 8040)
ISSN: 0832-1922 - LDN: 310578

Volume XIX - No 211 - March 2001
Năm thứ 18 - Bộ 19 - số 211 - tháng 3 năm 2001

TRONG SỐ NÀY:

Tin văn thế-giới.....	2
Từ thành đến tỉnh.....	6
Trong làng.....	6
Ngoài xã.....	7
Tin Việt-nam.....	15
LM Nguyễn Văn Lý và sự vắng phục, Nguyễn Văn Thông.....	22
Chuyện người chuyện ta: Điểm, Sơn Tùng.....	26
Trẻ mãi không già, Minh Đạo.....	31
Lệ xuân, thơ Phạm Tâm Phố.....	38
Câu chuyện những kỳ-quan, Nguyễn Nhạn Sơn.....	39
Kỳ-đà cản mũi, truyện ngắn Phùng Nhân.....	46
Viết cho anh, thơ Ý Nga.....	49
Chỉ vì mối tình xưa, truyện ngắn Tôn-Nữ.....	51
Mang theo kỷ-niệm, thơ Nguyễn Văn Cường.....	54
Ly tan-hợp, thơ Vũ Đức Tô Châu; Tiếc Giềng Hai, thơ LHMToán.....	57
Đốt hết một lần, truyện ngắn Dương Thị Vành Khuyên.....	58
Vào chốn bụi hồng, thơ Cao Hoàng Nhân.....	61
Chiều mưa, thơ BHT.....	63
Bí-mật của ông thầy thọt, truyện ngắn Phạm Thành Châu.....	64
Phố đêm, thơ Nguyễn Hoài Phương.....	66
Về phương Nam, truyện ngắn Hoàng Nga.....	69
Thuở yêu người, thơ Huy Lực Bùi Tiên Khôi.....	73
Có phải là tiết phụ, Hồng Huy.....	74
Hứa-hôn, truyện ngắn Thuý Sơn.....	80
Xóm cũ: Công-trình đào kinh Vĩnh-tế, Huy Vũ.....	84
Cảm tạ mùa xuân, thơ Tuệ Nga.....	89
Bến Tre xanh thắm bóng dừa, truyện dài Xuân Vũ.....	90
Quê tôi, thơ Việt Thao.....	93
Những mảnh đời, truyện dài của Phương Liên.....	94
Giấc mơ trường-sinh, thơ Lê Dã Sử.....	96
Thuở ban đầu, thơ Trần Kim Vân.....	98
Tuyệt hoa, thơ Phan Long Yên.....	99
Tình hận, truyện dài xã-hội đen của Tống Minh Long Quân.....	100
Trở về từ xứ tuyết, truyện thiên của Nguyễn Phong.....	107
Độc-giả thắc mắc, Bút Chì.....	110
Tìm tia nắng quái, thơ Văn Nương.....	111
Diễn-đàn, Trần Văn Tích.....	113
Cười chết bỏ, Cá Cười.....	114
Thư đi tin lại, Nguyễn Hương.....	116

Bìa: Đụn cát quê nghèo, ảnh Anh Châu (Florida)

Chủ-nhiệm, Chủ-bút:

Nguyễn Hữu Nghĩa

Toà-soạn và tri-sự:

Nguyễn Hương

Cộng-tác thường-xuyên:

Bùi Hữu Trí - Bút Chì - Cao Hoàng Nhân - Cung Vũ
Diễn Khánh - Dương Thị Vành Khuyên
Đào Trường Phúc - Hoàng Nga - Hồng Huy
Hương Giang Thái Văn Kiêm
Khải Chính Phạm Kim Thư - Lãng Nhân Phùng Tất Đắc
Lộc Quy - Lê Hữu Mục - Mỡ Làng Văn
Ngô Nguyễn Dũng - Nguyễn Hương - Nguyễn Phong
Nguyễn Duy Tâm - Nguyễn Đăng Tuấn
Nguyễn Hoài Phương - Nguyễn Hữu Nhật
Nguyễn Huy Phước - Nguyễn Nhạn Sơn
Nguyễn Văn Cường - Nguyễn Văn Ngọc
Nguyễn Văn Thông - Phan Các Chiêu Hằng
Phan Long Yên - P. Đan Hà
Phan Nguyễn Minh Minh - Phan Thịnh - Phương Liên
Sơn Tùng - Thuý Sơn - Tiểu Đăng - Tuệ Nga - Tự Tĩnh
Tống Minh Long Quân - Trần Ngân Tiểu
Trần Văn Tích - Trần Văn Lệ - Tuệ Anh - Vạn Giã
Vạn Lam - Văn Nương - Việt Chì - Việt Phương
Việt Thao Đào Đức Chương - Xuân Tước - Xuân Vũ

Đóng góp bài vở:

Bạch Thái Hà - Bùi Xuân Vũ - Cao Xuân Lý - Diệu Tần
Dương Kim - Đặng Thị Quế Phương - Đông Nghi
Hải Ngừ - Hoàng Chính - Hoàng Du Thụy
Hoàng Hải Thủy - Hồng Ân - Huy Vũ - Huỳnh Liễu Ngân
Lâm Thúy - Minh Đạo - Minh Đức Hoài Trinh
Nam Chi Thượng Nhân - Nam Man Lâm Nam Triều
Nghieu Minh - Ngọc Anh - Ngô Du Trung
Nguyễn Hoàng Bảo Việt - Nguyễn Khanh
Nguyễn Bá Đình - Nguyễn Hải Hà
Nguyễn Mạnh An Dân - Nguyễn Thị Vinh - Nguyễn Tư
Nguyễn Ước - Nguyễn Xuân Hiên - Nguyệt Cầm
Phạm Hồng Đạm - Phạm Quang Ngọc - Phạm Tâm Phố
Phạm Thắng - Phùng Nhân - Thiên Di - Thủy Trang
Tôn Nữ - Trần Mộng Lâm - Trường Sơn Lê Xuân Nhị
Trường Xuân Triệu - TT Mây Trên Ngàn - Vi Vi
Vy Khâm - Võ Phiến

Minh-họa:

Nguyễn Nhật Tân

Góp tranh, ảnh:

Babui - Bùi Mỹ Hoa - Lê Quang Xuân - Minh
Nguyễn Khai - Nguyễn Đồng - Nguyễn Thị Hợp
Tăng Sở Dương - Thái Tuấn - T. Nguyễn
Vi Vi - Vũ Thái Hòa

Tri-ân các cộng-tác-viên quá-cổ:

Thanh Nam, Trần Cao-Linh, Tử-Vi Lang
Bình Nguyên Lộc, Nguyễn Tất Nhiên
Kính Tân, Phạm Văn Cương, Lê Thao Chuyên,
An Khê, Ngọc Khôi, Duyên Anh, Trương Ái Minh,
Vi An, Mai Thảo, Tô Giang, Nguyễn Đình Hoà,
Nguyễn Văn Ba, Nguyễn Xuân Lê, Vũ Kiện
Quỳ Hương, E.P. (Lê Kiều Phương),
Đình Huỳnh, Đan Quế, Huỳnh Hữu Cửu

Giá báo bán lẻ

Gia-nã-dại: 5 gia-kim; Hoa-kỳ: 5 mỹ-kim
Pháp: 50 quan; Úc: 7 úc-kim; Bắc Âu: 50 kroner
Nhật: 700 yen; các nước khác: 5 mỹ-kim
Mua báo dài hạn: xem Lệ Làng trang 119

ĐẠI-DIỆN LÀNG VĂN

. MONTREAL:

Võ Bá Thiện

ĐT: (514) 766-8323

Fax: (514) 766-8531

Page: (514) 202-7256

. MASSACHUSETTS:

Hoàng Thị Kim Sinh

ĐT / Fax: (781) 961-3467

. TEXAS:

Trương Sĩ Lương

ĐT: (817) 265-6356

Fax: (817) 548-8563

. CALIFORNIA:

Võ Thảng Tiết

ĐT / Fax: (714) 527-5761

. FLORIDA:

Linh Phương

ĐT: (407) 578-8006

. PA & NEW YORK:

Nguyễn Đăng Tuấn

ĐT: (610) 258-1719

Fax: (610) 258-2037

. NEW JERSEY:

Nguyễn Huy Phước

ĐT: (609) 665-3654

. HAWAII:

Trần Ngọc

ĐT: 818-942-4648

. HÒA-LAN:

Hồ Thị Chiến

ĐT: 0229-231-666

. ĐỨC:

Dr. Ngô Việt Dũng

Điện-thoại: 2316-56949

Nguyễn Hoà Phù Vân

Điện-thoại: 4102-30337

. NA-UY:

Dương Kim

ĐT / Fax: 9288-8393

. ÚC:

P. Đan Hà Nguyễn V. Tạ

ĐT: 02-9742-3946

tin văn



Liên-quân Anh-Mỹ ném bom Iraq

24 chiến-dấu-cơ F-15E, F-16 của Không-quân Mỹ, F/A-18 của Hải-quân Mỹ và Tornado của Anh, đã không-tập 5 vị-trí quân-sự và bán quân-sự của Iraq hôm 16.2 vừa qua.

Các vị-trí này gồm các đài radar và thiết-bị liên-hệ, có khả-năng hướng-dẫn hệ-thống phòng không Iraq phóng các hoả-tiễn địa-không, làm hại các phi-cơ tuần-tiểu của LHQ.

Cuộc hành-quân kéo dài 2 giờ 20 phút. Phía Đồng-minh không có thiệt-hại nhân-sự và vật-chất.

Các cuộc không-tập này xảy ra bên ngoài các "vùng cấm máy bay Iraq", đã được Thủ-tướng Anh Tony Blair và tân Tổng-thống Mỹ George W. Bush chấp-thuận.

Ông Ahmad Chalabi, Chủ-tịch Hội-đồng Quốc-gia Iraq, lực-lượng đối-lập với Saddam Hussein, tuyên-bố: "Việc không-tập đơn-thuần không giúp giải-quyết vấn-đề. Vấn-đề là phải bứng gốc Saddam Hussein."

Hoa-lục lại dọa đánh Đài-loan

Các lãnh tụ cao cấp Trung Cộng trong Quân ủy Trung Ương - chỉ đứng hàng thứ nhì sau Giang Trạch Dân - tiên đoán sẽ có chiến tranh với Đài Loan trong vòng 5 năm tới.

Theo Tạp Chí Quốc Phòng Đài Loan (Taiwan Defense Review),

trích dẫn các nguồn tin truyền thông Trung Cộng, thì tướng Trương Vạn Niên (Zhang Wannian), Phó Chủ Tịch Quân ủy Trung Ương, tuyên bố trong Hội Nghị Quân Trang Quân Đội năm 2000 tại Quảng Châu trong tháng 12 rằng "trong giai đoạn kế hoạch 5 năm lần thứ 10 của Trung Quốc, chắc chắn rằng chiến tranh sẽ bùng nổ trên eo biển Đài Loan."

Kế hoạch kinh tế 5 năm kế tiếp của Bắc Kinh bắt đầu năm nay, có nghĩa là lời đe dọa của họ Trương nằm trong khoảng thời gian 2001-2006. Đặc biệt, Trương nói rằng sẽ tấn công Đài Loan trước, như chiến lược điển hình của Trung Quốc, và sẽ tìm cách đánh tê liệt hệ thống cung cấp điện của Đài Loan và phá hủy khả năng của Đài Bắc về không chiến với các phi cơ tác chiến hiện đang cất trong kho được bảo vệ.

Phó Chủ Tịch Quân ủy Trung Ương cũng thúc giục Bắc Kinh tăng cường các kế hoạch hiện đại hóa quân đội và nói rằng quân khu Quảng Châu có thể dùng làm "quân tiền phong" cho cuộc tấn



Tướng
Trung Cộng
Trương Vạn
Niên, PCT
Quân-ủy
Trung-ương,
nhân-vật số 2
sau Giang
Trạch Dân
tại Hoa-lục

công. Các nguồn tin ngoài Hoa Lục nói rằng Trương là nhân vật nhiều quyền lực, chỉ đứng sau họ Giang.

Trong khi đó, các viên chức chính phủ Bush nói rõ với Trung Cộng rằng Hoa Kỳ sẽ xúc tiến với chương trình lá chắn phi đạn và có thể được mở rộng để bao gồm Đài Loan, bất chấp sự chống đối dữ dội từ Trung Cộng.

Cơ quan Ballistic Missile Defense Organization (BMDO), được chính phủ Bush giao công tác làm lá chắn phi đạn, đang dự định thực hiện cuộc thử nghiệm lá chắn phi đạn vào tháng 5 hay tháng 6, trong đó có việc bắn hạ một phi đạn hạt nhân giả trên không gian. Các viên chức thêm rằng, Bộ Trưởng Quốc Phòng Mỹ Donald Rumsfeld trong các ngày trước đó đã được tướng Ronald Kadish, vị tướng Không quân chỉ huy văn phòng dự án BMDO, tường trình kế hoạch.

Cuộc thí nghiệm mùa hè này sẽ cho bay thử lần đầu tiên một loại hỏa tiễn mẫu đặt căn cứ tại Alaska. Những hỏa tiễn này sẽ mang theo "các vũ khí sát thủ" - theo lý thuyết - sẽ phá hủy các phi đạn bắn vào lãnh thổ Hoa Kỳ.

Quân-dội Phi bắt 4 tàu Hoa-lục

Hải quân Phi đã bắt giữ và lục-soát 4 tàu đánh cá Trung Cộng bỏ neo tại vùng đảo Scarborough từ hôm 15.1 vừa qua. Đây là khu vực đang có tranh chấp chủ quyền giữa Bắc Kinh và Manila cùng nhiều quốc gia khác trong vùng. Mặc dù có lời yêu cầu của Phi, các tàu đánh cá Trung Cộng vẫn không di chuyển đi nơi khác, trái lại còn báo cáo là quân đội Phi uy hiếp họ. Các tàu Trung Cộng đã bị hải quân Phi tịch thu số cá đánh lậu, theo lời Bộ trưởng

Ngoại giao Lauro Baja.

Trước đó, quân đội Phi đã phái tàu chiến và máy bay quan sát đến vùng đảo Scarborough ngoài biển Đông để theo dõi hoạt động của các tàu đánh cá Trung Cộng có mặt tại nơi này. Tòa đại sứ Bắc Kinh tại Manila lúc đó yêu cầu chánh phủ Phi cho rút các tàu chiến và máy bay ra khỏi khu vực nói trên, nhưng quyền Ngoại trưởng Lauro Baja bác bỏ đề nghị đó và cho rằng đây là cuộc tuần tiễu thông thường nhằm bảo vệ lãnh hải nước Phi.

Gia-nã-dại thích di-dân Ấn và Hoa

Canada là một trong số ít các quốc gia trên thế giới vẫn tiếp tục nhận một số lớn di dân. Bộ trưởng về di trú Elinor Caplan tuyên bố Canada sẽ cho nâng mức nhập cư lên 235.000 người một năm vào năm 2002, con số nhập cư đề định hiện nay của Canada là 225.000 người một năm.

Bà bộ trưởng Caplan cho biết, Ottawa vẫn dự định gia tăng các mức nhập cư phồng chùng 1% của dân số Canada theo một kỳ hạn dài, nhưng khả năng của Canada để hấp thụ và cho hội nhập những con số đã tăng lên sẽ còn tùy thuộc vào nhịp độ của khả năng này. Dân số của Canada hiện nay là 30 triệu người.

Bộ trưởng Caplan cũng cho biết, lần đầu tiên sau năm 1997, Canada đã nhận nhập cư vượt quá mức đề ra cho năm 2000. Hồi năm ngoái số dân nhập cư và người tỵ nạn là 226.837 người, con số này vượt tầm đề định năm trong khoảng từ 200.000 cho tới 225.000 người.

Mười quốc gia đứng đầu cho di dân tới Canada trong năm 2000 gồm có :

- Trung hoa: 36.664 người

(hơn 16%)

- Ấn Độ: 26.004 người

- Hồi-quốc: 14.163 người

- Tích-lan: 5.832 người

(Di-dân từ 3 nước này cộng lại là 50.000 người, 22%)

- Phi Luật Tân: 10.063 người

- Nam Hàn: 7.602 người

- Hoa kỳ: 5.806 người

- Ba-tư: 5.598 người

- Nam Tư : 4.699 người

- Anh quốc : 4.644 người

Chính phủ Jean Chretien có vẻ thích di-dân Ấn, Hoa và Phi-kiều. Tất cả chịu khó đi làm thay vì gian-lận trợ-cấp xã-hội. Dân Ấn và Phi rất khá về Anh-ngữ.

Peru dọa truy tố cựu TT Fujimori

Công Tố Viện Peru sẽ truy tố cựu TT Alberto Fujimori về tội tham nhũng. Phát ngôn viên cho biết Quốc Hội trước hết phải thảo luận về quyền đặc miễn tài phán của ông Fujimori, mà cơ quan này đã truất quyền cuối năm qua với lý do là "không thích hợp về đạo lý để lãnh đạo đất nước". Viên chức Viện Công Tố nói là chưa biết rõ chi tiết của hồ sơ truy tố cựu TT Fujimori, nhưng hiểu rằng có liên quan đến những hành vi tham nhũng của giám đốc tình báo Montesinos.

Theo tin báo chí, tội trạng của ông Fujimori là "làm giàu bất chính". Theo luật Peru, cựu TT được hưởng quyền đặc miễn tài phán trong 5 năm sau ngày mãn nhiệm, nhưng Quốc Hội có thẩm quyền tước bỏ đặc miễn này.

LHQ bị tố khuyến khích phá thai, cho phép mại dâm

Trong một bản báo cáo chưa được phổ biến của Foundation Heritage, Patrick Fagan, một nhà nghiên cứu và là một viên chức

trong cựu chính quyền Bush, khảo sát rằng mới đây chính sách về xã hội của Liên Hiệp Quốc (U.N.) có nguy hại đến những định chế truyền thống.

Fagan viết, "Một vài người Mỹ hay các vị trong quốc hội biết rằng Liên Hiệp Quốc đang tham dự vào một chiến dịch chống lại các nền tảng xã hội - gia đình, tình mẫu tử, tình phụ tử, các tôn giáo xem trọng việc hôn nhân và truyền thống gia đình, và các cấu trúc luật pháp và xã hội bảo vệ các truyền thống đó."

Theo một bản tóm tắt của Catholic Family and Human Rights Institute, (viết tắt là C-FAM), Fagan tin rằng LHQ và các ủy ban chấp hành LHQ sử dụng các bản hiệp ước quốc tế để thúc đẩy các quốc gia thay đổi luật pháp trong nước và hiến pháp nuôi dưỡng các chính sách đưa đến việc gây tổn hại cho phụ nữ và trẻ em.

C-FAM tóm tắt bản báo cáo như sau: các ủy ban trong Liên Hiệp Quốc đang cố gắng hối thúc các nước thành viên bỏ lệnh cấm mãi dâm, đòi hỏi "quyền phá thai" được bảo vệ bởi luật quốc tế và luật trong nước, đề cao vai trò của các bà mẹ bằng việc gia tăng khuyến khích họ đi làm việc hơn là ngồi nhà trông con, nới rộng quyền của trẻ em và giảm bớt quyền hành của cha mẹ, thay đổi các luật lệ về tôn giáo và phong tục làm cản trở những nỗ lực của bậc phụ huynh.

Các hoạt động đó vi phạm hiến chương LHQ, theo lời Fagan, hiến chương viết: "Không có điều nào trong hiến chương cho phép LHQ can thiệp vào các vấn đề pháp lý nội bộ của bất kỳ nước nào, hay có quyền đòi hỏi các nước thành viên trình các vấn đề đó để thương lượng giải quyết theo hiến chương hiện tại."

Cuối bản báo cáo gồm các đề nghị tới quốc hội và Tổng thống George W. Bush, khẩn khoản một chính sách mới của Hoa Kỳ hỗ trợ chính phủ các nước chống lại áp lực từ LHQ và nhiều nước nuôi dưỡng cái gọi là chính sách xã hội "cấp tiến."

Quốc tế cứu trợ khẩn nạn dân A Phú Hãn

Cứu trợ phẩm của ngoại quốc đã được chở tới thị trấn Herat của Afghanistan, nơi tập trung khoảng 80 ngàn dân tị nạn trốn đi vì nội chiến liên miên trong nước, và tình trạng thiếu đói vì hạn hán. Hơn 100 gia đình tới Herat hàng ngày, và họ đã phải bán đi mọi thứ có được trên đường tìm đến các trại tị nạn.

Trong 2 tuần qua, đã có hàng chục dân tị nạn chết vì đói lạnh ở thời tiết -25 độ bách phân. Bên cạnh trại tị nạn là nghĩa địa chôn trên 100 người chết hồi tháng 1.2001 vì lạnh. Theo ông Raz Mohammad, một giám đốc của bộ Cứu Trợ Xã Hội, phong tỏa của quốc tế đã ảnh hưởng nặng nề vào nền kinh tế của Afghanistan, đặc biệt là về nhu cầu thuốc chữa bệnh, lương thực và xăng dầu. Cứu trợ phẩm gửi tới Herat gồm chăn mền và bột mì, trong khi dân tị nạn cũng cần cả lều vải để tạm trú.

Nga gia nhập Paris Club để để xiết nợ Hà Nội

Theo tin của *St Peterbug Times*, sau khi nhận lãnh số nợ và các nghĩa vụ trả nợ của Liên bang Xô viết ngày xưa để lại, Nga đã xin gia nhập vào Paris Club như một chủ nợ để đòi nợ các đồng minh của mình trong đó có Việt nam. Các đồng minh của Liên bang Xô viết ngày xưa hầu hết là các quốc

gia đang ở thời kỳ mở mang.

Trước đây khi thắng trận trong chiến tranh Việt Nam, Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã ký một thỏa hiệp để cho Nga khai thác các đồn điền cao su tại Việt Nam trong vòng 25 năm. Theo thông tư số 10/2001 của Bộ tài chính Việt Nam ra ngày 30.1.2001, thông tư này có hiệu lực từ ngày 14.2.2001 chỉ thị về việc thanh toán nợ cho Nga bằng các loại hàng hóa và lao động. Nga sẽ tổ chức để đấu thầu và thông báo cho CSVN về tên các tổ chức thu mua hàng hóa và lao động của Việt Nam. Bộ tài chính của Việt Nam có trách nhiệm thông báo các tổ chức thu mua của Nga. Người Nga có toàn quyền lựa chọn các mặt hàng và các loại lao động Việt Nam; lập các hợp đồng với các nhà thầu Việt Nam, kể cả các doanh nhân người nước ngoài, qua bộ Tài chính VN do đảng CSVN thiết cương.

Anh xuất-cảng bệnh Bò Diên sang 70 quốc-gia

Nỗi kinh hoàng bệnh bò dại đã lan ra toàn cầu từ đầu tháng 2.2001, sau khi báo Anh *Sunday Times* loan tin rằng một công ty Anh Quốc đã xuất cảng thức ăn gia súc - pha tạp bột thịt/xương - tới 70 quốc gia, và báo *The Guradian* loan rằng một số máu nghi nhiễm bệnh bò dại đã bán từ London sang 11 nước. Dưới đây là tổng hợp tin từ hai báo này.

Một công ty Anh Quốc có thể đã xuất cảng bệnh bò diên đi khắp thế giới. Các hồ sơ cho thấy có tới 70 quốc gia đã nhận thực phẩm gia súc có thể nhiễm BSE để dùng nuôi gia súc của họ. Loại thực phẩm này được xuất cảng bất kể là đã bị ngăn cấm dùng cho cừu và gia súc tại Anh năm 1988, khi chính phủ xác nhận rằng có

thể đó là nguyên nhân gây bệnh bò điên.

Liên Hiệp Quốc cảnh cáo rằng tất cả các nước đã nhập cảng chất đạm này, trong hình thức bột thịt và xương, đều có cơ nguy bệnh BSE - nguyên nhân nhiều phần sẽ gây chứng xơ não VCJD trên người.

Công ty Anh chính yếu sản xuất loại thực phẩm này là Prosper de Mulder, nơi chế biến các phó sản từ xác loài vật - không thích hợp cho người dùng. Các con số từ hải quan cho thấy hơn 200,000 tấn thực phẩm heo và gà, trong đó có loại thực phẩm MBM, đã xuất cảng sang 70 nước từ năm 1988 tới 1996, khi việc xuất cảng toàn cầu từ Anh cuối cùng bị Liên Âu ngăn cấm vì cơ nguy bệnh bò điên.

Báo *Guardian* loan rằng các sản phẩm máu hiến tặng từ ba người sau đó bị chứng bệnh bò điên đã bán sang 11 nước, gây nỗi lo rằng Anh Quốc sẽ bị đổ tội lây bệnh bò điên cho cả vật lẫn người. Hàng ngàn bệnh nhân toàn cầu có thể đã được chữa trị bằng các sản phẩm từ 1996 tới năm ngoái. Nguy cơ nhiễm bệnh hiện đang bị ngăn chặn bằng cách hạn chế nguồn máu vào Hoa Kỳ.

Đói quá, Bắc Hàn xin bò điên cho dân ăn

Bắc Hàn đang bị nạn đói đã thúc đẩy, đã chính-thức lên tiếng xin Đức quốc gửi cho 400.000 con bò điên dự định giết đi.

Các giới chức trong Bộ Thống Nhất của Nam Hàn cho biết, Bắc Hàn đã theo dõi đề xuất bò điên và cảm thấy bức mình khi thấy có cả trăm ngàn tấn thịt bò hoang phí bỏ đi. "Các chuyên gia về nông nghiệp tại Bắc Hàn biết rõ những con bò này bị giết vì dân chúng bị quá kích động, chứ không phải

vì đang mang mầm mống của bệnh nguy hiểm. Đây là cơ hội bằng vàng để Bắc Hàn đón nhận món dinh dưỡng cần thiết không phải trả tiền."

Theo đài phát thanh ARD của Đức, Bình Nhưỡng đã nói với cơ quan giải nguy Cap Anamur về thỉnh nguyện này. Cơ quan này đã chuyển thỉnh nguyện này tới Bộ Nông Lâm của Đức tại thủ đô Berlin.

Bệnh bò điên hay bò dại là bệnh BSE (Bovine Spongiform Encephalopathy) đã làm sự sợ hãi bùng ra khắp Âu châu. Đức đã xác nhận chỉ có 28 trường hợp là bệnh BSE, một phân xuất của 180 ngàn con bò tại Anh quốc. Song số thịt bò bị ế lại là 60% tại Đức quốc và các lò sát sinh chỉ hoạt động được có 30% khả năng của lò bởi vì còn nghi ngờ về đường lối giao dịch của chính phủ trong vấn đề này.

Bắc Hàn đã chịu trận thiếu thực phẩm cả năm năm qua. Ước tính có tới khoảng ba triệu người đã bị chết đói kể từ năm 1996. Đa số người Bắc Hàn ăn uống thiếu dinh dưỡng, thiếu rau cỏ, còn về trái cây và thịt thì hoàn toàn không có để ăn. Thịt bò là một thứ xa xỉ dành cho quân đội và các cấp bậc cao tại Bình Nhưỡng.

Trong báo cáo cấp kỳ hàng tuần, Chương trình Thực phẩm Thế giới của LHQ chỉ rõ là Bắc Hàn rất quan tâm đến việc để nhận cung cấp loại thịt bò điên này. Theo như hậu quả của các tổ chức vô chính phủ và các cá nhân đang cho cắt bớt các viện trợ, chuyển hàng ngũ cốc vào tháng tư cho Bắc Hàn sẽ bị giảm đi một cách nghiêm trọng.

Ấn-độ động đất 8,3

Một trận động đất 8,3 chấn-độ tại Bhuj, gần Calcutta, đã hạ-sát

trên 30.000 người Ấn và gây thương-tích cho hàng trăm ngàn người khác, làm 300.000 người không nơi cư-trú.

Phi trường Bhuj của Ấn Độ đã biến thành trung tâm của những hoạt động cứu trợ quy mô, với những chuyến phi cơ đến và đi tấp nập. Tổ Chức Y Sĩ Không Biên Giới (MSF) là lực lượng cứu trợ tới trước tiên, với thuốc men, lương thực, quần áo. Trên 300 ngàn dân vùng động đất trở thành không nhà hiện rất cần thực phẩm và nước uống. Chính quyền địa phương cho biết những nhu cầu cấp bách là nhà lều, xe cơ giới dọn đất, và bệnh viện dã chiến. ít nhất 3 chuyến bay chở cứu trợ phẩm của Hồng Thập Tự Quốc Tế và Hội Lưỡi Liềm Đỏ đã tới nơi.

Đây đúng là 1 cuộc chạy đua với thời gian, trong khi thân nhân những người mất tích chưa từ bỏ hi vọng. ít nhất 20 ngàn quân nhân Ấn Độ cũng tham gia công tác thu dọn và thu hồi tử thi. Theo Tổ Chức Y Tế Thế Giới, chưa có dấu hiệu của bệnh dịch. Khoảng 20 ngàn người Ấn Độ sống sót qua trận động đất đã thành lập 1 thành phố nhà lều tại thị xã Bhuj, và dân không nhà kéo tới thêm ngày càng đông, trong khi nguồn cung cấp thực phẩm và nước uống còn khó khăn. Các tu sĩ của tổ chức hoạt động xã hội BAPS đã đến với họ, dựng bếp tập thể, nấu cơm và các món rau phân phát cho những đoàn người xếp hàng dài bất tận. Bếp từ thiện này hoạt động ngày đêm, trong khi tình trạng điều tàn của vùng động đất cho thấy rằng nạn nhân của trận động đất còn phải trông cậy vào cứu trợ trong nhiều tháng.

El Salvador lại động đất

Số nạn nhân chết trong trận động đất thứ nhì tại El Salvador,

cường độ 6.6 độ Richter, vào đầu tháng 2.1001, khi dân chúng trên đường đi làm.

Trong trận động đất trước hồi tháng 1.2001, cường độ 7.6, El Salvador đã khiến 844 người chết, hàng ngàn người bị thương. Trận tháng 2 có 173 người chết, 1557 người bị thương, 200 ngôi nhà sập, chính quyền đã ban hành lệnh giới nghiêm sau 7 giờ tối để hạn chế tệ nạn hôi của.

từ thành đến tỉnh



Vợ chồng Bill Clinton dọn đồ gỗ ở toà Bạch-ốc

Giới truyền-thông và chính-khách Mỹ phàn-nàn về vụ cựu Tổng-thống Bill Clinton và bà nghị Hillary đã dọn đi một số đồ gỗ và tặng vật giá-trị thuộc tài-sản quốc-gia ở toà Bạch-ốc, sau khi ông Clinton mãn nhiệm-kỳ. Những vật-sản này nằm trong khu-vực lưu-trú của ông Clinton; phía bên cựu PTT Al Gore không có điều gì để than-phiền.

Sau khi bị phanh-phui, ông bà Clinton hứa sẽ ký chi-phiếu "bồi-hoàn" một món tiền, thay vì trả lại đồ-đạc.

Sở Quản Trị Công viên Quốc gia (National Park Service), cơ-quan quản thủ tài-sản toà Bạch ố, cho biết, các đồ vật này đã bị xe vận-tải chở đến tận nhà của ông bà Clinton ở

Chappaqua, New York.

Ngoài vụ đồ gỗ, ông Clinton còn bị than-phiền về vụ lạm quyền tổng-thống, ký giấy ân-xá cho một tay tử phạm tội trốn thuế, buôn bán với kẻ thù trong thời chiến tranh vùng Vịnh và đang đào tẩu, chỉ trong hai giờ đồng hồ trước khi mãn-nhiệm. Dư-luận Mỹ quả-quyết rằng ông bà Clinton có lợi-lộc cá-nhân trong việc ân-xá này.

Đười ươi biết tự học

Sở Thú Tama của Tokyo đã chứng minh được rằng loài khỉ chimpanzee có khả năng tự học bằng cách bắt chước những hành vi của loài người, không cần phải được người dạy.

Thật vậy, con khỉ cái Chipo 5 tuổi đã biết cách mua 1 lon nước trái cây ở máy bán nước giải khát, báo chí đã được Sở Thú mời tới chứng kiến. Tới nay, chỉ mới có một mình con Chipo trong đám khỉ chimpanzee biết các mua nước uống ở máy tự động, có thể nó sẽ dạy lại cho đồng loại. Nhưng các nhân viên sở thú nhận thấy những con khỉ khác không học theo Chipo, mà tìm cách trộm lon nước ngọt của Chipo.

Dĩ nhiên, học thao tác của loài người không phải là dễ đối với khỉ, vì lẽ bàn tay của khỉ không giống bàn tay người. Chuyên viên Motoyasu cho biết sau khi sửa lại khe đứt tiền ở máy bán nước ngọt, con khỉ Chipo đã thao tác thành công. Máy tự động bán nước ngọt được kê sát chuồng khỉ từ mùa hè năm ngoái để thử nghiệm.



trong làng

Tin Đại-Hội RCC Tái-Lập Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại

Tất cả 11 trong tổng-số 12 Trung-tâm Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại đã gửi danh-sách đại-biểu, hoặc ủng-hộ việc Văn Bút Quốc-Tế và Trung-tâm Miền Đông tổ-chức Đại-hội bất-thường RCC Tái-Lập Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại, nhóm tại Virginia ngày 24 và 25.3.2001 sắp tới.

Các Trung-tâm này gồm: Sydney (CT Bùi Xuân Vũ), Âu-châu (Tư Nguyên), Miền Đông Hoa-kỳ (Nghieu Minh), Nam Hoa-kỳ (Phạm Ngũ Yên), Florida (Nguyễn Đức An), Georgia (Hoàng Duy Hùng), Louisiana (Trần Văn Hát), Nam California (Trần Thy Vân), Bắc California (Vũ Quang Trân) và Ontario (Khải Chính). Riêng Trung-tâm Québec (Trang Châu) không cử đại-biểu đi họp, nhưng đóng-góp Đại-hội-phí và niên-liêm hội-viên năm 2000 và 2001 theo đòi-hỏi của VBQT.

Mục-dịch chính của Đại-hội bất-thường RCC là bầu Ban Chấp-hành duy nhất cho Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại, chấm dứt vụ khủng-hoảng nội-bộ kéo dài đã hơn 5 năm và khiến cho tổ-chức bị VBQT coi là ngưng hoạt-động (dormant).

Được biết, ông Terry Carlbon, Tổng Thư-ký Văn Bút Quốc-Tế và bà

Joanne Leedom-Ackerman, PCT của tổ-chức này sẽ cùng có mặt tại Đại-hội.

Nếu Đại-hội bất-thường RCC thành-công, Văn Bút VNHN sẽ lấy lại tiếng nói của người Việt tự-do trên diễn-đàn quốc-tế này, qua kỳ Đại-hội VBQT tại Macedonia vào cuối tháng 9 năm nay. Nếu Đại-hội thất-bại, nhiều phần Văn Bút VNHN sẽ bị trục-xuất khỏi VBQT, cũng trong tháng 9.

Văn Bút Georgia bầu xong tân Ban Chấp-hành

Trung-tâm Văn Bút VN tại Georgia, Hoa-kỳ, đã bầu xong ban Chấp-hành mới vào đầu tháng 2 vừa qua, thành-phần như sau:

- Chủ-tịch: LS Hoàng Duy Hùng
- Đệ I PCT: Trần Văn Hùng
- Đệ II PCT: Nguyễn Tư Đồ
- Tổng Thư-ký: Nguyễn Xuân Vinh.

- Thủ-quy: Chiêm Thị Hạnh.

Ban Giám-sát, có: Trần Chung, Nguyễn Kỳ Thanh, Hoài Quốc.

Ban Cố-vấn, có: Dương Ngọc Anh, Thanh Tâm, Hùng Tâm và Mục-sư Nguyễn Thanh Liêm.

Văn Bút VN Ontario họp thường-niên

Trung-tâm Văn Bút VN Ontario tổ-chức họp thường-niên vào chiều Thứ Bảy 24.2.2001 tại văn-phòng Hội.

Chương-trình họp gồm việc thảo-luận về Đại-hội Văn Bút VNHN ngày 24.3 sắp tới, kiểm-điểm công-tác trong năm, theo dõi chương-trình sinh-hoạt năm 2001, định ngày Đại-hội Trung-tâm vào cuối năm, và cuối-cùng là ăn tối, văn-nghệ bỏ túi.

Buổi họp mặt có nhiều hội-viên tại Toronto, Mississauga và từ các nơi xa về như London, Ottawa, cả Philadelphia,...

Giờ phát-thanh “Văn Học Nghệ-Thuật Làng Văn”

Bắt đầu từ 9 giờ 30 tối Chủ-nhật 18.2, Giờ Văn-Học Nghệ-Thuật Làng Văn sẽ bắt đầu phát-thanh trên hệ-thống đài Việt-Nam Hải-Ngoại tại 18 thành-phố Hoa-kỳ, gồm: Atlanta, Austin, Baton Rouge, Boston, Dallas, Arlington (TX), Jacksonville, New Orleans, Philadelphia, Portland, San Diego, St. Petersburg, Tampa, Falls Church, Fairfax, Arlington (VA), Baltimore và Washington DC.

Biên-tập-viên kiêm xướng-ngôn-viên chính của chương-trình là Nguyễn Hữu Nghĩa và Nguyễn Hương.

Giờ Văn-Học Nghệ-Thuật bao gồm tin văn-nghệ, giới-thiệu tác-phẩm mới, phỏng-vấn văn-nghệ-sĩ, thơ, nhạc và các chương-trình đặc-biệt.

Kính mời quý độc-giả đón nghe.

Cười lăn

Cả Cười, tác-giả giữ mục “Cười Chết Bỏ” của Làng Văn vừa cho in tập truyện cười thứ 9 của anh: *Cười lăn*, sau các cuốn *Cười cho đời lên hương*, *Cười cho đời đỡ khổ*, *Cười chạy*, *Cười mặn*, *Cười đỏ*, *Cười tím*, *Cười toe* và *Cười khi*.

Như các tập trước, *Cười lăn* dày 128 trang, giá 7 mỹ-kim (11 gia-kim). Quý độc-giả muốn giải-trí lành mạnh, sưu-tập truyện cười để giúp vui trong đám tiệc, họp mặt... xin mời đón xem.

Đợt sách mùa Xuân năm 2001

Làng Văn đang chuẩn bị lên khuôn đợt sách mùa xuân năm 2001 với các tác-phẩm mới của Nguyễn Hoài Phương, Phương Liên (Nguyễn Chính Nghĩa), Việt

Phương, Võ Phước Hiếu, Cao Xuân Lý, Nguyễn Mạnh An Dân,...

Ngoài ra, về sách tái-bản, cuốn *Truyện Kiều và Tuổi Trẻ* của Lê Hữu Mục, Phạm Thị Nhung và Đặng Quốc Cơ, đang được in lại.

ngoài xã



Đại-hội kỷ-niệm 50 năm thành-lập quân-trưởng Thủ Đức

Các hội cựu sinh-viên sĩ-quan trừ-bị Thủ Đức (và Nam-định, Đồng-đế, Long-thành) sẽ tổ-chức Đại-Hội Cựu SVSQ Trừ-Bị Hải-Ngoại vào các ngày 16 và 17.6.2001 tại vùng thủ-đô Hoa-thịnh-đốn, Hoa-kỳ.

Nhân dịp này, Đại Hội sẽ phát-hành đặc-san *50 Năm Thủ Đức / Nam Định*. Bài vở gửi về: Nguyễn Bửu Thoại, 13219 Chrisman Rd., Houston, TX 77039, USA, vi thư (trước ngày 30.4.2001): thoaignuyen@hotmail.com

Chi-tiết Đại-hội, liên-lạc: Trần Thiện Hiệu, 8107 Viola St., Springfield, VA 22152, USA; vi-

thư: <hieutran1@juno.com>

Họp mặt SVSQTB Thủ Đức vùng Ontario, Gia-nã-đại

Hội SVSQ Trừ-Bị Thủ Đức vùng Ontario đã tổ-chức họp mặt tân-niên hôm 17.2.2001 tại nhà hàng Phước Lộc Thọ, Toronto để nghe báo-cáo tài-chính, tường-trình sinh-hoạt và thông-báo chương-trình 30 tháng 4.

Buổi họp mặt có phần văn-nghệ chính-huấn, quê-hương và dạ vũ, với ban nhạc *The Mist* trong Gia-đình Cư An Tư Ngụy.

Trong số các thành-viên Hội Thủ Đức Ontario đến dự, ngoài các ông Trần Ngọc Xương, Sa Xuân Vũ, Lâm Thanh Liêm, Bàng Hải Hoàng, Nguyễn Văn Tấn trong Ban Chấp-hành; Lê Quang Mẫn, Nhan Ngọc Sơn trong ban Cố-vấn; Nguyễn Hữu Nghĩa, Tạ Sơn Quang trong Ban Giám-sát, còn có các ông Khải Chính Phạm Kim Thư, Trần Quang Khôi, Nguyễn Hữu Hùng, Đàm Kính, Trần Quý Thiện,... và nhiều khuôn mặt cộng-đồng khác.

Dựng tượng 1 cựu lính Mỹ bị VC xử tử

Hội đồng thành phố Alexandria, tiểu bang Virginia đã đồng ý thông qua việc cho phép dựng tượng tưởng niệm một cựu chiến binh Hoa Kỳ bị Việt cộng xử tử sau 23 tháng bị cầm tù tại miền Nam Việt Nam, ngay tại một trung tâm giải trí đông người qua lại ở Mount Vernon.

Đại úy Humbert Roque Rocky cư ngụ tại Alexandria, tốt nghiệp đại học quân sự West Point và dự trù trở thành một linh mục Thiên Chúa giáo, sẽ trở lại Việt Nam để phục vụ cũng như giúp đỡ các trẻ em mồ côi ở miền Nam Việt Nam. Ông đã bị Cộng sản bắt cóc tại

một tỉnh miền Nam và cầm giữ như một tù binh trong suốt 23 tháng trước khi bị đem ra hành quyết cùng với một tù binh Mỹ khác để trả đũa việc chính phủ Việt Nam Cộng Hòa đã xử tử hình 3 tên Việt cộng trước đó. Năm đó ông mới 27 tuổi. Xác của ông cho đến nay vẫn chưa tìm ra.

Người Việt ở Nga bị tấn công

Thời gian gần đây, người Việt đột nhiên trở thành mục tiêu tấn công của báo chí và các tổ chức phát xít mới ở Nga. Hơn một tháng qua đã có một người tử nạn và ba người phải đi nằm viện vì bị bọ đầu trọc và côn đồ tấn công. Đầu tháng 11.2000, hai tờ báo lớn của Mạc Tư Khoa là tờ Người đoàn viên Moskva (MK) và Moskva buổi chiều (VM) đăng bài công kích cộng đồng người Việt, gán cho người Việt tất cả những tội xấu từ buôn bán rận rệp, ma túy, mãi dâm đến tội phạm.

Khi những người Việt sống ở ốp Sôkol trên phía bắc Mạc Tư Khoa bị du côn Nga tấn công, một xe cảnh sát có mặt ở đó nhưng không hề can thiệp mà còn bắt bớ những người Việt chạy đến hỗ trợ đồng hương của mình để bọn du côn kịp thời chạy thoát. Các phóng viên và các nhà bảo vệ nhân quyền ở Nga từ lâu đã nhận thấy cảnh sát Nga luôn tìm cách bao che cho các tổ chức cực đoan vì họ cũng đồng tình với khẩu hiệu bài trừ ngoại kiều của các tổ chức cực đoan này.

Các tổ chức nhân quyền của Nga cho biết chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, bài người nước ngoài ở Nga đang có chiều hướng gia tăng đáng lo ngại. Trong buổi hội thảo lần thứ nhất về vấn đề phân biệt chủng tộc tại Mạc Tư Khoa, có hơn 100 tổ chức nhân quyền

ngoài chính phủ tham dự. Tất cả đều cho rằng, chính đường lối của chính phủ hiện nay đã làm nảy sinh ra sự kỳ thị giữa các dân tộc. Luật pháp hiện nay không đủ điều luật để chống lại các hình thức kỳ thị chủng tộc hữu hiệu. Và thậm chí nếu có luật thì người ta cũng không coi trọng nó. Các quan tòa, công tố viên và các cơ quan cảnh sát thường coi nhẹ các hành động quá khích của thanh niên và các tổ chức phát xít mới. Ngay cả một số tờ báo lớn của Nga cũng không ngần ngại đăng những bài báo, những tựa bài đầy miệt thị người nước ngoài, kích động lòng kỳ thị của dân Nga.

Các tổ chức nhân quyền đã kêu gọi chính phủ và Tổng thống Putin hãy thông qua gấp các điều luật chống kỳ thị dân tộc, sửa đổi những điều luật hiện hành cho phép phân biệt đối xử giữa các dân tộc và phải xét xử nghiêm khắc hơn nữa với những hành động quá khích, kỳ thị màu da, dân tộc.

Luật di dân mới cho người thuộc diện P.P

Vào ngày 6 tháng 11 năm 2000, Tổng thống Bill Clinton đã ký một đạo luật mới tạo điều kiện dễ dàng hơn cho những di dân thuộc diện P.P. đến từ Việt Nam, Cam Bốt và Lào có thể nộp đơn để trở thành thường trú nhân hợp pháp và được cấp thẻ xanh. Trong các bộ luật Public Law 106-429, the Foreign Operations, Export Financing, và Related Programs Appropriations Act năm 2001, nêu rõ là chính phủ cho phép 5000 di dân thuộc diện P.P. mà hầu hết đều đã sống tại Mỹ trên 10 năm được trở thành thường trú nhân.

Dưới đây là bản tóm lược những điều khoản chi tiết của đạo

luật mới:

1. Những di dân thuộc diện P.P. đến từ Việt Nam, Cam Bốt hoặc Lào đã được điều tra và cho phép nhập cư vào Hoa Kỳ trước ngày 1 tháng 10 năm 1997 có thể nộp đơn xin trở thành thường trú nhân.

2. Ngày trở thành thường trú nhân và ngày cấp thẻ xanh sẽ được tính kể từ ngày các di dân thuộc diện P.P. này nhập cư vào Hoa Kỳ. Vì thế, hầu hết những di dân trong diện này sẽ hội đủ điều kiện để nộp đơn xin vào quốc tịch ngay lập tức.

3. Di dân diện P.P. phải nộp đơn xin thẻ xanh trong vòng 3 năm sau khi được Sở Di Trú thông báo và phải đóng một khoản lệ phí để hội đủ điều kiện trong điều khoản mới này.

4. Tất cả các di dân diện P.P. đang hoặc sẽ hưởng những quyền lợi công cộng đều có đầy đủ tiêu chuẩn để xin thẻ xanh. Do đó, bản khai bảo trợ sẽ không còn cần thiết nữa.

5. Miễn những giấy tờ yêu cầu. Những di dân diện P.P. không có chiếu khán di dân (I-94) còn hiệu lực, re-entry permit, và hộ chiếu chưa hết hạn giờ đây có thể nộp đơn xin thẻ xanh.

Nếu bạn tin rằng mình có đủ tiêu chuẩn để hưởng luật mới này hoặc có thắc mắc liên hệ, có thể liên lạc Asian Law Caucus, Inc. tại số (415) 391-1655.

CSVN bị Liên Đoàn Nhân Quyền Quốc Tế tố cáo

Liên Đoàn Nhân Quyền Quốc Tế (FIDH) sau 5 ngày họp, bế mạc ngày 14.1.2001, đã tố cáo 16 nước châu Phi, Cận Đông, châu Mỹ la tinh, và châu Á, trong đó có CS Việt Nam đã chà đạp nhân quyền. Lời tố cáo này được đưa ra trong đại hội lần thứ 34 của

FIDH tổ chức tại Casablanca, Marroco.

Đại hội của FIDH tập trung dưới chủ đề: "Toàn cầu hóa và sự loại trừ", tái xác nhận các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa phải được lắng nghe và phê chuẩn như là một quyền hiệu dụng.

Riêng đối với chế độ Hà Nội, liên đoàn FIDH đã đưa ra một nghị quyết khẩn cấp lên án những hành động vi phạm đến quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và tự do tôn giáo tại Việt Nam.

Xóm homeless Việt Nam tại San Jose

Ba mươi năm trước, thế giới hoàn toàn không biết San Jose ở đâu. Trong khi San Francisco nổi tiếng với cầu Golden Gate và bài ca thời danh "*I Left My Heart in SF*" (Tôi để trái tim ở lại San Francisco) thì chỉ rất ít người biết đến bài "*Do You Know The Way To San Jose*" (Anh có biết đường nào đi San Jose). Bước vào năm 2001 thì mọi thứ đã khác hẳn. San Jose bây giờ đông dân hơn San Francisco, trở thành kinh đô của điện tử toàn thế giới. Dân San Jose có tỷ lệ khoa bảng cao nhất thế giới với 42% cư dân trên 25 tuổi có bằng cử nhân. Riêng về dân số Việt Nam, San Jose là thành phố có đông người Việt cư ngụ nhất trên toàn quốc Hoa Kỳ, chiếm 10% tổng số trên 1 triệu dân.

Có một điều khá đặc biệt là dù thành phố trí thức, điện toán và giàu có đến đâu thì luôn luôn vẫn có những khách giang hồ không nhà. San Jose cũng không ra ngoài thông lệ đó. Không những thế, vấn nạn nhà cửa khan hiếm đã làm gia tăng con số homeless tại đây. Con số ước lượng khách giang hồ tại San Jose vào khoảng 20.000 người. Trong khi đó phương

tiện xã hội chỉ cung cấp được các nơi tạm trú cho toàn vùng là 2,500 chỗ ngủ, tức là hơn 10%.

Thêm một điều đặc biệt khác nữa là cộng đồng ta tuy có khá đông người lợi tức thấp nhưng có vẻ không có người homeless. Trong suốt 9 năm qua, chương trình Thực Đơn Thân Ái của IRCC, Inc. nhằm cung cấp bữa ăn nóng theo kiểu Việt Nam cho khách giang hồ không nhà tại các trung tâm cơm xã hội tại San Jose, không thấy có homeless Việt Nam xuất hiện. Mỗi tháng một lần hoặc đôi khi hai lần vào tối thứ Bảy, các đoàn thể tình nguyện luân phiên đem thức ăn nóng kiểu Việt Nam đến khu tạm trú gần San Jose Arena. Chả giò, gà nướng, cơm chiên, rau trộn, trái cây, bánh tráng miệng, nước ngọt, cà phê, sữa v.v... Mỗi người một khay, ăn xong có quyền đi vòng thứ hai hay thứ ba. Mỗi tối thứ Bảy có chừng 250 đến 300 thực khách. Đa số là đàn ông thanh niên, đôi khi đàn bà, có cả gia đình với trẻ em. Có người đi xe hơi. Đa số là đi bộ. Thực khách rất lịch sự. Ăn uống trong yên lặng và trật tự. Phần lớn là Mỹ trắng, một số gốc Mễ, da đen hay Nam Mỹ. Rất ít người Á Châu. Hiếm hoi có một người Việt Nam. Khách chỉ cần xếp hàng, ghi danh và lấy khay ăn đi qua quầy thực phẩm. Các thiện nguyện viên Việt Nam mặc áo yếm, đội nón nhà bếp, đeo găng plastic múc đồ ăn cho thực khách. Nhà hàng và quan khách chuyện trò vui vẻ.

Danh sách quan khách có đủ loại tên họ. Ghi tên là ghi tên. Không ai điều tra căn cước gì cả. Có anh ghi là Bill Clinton, nhưng chỉ đi có một mình. Một anh Mỹ Đen thuộc ban tình nguyện ghi danh đã hỏi thăm: Thế bà đệ nhất phu nhân đâu? Đáp rằng nàng còn bận ở Nữ Ước. Có anh chàng mặt

mũi như tướng cướp ký tên là Saddam, nhưng giọng nói nhỏ nhẹ, hiền khô.

Cho đến cuối năm 2000, tình cờ chúng tôi khám phá ra 1 xóm toàn dân không nhà Việt Nam tại San Jose. Tuy không đông đảo lắm nhưng quả nhiên là đã có một xóm như vậy.

Người Việt khi rời nước ra đi tìm tự do và một cuộc sống sung túc tại Hoa Kỳ - bằng con đường bán chính thức, vượt biển hay đoàn tụ - đều biết rằng sẽ phải làm việc để sinh tồn tại Mỹ, nhưng chắc không ai nghĩ rằng một ngày nào đó tại đất nước văn minh và giàu nứt thề giới này, họ lại có thể là những người vô gia cư cùng khổ.

Cảnh sát viên San Jose Phạm Lưu cho hay số lượng người không nhà Việt Nam gia tăng nhiều trong vòng hai năm trở lại đây.

Xóm này nằm cạnh con lạch nhỏ của khu rừng thưa bên Kỳ Đài Capitol Expwy cũ bây giờ đang ủi đất làm sân gôn. Càng đi sâu vào càng thấy có nhiều khu lều của những khách không nhà đủ mọi sắc tộc. Xóm Mễ, xóm Mỹ Đen và xóm Việt Nam.

Khu lều đầu tiên là của 3 thanh niên đã đến Hoa Kỳ theo diện con lai. Hai người lai Mỹ đen, nhưng màu da chỉ đậm đà sắc dân Hải đảo và 1 anh lai Mỹ trắng tóc hung mắt xanh. Anh Minh còn trẻ nhất 27 tuổi cho biết có cha mẹ ở Nam Cali nhưng đã quen bụi đời từ Việt Nam. Lúc còn nhỏ anh đi bán nước ở xa cảng miền Tây nên qua đây sống như vậy cũng là chuyện thường. Minh có giọng nói rất trầm ấm tưởng như có thể luyện để ngâm thơ được. Nguyễn Hùng ngoài 30 tuổi được coi là liên lạc viên và phát ngôn viên của nhóm. Phạm Dũng 35 tuổi, là niên trưởng mắt xanh, tóc hung

trước đây ở quận Tư Saigon. Cả ba ngủ trong một căn chòi thấp vừa lợp tôn, vừa lợp plastic ngay bên bờ suối. Phạm Dũng tuần trước có 1 "dinh cơ" khá nên thơ bên bờ suối bị cháy rụi nên đã phải qua tá túc bên "cư xá" của Hùng. Dù dinh thự hay cư xá thì cũng chỉ là những lều tạm trú xác xơ bằng giấy hay plastic đúng tiêu chuẩn Homeless Hoa Kỳ. Một bếp đã chiến được đốt lên. Bữa ăn bắt đầu bất kể là ăn sáng hay ăn trưa vào lúc 10 giờ của một ngày sương mù còn đầy đặc chưa tan hết. Nước sôi reo trong 1 cái nồi nhôm, Minh bỏ vào đó đủ loại mì gói và đập cả mấy quả trứng gà. Cái muổng duy nhất được chùi qua loa rồi truyền tay nhau. Cúi rùng kêu lách cách. Phạm Dũng nói rằng mùa đông năm nay rất đỡ. 99 vừa qua cũng không tệ. Năm 98 mới thật khổ.

Vừa lạnh, vừa mưa gió nồm nùng. Hùng cho biết là tổng số homeless Việt Nam có chừng 8 lều ở 8 khu. Mỗi khu như vậy coi như 1 hộ có chừng 2 hay 4 người. Thường thì dân homeless Việt Nam đi làm theo kiểu công nhật. Ai cần gọi thì đi. Phần đông là hẹn hò ở ngoài khu Senter. Đi theo các đầu nậu cắt cỏ làm vườn. Phạm Dũng nói là mùa Đông thì ít việc. Tuy nhiên thực ra nhu cầu ăn, mặc không thành vấn đề. Áo quần cũ xin đâu chẳng có. Ăn uống thì không hết bao nhiêu. Duy chỉ cái nạn chia phòng 400 đô-la một chỗ vừa đắt, vừa khó kiếm. Sống ở rừng quen rồi, bây giờ vào chia phòng dù có tiền cũng khó có người chấp nhận.

San Jose cũng như nhiều thành phố lớn khác của Mỹ đều có nạn những người vô gia cư sống lang thang ngoài đường phố. Có người mất nhà cửa vì nghiện ngập hay bài bạc, có người vì xung đột trong gia đình và tại San Jose thì

lại có thêm một lý do đặc trưng khác: tiền nhà quá đắt khiến họ không chịu nổi và phải đến cầu cứu các shelters cho tạm trú.

Điều đáng quan ngại là tình hình không nhà tại San Jose ngày càng trở nên trầm trọng đối với những người có lợi tức thấp hay không có lợi tức căn bản. Theo lời các tổ chức thiện nguyện thì nạn homeless tại vùng Thung Lũng Điện Tử gia tăng 23% trong vòng 5 năm qua. Điều khá trớ trêu là ngay cả những người có công ăn việc làm cũng không muốn được một căn phòng để ở và phải chung phòng. Nếu chẳng may bị thất nghiệp là mất hết, cả chiếc xe lẫn căn phòng đôi khi luôn cả gia đình. Con số thống kê cho biết năm 1999 đã có 50 người chết ngoài đường và năm vừa qua con số là 32 người.

Chúng tôi lần lượt đi thăm các lều Việt Nam quanh con suối. Nhiều lều tạm trú vắng vẻ vì gia chủ đi làm. Quần áo cũ phơi ngay chung quanh. Một vài lều có xe chợ "parking" ngay bên cạnh để sử dụng khi cần. Có ít nhất là ba cặp nam nữ khá tình tứ. Có một chàng trẻ tuổi Việt Nam cặp với một nàng tóc vàng mắt xanh vẻ mặt hiện rõ nét bụi đời.

Các anh em Homeless Việt Nam thường không muốn hòa đồng với nhóm homeless khác. Họ cũng không thích đến xếp hàng ăn free hay ở trọ tại các khu tập trung của cơ quan xã hội dưới Downtown. Khác hẳn với một số homeless bị bệnh thần kinh hay chơi cần sa ma túy, các nhóm này chỉ dứt khoát là homeless thuần túy. "ABC, không có nhà đi ở thuê, không có tiền thì chủ chê, thế là em thành homeless". Chuyện giản dị có thể. Vì homeless nên không có địa chỉ chắc chắn, khó xin việc. Cơ quan IRCC đang dự trù tìm việc cho một số anh em

và sẽ cho dùng địa chỉ của cơ quan để làm chỗ liên lạc. Một nhu cầu khác nữa là khám bệnh. Hiện nay số homeless Việt Nam tại San Jose tạm thời ghi nhận mới có vài chục người. Hy vọng có bác sĩ Việt Nam nhân đạo nhận khám bệnh miễn phí ít nhất trong giai đoạn chuyển tiếp.

Bị quít lương, công nhân VN ở Samoa kêu cứu

Hơn 200 công nhân hầu hết là thợ may phụ nữ gửi thư cầu cứu tới nhà cầm quyền CSVN xin giúp đỡ để về nước vì họ đã bị chủ Đại Hàn bỏ rơi và các hãng dịch vụ quốc doanh đưa họ đi cũng chẳng làm được gì. Cơm ăn, chỗ ở trông nhờ vào lòng từ thiện và an ninh mạng sống không được bảo đảm.

Công ty Daewoosa (hãng thầu may mặc Đại Hàn) nợ lương công nhân nhiều tháng không trả. Đã vậy, còn ép họ làm việc quá độ trái với hợp đồng lao động đã ký kết. Một số công nhân Việt bị đánh trọng thương, có phụ nữ bị đánh mù mắt.

Những rắc rối giữa chủ Đại Hàn tên Kil Sơ Lee và đám công nhân làm nghề may kéo dài hơn năm qua từ khi họ được đưa tới hòn đảo này để bán sức lao động, khiến bộ Lao Động Mỹ và một dân biểu Hoa Kỳ phải can thiệp. Bản phúc trình của bộ Lao Động Mỹ cho biết những công nhân Việt bị đối xử rất tồi tệ, đa số bị thiếu ăn, đến nỗi họ có thể được mô tả là những bộ xương biết đi. Thực đơn mỗi ngày dành cho các công nhân chỉ gồm có cơm và rau cải. Một giám đốc đã xác nhận rằng công ty đã dùng biện pháp hạn chế thức ăn để trừng phạt các công nhân. Daewoosa chuyên sản xuất quần áo mang nhãn hiệu như JC Penney, Sears và Target. Công nhân được trả lương dưới mức tối

thiểu qui định, bị ép buộc lao tác 18 tiếng đồng hồ một ngày, ngoài ra còn bị ức hiếp trong các vấn đề tình dục và thể xác.

Frank Strasheim, một viên chức có 28 năm làm việc với cơ quan An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp của Hoa Kỳ (OSHA), đang kết thúc cuộc điều tra về tình trạng làm việc tại công ty Daewoosa vào tháng tới, đã cho hay: "Tôi chưa hề gặp phải một tình trạng như thế này bao giờ. Đây là chuyện giống như ta được thấy trong những cuốn phim - các công nhân bị đánh đập, bị cúp thực phẩm, rồi giới nghiêm. Thật đáng kinh ngạc."

Hợp đồng với phía tuyển mộ Việt Nam - Cơ sở Cung cấp Nhân lực Quốc tế (IMS) - bảo đảm rằng các công nhân sẽ kiếm được số lương hàng tháng tối thiểu là \$408, cộng thêm tiền trả cho công việc làm phụ trội. Daewoosa bao luôn chi phí ăn ở. Sau khi hoàn tất hợp đồng ba năm, các công nhân sẽ nhận được tiền máy bay từ đảo Samoa thuộc Hoa Kỳ trở về nước. Nhưng khoảng phân nửa lương của các công nhân bị giữ lại để trả cho cơ sở IMS về khoản chi phí \$5,000 cho việc tuyển mộ, làm thủ tục chiếu khán và chuyển chở. Nếu một công nhân không hoàn tất công việc đúng thời hạn, hợp đồng này buộc các thân nhân của cô tại Việt Nam phải trả khoản tiền \$5,000 cộng thêm tiền vé máy bay về nước - tức là thêm \$1,000 nữa bởi vì vị trí xa xôi của Samoa. Nhiều công nhân đã than phiền rằng họ chưa nhận được một đồng tiền nào cả.

Grover Joseph Rees, cố vấn tiểu ban Hạ Viện về Nhân Quyền, đã quy trách những cơ sở tuyển mộ của Việt Nam là gây ra hoàn cảnh đáng buồn cho các cô thợ may và nói rằng các công nhân này có thể đủ điều kiện để xin tị

nạn chiếu theo một đạo luật mới của Hoa Kỳ, trong đó chấp nhận dung dưỡng các nạn nhân của những vụ buôn người.

Ngày 12 tháng Giêng, một vị chánh thẩm đã tách công ty Daewoosa khỏi chủ nhân Nam Hàn Lee Kil-Sơ và giao công ty này cho một nơi thụ nhận, tức là một hình thức bảo vệ phá sản của Samoa thuộc Hoa Kỳ. Ông Lee sẽ phải quyết định coi nên bán những tài sản của công ty hay là bị mất luôn công ty!

Jim Fones, giám đốc một thủy xưởng của Samoa, được giao trách nhiệm trông coi công ty Daewoosa và đã đóng cửa công ty ngày 18 tháng Giêng bởi vì ông không có tiền để mua vật liệu hoặc trả lương công nhân.

Một vài cô thợ may đã kiếm được việc làm là giúp việc trong nhà. Một số ít bị bắt gặp trong lúc đang ăn trộm dừa và chuối của các vườn cây, khiến cho mối quan hệ với người bốn xứ Samoa bị sút mẻ. Hầu hết đều trồng cây vào những vụ nhà thờ cho không thực phẩm.

Đại học Phật giáo sẽ khai trương ở Mỹ

Đại học Soka University tại thành phố Aliso Viejo, quận Cam, California sẽ chính thức khai giảng khóa đầu tiên vào mùa thu năm 2001.

Tiến sĩ Daniel Habuki, hiệu trưởng trường đại học, phát biểu, "Chúng tôi tự hào là đại học tư đầu tiên xây dựng một khuôn viên đại học hoàn chỉnh tại miền nam quận Cam". Đại học Soka University thuộc Aliso Viejo (SUA) hiện đang trong giai đoạn hoàn tất 18 toà nhà trong khuôn viên đại học rộng 103 mẫu (acres) trên đường Wood Canyon Drive, phía nam thành phố Aliso Viejo.

Giám đốc thư viện, ông John Sheridan, người từng quản lý thư viện đại học Colorado College, cho biết thư viện sẽ có 225.000 bộ sách và một cơ sở lưu trữ những bộ sách quý hiếm. Đại học SUA sẽ là đại học đầu tiên hoàn toàn “không có chìa khoá” (keyless campus) ở California nhờ sử dụng kỹ thuật “Thẻ Thông Minh” (Smart Card) và được kỳ vọng là đại học tiến bộ nhất về kỹ thuật trên toàn quốc. Đại học Soka University, Aliso Viejo sẽ mở cửa đón chào những sinh viên ưu tú với tỷ lệ 1 giáo sư cho 9 sinh viên và các lớp học nhỏ với tinh thần phục vụ. Học phí cho một năm và tiền nội trú là \$24.000 (bao gồm \$16.500 tiền học, \$7.500 nội trú và ẩm thực) cho khóa đầu. Trường cũng có chương trình trợ giúp tài chính cho những ai cần trợ giúp.

Đại học Soka University do ông Daisaku Ikeda, chủ-tịch của hội Quốc Tế Soka Gakkai International, sáng lập. Đây là một tổ chức của cư sĩ Phật tử với thành viên có mặt trên 128 nước, dẫn thân cho các hoạt động có tính cách đem lại hoà bình, văn hóa, và giáo dục theo tinh thần kinh Pháp Hoa và giáo huấn của đức Nhật Liên Thánh Nhân.

Muốn biết thêm chi tiết về trường xin đến thăm trang nhà của SUA tại www.sokaedu hay gọi (949) 472-3051, hoặc email wwharder@sokaedu.

Nghị viên Tony Lâm kiện thành phố Westminster

Nghị Viên Tony Lâm đã chính thức kiện thành phố Westminster, để đòi tiền bồi thường liên hệ đến vụ biểu tình bên ngoài nhà hàng của ông. Tony Lâm cho rằng vì ông tuân lời cố vấn của thành phố, không xuất hiện trong vụ biểu tình chống cờ Việt Cộng vào

đầu năm 1999 nên đưa đến hậu quả là tiệm ăn của ông đã bị biểu tình trong suốt hai tháng.

Trong hồ sơ được nộp tại Tòa Thượng Thẩm Hạt Orange County thì ông Tony Lâm đòi được bồi thường tiền luật sư. Nội vụ đang trong vòng thương lượng.

Cựu quân nhân Hoa Kỳ ủng hộ việc treo cờ VNCH trên tượng đài Việt-Mỹ

Hội Cựu Chiến Binh Hoa Kỳ Tham Chiến trong chiến tranh Việt Nam, Chi bộ 785 thông báo là tất cả hội viên đã đồng loạt ủng hộ mạnh mẽ và kêu gọi treo Quốc-Kỳ Việt Nam Cộng-Hòa và Hoa Kỳ suốt ngày đêm trên Tượng Đài Quân-Nhân Việt-Mỹ sẽ được khởi công xây cất gần Tòa Thị Chính Thành Phố Westminster, California, Hoa Kỳ.

Hai bức tượng trên tượng đài gồm 1 quân nhân VNCH và 1 quân nhân Hoa Kỳ cao 11 feet, thiết trí trên bệ cao 5 feet, với trang phục nguyên thủy; đã được một vị tướng Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ và một vị cựu tướng lãnh Việt Nam Cộng Hòa duyệt xét và chấp thuận.

Học sinh Việt được khen

Trong năm, lại thêm hai học-sinh Á-châu được dân-biểu Tony Ruprech khen-thưởng về lòng tử-tế, tôn-trọng cảm-nghĩ của người



khác, sẵn-sàng giúp-đỡ trẻ em và người lớn tuổi, có tinh-thần trách-nhiệm với cha mẹ, thầy cô và bạn học.

Các em này là Ngô Karen (lớp 6) và Liu Hua Wei (lớp 5) trường Tiểu-học Dovercourt.

Gái Việt bị đưa vào Mỹ bán dâm

Theo tin của hãng APB, 29% di dân lậu từ Á Châu vào Hoa Kỳ là người Việt Nam.

Theo tường trình của cảnh sát liên bang FBI, các tổ chức tội phạm Á Châu đã đưa lậu người vào Hoa Kỳ, phân loại như sau: 45% là người Trung quốc, 29% người Việt Nam, 7.3% Đại Hàn, phần còn lại là Nhật, Phi Luật Tân, Thái, Lào, Cam Bốt.

Các tổ chức tội phạm đóng một vai trò phức tạp trong việc buôn lậu phụ nữ Á Châu vào Hoa Kỳ và điều hành các nhà thổ dưới dạng chủ nhân, kẻ tổng tiền, người bảo vệ.

Các thành phố nơi có liên quan tội phạm Á Châu với các nhà thổ được biết là Los Angeles, San Francisco, Sacramento, Las Vegas, Nevada, và Dallas.

Cựu Ngoại trưởng Trần Văn Lắm qua đời

Ông Trần Văn Lắm, nguyên Tổng trưởng Ngoại giao, nguyên Chủ tịch Thượng Viện Việt Nam Cộng Hòa, đã tạ thế ngày 6 tháng 2 năm 2001 tại Canberra, Úc Đại Lợi, hưởng thọ 88 tuổi.

Ông Trần Văn Lắm, tốt nghiệp được sĩ tại Viện Đại Học Hà Nội năm 1936, sau đó đã sang Pháp tu nghiệp.

Năm 1954, ông về nước tham chánh dưới thời Thủ tướng Ngô Đình Diệm, với tư cách đại biểu chính phủ miền Tây, sau đó ông

đắc cử dân biểu thời Đệ Nhất Cộng Hòa, và được bầu làm Chủ tịch Quốc Hội.

Sau cuộc cách mạng 1-11-1963, ông Lãm trở về cuộc sống dân sự, làm trong Hội Đồng Quản Trị của các công ty Saigon Dược Cuộc, Công ty Roussel... cũng như trong lãnh vực ngân hàng.

Ông đắc cử vào Thượng Viện Đệ Nhị Cộng Hòa, trong liên danh Bạch Tượng. Khi đảm trách chức Tổng trưởng Ngoại giao, ông đã đại diện Việt Nam Cộng Hòa ký Hiệp định Paris năm 1973 tại Pháp.

Sau tháng 4 năm 1975, ông định cư tại Úc, nơi ông từng làm đại sứ thời TT Ngô Đình Diệm.

Cầu nguyện cho Tự Do Tôn Giáo tại VN

Chicago:

Ngày Chủ nhật, 11.2.2001, tại thành phố

Chicago, tiểu bang Illinois (Hoa Kỳ), một buổi lễ Cầu Nguyện Hiệp-Thông cho Tự Do Tôn Giáo tại Việt Nam đã được Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Illinois đứng ra tổ chức với sự phối hợp của nhiều đoàn thể gồm: Hội Đồng Đại Diện, Hội Đồng Tư Vấn, Hội Cựu Tù Nhân Chánh Trị, Liên Minh Việt Nam Tự Do, Lực Lượng Hộ Trì Chánh Pháp, Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam, Hội Văn Nghệ sĩ VN Illinois, Đoàn Thanh Niên Việt Võ Đạo, VN Quốc Dân Đảng, Phân Hội Chuyên Gia VN, Chánh Phủ Cách Mạng Việt Nam... Mục đích buổi lễ là để chúc thành công viên mãn cho tuần lễ Trai Đàn do Tăng Đoàn Thừa Thiên của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tổ chức từ ngày mùng 8 tháng 2 năm 2001 tại Tổ Đình Từ Hiếu thành phố Huế.

Quan khách đến tham dự buổi Cầu Nguyện này, ngoài các vị tu-sĩ Việt Nam ở các chùa và nhà thờ địa phương như chùa Quang Minh, chùa

Phật Bảo, nhà thờ Tin Lành Nezarene, Khóm Sen DuPage, Hội Người Việt Quốc Gia DuPage..., còn có sự tham dự của tu-sĩ Rose Bachì thuộc nhóm tín ngưỡng Pagan (Mỹ), Tu sĩ Bapu Arekepudi, Hindu của Trung Tâm Indo-American Center.

Quan khách tham dự theo dõi các diễn biến đấu tranh đòi tự do tôn giáo cho Việt Nam của Linh mục Nguyễn Văn Lý và giáo dân Nguyệt Biều Huế trên màn ảnh slide. Ngoài ra, nội dung còn tố cáo tội ác đàn áp tôn giáo của CS Việt Nam qua các hình ảnh công an đánh đập tín đồ Hòa Hảo một cách tàn nhẫn, và những cảnh các sư "quốc doanh" cầm cờ đỏ sao vàng đi diễn hành ủng hộ chế độ, quấy nhiễu chùa chiền.

Tiếp theo là phần chính của buổi lễ: Phần Cầu nguyện. Trong phần này hàng trăm ngọn nến được đốt lên và phát cho mọi người cầm tay. Những ngọn nến vụt sáng trong những chiếc ly nhựa trong như pha lê lung linh theo từng lời nguyện cầu. Bầu không khí trang nghiêm và cảm động như ôm lấy cả hội trường.

Phần chót của buổi lễ Cầu Nguyện Hiệp Thông là ký vào bảng Thỉnh-Nguyện-Thư của đồng bào Chicago gửi lên Thượng Viện Hoa Kỳ yêu cầu lên tiếng đòi hỏi nhà cầm quyền CSVN phải trả tự do tôn giáo và tôn trọng nhân quyền cho mọi người dân Việt trong nước.

San Diego:

Vào 7 giờ 30 chiều ngày 11.2.2001 tại nhà Cộng Đồng, khoảng 300 người đã đến tham dự đêm cầu nguyện cho Tự Do Tôn Giáo tại VN. Ban tổ chức cho biết Đêm Cầu Nguyện được tổ chức gấp rút để đáp ứng nhu cầu đoàn kết các tôn giáo, các đoàn thể với sự chủ lễ cầu nguyện của các vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo tại San Diego

như Phật Giáo, Công Giáo, Tin Lành, Anh Giáo và Phật Giáo Hòa Hảo.

Trong phần cầu nguyện trước bàn thờ Tổ Quốc, mọi người với cây nến trong tay cùng góp lời cầu nguyện dưới sự chủ tế của vị lãnh đạo tinh thần tôn giáo.

Đại diện các hội đoàn tham dự buổi lễ cầu nguyện có: Hiệp Hội Người Việt; các Hội Cựu Quân Nhân, Hội Ái Hữu Hải Quân Hàng Hải San Diego; các Hội Ái Hữu Không Quân, Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Cảnh Sát Quốc Gia, Sinh Viên Trường Võ Bị, Hội Ái Hữu Quảng Nam Đà Nẵng, Hội Người Việt Cao Niên, Phong Trào Giáo Dân, Cộng Đoàn Công Giáo; các Chùa Như Lai Thiền Tự, Phật Đà, Vạn Đức, Vạn Hạnh; các Cộng Đoàn Công Giáo và các nhà thờ Tin Lành, đại diện Phật Giáo Hòa Hảo, đại diện chánh Phủ Việt Nam Tự Do, Cơ Sở Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng VN/San Diego, Liên Minh Việt Nam Tự Do, Liên Minh Quang Phục Việt Nam, Hội Sinh Viên Việt Nam UCSD,...

Houston:

Gần 200 thân hữu đã tham dự buổi sinh hoạt Tân Niên do Liên Minh Việt Nam Tự Do Houston và Vùng Phụ Cận tổ chức vào chiều ngày 11 tháng 2 năm 2001 tại thành phố Houston, tiểu bang Texas (Hoa Kỳ), Nơi tổ chức là một khách sạn rộng rãi thuộc khu SouthWest Houston.

Có nhiều hình ảnh về việc đòi hỏi Tự Do Tôn Giáo ở Giáo Xứ Nguyệt Biều, những hình ảnh các tín đồ PG Hòa Hảo bị làm nhục và đàn áp đổ máu tại An Giang, những hình ảnh Quốc Tế hỗ trợ cho Tự Do Tôn Giáo tại VN cũng như những hình ảnh đồng bào hải ngoại nức lòng hỗ trợ cho Tự Do Tôn Giáo ở quê nhà.

Ngoài ba buổi cầu-nguyện nêu trên, còn hàng chục các buổi cầu-nguyện khác trên toàn thế-giới.

Điều trần về Tự do Tôn giáo trước Thượng viện Mỹ

Ngày 13.2, đại diện các tôn giáo cũng như các học giả từ những viện nghiên cứu về tình hình tôn giáo tại Việt Nam đã ra điều trần trước ủy ban về tự do tôn giáo thế giới của Hoa Kỳ tại Thượng viện Mỹ. Cử tọa đã được nghe những tố giác liên quan đến việc ngăn cấm chức sắc trong hàng giáo phẩm tự do đi lại trong nước, cấm phân phát tài liệu tôn giáo, cấm giảng đạo, tịch thu tài sản giáo hội cũng như nhiều hành vi đàn áp khác.

Chứng từ của linh mục Gioan Trần Công Nghị đã được trưng dẫn với các tài liệu cụ thể thu thập được trong năm 2000 khi linh mục về Việt Nam và đi hầu khắp các tỉnh để thực hiện cuộc điều tra về thực trạng đàn áp tại Việt Nam. Các tài liệu này đã được đệ trình lên Quốc hội Hoa Kỳ.

Song song với việc tóm tắt bản điều trần của cha Nghị, Thông Tấn Xã Công Giáo Hoàn Cầu (Catholic World News) cũng đã tường thuật phản ứng dữ dội của Việt Nam trước cuộc điều trần này.

Đây là một đòn trí mạng đối với nhà cầm quyền Việt Nam vì Hoa Kỳ vừa có tổng thống mới, có thái độ cương quyết với các chính thể độc tài, và quốc hội đang trong thời kỳ soạn thảo các chính sách đường dài đối với Việt Nam cũng như đang chuẩn bị xem xét việc phê duyệt các thỏa hiệp thương mại hàng năm với Việt Nam.

Nhà cầm quyền CSVN tỏ ra rất giận dữ về cuộc điều trần này và báo *Nhân Dân*, cơ quan ngôn luận của đảng và nhà nước CSVN, đã có những lời lẽ nặng nề đả phá việc này.

Thế giới trong những ngày gần

đây đã chú ý hơn đến vấn đề đàn áp tôn giáo tại Việt Nam sau khi xảy ra việc hàng ngàn người Thượng tại hai tỉnh Daklak và Gia Rai đã rầm rộ kéo về tỉnh lỵ để phản đối việc hai nhà truyền giáo Tin Lành gốc người Thượng bị công an bắt giữ cùng vấn đề người Kinh chiếm đất của họ.

Chiến-sĩ Nguyễn Ngọc Hạnh được trắng án

Sau hơn 5 tháng bị cảnh-sát Anh giam-cứu vì ném bom xăng vào tòa đại sứ Cộng Sản Việt Nam ở Luân Đôn, chiến-sĩ Nguyễn Thị Ngọc Hạnh đã được toà án miễn tố hôm 15.2 vừa qua. Đặc biệt, bà Hạnh được hoàn toàn tự-do ra vào nước Anh, không bị hạn-chế.

Hiện sức khỏe của bà Ngọc Hạnh vẫn yếu và bà đang được tiếp tục điều trị tại bệnh-viện.

Hoàn-cảnh Lý Tống tại Thái

Theo tường-trình từ Thái-lan của Đại-tá Không-quân Võ Văn Ân và LS Hoàng Duy Hùng, chiến-sĩ Lý Tống đã được tháo còng, nhưng chân vẫn bị xích. Anh đã tuyệt-thực từ đầu 6.1 tới nay, chỉ uống sữa; người mất cân rất nhiều, nhưng tinh-thần không sa-sút.

Phái-đoàn các ông Ân, Hùng đã được thăm Lý Tống 4 lần và trao-đổi nhiều chuyện trong, ngoài. Chiến-sĩ Lý Tống ngỏ lời tạ lỗi thân-nhân, thân-hữu và cộng-đồng, bất cứ ai cảm thấy phiền lòng vì thư-từ và những lời tuyên-bố của anh đưa ra trong hoàn-cảnh thất-thế và bị ngược-đãi.

Toà-án Thái-lan định ngày 24.4 sẽ tái nhóm, và truy-tố chiến-sĩ Lý Tống về ba tội: không-tặc, xâm-phạm không-phận và di-trú bất-hợp-pháp, với một bản cáo-trạng rất dài do cảnh-sát

đưa ra, mặc dù cơ-quan này cũng như công-tố-viên không hề thẩm-vấn Lý Tống một lời nào!

Về tội danh thứ nhất, anh có cuốn băng hình thu lúc rải truyền-đơn xuống Sài-gòn và Tây-ninh, với sự hợp-tác (lái máy bay) rất vui-vẻ của huấn-luyện-viên Thái, để chứng-minh rằng ông này không hề bị khống-chế. Tuy-nhiên theo luật Thái, cảnh-sát có toàn quyền từ-chối chia-sẻ tang-chứng với luật-sư biện-hộ. Luật Thái cũng cho phép tòa án đình-chỉ nhiều lần các phiên xử, trong khi bị cáo vẫn tiếp-tục bị giam-cứu.

Ở Thái, luật-pháp trái-ngược với các nước văn-minh: một khi bị cảnh-sát buộc tội, bị cáo bị coi là "có tội" và phải chứng-minh mình vô tội; khác với nhiều nước: một người chỉ được coi là có tội sau khi nhận tội, hoặc bị bồi-thẩm-đoàn hay tòa, coi là "có tội."

Vụ án Lý Tống đã được phúc-trình đầy-đủ cho tân Tổng-thống Mỹ George W. Bush. ●



Sinh-hoạt của nhóm thân-hữu Lý Tống: bán băng hình, sách, bích-chương Lý Tống để gây quỹ pháp-lý cứu anh ra khỏi nhà tù Thái-lan. Hình trên: ca-sĩ Nhật Phụng tại quầy hàng Lý Tống, phía sau là ông bà Nguyễn Hữu Hùng. Cả ba đều là những thành-viên cốt lõi trong Ủy Ban Lý Tống Toronto.



tin việt-nam

CSVN giam lỏng Hà Sĩ Phu và Mai Thái Lĩnh

Công an CSVN đã chính thức giam lỏng tại gia hai nhân vật đối kháng nổi tiếng Hà Sĩ Phu và Mai Thái Lĩnh ở Đà Lạt, sau khi vụ biến động ở Cao Nguyên lan rộng vì sự nổi dậy của người Thượng.

Hai ông Hà Sĩ Phu và Mai Thái Lĩnh trước đây từng bị quản chế từ tháng 5 năm 2000, khi nhà cầm quyền mở cuộc điều tra về tội liên lạc với các nhóm hải ngoại nhằm lật đổ chính phủ cộng sản.

Ông Hà Sĩ Phu, nhà văn và nhà sinh-học đã về hưu, bị gán cho tội phản quốc khi làm chủ tịch một phong trào chống chính phủ, trong đó ông Mai Thái Lĩnh (Hoàng Thái Lĩnh), cựu ủy viên Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Lạt, làm cố vấn.

Những nhân vật khác trong Hội Văn Nghệ Đà Lạt vẫn đang bị mất tự do là nhà thơ Bùi Minh Quốc và nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự.

Thành phố Đà Lạt hiện nay đã yên tĩnh, nhưng các hãng làm

"tour" du lịch tại Việt Nam cho biết, những vùng khác tại tỉnh Lâm Đồng đã đóng cửa không để các nhóm du lịch người nước ngoài tới.

Thông cáo của toà đại sứ Hoa kỳ tại Hà nội và tòa tổng lãnh sự Hoa kỳ tại Saigon đã khuyến cáo các công dân Hoa kỳ phải tránh vắng lai tới vùng cao nguyên Dak Lak và Gia Lai, mặc dầu nhà cầm quyền Việt Nam nói là các vùng này nay đã ổn định.

Dân tộc thiểu số nổi dậy, đòi cao nguyên miền Trung

Một cuộc nổi dậy đang bùng lên tại vùng trồng cây cà phê của Việt Nam. Hàng ngàn người thuộc các sắc tộc thiểu số đã biểu tình tại thành phố, yêu cầu nhà cầm quyền phải trả lại đất đai cho họ. Cuộc nổi dậy đã nhen nhúm từ những sự bất công trong nhiều năm và rồi bùng lên vào đầu tháng 2.

Theo các nguồn tin của hãng thông tấn Reuters, tình hình đang rất căng thẳng tại hai tỉnh Gia Lai và Đắc Lắc. Một nhân chứng cho biết khoảng 4000 người đã tập-hợp tại thành phố Pleiku, khiếu nại với nhà cầm quyền rằng dân di cư đã lấy mất đất và khiến cho họ không còn nơi để sinh sống.

Từ Pleiku, đoàn người thiểu số di chuyển xuống Buôn Ma Thuột tại tỉnh Đắc Lắc nhưng bị công an ngăn chặn. Tuy thế, khoảng 400 người đã đến Buôn Ma Thuột và tập-trung tại trung tâm thành phố, sau đó tràn xuống quốc lộ 14 và ngăn chặn đoạn đường này.

Một thường dân cho biết là có bạo động giữa công an và người thiểu số. Theo một nguồn tin khác, có khoảng 600 người bị đánh đập, trong đó 200 người bị thương nặng. Phía công an có 20 người bị thương. Quốc lộ 14 hiện đã được khai thông. Trong khi đó những nguồn tin khác từ Buôn Ma Thuột thông báo rằng quốc lộ 28 nối liền Buôn Ma Thuột với thành phố Nha Trang đã bị ngăn chặn.

Miền cao nguyên Trung-phần có hai sắc tộc lớn nhất là Ra-đê và Gia Rai. Trong thời chiến thì người Thượng đã hợp tác với VNCH, chống Cộng rất quyết liệt. Pleiku cũng từng là một căn cứ quân sự của quân đội Hoa Kỳ.

Tình hình bất ổn tại Đắc Lắc và Gia Lai đang khiến cho một số công ty cà phê lo ngại. Một công ty đã tạm ngưng chuyên chở cà phê từ Buôn Ma Thuột về Sài Gòn. Cà phê là nguồn lợi tức quan trọng nhất của miền cao nguyên Trung-phần.

Nhà cầm quyền CSVN đã bắt giữ 15 người có quan hệ với phong trào FULRO, cáo giác họ về tội giết giết những vụ xuống đường phản đối mới đây trên vùng Cao Nguyên Trung Phần. Ngoài ra, chánh quyền cộng sản còn đang lùng bắt 5 người khác, tất cả đều là những nhà truyền giáo thuộc Hội Thánh Tin Lành.

FULRO viết tắt từ tiếng Pháp (*Front Unifié de Lutte des Races Opprimées*), có nghĩa là Mặt Trận Thống Nhất Giải Phóng Các Sắc Dân Bị Áp Bức, đã có từ thời Đệ Nhất Cộng Hòa vào những năm

1955 đến 1958, khởi thủy tranh đấu cho quyền lợi của đồng bào thiểu số ở Hoàng Triều Cương Thổ. Nhưng sau đó dưới thời Đế Nhị Cộng Hòa thì chính phủ đã có phần lưu tâm chăm sóc đến quyền lợi vật chất và tinh thần của đồng bào, do Bộ Phát Triển Sắc Tộc và các Ty Thương Vụ ở các tỉnh đảm trách, đồng thời một số đồng bào từ năm 1963 gia nhập "lực lượng chiến đấu biên phòng" được lực lượng đặc biệt Hoa Kỳ huấn luyện và trang bị (khoảng trên 10.000 tay súng) nên cuộc tranh đấu của Phong Trào dịu lại và đã sát cánh cùng Quân lực Việt Nam Cộng Hòa để chống Cộng.

Sau 30.4.75, lực lượng võ trang của FULRO rút vào rừng sâu hoạt động du kích lẻ tẻ cho đến năm 1987 thì gần như hoàn toàn chấm dứt. Đến giữa thập niên 90, một nhóm FULRO được Mỹ bốc đi từ một vùng nào đó ở Cam Bốt cho sang định cư ở Hoa Kỳ.

Theo ông Kok Ksor, giám đốc điều hành tổ chức Montagnard Foundation ở Mỹ, cuộc bạo động đã nổ ra sau khi chính quyền cộng sản tại địa phương bắt giữ và đánh đập hai nhà truyền đạo Tin Lành gốc Thượng. Có khoảng 5000 đã tham gia cuộc biểu tình trước trụ sở ủy ban nhân dân Pleiku để đòi trả tự do cho hai ông Rahlan Pon và Rahlan Djan thuộc huyện Chu Prong. Số người biểu tình có lúc tăng lên đến hơn 20.000.

Theo một người dân địa phương, việc tái định cư những người dân miền xuôi lên miền núi đã gây va chạm với những người dân gốc thiểu số đã cư ngụ ở miền núi từ nhiều thế hệ. Thu nhập trong kinh doanh cà-phê lại giảm sút trong mấy năm qua vì giá cà-phê trên thị trường thế giới xuống thấp. Cà-phê là mặt hàng xuất cảng chính của Việt Nam, năm ngoái

dem lại cho Việt Nam 485 triệu đô-la. Nhưng người dân Tây nguyên, phần lớn theo đạo Tin lành, đã bị chính quyền Cộng sản gây phiền nhiễu khó khăn chỉ vì đức tin của họ.

Trong khi nhà cầm quyền CSVN trấn an dân chúng trong nước là họ hoàn toàn kiểm soát tình hình trong khu vực sản xuất cà phê quan trọng nhất Việt Nam này, các ký giả ngoại quốc vẫn bị cấm không cho đến hai tỉnh Daklak và Gia Rai để săn tin.

Bác sĩ Quế bị đấu tố

Ngày 16.1.2001, Công an Thành phố HCM đã tổ chức một cuộc đấu tố ngay tại khu phố 2, phường 3, quận 5 thành phố HCM để lên án BS Nguyễn Đan Quế về việc đòi tự do và dân chủ cho VN. Được biết đây là một hình thức mới kể từ khi BS Nguyễn Đan Quế được trả tự do nhằm gia tăng áp lực đối với cá nhân BS Nguyễn Đan Quế và gia đình.

Cuộc họp bắt đầu vào lúc 7 giờ tối tại khu phố nơi BS Nguyễn Đan Quế đang cư ngụ. Công an chìm, nổi cùng hàng chục người trong Phường 3 quận 5 đã có mặt để đồng thanh lên án cá nhân BS Quế. Tại buổi họp có máy quay phim, máy thu âm và loa phóng thanh nhằm thâu lại toàn bộ buổi họp.

Tuy BS Nguyễn Đan Quế từ chối xuất hiện tại buổi họp, tuy nhiên công an Phường đã buộc bà Tâm Vấn là vợ của BS Quế phải có mặt để thu thập những chi tiết đấu tố của công an.

Trong suốt 2 giờ đồng hồ, tiểu sử, hoạt động và thời gian tù tội của BS Nguyễn Đan Quế mà nhà cầm quyền xem là hành động phản cách mạng đã được đem ra phơi bày để cho người dân trong Phường tự do đấu tố. Sau phần

trình bày của công an thì đến lượt những người dân trong Phường được mời lên để đưa ra ý kiến, hoàn toàn là chỉ trích và bêu xấu hành động của BS Quế.

Được biết hiện nay BS Nguyễn Đan Quế đang sống trong tình trạng quản thúc tại gia, bên ngoài lúc nào cũng có công an canh phòng cẩn mật theo dõi đường đi nước bước của những ai ra vào liên lạc với ông.

Báo CSVN đấu tố cụ Lê Quang Liêm

Sau khi đưa Bác sĩ Nguyễn Đan Quế bị đưa ra đấu tố trước tổ dân phố, CSVN dàn dựng một chiến dịch quy mô hơn để đánh phá cụ Lê Quang Liêm trên mặt báo, TV, radio...

Kể từ ngày 10.1.2001 cho đến nay, nhà cầm quyền CSVN đã cho ban Đại Diện PGHH Quốc Doanh sử dụng các hệ thống truyền thanh, truyền hình, báo chí, báo Lực Lượng Công An Nhân Dân liên tục bôi nhọ cụ Lê Quang Liêm và những người hợp tác với cụ về "tội" đã nhận lệnh ngoại bang qua trung gian hai ông Nguyễn Văn Cội, Lê Văn Bá ở Hoa Kỳ, thực hiện mưu đồ phá đạo, phá rối trị an, phản quốc.

LM Lý: Lửa đấu tranh lan rộng, có Vatican hỗ trợ

Linh mục Nguyễn Văn Lý trong khi trả lời cuộc phỏng vấn qua điện thoại dài 1 giờ 30 phút ngày mừng 4 Tết của Phong Trào Giáo Dân Việt-Nam Hải Ngoại, cơ sở Nam California, cho biết rằng cuộc đấu tranh đòi tự do tôn giáo của Ngài đã được Vatican hỗ trợ qua bản lên tiếng của Đức Ông Hoài từ Tòa Tổng Giám Mục Huế với việc nhất quyết chỉ chuyển ngài về coi xứ An Truyền

mà không đưa nơi khác theo áp lực CSVN, và rằng CSVN đã mắc mưu Đức Chúa Thánh Thần khi giúp ngài cơ hội mở rộng phạm vi đấu tranh.

Dưới đây là tóm lược.

Về việc được tòa Tổng Giám Mục Huế bổ nhiệm về giáo xứ An Truyền, Linh mục Lý nói rằng việc bổ nhiệm này đã đem lại lợi thế nhiều hơn cho cuộc đấu tranh, mở ra thêm một trung tâm đấu tranh mới rất quan trọng cùng với Nguyệt Biều là giáo xứ An Truyền: “Hiện giờ trước mắt, chúng ta có một cái lợi là tôi đã nổi được 2 trung tâm đấu tranh từ Nguyệt Biều tới An Truyền, cách nhau 14 cây số. Và trung tâm An Truyền sẽ mạnh hơn Nguyệt Biều, bởi vì lửa sẽ lan ra cả một Hạt, gồm đến 2 huyện. Ngay Mồng Một Tết thì tôi đã đốt pháo đầu tiên bằng cách giảng một bài giảng rất mạnh về vấn đề tự do tôn giáo”.

Về việc bảo vệ giáo dân Nguyệt Biều, Cha Lý đã có kế hoạch buộc chính quyền khó chấp thuận cho Cha nhập hộ khẩu tại giáo xứ An Truyền, và như vậy Cha vẫn còn ở hộ khẩu Nguyệt Biều mà lại điều hành giáo xứ An Truyền theo lệnh bổ nhiệm của Đức Tổng Giám Mục Huế ký từ 3 năm trước.

Về hàng giáo phẩm, Linh mục Lý cho biết các vị đều hỗ trợ Cha cách này hay cách khác, tùy vị trí và hoàn cảnh mỗi vị. “Gần như là có sự chia việc cho nhau vậy, chứ trong lập trường thì đều giống nhau.”

Hỏi về sự ủng hộ của Tòa Thánh Vatican, Cha Lý nói: “Tiếng nói của Đức Cha Thuận là Đức Ông Hoài đó, nhưng mà Người tế nhị, Người không lên tiếng được đâu, vì sợ va chạm. Thứ hai nữa là Đức Hồng Y Tomko của Bộ Truyền Giáo thì đã lên tiếng với

Đức Ông Hoài rằng những gì Linh mục Lý chủ trương thì hoàn toàn phù hợp với ước mong và đường lối của Thánh Bộ. Vì vậy mà tôi mới có Thư Cảm Ơn Đức Thánh Cha với Đức Hồng Y Bộ đó.”

Cha Lý cũng nhắc lại rằng Cha không hề chủ trương làm chính trị theo nghĩa tranh giành quyền lực đảng phái, Cha luôn luôn tự nhận vai trò chứng nhân lịch sử, vai trò Ngôn sứ của Thiên Chúa để nói lên Sự Thật, nói lên tiếng nói Lương Tâm bênh vực nhân quyền mà thôi.

Phong Trào Giáo Dân cho biết, Linh mục Lý còn bàn về những vấn đề như tổ chức nhân sự, đào tạo cán bộ và tiết lộ một số tin tức “không tiện công bố.”

Linh-mục Lý bị quản-thúc tại An Truyền

Các tin tức trong ngày 9-2-01 cho hay, linh mục Nguyễn Văn Lý, sau khi được Tổng Giám Mục địa phận Huế đích thân cùng với hơn 10 vị linh mục và giáo dân đưa đến An Truyền nhận chức cha sở, ngài bị nhà cầm quyền địa phương cấm di chuyển ra khỏi khu vực.

Đặc biệt trong ngày 8-2, ngài bị công an cản không cho đi dự lễ khai mạc “Tuần Lễ Thiên Hành Tụng niệm Sám Hối” do Tăng đoàn GHPGVNTN tổ chức tại tổ đình Từ Hiếu.

Ủy Ban Quốc Tế Tự Do Tôn Giáo Cho Việt Nam hoàn toàn mất liên lạc với LM Nguyễn Văn Lý trong nhiều ngày, sau đó được biết ngài bị quản-thúc tại An Truyền.

Ngày 6.2, công an chặn đường Nguyệt Biều - An Truyền, đã bắt giữ hai giáo dân, tịch thu một số tài liệu và dụng cụ làm việc của cha Lý mà ngài nhờ họ chuyển

dùm cha đến chỗ làm việc mới. Trong số này có đĩa cứng điện toán chứa các bản tuyên bố của ngài gửi đi khắp nơi. Đặc biệt là bản phúc trình về tình hình đàn áp tôn giáo tại Việt Nam cho buổi điều trần ngày 13-2 tại Hoa Thịnh Đốn.

Ủy Ban Về Tự Do Tôn Giáo Thế Giới, một cơ quan biệt lập do chính phủ Hoa Kỳ thành lập để theo dõi tình hình tự do tôn giáo trên thế giới, đã gửi thư mời Linh mục Nguyễn Văn Lý đến điều trần, qua tòa đại sứ Mỹ và Bộ Ngoại Giao CSVN tại Hà Nội. Cho tới nay ngài vẫn không nhận được thư mời đó, cho thấy nhà cầm quyền CSVN đã ếm nhem và không cho ngài ra nước ngoài vạch trần các hành vi áp bức tôn giáo của chế độ.

Bản tin ngày 18-2 của UBTDTG cho biết, LM Linh mục Nguyễn Văn Lý tiếp tục bị quản thúc chặt chẽ tại An Truyền, kể từ lần cuối cùng lên Nguyệt Biều lúc 12 giờ khuya ngày 7 tháng 2. Ngài không được tiếp xúc với bất cứ ai ngoài các giáo dân trong giáo xứ. Các linh mục bạn đến thăm đều bị Công An chặn bên ngoài làng. Các giáo hữu thuộc các giáo xứ phụ cận cũng khó lòng qua lọt các trạm kiểm soát. Vài giáo dân Nguyệt Biều, vì thương nhớ hay vì tìm an ninh bên cạnh cha sở cũ, đã lẻn vào được làng Truyền Nam (tên hành chánh của giáo xứ An Truyền) nhưng sau đó đã bị đuổi về. Việc chuyển tiền bạc ân nhân gởi giúp cho cha Lý cũng rất khó khăn. Có nhiều người đã bị lục soát từ trong ra tới ngoài. Người ta e sợ rằng sẽ có lúc giáo dân An Truyền, vốn đã rất nghèo, sẽ phải sốt bớt phần cơm ít ỏi của họ để nuôi cha sở. Điện thoại dây của cha Lý bị cắt, vài điện thoại di động của ngài cũng bị Công an dò ra số và khóa sóng. Vài nhà trong

giáo xứ có điện thoại cũng bị vạ lây, chẳng gọi đi đâu được.

Kế hoạch mở lớp vi tính và anh văn miễn phí cho thanh niên học sinh lương giáo làng Truyền Nam chưa thực hiện được, vì chính quyền nhất định không cho cha Lý di chuyển máy móc thiết bị đang để tại Nguyệt Biều về An Truyền.

Riêng phần cha Lý, ngài vẫn tiếp tục bị sách nhiễu bằng nhiều cách. Trước hết là liên tiếp bị gởi văn thư mời đi "làm việc", nghĩa là "thăm vấn". Mỗi lần ngài đi loanh quanh trong xứ để thăm giáo dân hay đưa Minh Thánh Chúa cho kẻ liệt, nhân viên chính quyền chặn đường. Giáo-dân đến nhà xứ, nếu đi lẻ-tẻ, bị công-an vây đánh túi-bụi.

Mặt khác, giáo dân Nguyệt Biều lúc này rất bơ vơ. Họ tiếp tục bị chính quyền đến hăm dọa tại nhà, tại trường, tại nhà máy. Nhưng nhờ đã được cha Lý rèn luyện, họ vẫn luôn can trường.

LM Phan Văn Lợi bị khủng-bố

LM Phan Văn Lợi, tác-giả bài thơ *Lời trần-tình của vị tử-đạo*, đăng trên *Làng Văn* số 210, đã bị công-an Huế khủng-bố.

Vì sát cánh với hai cha Giải và Lý trong cuộc tranh đấu, cha Lợi cũng bị bạo-quyền cắt điện thoại đã hơn 2 tháng nay để ngài không thể gởi điện thư. Tiếp đến là cho người tới dò la để hăm dọa những cộng đoàn từng mời ngài làm lễ, giảng tĩnh tâm hay dạy học. Sau cùng là theo dõi đường đi nước bước của ngài. Mới đây, hai sĩ quan công an cao cấp đã tới nhà cha Lợi, lấy tiếng "hỏi thăm" để hạch hỏi ngài về những gì ngài đã làm trong thời gian qua. Linh mục Lợi đã thẳng thắn trả lời: "Nhà tôi không phải là phòng chấp pháp và tôi không có nghĩa vụ trả lời câu hỏi ấy cho các anh."

Hiện nay, vì bị hăm dọa, nhiều cộng đoàn đã phải thôi mời cha Lợi đến làm lễ, dạy học cũng như không dám cho ngài dùng máy vi tính của cộng đoàn để nhận và gởi email nữa. Linh mục Lợi rất thông cảm, chỉ cầu xin Chúa cho mình kiên trì để cùng với tất cả các nhà tranh đấu cho Tự do tôn giáo phá vỡ được cái tròng đang khoác lên cổ mọi tôn giáo và giải tỏa được bầu khí khủng bố đang bao trùm mọi con dân Việt Nam. Khống chế tôn giáo và khủng bố nhân dân, đó là hai thành quả lớn nhất của Cộng sản. Đó cũng là hai mục tiêu cần thanh toán trong công cuộc đấu tranh của các vị lãnh đạo tinh thần hiện nay. (UBTDTG)

Tình hình miền Trung căng thẳng

Công an chìm nổi khắp các đường phố cũng như đường lên chùa Từ Hiếu. Tuy nhiên, cuộc Lễ Cầu Nguyện của Tăng Đoàn Giáo hội Phật giáo VNTN vẫn tiến hành. Dân chúng đổ xô về chùa Từ Hiếu nằm ở một vùng đồi núi, trên con đường từ Đán Nam Giao đến làng Tự Đức.

Đồng bào thiểu số các tỉnh cao nguyên, từ Ban Mê Thuột đến Pleiku, Kontum đã biểu tình lớn chống lại nhà cầm quyền CS chiếm đất để trồng cà phê. Nhưng lý do gây phẫn nộ là CS cấm đạo Tin Lành hoạt động. Cuộc biểu tình có nơi lên tới 6000 người, đã có xô xát và bắt bớ. CS đã điều động nhiều sư đoàn để trấn áp.

CSVN cướp đất chùa Dầu

Chùa Dầu, tên chữ là chùa Pháp Vân, tọa lạc ở xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, các Hà Nội khoảng 30 cây số. Theo lịch sử, chùa Dầu được xây cất từ đầu công nguyên

ở vùng Dầu, thời Hán thuộc gọi là Luy Lâu, là trung tâm Phật giáo cổ nhất Việt Nam.

Từ cuối thế kỷ thứ 6, thiền sư người Ấn Độ Ti-ni-da-lư-chi (Vinitaruci) đã mở đạo tràng thuyết pháp tại chùa Dầu, lập nên thiền phái đầu tiên ở Việt Nam.

Chùa đã được trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi đứng ra dựng lại với qui mô lớn vào thế kỷ thứ 14 và được trùng tu nhiều lần ở các thế kỷ sau. Pháp Vân Tự là một danh lam của chốn Kinh Bắc hợp cùng các chùa Pháp Vũ, Pháp Điện và Pháp Lôi hợp thành Tứ Pháp. Ngoài thờ Phật còn thờ các nữ thần. Chùa Pháp Vân thờ bà Dầu, chùa Pháp Vũ thờ bà Đậu, chùa Pháp Lôi thờ bà Tướng và chùa Pháp Điện thờ bà Dàn.

Ở thượng điện trong chùa Dầu, còn một số mảng khắc chạm của đời Trần, đời Lê.

Theo các nguồn tin từ Hà Nội, sư ông Thích Đàm Nghiêm trụ trì chùa Dầu đã bị quản thúc tại chùa từ tháng 9.2000. Khi có người viết thư kêu cứu giùm nhà sư và gửi đến nhiều cán bộ cao cấp, thì thay vì xem xét sự việc, nhà cầm quyền lại sai người đến bao vây Chùa Dầu và đàn áp dữ dội hơn. Bản tin cho biết là một đảng viên có tên là Lại Phí Hải đã cầm đầu một nhóm người đến hành hung nhà sư đến ngất xỉu và được đưa vào phòng cấp cứu. Nhà cầm quyền đã đuổi nhà sư ra khỏi hai nhà thương sau đó, không cho thầy được điều trị. Bản tin cho biết nhà sư đang còn bị giam hãm tại Chùa Dầu. Chùa đã bị cắt điện thoại.

Tuy không nói rõ, bản tin cho thấy vụ đàn áp này có liên hệ đến một vụ cướp đất và tình trạng tranh chấp giữa các phe phái cán bộ tại Hà Nội.

Việc nhà cầm quyền CSVN cướp đất chùa, nhà thờ hay nói

chung tài sản của các cơ sở tôn giáo là việc rất thường xảy ra tại Việt Nam.

Peterson tiếp tục làm đại sứ tại VN

Tuy có chính phủ mới tại Hoa Thịnh Đốn, Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ tại Hà Nội sẽ không có gì thay đổi, ông Pete Peterson tiếp tục giữ chức Đại Sứ tại Việt Nam.

Peterson là một cựu phi công từng bị bắn rơi trong cuộc chiến Việt Nam. Ông đã từng là dân biểu thuộc đảng Dân Chủ của tiểu bang Florida và được bổ nhiệm chức vụ Đại sứ từ năm 1997.

Bộ Ngoại giao Hà Nội đã bày tỏ sự lạc quan đối với chính phủ Bush và tin rằng sự duy trì Đại sứ Peterson sẽ tăng thêm cải thiện trong liên hệ song phương.

Phi và Việt Nam tái thảo luận về Trường Sa

Phi Luật Tân và Cộng Sản Việt Nam đã đồng ý tái thảo-luận về chủ quyền tại quần đảo Trường Sa.

Tổng Tư Lệnh Quân đội Phi Luật Tân, ông Angelo Reyes, vừa kết thúc một chuyến viếng thăm 5 ngày tại Việt Nam sau khi tiếp xúc với các viên chức cao cấp CSVN.

Hai bên đã đồng ý rằng hai quốc gia cần tạm gác vấn đề tranh chấp qua một bên, để tìm những phương thức hợp tác khai thác mang lại lợi-ích chung cho hai quốc gia, hiểu một cách rõ-ràng, là để chống lại Trung Cộng.

Ngoài vấn đề Trường Sa, tướng Reyes cũng thảo luận về đề tài hợp tác quân sự và trao đổi giữa hai lực lượng hải quân. Cả Việt Nam và Phi Luật Tân đều có chung mối đe dọa Trung Cộng tại vùng biển Đông.

Sài Gòn: Nước ngầm bị ô nhiễm

Theo báo *Lao Động*, khi tiến hành khảo sát 150 giếng đào và giếng khoan tại các quận Tân Bình, Bình Thạnh, Gò Vấp 2, 4, 8, 11, huyện Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè, các nhà khoa học nhận thấy phần nhiều giếng đào không thể sử dụng được, còn các giếng khoan bị ô nhiễm nặng. Thử mẫu nước cho thấy các chỉ số ô nhiễm kim loại, chất hữu cơ đã vượt quá mức cho phép, nhưng người dân vẫn phải sử dụng, bởi những vùng này chưa có nước cấp. Hiện nay, nhu cầu nước sạch của Sài Gòn khoảng 1 triệu m³/ngày, nhưng các nhà máy nước chỉ cung cấp được từ 500.000 - 600.000 m³/ngày, nên người dân phải sử dụng nước giếng khoan.

Khảo sát cho thấy giếng đào khai thác nguồn nước từ độ sâu 5-10m, giếng khoan khai thác nước ngầm độ sâu khoảng 30-40m. Hầu hết các giếng đào tập trung vùng ngoại thành, vùng ven có các chỉ số ô nhiễm vượt hơn mức cho phép 5 lần, nước thường có mùi hôi và hàm lượng vi khuẩn gây bệnh đường ruột khá cao.

Theo đánh giá của một nhóm nghiên cứu, số giếng khoan khai thác mực nước ngầm từ 20-40m là phổ biến nhất, kết quả phân tích thành phần hóa học của nước tại một số vị trí ngẫu nhiên cho thấy các chỉ số vượt quá tiêu chuẩn nước ăn uống sinh hoạt Việt Nam. Một số nơi hầu hết các giếng đều bị ô nhiễm vi sinh trầm trọng, như vùng nghĩa trang Phú Thọ, bãi rác Đông Thạnh, khu giãn dân Tân Thới Hiệp (Hóc Môn).

Nhóm nghiên cứu kết luận: dù nằm ở tầng nông hay tầng sâu, các tầng nước ngầm nói chung ở Sài Gòn phần lớn bị ô nhiễm, nhất là ô nhiễm hữu cơ. Quá trình ô

nhiễm này xảy ra từ lâu và hiện nay vẫn tiếp tục có xu hướng tăng dần. Do chỉ số pH của hầu hết các tầng nước giảm sẽ dẫn đến lượng CO₂ tăng làm cho nước có tính ăn mòn mạnh. Tình trạng đó sẽ thúc đẩy quá trình khử của Fe³⁺ vốn ở dạng kết tủa nằm trong đất sẽ chuyển thành Fe²⁺ hòa tan vào nước và khuếch tán làm cho chất lượng nước kém đi vì chứa nhiều sắt hòa tan. Mức độ ô nhiễm có thể thấy là nước có mùi tanh, đóng váng màu vàng trên mặt, nước nhiễm sắt khi pha trà nước chuyển sang màu tím, làm mất mùi trà.

Nguyên nhân ô nhiễm tầng nước ngầm ở Sài Gòn được xác định là do cấu trúc địa chất và tình trạng khai thác bừa bãi. Tại một số điểm khảo sát có thể thấy rõ nhiều giếng được khoan gần khu vực ô nhiễm như cống thải, nghĩa trang, hồ ga, sát bờ kênh, bãi rác. Cạnh đó, kỹ thuật khoan không được chú ý do đó phương pháp gia cố, cách ly tầng không bảo đảm, tạo thêm những cửa sổ địa chất thủy văn nhân tạo, thúc đẩy sự lan truyền của các chất ô nhiễm từ trên bề mặt theo nước khuếch tán và thấm thấu xuống tầng nước ngầm.

CSVN tốn 1,6 triệu mỹ kim dựng đài truyền hình Lào

Theo báo chí của nhà nước Cộng Sản Việt Nam thì một ngân khoản 1,6 triệu mỹ kim được sử dụng để thực hiện một đài truyền hình mới tại thủ đô Vạn Tượng của nước Lào.

Đài truyền hình sẽ phát hình trên băng tần số 9 của nhà nước Lào và băng tần số 2 của nhà nước Cộng Sản Việt Nam, với tầm phát sóng 100 cây số từ Vạn Tượng. Hiện nay, làn sóng phát hình từ Thái Lan với ngôn ngữ

Thái Lan và người Lào có thể nghe và hiểu được.

Trong một cuộc thăm dò được thực hiện trường Đại học Hồng Kông vào năm 1998 cho hay kết quả là có tới 94% người trả lời là đã theo dõi chương trình truyền hình Thái Lan trong các tuần trước.

CSVN gia tăng các chương trình viện trợ cho Lào trong mấy năm qua, chi trả phân nửa số ngân khoản 8 triệu mỹ kim thực hiện Viện bảo tàng lãnh tụ Cộng Sản Lào Kaysone Phomvihane. Viện Bảo tàng được khánh thành tại Vạn tượng hồi tháng 12 vừa qua, đồng thời đã thực hiện một Quân y viện tại thành phố Xieng Khouang, phía Bắc Lào.

Cộng Sản Việt Nam và Lào hiện vẫn còn duy trì Hiệp ước Thân Hữu và Hợp tác 1977, cho phép bộ đội Cộng Sản Việt Nam can thiệp vào lãnh thổ Lào trong thập niên 80.

Hà Nội bán gạo cho Phi với giá rẻ mạt

Theo tin tức từ Manila, đại diện Tổng Công Ty Lương Thực Miền Nam (Vinafood) đã nhanh chân đến Phi, thảo luận với các viên chức trong chính phủ Phi Luật Tân để bán gạo.

Đại diện của Thái Lan, Pakistan, và cả Hoa Lục, cũng sẽ có mặt ở thủ đô Phi để gạ bán gạo sau khi Phi loan báo chương trình nhập cảng 200.000 tấn gạo trong tháng tới.

Phi Luật Tân dự trữ nhập cảng từ 400.000 tấn cho năm nay và con số thiếu hụt có thể lên hơn 650.000 tấn tùy tình hình thu hoạch vụ mùa sắp tới. Tổng kết cuối năm 2000 cho thấy họ không thu hoạch khả quan vụ mùa cuối năm do ảnh hưởng nặng của bão lụt.

Một viên chức Cơ Quan Lương Thực Quốc Gia (NFA) của Phi cho hay họ bắt đầu gặp đại diện của Vinafood để thảo luận các điều kiện mua 200.000 tấn gạo loại 25% tấm.

Mấy ngày cuối năm 2000, giá gạo 25% tấm của Việt Nam xuất tại cảng Sài Gòn được chào giá 150 mỹ-kim / tấn (15 xu một kí). CSVN cho hạ giá gạo xuất-cảng xuống, cốt để thu vét ngoại-tệ.

Các nước nhập cảng gạo nhiều như Phi Luật Tân biết các nước xuất cảng gạo chuyên nghiệp như Việt Nam, Thái Lan, Pakistan, nay thêm cả Trung Cộng, đang phải đối phó với một thị trường ngày càng thu hẹp nên không tỏ vẻ vội vã và cũng không thương thảo chỉ với một nước để có những điều kiện thuận tiện nhất về giá cả, điều kiện thanh toán, thời hạn giao hàng.

Thông thường, gạo Việt Nam có phẩm chất thấp hơn các nước khác nên luôn luôn chịu các điều kiện lép hơn hầu hy vọng bán được hàng. Đầu năm ngoái có lúc Hà Nội đã phá giá gạo thế giới xuống còn có 137 đô/tấn như những dấu hiệu tuyệt vọng của con buôn ế hàng.

Năm 2000, Việt Nam xuất cảng lối 3,5 triệu tấn gạo. Chỉ tiêu của nhà nước hồi đầu năm là 4,3 triệu tấn đã không đạt nổi vì trong nước gặp nhiều thiên tai và sự cạnh tranh quá gay gắt trên thị trường thế giới.

Năm nay, Hà Nội lại đạt chỉ tiêu xuất cảng từ 4 triệu đến 4.3 triệu tấn dù hậu quả của cơn lụt tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long vẫn còn để lại hậu quả. Dân chúng một số tỉnh bị lụt mất hết sản nghiệp, bị đói nhưng không được nhà nước giúp đỡ, vì bao nhiêu gạo đã vét bán hết ra ngoại-quốc, đổi lấy ngoại tệ chia nhau.

Mỗi lần VC khoe "đạt chỉ-

tiêu" xuất-cảng gạo, có nghĩa là có khoảng hàng chục triệu dân trên toàn quốc chịu nạn đói, và hàng ngàn người chết vì suy dinh-dưỡng.

Quảng Bình:

110.000 người bị đói

Theo báo *Tuổi Trẻ*, hiện toàn tỉnh Quảng Bình có đến 110,000 người lâm vào tình cảnh đói khổ, trong đó có 58,000 người bị đói gắt và 120,000 nhân khẩu thuộc các thành phần cần được cứu trợ gấp. Trong dịp Tết Tân Ty, ngân sách ngành xã hội chỉ được cấp 2 tỉ đồng mua gạo trợ giúp các gia đình bị đói, mỗi gia đình thuộc thành phần cần được cứu trợ khẩn được cấp 5kg gạo/ nhân khẩu và mỗi gia đình bị đói được cấp 3 kg gạo/nhân khẩu.

VN dự trữ gia tăng xuất cảng sang Mỹ

Nguồn tin từ bộ thương mại CSVN cho hay chỉ tiêu xuất cảng sang Mỹ từ nay đến năm 2005 sẽ tăng 30 đến 35% mỗi năm để có thể đạt được số thương vụ là 2.8 đến 3 tỉ mỹ kim vào năm 2005.

Theo tin trên thì dù đã ký hiệp định thương mại nhưng chưa được quốc hội hai bên duyệt xét nên mức thuế Mỹ đánh vào hàng Việt Nam vẫn còn cao và do đó chưa đẩy mạnh mức xuất cảng sang Mỹ.

Năm 1996, Việt Nam xuất cảng sang Mỹ khoảng 204 triệu mỹ kim. Con số này tăng lên 504 triệu mỹ kim năm 1999 và 700 triệu mỹ kim năm 2000. Tuy vậy, trị giá hàng xuất cảng sang Mỹ chỉ chiếm khoảng 5% tổng trị giá hàng xuất cảng của Việt Nam, chưa bằng 1/3 trị giá hàng Việt Nam bán sang các quốc gia trong khối EU cũng như chỉ bằng 1/5 trị

giá hàng bán sang Nhật.

Các mặt hàng chính hiện bán sang Mỹ gồm giày dép, hải sản, cà phê, dầu thô, hàng may mặc, hạt tiêu và hạt điều.

Trong năm 2000, hàng hải sản Việt Nam với hai mặt hàng chính là tôm và cá đông lạnh, đã xuất cảng được khoảng 300 triệu mỹ kim sang thị trường Mỹ.

Hai loại hàng hóa có hy vọng bán nhiều sang thị trường Mỹ trong thời gian tới sau khi được hưởng mức thuế thấp là giày dép và sản phẩm gốm sứ. Về giày dép thì loại giày đàn ông, giày trẻ em, giày dép đi trong nhà, dép tắm biển rất có triển vọng bán được. Về đồ sứ thì hiện nay con số xuất cảng sang Mỹ vẫn còn ít ỏi nhưng trong tương lai có nhiều khả năng cạnh tranh được với hàng đồ sứ Trung Quốc hiện đang coi như độc quyền thị trường Mỹ.

60% rừng VN bị phá huỷ

Theo tin của FEER, các khu rừng Việt Nam mỗi ngày mỗi thưa dần, lại còn bị nạn khai thác cây lấy gỗ nên hiểm họa môi sinh gia tăng trầm trọng.

Các nhà môi sinh học địa phương và quốc tế mong mỗi việc khai thác rừng cây ngưng hẳn để có thể tái tạo môi sinh trước khi quá trễ.

Chín triệu mẫu rừng hoang trong tổng số 19,2 triệu mẫu đất được nuôi để thành rừng hiện nay hình như đã được bảo vệ, nhờ sự can thiệp của Thủ tướng Võ Văn Kiệt năm 1997. Nhà nước đã đóng các cửa rừng này cho tới năm 2010, phần lớn các rừng này ngày xưa do Kiệt cho khai thác để kinh tài và nay thì qui lỗi cho Hoa kỳ dùng bom đạn phá rừng trong cuộc chiến tranh Việt Nam.

Hàng triệu mẫu đất còn lại là các vùng đất trống trọt theo chính sách kinh tế mới của các lãnh tụ cộng sản, đưa dân thành thị về các vùng rừng khảm hoang, bỏ lại nhà cửa và ruộng đất màu mỡ cho các cán bộ cộng sản xâm chiếm để tranh giành và tố giác lẫn nhau. Những vùng kinh tế mới này có thể tạo lại thành rừng cây để cung cấp cho thị trường gỗ.

CSVN đã cho đóng cửa ba phần tư trong 400 xí nghiệp làm rừng do nhà nước quản lý năm 1990 sau khi có nạn các người làm cây đã khai thác rừng bừa bãi. Những người này trong thời chiến tranh đã từng liên lạc với Võ Văn Kiệt, tiếp tế cho đội quân của Mặt trận Giải phóng. Năm 1975 khi cộng sản chiếm Miền Nam Việt Nam, Kiệt đã cấp giấy chứng nhận có công với cách mạng cho những người làm cây này. ●

Mái Ấm Thiên-Ân cảm ơn

Thầy trò Mái Ấm Thiên Ân* trong thời-gian sau Tết Tân Ty nhận được quà của:

- Bác-sĩ Nha-Khoa Đinh Thị Quế, Dorchester MA 50.00 \$US
- Nhóm từ-thiện của ông Nghiêm Phú Phúc và bà Đỗ Phương, Toronto, Canada có cháu về thăm Mái Ấm Thiên Ân, cho quà 975 gia-kim (khoảng 635 mỹ-kim) để mua một máy vi-tính Pentium 3. Phong mừng quá vì nhận quà đúng lúc máy đã hư cả tuần lễ.

Có những anh chị và cô bác hỏi đường vào thăm Mái Ấm Thiên Ân. Vì Mái Ấm Thiên Ân không có số nhà, xin hỏi số nhà của bà chủ đất là 40/34 Đường Tân Hương, Phường 16, Tân Bình, gần nhà thờ Tân Hương và Chợ Tân Hương.

Điện-thoại của Mái Ấm Thiên Ân là : 8472406

Thầy trò Mái Ấm Thiên Ân cảm ơn các ông bà, anh chị, các cháu và toà-soạn Làng Văn. Xin ơn trên ban muôn ơn lành và sự bình-an.

(Nguyễn Văn Thông)

* Xin đọc lại bài *Người Đau-Khổ Tạ Ơn* của Nguyễn Văn Thông, trên *Làng Văn* số 207, trang 30; hoặc trên Website Làng Văn (www.tapchilangvan.com) trang "Báo Làng Văn năm 2000."

Linh-Mục Nguyễn Văn Lý và Sự Vâng-Phục

Nguyễn Văn Thông

Trong cuộc đấu-tranh cho Tự-do Tôn-giáo hiện nay của các nhà lãnh-đạo tinh-thần các tôn-giáo tại Việt-Nam, chúng ta cảm thấy những niềm phấn-khởi ở nhiều mặt. Một trong những mặt ấy là sự chung tay góp sức của các tôn-giáo lớn là Phật-giáo, Phật-giáo Hòa Hảo, Cao-Đài, Công-giáo, và Tin-Lành. Sức-mạnh tinh-thần là nền-tảng của mọi sinh-hoạt và mọi đấu-tranh. Khi có chỗ dựa là niềm tin thì sức-mạnh ấy vô-tận. Khi các niềm tin đón-nhận nhau như anh em, như những bổ-túc cho nhau thì chúng ta có quyền lạc-quan về một tương-lai tươi-sáng của dân-tộc.

Tôi là một tín-hữu Công-giáo, tôi hằng ngày tạ ơn Thiên-Chúa vì mình được làm con Ngài mà không phải mất công tìm-kiếm. Nhưng tôi cũng trọng-kính những anh em không cùng tôn-giáo, nhất là những anh em Phật-giáo của tôi, những người đã gìn-giữ được những giá-trị nhân-bản và giáo-thuyết cao sâu từ bao ngàn năm để chuẩn-bị cho chúng tôi để đón-nhận niềm tin vào Chúa. Những giá-trị ấy của họ được Công Đồng Vatican II tôn-vinh là những giá-trị chuẩn-bị cho niềm tin Kitô-giáo. Mới đây trong Hội-nghị các Giám-mục á Châu, sự tôn-vinh còn được nâng cao hơn một bậc, gọi những giá-trị ấy là giá-trị Kitô-giáo.

Cũng trong cái cao-trào đấu-

tranh cho Tự-do Tôn-giáo này, đôi khi có những khúc-mắc có thể trở-thành vướng-vít. Tôi muốn nói tới trường-hợp của Linh-mục Nguyễn Văn Lý trong sự liên-hệ với Hội-Đồng Giám-Mục (HĐGM) Việt-Nam. Cha Lý trong những lời kêu-gọi đã thống-thiết xin HĐGM Việt-Nam phải đổi thái-độ với nhà cầm quyền cộng-sản Việt-Nam. Trong khi đó HĐGM vẫn im-lặng. Sự im-lặng này gây ra những ý hiểu khác nhau. ý hiểu bi-quan cho rằng HĐGM bất đồng ý-kiến với cha Lý. Sau đó có nguồn tin rằng, cộng-sản áp-lực HĐGM Việt-Nam bắt cha Lý phải im tiếng. Người quan-tâm đến đại cuộc lo-âu. Cha Lý có phải vâng lời HĐGM hay không, nếu các ngài ra lệnh cho cha phải im tiếng tranh-đấu? Khá nhiều năm nay HĐGM vẫn giữ thái-độ hòa-hoãn với cộng-sản thì để gì sẽ làm ngược lại yêu-cầu của họ. HĐGM vẫn im-lặng.

Chúng ta hãy tạm chọn ý hiểu bi-quan này để suy-nghĩ xem sao. Nếu mọi sự xảy ra theo ý hiểu lạc-quan thì còn gì bằng, ta chỉ việc vỗ tay ăn mừng. Dầu sao đây cũng là cơ-hội nóng-hổi để chúng ta tìm-hiểu sâu-xa một chút về đời sống và giáo-lý của Giáo-Hội Công-giáo qua vấn-đề vâng-phục. Mà để hiểu vấn-đề vâng-phục Kitô-giáo thì chúng ta cũng cần biết qua về cách tổ-chức của Giáo-Hội Công-giáo, và những giáo-

huấn của Giáo-Hội. Các bạn không cùng tôn-giáo với tôi có khi lại thích biết một chút nội-bộ Công-giáo qua những vấn-đề gai-góc như thế này. Vậy xin mời các bạn vào nhà. Cứ mang sự tò-mò tự-nhiên. Thú thật với các bạn, tôi không phải là người dễ vâng-phục, thành ra tôi cũng phải cố tìm hiểu cho tường-tận.

Tôi xin dùng tài-liệu Công-Đồng (CD) Vatican II để trình-bày. CD Vatican II là cuộc Đại-Hội các Giám-Mục toàn thế-giới về Roma để cùng với Đức Giáo-Hoàng Gioan XXIII, các Hồng-y, và các Bề-Trên Tổng Quyền của các dòng tu, được gọi là các Nghị-phụ, tất cả có 3058 vị, họp bàn về các vấn-đề quan-trọng đặc-biệt của Giáo-Hội. Ngoài các Nghị-phụ còn các nhà chuyên-môn trong hàng linh-mục, tu-sĩ và giáo-dân, và ngoài Công-giáo, con số lên tới 460 vị, không kể các quan-sát viên được mời từ các tôn-giáo khác. Các con số thay-đổi tùy theo các kỳ họp. Trước khi triệu-tập Công Đồng là thời-gian chuẩn-bị, từ năm 1959 đến 1962, để làm những công-việc thành-lập các ủy-ban, thu-thập các góp ý về các đề-tài, gởi và nhận các bản thăm-dò, tổng-kết thành những lược-đồ. Ngày 11 tháng 10 năm 1962 khai-mạc Công Đồng

Có bốn kỳ họp, mỗi kỳ họp dài từ hai đến ba tháng. Giữa các kỳ họp là thời-gian soạn-thảo và tra-cứu. Ngày 3 tháng 6 năm 1963, Đức Giáo-Hoàng Gioan XXIII từ trần. Ngày 21 tháng 6, Đức Phaolô VI lên ngôi. Có tất cả 538 cuộc bỏ phiếu toàn-phần hay từng phần. Ban ấn-loát phát-hành 19 cuốn sách trong giai-đoạn chuẩn-bị, in khoảng 40 triệu trang cho các thăm-dò, tường-trình, lược-đồ, đề-nghị tu-chính. 712 cuốn băng, dài 284 ngàn mét được dùng để thâu băng các cuộc họp. Công Đồng

bế-mạc ngày 8 tháng 12 năm 1965. Như thế, có thể nói CĐ Vatican II là một công-trình lớn-lao và toàn-diện của Giáo-Hội Công-giáo hoàn vũ. Đến nay đã hơn 30 năm, Công Đồng Vatican II vẫn là kho-tàng căn-bản cho đời sống của Giáo-Hội.

Bạn giạt mình bảo, cả một công-trình như vậy mà tôi dám đòi làm hướng-dẫn viên mà không sợ dẫn bà con đi lạc à? Sợ chứ, cho nên tôi chỉ xin làm phần giới-thiệu thôi, còn đi tìm hiểu sâu-xa thì xin tùy khả-năng của mỗi người. Vậy bây giờ xin giới-thiệu với bạn, xem Công Đồng nói gì về Giáo-Hội.

Giáo-Hội được gọi là bí-tích (dấu chỉ hữu-hình của sự sống siêu-nhiên) và mẫu-nhiệm. Một trong những hình-ảnh được trình-

bày về Giáo-Hội là thân-thể Đức Kitô. Qua cái chết và sự phục-sinh, Đức Kitô đã cứu-chuộc và biến con người thành thụ-tạo mới. Ngài tạo-lập cách mẫu-nhiệm các anh em Ngài, tụ-hợp từ muôn nước thành thân-thể Ngài, bằng cách thông-truyền Thánh-Linh cho họ. Trong thân-thể ấy, sự sống Chúa Kitô tràn-lan trên các tín-hữu. (CĐ Vatican II, tr. 150,151, Giáo-Hoàng Học-viện Pío X)

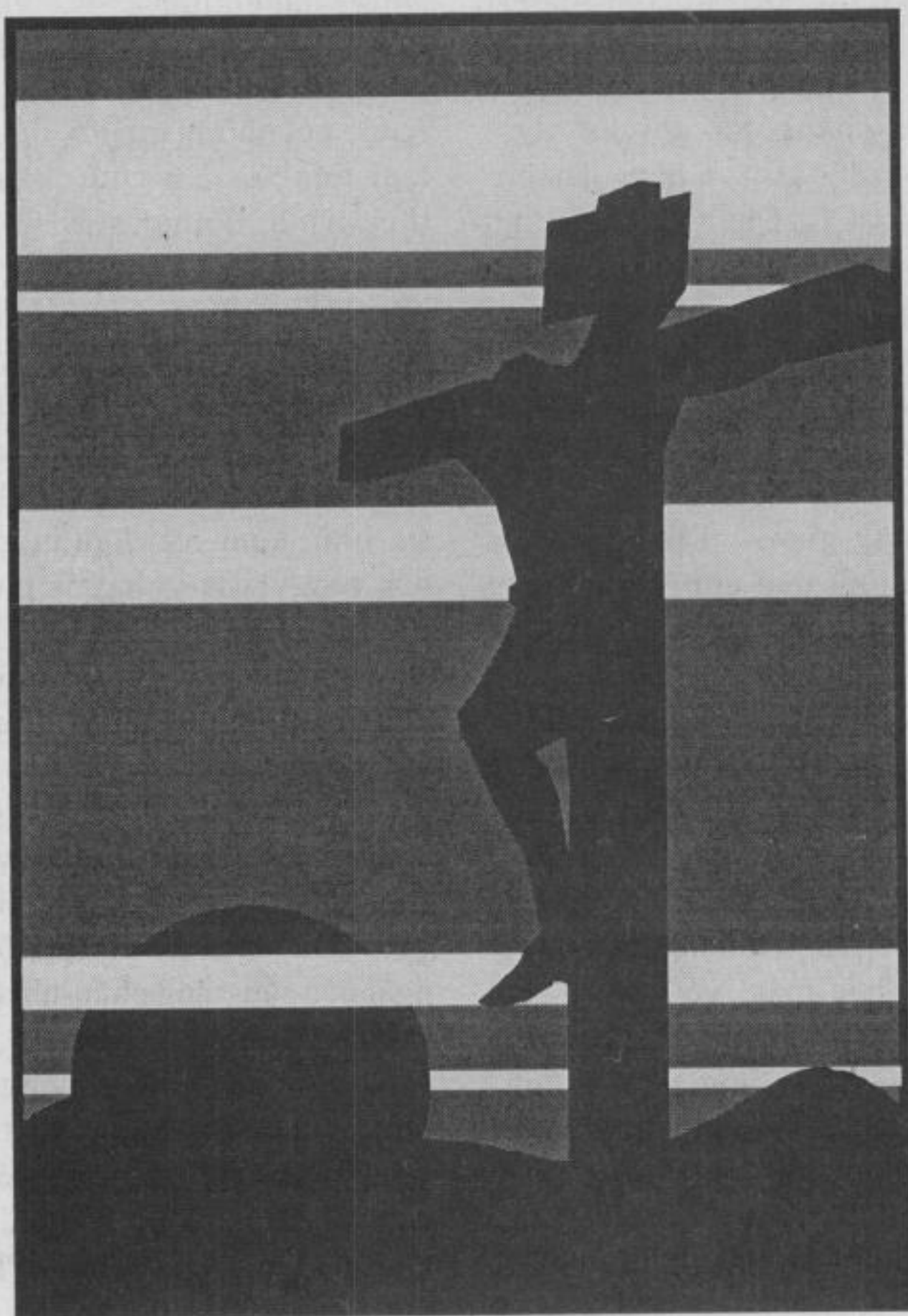
Trong việc xây-dựng thân-thể Chúa Kitô, cần có nhiều chi-thể và phần-vụ khác nhau, nhưng chỉ có một Chúa Thánh-Linh ban những ân-sủng khác nhau tùy nhu-cầu của công-việc. (1 Cor 12, 1-11). Chúa Kitô là đầu thân-thể này. Ngài là nguyên-lý, là trưởng-tử giữa các kẻ đã chết, hầu nắm quyền thủ-lãnh mọi sự (Col 1, 15-

18). Mọi chi-thể có bốn-phận phải nên giống Chúa Kitô cho đến khi Ngài được hình-thành trong họ (Gal 4,19).

Thế ra điều chúng ta thường thấy về Giáo-Hội là một tổ-chức xã-hội có phẩm-trật, nghĩa là hữu-hình và trần-thế. Cái mà chúng ta ít thấy là Giáo-Hội là một cộng-đoàn thiêng-liêng vừa được trình-bày qua hình-ảnh nhiệm-thể của Chúa Kitô. Tổ-chức xã-hội có nhiều hình-thức, từ chế-độ bộ-lạc, phong-kiến, quân-chủ chuyên-chế, quân-chủ lập-hiến, xã-hội chủ-nghĩa, cộng-sản chủ-nghĩa,... mà có lẽ chế-độ văn-minh nhất con người ngày nay đạt được là chế-độ dân-chủ. Giáo-Hội Công-giáo chỉ có Chúa Kitô đứng đầu thì có phải là một chế-độ chuyên-chế phản dân-chủ không?

Thưa không, vì qua hình-ảnh một thân-thể, thì mọi chi-thể đều phục-vụ và được hưởng sự phục-vụ của các phần thân-thể khác, không có chi-thể nào đóng vai-trò nô-lệ cả, không có sự đàn-áp, tranh-giành hay ganh-tị. Hơn nữa, hãy xét, tất cả mọi chế-độ văn-minh, văn-hóa của xã-hội loài người đều muốn nhắm tới mục-đích lo phúc-lợi cho dân nước. Dĩ-nhiên ta không thể kể các chế-độ dùng mọi chiêu-bài hay mỹ từ để che-đậy sự ăn cướp ban ngày của họ được. Thế cho nên khi đã biết chắc một chế-độ mở đường tới Chân-Thiện-Mỹ rồi thì ta yên trí, không cần cứ vài ba năm lại phải đi bầu-cử tìm một thứ chân-thiện-mỹ khác. Các chế-độ trần-thế không mang nhiều chân-thiện-mỹ lắm cho nên mới phải tìm-kiếm, và thay-đổi.

Tuy Chúa Kitô là đầu Giáo-Hội, là chủ chân vĩnh-cửu, nhưng Ngài trao quyền cho các đấng kế vị là các Giám-Mục làm chủ chân trong Giáo-Hội cho đến tận thế. Để chúc Giám-Mục được duy-



nhất và không bị phân-chia, Chúa đã đặt Thánh Phêrô làm Thủ-lãnh các Tông-đồ khác trên cùng nền-tảng hiệp-nhất đức tin và hiệp-thông. (CĐ tr. 177). Thế là Thánh Phêrô trở nên vị Giáo-Hoàng đầu-tiên của Giáo-Hội. Vậy Giáo-Hoàng và Giám-Mục hành-xử thế nào với quyền ấy?

Là đại-diện và sứ-giả của Chúa Kitô, các Giám-Mục chỉ dùng quyền-bính để xây-dựng đoàn chiên trong chân-lý và thánh-thiện, khi luôn tâm-niệm rằng, kẻ cao-trọng sẽ nên như kẻ rớt hết, người làm chủ hãy nên như tôi-tớ. (CĐ tr.195) Được chủ sai đi cai-quản đoàn chiên mình, vị Giám-Mục phải chiêm-ngắm gương-mẫu Chúa Chiên Lành. Người đến để phục-vụ chứ không phải để được phục-vụ (Mt20,28) và hiến mạng sống mình vì con chiên (Jn10,11). Giám-Mục không nên từ-chối lắng nghe những kẻ thuộc quyền, nhưng hãy ân-cần săn-sóc họ như những người con đích-thực. (CĐ tr 196).

Nói một cách khác, Giáo-Hoàng và các Giám-Mục truyền sự vâng-phục để ý Thiên-Chúa được thể-hiện. Như thế, người tín-hữu khi vâng-phục không phải là vâng-phục một quyền-bính trần-thế mà là vâng-phục Thiên-Chúa của Chân-Thiện-Mỹ; và khi truyền sự vâng-phục, các ngài phải bày-tỏ được đó là thánh ý của Thiên-Chúa. Chúng ta biết rằng con người ai cũng trân-quí sự tự-do, nhiều trường-hợp hơn cả mạng sống. Và vì tự-do không phải là một trạng-thái thông-dong để tìm đến sự hủy-diệt, mà để đi tìm chân-lý, sự thiện, và sự toàn mỹ, cho nên con người khi được bơi-lội trong chân-thiện-mỹ thì chính là được bơi-lội trong tự-do. Con cá được tự-do trong biển cả chứ không phải tự-do trong bầu trời, dù bầu trời mênh-mông.

Đức Giáo-Hoàng và các Giám-Mục tìm ra ý Thiên-Chúa bằng cách nào? Bằng tất cả sự cầu-nguyện, sự lắng-nghe, thấu-nhận, nghiên-cứu, học-hỏi, và nhạy-cảm với những nhu-cầu của thời-đại qua sự soi sáng của những giá-trị Phúc-Âm. Ở phần trên, khi nói về sự triệu-tập CĐ Vatican II, tôi trích-dẫn những con số lạ-lùng về các Nghị-phụ và thời-gian họp, mà không một tổ-chức trần-thế nào khác đã thực-hiện được, không phải chỉ để nói lên tầm quan-trọng của CĐ, mà còn để chứng-tỏ tính dân-chủ siêu-việt trong sự tìm và thể-hiện thánh ý Thiên-Chúa. Trong những cuộc bàn-thảo trước khi bỏ phiếu, sự tranh-luận có khi rất căng-thẳng. Bên bênh-vực cũng như bên chống đều rất dữ-dội. Chính Đức Giám-Mục Wojtyla, vị Giáo-Hoàng bây giờ, đã viết: "CĐ là một kinh-nghiệm lớn-lao của Giáo-Hội. Đó là - như chúng tôi gọi lúc ấy - 'Chủng-viện của Chúa Thánh-Linh.' Ở CĐ Chúa Thánh-Linh nói với Giáo-Hội trong tất cả hoàn-vũ tính, được phản-chiếu trong sự hiện-diện của các Giám-Mục từ khắp thế-giới và bởi sự có mặt của các đại-diện của nhiều Giáo-Hội và cộng-đồng không phải Công-giáo." Để minh-họa thêm về tính dân-chủ trong Công Đồng, tôi muốn đưa ra vài kết-quả bầu phiếu trong Công Đồng. Sắc-Lệnh về Giám-Mục được 2167 phiếu thuận, 14 chống. Sắc-Lệnh về Tông-Đồ Giáo-dân được 2201 phiếu thuận, 2 chống. Lược-đồ về Các Tôn-giáo ngoài Kitô-giáo được 1763 phiếu thuận, 250 chống.

Bạn thắc-mắc về quyền bất khả-ngộ của Giám-Mục Roma - hay Đức Giáo-Hoàng, phải không? Các ngài chỉ sử-dụng quyền đó, quyền không sai-lầm, trong rất ít trường-hợp khi tuyên-bố về tín-điều. Mà những tín-điều là những

gì vượt quá sự tìm kiếm của trí-tuệ, và được soi-sáng bởi Chúa Thánh-Linh qua những bằng-chứng siêu-nhiên là các phép lạ.

Bây giờ ta hãy xem Công Đồng nói thế nào về vai-trò của người giáo-dân. Người Kitô-hữu nhờ Phép Rửa đã trở nên Dân Thiên-Chúa và tham-dự vào chức-vụ Tư-tế, Ngôn-sứ và Vương-giả của Chúa Kitô theo cách-thức của họ. Họ sống giữa trần-gian, làm những công-việc và bổn-phận của trần-thế, giữa cảnh sống thường ngày trong gia-đình và ngoài xã-hội. Đó là nơi Thiên-Chúa gọi họ, để dưới sự hướng-dẫn của Phúc Âm, như men từ bên trong, họ thánh-hóa thế-giới bằng việc thi-hành những nhiệm-vụ của mình. (CĐ tr 203)

Vì thế, tuy trong Giáo-Hội, tất cả tuy không cùng đi một đường, nhưng tất cả vẫn cùng được mời-gọi để nên thánh. Theo ý Chúa Kitô, có những người được chọn làm tiến-sĩ, làm chủ chăn, người thừa-hành, nhưng giữa tất cả mọi người vẫn có sự bình-đẳng thật sự, bình-đẳng về phương-diện phẩm-giá và hoạt-động chung của mọi tín-hữu để xây-dựng thân-thể Chúa Kitô. (CĐ tr 205) Vì trong Chúa Kitô và trong Giáo-Hội, không có sự hơn kém về nguồn-gốc hay dân-tộc, vì địa-vị hay vì phái-tính, bởi lẽ "không còn là Do Thái hay Hi-Lạp, nô-lệ hay tự-do, nam hay nữ, vì anh em hết thảy đều là một trong Chúa Kitô" (Gal 3, 28; Col 3,11). Cho nên nhiệm-vụ các chủ chăn là phải nhìn-nhận và nâng cao phẩm-giá và trách-nhiệm của giáo-dân trong Giáo-Hội. Các ngài nên sẵn-sàng chấp-nhận những ý-kiến khôn-ngoa của họ, tin-cần giao cho họ những công-tác để phục-vụ Giáo-Hội. (CĐ tr 212)

Khi trả lời câu hỏi về quyền của vị Giám-Mục Roma, tức là Giáo-Hoàng, Đức Gioan Phaolo II

nói: “Trước đây trong thời các Giáo-phụ người ta thường nói ‘*Christianus alter Christus*’ (Kitô-hữu là Chúa Kitô thứ hai)”. Các bạn Công-giáo Việt-Nam có nhớ không, có mười lễ truyền-chức linh-mục và mở tay hồi xưa thì cả mười bài giảng ta đều được nghe các cha tôn-vinh rằng, “*Sacerdos alter Christus*”, nghĩa là “Linh-mục là Chúa Kitô thứ hai”. Bây giờ ta mới biết cái câu thành-ngữ nguyên-thủy này của Giáo-Hội. Thật là may-mắn. Một đoạn khác Đức Giáo-Hoàng nói: “Nghĩ cho sâu-xa hơn, *Christianus* (người Kitô-hữu) có một ý-nghĩa lớn hơn *Episcopus* (Giám-Mục), cho dù là Giám-Mục của Roma.” (Câu hỏi 1, *Bước Vào Cửa Hy-vọng*)

Tôi xin không phải bàn đến vai-trò của linh-mục trong phần này, vì linh-mục là cộng-tác viên của Giám-Mục. Khi đi sâu xuống một bậc là hàng giáo-dân rồi thì ta cũng hiểu được khá vai-trò của linh-mục trong tương-quan với Giám-Mục. Ở chỗ này, tôi phải xin phép bạn để cảm ơn Chúa ban cho chúng tôi có cha Lý và những linh-mục khác dám đứng lên tranh-đấu cho tự-do tôn-giáo, cho nhân-quyền. Đã bao nhiêu năm nay chúng ta mong-đợi? Nếu chỉ có người giáo-dân đứng lên, thì vấn-đề vâng-phục được đặt ra còn khó-khăn đến bậc nào!

Bây giờ về nguyên-tắc, chúng ta đã giải-tỏa được phần nào thắc-mắc về cách sử-dụng quyền-hành trong Giáo-Hội. Nhưng có bạn (rất ngoan đạo) sẽ nói, ý Thiên-Chúa đâu có như ý của người ta, khó biết lắm. Cho nên làm sao biết được ý của Ngài nằm ở phía cha Lý mà không phải ở HĐGM Việt-Nam khi các ngài cứ giữ thái-độ im-lặng?

Chà, câu hỏi thật hóc-búa. Như vậy là có hai phe, phe cha Lý và phe HĐGM. Có bao nhiêu ông

theo phe cha Lý, và bao nhiêu theo phe HĐGM? Phe nào đông? Mà chắc gì phe đông đã đúng, đã được Chúa ủng-hộ. Lại còn đúng ở khía-cạnh này, sai ở khía-cạnh kia mới là rắc-rối. Rắc-rối thế này thì không khéo Chúa chẳng muốn ở phe nào cả. Mà quả thế, Chúa chỉ muốn hiện-diện trong sự hiệp-nhất, khi mà ta cùng nhau cầu-nguyện. Tôi nghĩ rằng, sự im-lặng của các Giám-Mục Việt-Nam là một sự đồng ý ngầm (Cuộc phỏng-vấn cha Lý 27.1.2001). Tuy nhiên điều ấy không căn-bản cho bằng là chính các ngài nắm vững các giáo-huấn của CĐ hơn người phạm chúng ta nhiều. Giáo-dân chúng ta có quyền hãnh-diện về phẩm-giá làm con Chúa và quyền đồng thừa-tự như các Giám-Mục trong nhiệm-thể Chúa Kitô, nhưng nhớ là nhiệm-vụ khác nhau. Nhiệm-vụ của các ngài là chủ chăn. Là chủ chăn mà không nắm vững vai-trò của chủ chăn, và không có ơn đoàn-sủng của chủ chăn thì làm sao chu-toàn sứ-mệnh cho được. Hơn nữa, các ngài không phải chỉ đơn-độc, mà còn sự thông-hiệp của tất cả Giám-Mục đoàn và của Giáo-Hội. CĐ viết rõ-ràng như sau về nhiệm-vụ của Giám-Mục.

Các Giám-Mục phải trình-bày giáo-thuyết Kitô-giáo một cách thích-hợp với nhu-cầu của thời-đại, nghĩa là đáp-ứng những khó-khăn và những vấn-đề đang làm cho mọi người xao-động và khắc-khoải nhất. (CĐ tr 344) Khi xã-hội trần-gian có tà thuyết chủ-trương xây-dựng xã-hội bất cần đạo-lý, và chủ-trương chống lại hay hủy-diệt tự-do tín-ngưỡng thì việc chống lại những tà thuyết ấy là chính-đáng. (CĐ tr 211). Mà cha Lý có đòi-hỏi gì khác hơn đâu? Tôi xin trưng thêm một đoạn trong giáo-huấn của CĐ cũng đúng ý boong với những gì cha Lý đang tranh-đấu cho quyền độc-lập

của Giám-Mục với nhà cầm quyền cộng-sản: Trong việc tông-đồ nhằm cứu-rỗi các linh-hồn, các Giám-Mục tự mình được hưởng quyền tự-do đầy-đủ và hoàn-toàn cũng như quyền độc-lập đối với bất cứ quyền-hành dân-sự nào. Vì thế không được phép trực-tiếp hay gián-tiếp ngăn-trở việc thi-hành nhiệm-vụ thuộc phạm-vi Giáo-Hội của các ngài, hoặc không cho các ngài tự-do liên-lạc với Tòa Thánh, với những Thẩm Quyền khác trong Giáo-Hội và với những kẻ thuộc quyền. (CĐ tr 350). Rõ-ràng cha Lý đi đúng giáo-huấn của CĐ, CĐ lại do chính Giám-Mục đoàn họp dưới sự soi-sáng của Chúa Thánh-Linh. Thế thì làm gì Giám-Mục có quyền mâu-thuẫn?

Xin kể cho các bạn một sự-kiện nhỏ. Sau khi cộng-sản chiếm miền Nam 1975, tại xứ Dốc Mơ vẫn còn giữ được tục-lệ rước Đức Mẹ và đọc kinh gia-đình mỗi buổi tối trong tháng kính Đức Mẹ thời-gian đầu. Trong kinh Tôn-Vương có câu: “Gia-đình con xin nguyện không theo thuyết cộng-sản vô-thần.” Các bà, các cụ, các cô, các cháu ai nấy đồng-đặc đọc kinh thật to, vừa xong câu ấy thì hầu như mọi người im bật nhìn nhau, không thừa tiếp được nữa! Ông trương, ông trùm thì nhìn quanh nhón-nhác có vẻ lo cuống lên, trong khi có người bịt miệng cười thầm. Sau đó người ta không đọc câu kinh ấy nữa, nhưng mà đọc thầm, đọc thầm suốt hai mươi mấy năm nay. Đã thề-nguyên rồi thì làm sao mà bỏ được. Im không đọc ra tiếng không có nghĩa là không đọc. Im ở đây chỉ có nghĩa là đọc thầm, là nung-nấu, là chờ một dịp sẽ đọc lớn tiếng trở lại. Tôi quả-quyết rằng, HĐGM Việt-Nam cũng đang im-lặng trong sự nung-nấu giống như thế. Tôi không nói sự im-lặng của các ngài lúc nào cũng thích-hợp. ●



Điểm Tư Bản

Tuy đã rời khỏi Bạch Cung và trở thành một “phó thường dân”, William Jefferson Clinton vẫn còn tiếp tục gây sôi nổi dư luận nước Mỹ, và được nói tới hàng ngày trên báo chí, truyền thanh, truyền hình, và cả Quốc Hội Hoa Kỳ với những cái “gate” mới toanh: “Pardongate”, “Sofagate”, “Officegate”...

“Pardongate” là vụ tai tiếng nặng nhất, khi ông Clinton ký sắc lệnh ân xá cho 176 tội phạm chỉ hai tiếng đồng hồ trước khi mãn nhiệm kỳ tổng thống. Trong những kẻ được ông tổng thống sắp mãn nhiệm sử dụng đặc quyền để tha tội có chính em ruột của ông (Roger Clinton), và một số tay chân thân tín của ông, như Susan McDougal, kẻ đã bị tù vì nhất định không chịu hé răng khai những liên hệ của vợ chồng Clinton trong vụ “Whitewatergate”. Nhưng vụ ân xá đã gây bùng nổ dư luận và trở thành vụ “Pardongate” là việc Clinton tha tội cho Marc Rich, một tỉ phú đang đào tẩu vì bị truy tố về nhiều trọng tội.

Marc Rich đã bỏ trốn sang Thụy Sĩ năm 1983 sau khi bị truy tố 65 tội, trong đó có trốn thuế, gian lận thuế và đạo tặc mà nếu

bị kết án có thể phải ngồi tù tới... 325 năm. Là một trong những doanh thương giàu nhất thế giới, Rich bị cáo buộc đã trốn hơn 48 triệu đô-la tiền thuế và vi phạm luật cấm vận chống lại Iran bằng cách mua 6 triệu thùng dầu thô của nước này trong lúc những nhân viên tòa đại sứ Mỹ bị giữ làm con tin. Vụ trốn thuế của Rich được coi là lớn nhất trong lịch sử nước Mỹ và vụ làm ăn với Iran đã làm phần nộ dư luận Mỹ. Trong 17 năm lưu vong, Rich không sống như một kẻ bôn tẩu trốn tránh. Hắn sống trong một biệt thự có canh phòng ở Zug, Thụy Sĩ, nơi những bức tường được trang trí bằng các bức tranh của van Gogh, Picasso và Monet. Thịnh thoảng hắn tới ở tại các dinh thự tại Tây Ban Nha và Do Thái, nơi không nhìn nhận tội trốn thuế trong các hiệp định dẫn độ tội phạm với Hoa Kỳ.

Dấu hỏi lớn ở đây là Denise Rich, vợ cũ của Marc Rich, đã tặng 400 ngàn đô-la cho quỹ thư viện Bill Clinton, và đóng góp 1.3 triệu đô-la cho các cuộc vận động tranh cử của Clinton, Gore và Hillary, và Clinton đã ký lệnh ân xá cho Rich mà không hỏi ý kiến Bộ Tư Pháp. Liệu đây có phải là một vụ “tiền trao cháo múc”? Ủy Ban Cải Tổ Chính Quyền Hạ Viện Mỹ đang mở cuộc điều trần để tìm hiểu sự thật, nhưng có vẻ cuối cùng rồi cũng sẽ lại phải chịu thua Clinton một lần nữa, vì theo

Điểm

Sơn Tùng

hiến pháp Mỹ, tổng thống có quyền ân xá tội nhân, dù là ân xá do động cơ “tiền trao cháo múc”.

Nếu “Pardongate” là một vụ “tiền trao cháo múc” thì vụ “Officegate” đã chứng minh câu cách ngôn “chủ nào tớ nấy”. Ngày 20 tháng 1, nhân viên phục vụ trong Bạch Cung của Bill Clinton dọn ra, và khi “phe” George W. Bush dọn vô, họ đã chứng kiến một cảnh tượng hãi hùng: rác xả tứ tung, các bức tường bị vẽ bậy, các tủ hồ sơ không mở được vì lỗ khóa bị đổ keo, điện thoại bị phá hỏng, máy trăm bàn đánh chữ computer bị gõ mất chữ W, máy in chạy ra những hình tực tiêu... Trong khi các phụ tá và nhân viên lo làm kiểm kê và sửa chữa các hư hỏng (bằng tiền dân đóng thuế), tân Tổng thống Bush phải ngậm bồ hòn làm ngọt để tỏ ra là “người lớn”, đã không một lời than phiền mà còn nói rằng đó là “chuyện bình thường” khi có một cuộc bàn giao. Nhưng những người sống lâu trong Bạch Cung cho biết chưa bao giờ xảy ra một chuyện... trẻ con như vậy.

Có lẽ các “chuyện trẻ con” đã được những kẻ dưới quyền ông cựu tổng thống gây ra sau khi chủ của họ đã làm một cuộc cần quét trước khi ra đi. Ông bà Clinton đã lấy đi hàng trăm món đồ quý trong Bạch Cung được coi là tài sản quốc gia gồm những tặng phẩm trị giá trên 200 đô, theo luật của Mỹ. Các món đồ này đã được

chở lên New York để trang trí cho ngôi nhà riêng của vợ chồng Clinton ở Chappaqua. Sau khi bị dư luận nổi lên chỉ trích và Tổng Nha Kế Toán hăm dọa sẽ mở cuộc điều tra, Clinton đã cho chở 19 món đồ trả lại Bạch Cung - sofa, đèn, ghế bành, và một số vật dụng khác - trị giá 28 ngàn đô-la. Còn những món khác, Clinton quyết định giữ lại và bằng lòng trả 86 ngàn đô-la, khoảng phân nửa giá trị thực sự của các món đồ, chưa kể những món đồ đã bị đoàn tùy tùng của Clinton lấy trộm trên chiếc Air Force One mà ông Bush đã làm một cử chỉ ưu ái cho Clinton sử dụng lần cuối cùng từ Washington tới New York ngày 20.1. Khi chiếc máy bay trở về Washington, phi hành đoàn đã phát hiện nhiều món đồ trang bị trên chiếc phi cơ đặc biệt này đã không có cánh mà bay - muông, nĩa, khăn ăn, bình đựng muối, tiêu, tách cà-phê, túi xách - tất cả đều có mang huy hiệu

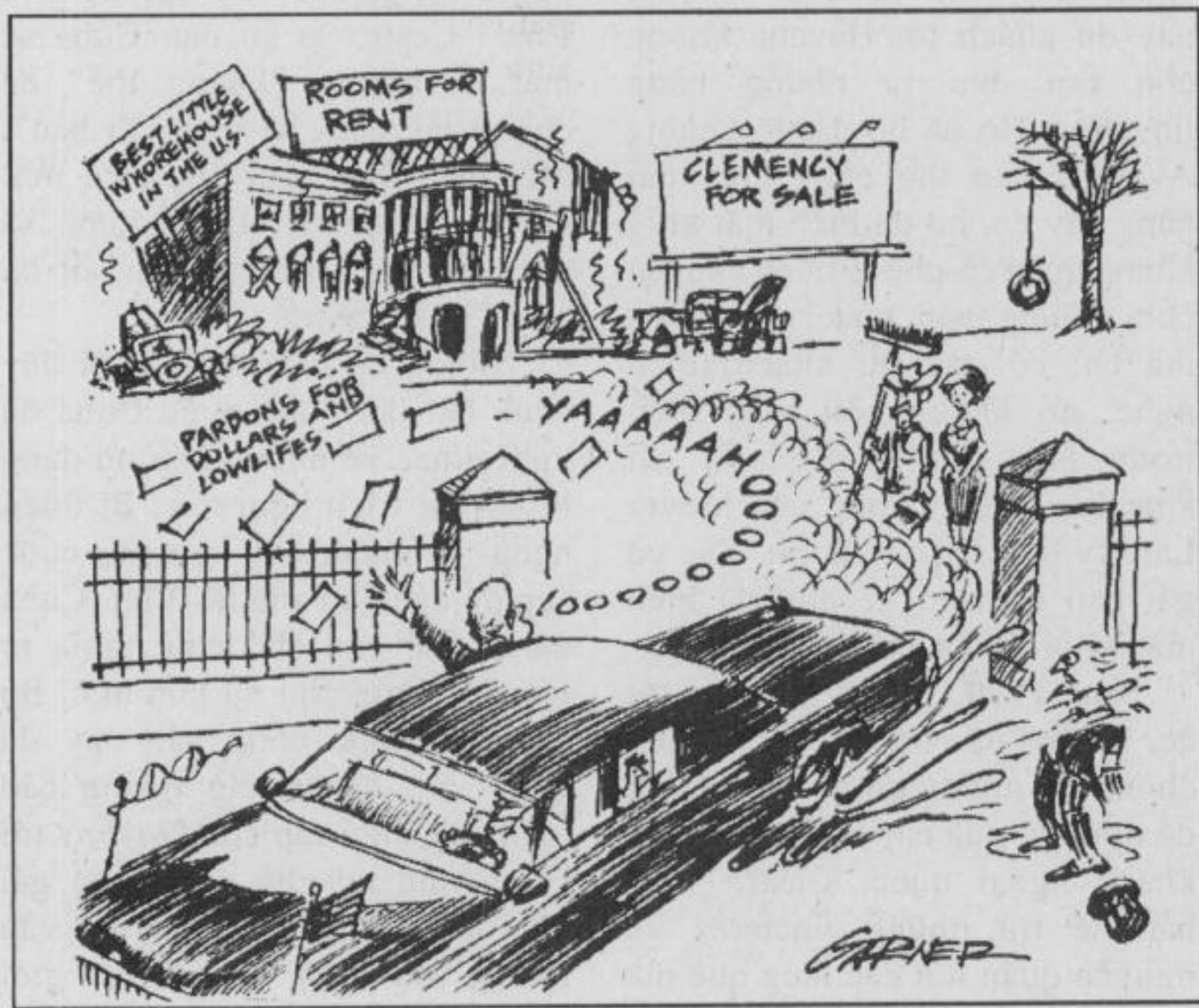
tổng thống Hoa Kỳ. Một số trong các món đồ này sau đó được rao bán trên Internet!

Những vụ "Pardongate", "Sofagate" và "Officegate" đã làm dư luận tạm quên việc một ngày trước khi mãn nhiệm, Clinton đã phải ký một bản văn thỏa thuận với Công tố viên độc lập Robert W. Ray để nhận tội khai gian trong vụ điều tra về Monica Lewinsky, chấp nhận nộp phạt 25 ngàn đô-la và không được hành nghề luật sư trong 25 năm, để đổi lấy khỏi bị truy tố ra tòa với tư cách một thường dân. Những biện pháp chế tài trong thỏa thuận này có vẻ nhẹ nhàng so với tội bội thề (khai gian sau khi đưa tay thề trước đại diện luật pháp) và không có ảnh hưởng thực tế nào vào đời sống của Clinton, nhưng là một bản án chung thân đối với danh dự một con người. Đó không phải là một di sản tốt đẹp của ông tổng thống thứ 42 của nước Mỹ, cộng với bao nhiêu là vụ tai tiếng

trong 8 năm cầm quyền. Nhưng Clinton không còn con đường nào khác để tránh khỏi bị truy tố mà Robert Ray đã cho biết trước là sẽ xảy ra "rất sớm" sau khi ông ta rời khỏi Bạch Cung. Rất nhiều người Mỹ đã đồng ý với nhau rằng "danh dự", "nhân cách" là những chữ rất xa lạ với William Jefferson Clinton, và những thành công chính trị của ông ta đã đạt được bằng lừa dối, xảo trá. Dù Bill Clinton đã nêu một tấm gương xấu cho nước Mỹ, điều làm cho nhiều người thắc mắc và các nhà đạo đức Mỹ lo sợ là ông ta vẫn được một số đông dân Mỹ ưa thích, trong đó có một số lãnh tụ da đen, đặc biệt là ông Mục sư Jesse Jackson.

Jesse Jackson là kẻ đỡ đầu tinh thần cho Bill Clinton. Vào năm 1998, khi Clinton đang ở vào cao điểm của vụ Monicagate với cuộc luận tội tại Hạ Viện Mỹ, Jesse Jackson đã dẫn một phái đoàn vào Bạch Cung để bày tỏ sự hậu thuẫn Clinton và cùng nhau cầu nguyện cho tai qua nạn khỏi. Trong phái đoàn cùng đi với Jackson có cô Karin Stanford, nhân viên ban quản trị của tổ chức Rainbow Coalition do Jackson làm chủ tịch. Nay, tờ "báo chợ" *The National Enquirer* phanh phui rằng lúc ấy cô này đang mang cái bầu mà tác giả là ông Mục sư Jackson!

Hũ mắm của Jackson được khai ra đã làm ông mục sư ở vào cảnh ngộ của Bill Clinton mấy năm trước đây, nhưng rắc rối hơn vì ông ta không chỉ nhận tội ngoại tình mà còn bị tố là đã lấy tiền của tổ chức Rainbow Coalition để nuôi mẹ con cô nhân tình trẻ. Đứa bé nay đã gần 2 tuổi và đã được xác nhận là con của Jackson sau khi thử DNA. Tổ chức Rainbow Coalition thu được khoảng 15 triệu đô-la mỗi năm và được



Di-sản của TT Clinton lưu lại Bạch-cung

miễn thuế để làm việc xã hội, và Jackson đã lấy 40 ngàn đô-la trong quỹ để trả cho mẹ con Karin làm "lộ phí" dọn nhà đi Los Angeles, và những số tiền cấp dưỡng lớn khác. Sở thuế và Bộ Tư Pháp cũng như các ông bà dân biểu nghị sĩ Mỹ có vẻ "rét" thế lực của ông mục sư da đen, trừ một số nhà báo điếc không sợ súng đang tạo áp lực để có một cuộc điều tra về vụ này. Nhưng, Jesse Jackson đã tỏ ra không hề nao núng. Ông ta vừa tuyển mộ cựu Dân biểu Mel Reynolds làm cố vấn cho Rainbow/PUSH Coalition. Reynolds là một trong số 176 tội phạm được Clinton ân xá vào phút chót trước khi rời Bạch Cung. Ông ta đã bị kết án 6 năm rưỡi tù về những tội lừa gạt, khai gian với Hội Đồng Bầu Cử Liên Bang, và đặc biệt là dụ dỗ gái vị thành niên (ngủ với một cô gái tình nguyện làm việc cho cuộc vận động tranh cử của ông ta). Báo Mỹ viết rằng đây là lần đầu tiên trong chính trường nước Mỹ, một tu sĩ có quan hệ xác thịt với thuộc cấp thuê một cựu dân biểu bị kết án về tội có quan hệ xác thịt với thuộc cấp và được ân xá bởi một tổng thống có quan hệ xác thịt với thuộc cấp!

Trong cuộc bầu cử tổng thống vừa qua, Jesse Jackson đã cầm đầu cuộc động viên người Mỹ gốc Phi Châu tới phòng phiếu mà 90% đã bầu cho Al Gore, vậy mà ông này vẫn không thắng được Bush, nên sau đó Jesse Jackson đã xuống đường liên miên, dẫn đầu các cuộc biểu tình phản đối đủ thứ, từ chuyện lá phiếu có khuyết điểm đến chuyện cử tri da đen bị đe dọa. Những chuyện này đã bị tòa án bác bỏ vì không có bằng cứ nhưng chuyện giao du thân mật giữa ông mục sư và cô nhân viên Rainbow Coalition lại có "bằng cứ rành rành". Nhưng

lại cũng như Clinton, Jesse Jackson vẫn được nhiều người mến mộ và đứng ra bình vực, cãi rằng "dù sao thì ông ấy cũng không phải là ông thánh"! Ông ấy là một con người. Một con người vĩ đại với vợ bé và con rơi! Và vẫn được coi là "thần tượng" của vô số người.

Nghĩ thương cho những cô gái đứng đường. Họ là loại điểm lương thiện.

Điểm Vô Sản

Thời gian gần đây, du khách ngoại quốc tới Havana, thủ đô của nước Cuba xã hội chủ nghĩa, không còn gặp những phụ nữ được gọi là *jineteras*. *Jinetera*, tiếng Tây Ban Nha đồng nghĩa với chữ *jokey* (nài ngựa) trong tiếng Anh, là tiếng lóng ở Cuba để chỉ những phụ nữ hấp dẫn sẵn sàng hiến mình cho những du khách đổ tới hàng trăm ngàn trong những năm gần đây - hầu hết là người Ý, Pháp, Tây Ban Nha, Thụy Sĩ, Canada. Nhưng, nay du khách tới Havana không còn tìm đâu ra những nàng *jineteras*. Họ đã bỏ đại lộ Quinta Avenida nên thơ chạy giữa hai hàng cây cọ, họ đã biến mất khỏi những quán cà-phê lộ thiên chuyên chơi những bản nhạc cổ truyền mà chỉ có dân du khách thích nghe, họ không còn xuất hiện trong hộp đêm ở Riviera, cái khách sạn sang trọng của Meyer Lansky bị Castro tịch thu. Các cô gái bán dâm có vẻ như đã biến mất khỏi Cuba một cách kỳ lạ.

Năm 1999, với đà gia tăng tội ác, Castro đã cho mở chiến dịch chống lại những cô gái bán mình để đổi lấy quà cáp và tiền của du khách ngoại quốc. Castro loan báo sẽ trả những *jineteras* về nguyên quán nơi các làng quê mà họ đã rời bỏ để lên Havana làm ăn. Y cảnh cáo bất cứ cô gái nào

bị bắt gặp lảng vảng ở thủ đô, nhảy nhót thâu đêm, ăn vận quần áo xa hoa, đều sẽ bị gửi đến các trại phục hồi nhân phẩm. Y nói: "Điều đó làm tổn thương quá nhiều một đất nước đã làm rất nhiều điều để nâng cao phẩm giá phụ nữ." Castro cho biết sẽ gửi một Đội quân Đặc biệt ra đường phố và hứa: "Chúng ta sẽ thắng trận đánh này."

Thật ra, chiến dịch của Castro chống lại nạn mãi dâm không phải vì những tiêu chuẩn luân lý cao hơn. Mục đích chính của nó là tái lập sự kiểm soát của nhà nước. Nhờ kiểm được nhiều ngoại tệ mạnh và tiêu xài thoải thích, các *jineteras* đã tạo ra tâm lý tôn thờ đồng đô-la mà Castro thú nhận là một mối đe dọa cho chế độ. Tại những trường tiểu học nơi mà chú bé Elián González đang được tẩy não, *jineteras* đã trở thành những người mẫu lý tưởng, trong lúc chúng phải tuyên hứa sẽ là "những thanh niên tiên phong của chủ nghĩa cộng sản" hay "giống như Che". Castro lo sợ dân Cuba sẽ mất đi những "kháng thể" để chống lại "siêu vi trùng tư bản". Mãi dâm được coi như một mối đe dọa chính trị tại cái nước xã hội chủ nghĩa kỳ cục còn sót lại của Fidel Castro.

Nhưng có một thời, cách đây chưa lâu lắm, nhà nước Cuba đã nghĩ khác về những phụ nữ đang bị họ chỉ trích hôm nay. Bị thiếu ngoại tệ mạnh bất ngờ sau cuộc sụp đổ của đàn anh Sô-Viết, Cuba đã hé mở cửa cho chủ nghĩa tư bản, và dùng phụ nữ làm mồi. Bộ Du lịch nước cộng sản này đã nhảy vào thị trường quảng cáo toàn cầu, mời tạp chí *Playboy* tới chụp hình tại chỗ những cô gái nẩy lửa và phân phát cho các văn phòng du lịch khắp thế giới những tấm bích chương chụp những bãi biển với cát trắng và

các cô gái Cuba phơi những bộ ngực trần. Nhà nước gọi những cô gái này là “những người làm tăng tiến du lịch”.

Trong một bài diễn văn đọc trước Quốc Hội Cuba năm 1992, Castro nói:

“Không có phụ nữ nào bị buộc phải tự bán mình cho một người đàn ông, cho một người ngoại quốc, cho một du khách. Những người làm điều đó là do tự nguyện và không có nhu cầu cần thiết nào cả. Chúng ta có thể nói rằng họ là những jineteras có học vấn cao và hoàn toàn khoẻ mạnh, vì chúng ta là một đất nước có số người mắc bệnh AIDS thấp nhất... Vì vậy, sự thật là không có du khách nào khoẻ mạnh hơn người Cuba.”

Chiến dịch câu du khách của Castro đã thành công vĩ đại. Năm 1990 chỉ có 300,000 du khách tới Cuba; năm 1999 tăng lên hơn 1.7 triệu người. Khó mà biết bao nhiêu trong số này đã đến Cuba vì bị các nàng jineteras quyến rũ, nhưng Cuba đã trở thành một trung tâm *sex-tour, sex-vacation* nổi tiếng thế giới, chỉ đứng sau Thái Lan.

Những người đẹp phục vụ ái tình cho du khách không bao giờ bị gọi là gái mãi dâm, hay gái gọi. Gái mãi dâm là những nạn nhân trong xã hội tư bản xấu xa. Gái gọi là của giai cấp thượng lưu thối nát. Jineteras không thuộc vào hai loại nói trên. Họ là những nữ y tá, nha sĩ, luật sư, giáo viên, dinh dưỡng gia, học sinh... Họ lảng vảng trong thành phố, hy vọng gặp những ngoại kiều có đô-la trong túi. Cuộc sống hai mặt của họ rất có ý nghĩa về phương diện kinh tế. Giáo viên và công nhân viên y tế, niềm tự hào của cách mạng, được lãnh lương nhà nước để có đủ hai bữa ăn đạm bạc mỗi ngày. Trái lại, giúp vui cho một

ngoại kiều đem lại cho họ những bữa ăn với thịt heo hay thịt gà. Và có thể với tôm hùm và rượu chất, chưa nói đến quần áo, giày dép, nước hoa, ngoại tệ, và có thể cả những mối tình, hôn nhân, và một cuộc đời ở Tây Ban Nha, Ý, Canada... Với những thiếu nữ không có bà con ở Miami hay Madrid, quan hệ với đàn ông ngoại kiều là cách duy nhất để có quần áo đẹp và những xa xỉ phẩm mà cả đảo quốc Cuba ham muốn.

Các jineteras không kiếm tiền cho riêng họ. Hầu như mọi gia đình đều tùy thuộc vào những phụ nữ này. Vì các jineteras giúp đỡ những người chung quanh họ, rất ít người Cuba coi hành động giúp vui đàn ông ngoại kiều của họ là đáng xấu hổ. Thật vậy, động từ jineterar đồng nghĩa với đi xem chiếu bóng hay ra bãi biển. Một phụ nữ Cuba 52 tuổi nói với một nữ ký giả Mỹ rằng lời khuyên tốt nhất của bà cho cô cháu gái 14 tuổi là “hãy bắt đầu làm đẹp để có thể kiếm được một ngoại kiều.” Một cuộc nghiên cứu của trường Đại học Havana đã kết luận rằng không thể biết được có bao nhiêu jineteras tại nước này, vì hầu hết những phụ nữ này làm việc “xen kẽ”.

Nhưng, trong khi jineteras gia tăng cảm tình trong xã hội Cuba, họ trở nên mất cảm tình với nhà nước chuyên chính vô sản. Lối sống của họ ảnh hưởng đến số đông dân Cuba mà nhà nước không thể kiểm soát. Vì vậy Castro đã phải tung ra chiến dịch chống lại jineteras mà trước đây chính y đã sử dụng họ trong cơn ngặt nghèo. Họ bị kết tội là “quấy nhiễu người nước ngoài” thay vì “làm tăng tiến du lịch”. Nhưng theo nhận định của một số du khách ngoại quốc, đây là cuộc chiến tranh mà Fidel Castro không thể thua mà cũng không thể thắng

- giống như việc bài trừ nạn mãi dâm trầm trọng tại nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Điểm Bút

Giới cầm bút người Việt vùng Hoa Thịnh Đốn đang bàn tán rất dữ về một cuốn sách vừa mới được ra mắt tại đây. Cuốn sách này được ghi là thuộc loại “kỹ sự văn học nghệ thuật” viết về tám nhà văn, nhà thơ người Việt ở Bắc Mỹ.

Cuốn sách này có rất nhiều cái “đẹp”. Tựa đề cuốn sách đẹp. Quần áo của nhà thơ đẹp. Vợ của nhà văn đẹp. Văn thơ đẹp. Tư tưởng đẹp. Cái gì cũng đẹp. Mọi cái đều được tác giả moi móc ra để múa bút khen “đẹp”.

Ngay ở những dòng đầu tiên, tác giả đã cho biết về giấc mơ ấp ủ đã lâu về cuốn sách này:

“Có những giấc mơ khó thực hiện. Vậy mà nhờ một cơ may nào đó, một trong những giấc mơ biến thành sự thật. Người nuôi mộng bỗng cảm thấy như có một bà tiên hay một vị thần nào đó dùng cây đũa phép giúp đương sự toại nguyện.”

“Tôi có một giấc mơ hơi lạ lắm từ mấy năm qua, giữa lúc phong trào văn chương ở hải ngoại đang hồi xuống dốc.”

Nhờ “một bà tiên hay một vị thần nào đó dùng cây đũa phép giúp đương sự toại nguyện”, tác giả đã viết được những câu văn xuất thần như sau để ca tụng quần áo, vòng vàng cườm của một nhà thơ nữ:

“Tôi quên bẵng vào năm nào trong thập niên 90, chị có gửi cho tôi một tập album lộng lẫy đầy những ảnh của chị. Tôi rất thích tám ảnh chị mặc chiếc áo the đen trong vắt, cổ kín đáo, tay áo dài chưa tới khuỷu tay. Từ đó tay áo

ráp vào khúc thêu kim tuyến lấp lánh sắc hoàng kim, các lai áo cũng ráp vào khúc thêu kim tuyến như tay áo. Chiếc áo đó hợp với màu tóc đen của chị như nền tranh sơn mài và hợp với những món trang sức bằng vàng như dây chuyền, vòng tay, nhẫn, hoa tai chạm trổ rất tinh xảo.

"Ở tấm ảnh thứ hai, chị đứng gần bên bàn trang điểm, tay trái giơ cao gói quả vuông học giấy đỏ cột 'nơ' xa tanh trắng. Chị mặc chiếc áo the đỏ trong suốt, đeo hoa tai bằng ngọc xanh như ngọc lưu ly, cổ đeo xâu chuỗi ngọc thạch, hai cườm tay đeo vòng ngọc thạch. Màu đỏ chiếc áo không ửng ánh vàng như màu hoa phượng hay hoa vông (như người Bắc, người Trung gọi là hoa gạo). Đây là màu hồng ngọc đỏ nguyên vẹn, cũng không ửng ánh tím tím như ngọc lục. Đỏ như

máu bồ câu. Đỏ như cánh hoa giữa của bông ngọc nữ được vây bằng bốn cánh màu bạch phấn chung quanh. Còn màu ngọc thạch thì xanh thật thắm, hai màu ấy thật rõ, như màu thạch anh (quartz) của mặt nhẫn các cô thiếu nữ vùng núi Alpes (Pháp)..."

Ca tụng nét trẻ đẹp của vợ một nhà văn, tác giả viết: "Tại sao chị không chịu già, chịu xấu đi một chút để các phụ nữ khác vừa lòng?"

Trên đây chỉ là trích dẫn vài cái đẹp về nhan sắc, áo quần, dây chuyền, vòng vàng, cà rá, bông tai của các nhà thơ, nhà văn, và vợ nhà văn. Còn văn thơ của họ thì đều là những tuyệt tác, thượng đẳng, xuất chúng trên văn đàn hải ngoại hôm nay.

Giới cầm bút vùng Hoa Thịnh Đốn đang bàn tán chung quanh cuốn sách này vì có một số người

đã từ chối để được ca tụng về nhan sắc, áo quần, vòng vàng cà rá và văn chương... với điều kiện "đóng góp" 400 đô-la. Nếu những người này chịu nạp tiền thì nền văn học hải ngoại hôm nay đã có thêm nhiều nhà văn nhà thơ xuất chúng cùng với nhiều người đẹp, và quần áo đẹp, cà rá vòng vàng đẹp hơn nữa.

Có ai đó đã nói rằng "văn chương cũng giống như cái bong bóng, cần phải thổi thì nó mới lên cao." Cuốn sách này là một bằng chứng. Nhưng, bên cạnh loại "văn chương bong bóng" còn có một loại văn chương khác, không cần được "thổi" - như Đoàn Trường Tân Thanh, Chiến Tranh và Hòa Bình, Cuốn Theo Chiều Gió v.v... - của những nhà thơ, nhà văn có thực tài. Chúng đã trở thành những tác phẩm bất tử để làm đẹp cho đời sống tinh thần con người hết thế hệ này sang thế hệ khác, trong khi loại "văn chương bong bóng" đã xì hơi và chịu chung số phận với những món đồ phế thải khác.

Điều đáng nói là trong mớ văn chương bị xếp vào loại bong bóng, có nhiều chiếc tự nó có thể bay cao. Một khi chấp nhận hay khuyến khích để được thổi, các tác giả ấy đã tự làm tủi hổ cho văn chương chữ nghĩa của chính mình.

Mặt khác, bộ môn phê bình trong văn học VN xưa nay vốn bị coi là còm cõi. Tình trạng ấy hiện tại còn bị "xuống cấp" hơn nữa khi nhà xuất bản biến thành kẻ dốt mồi và "nhà phê bình" biến ngòi bút thành phương tiện... đi khách.

Lại nghĩ mà thương cho những nàng jineteras, những cô gái điểm lương thiện của xứ Cuba Đỏ.

Và cũng thương cho những nhà thơ, nhà văn "vô tội" đã "vô tình" trở thành nạn nhân của "nhà phê bình" thiếu lương thiện. ●

SƠN TÙNG

**LÀM NGƯỜI,
LÀM VĂN,
LÀM LOẠN**



**CUỘC KHỦNG HOẢNG
VĂN BÚT VIỆT NAM HẢI NGOẠI
NHÌN TỪ BÊN TRONG**

**Những ai thực-sự
quan-tâm đến:**

- Sinh-hoạt
văn-học và
đoàn-thể VNHN
- Danh-dự của
dân-tộc Việt
- Vận mệnh của
Văn Bút VNHN
- và đại cuộc
đấu-tranh giải-
thể đảng CSVN

**không thể không
đọc tài-liệu văn-
học, lịch-sử này.**

Giá 12 mỹ-kim
**Hỏi tại các nhà sách
hoặc liên-lạc:**
LÀNG VĂN

Trẻ Mãi Không Già

Minh Đạo

Trường thọ, một yếu tố di truyền?

Năm 1991, ở Paris, tổ chức CEPH (Centre d'étude du polymorphisme humain) đưa ra chương trình Chronos mục đích xác định những nền tảng cơ bản về tuổi thọ của con người. Người ta đã lập ra một bộ sưu tập về ADN (acide désoxyribonucléique) trên 4 loại tuổi: Những người già trên 90 tuổi; những người trên 90 tuổi có một anh hay chị thọ ngoài 100 tuổi; những người trên 80 tuổi có anh em hay chị em song sinh; và trên những con cái của 4 loại tuổi trên. Người ta thấy có một yếu tố di truyền về trường thọ: Những người sinh ra trong một gia đình trường thọ có hy vọng sống dài hơn những người không có may mắn ấy. Nhưng người ta không nhằm chủ yếu vào việc tìm kiếm tế bào di truyền này, và cũng không thể làm được. Nếu hai anh hoặc chị em cùng sống lâu thì tất nhiên họ cũng có một yếu tố chung nào đấy. Nhưng

theo Hélène Blanché, người phụ trách chương trình Chronos thì tìm biết đó là cái gì, thực là một việc mò kim đáy bể!

Tuy nhiên người ta có thể tìm thấy một số *gène* có thể giúp phòng chống hoặc chữa được một số bệnh nào đó. Chương trình Chronos đã đạt được một số kết quả cụ thể. Chẳng hạn như tìm ra *gène* mang ký hiệu Apo E đóng vai trò chuyển trở chất cholestérol có tới 6 cấu trúc khác nhau mà loại gây nhiều rắc rối nhất là loại E4 E4 làm tăng các rủi ro các bệnh về tim mạch, bệnh Alzheimer. Hoặc như loại E2. E2 có nhiều hơn rõ rệt trong những người thọ trên 100 tuổi.

Già lão là một hiện tượng không thể tránh được cho mọi loài sinh vật và sự lão hóa, tự hủy diệt đã được chương trình hóa (programmé) sẵn trong nhân tế bào. Cũng vậy, một tế bào được lấy ra từ một phôi bào (Embryon) của một người còn trẻ rồi được nuôi cấy trong lồng kính (in vitro) có thể tự phân đôi 50 lần, sau đó,

là quá trình tự hủy. Cũng cùng tế bào ấy nhưng lấy ra từ một người đứng tuổi thì sự phân chia giảm dần theo số tuổi của người cho.

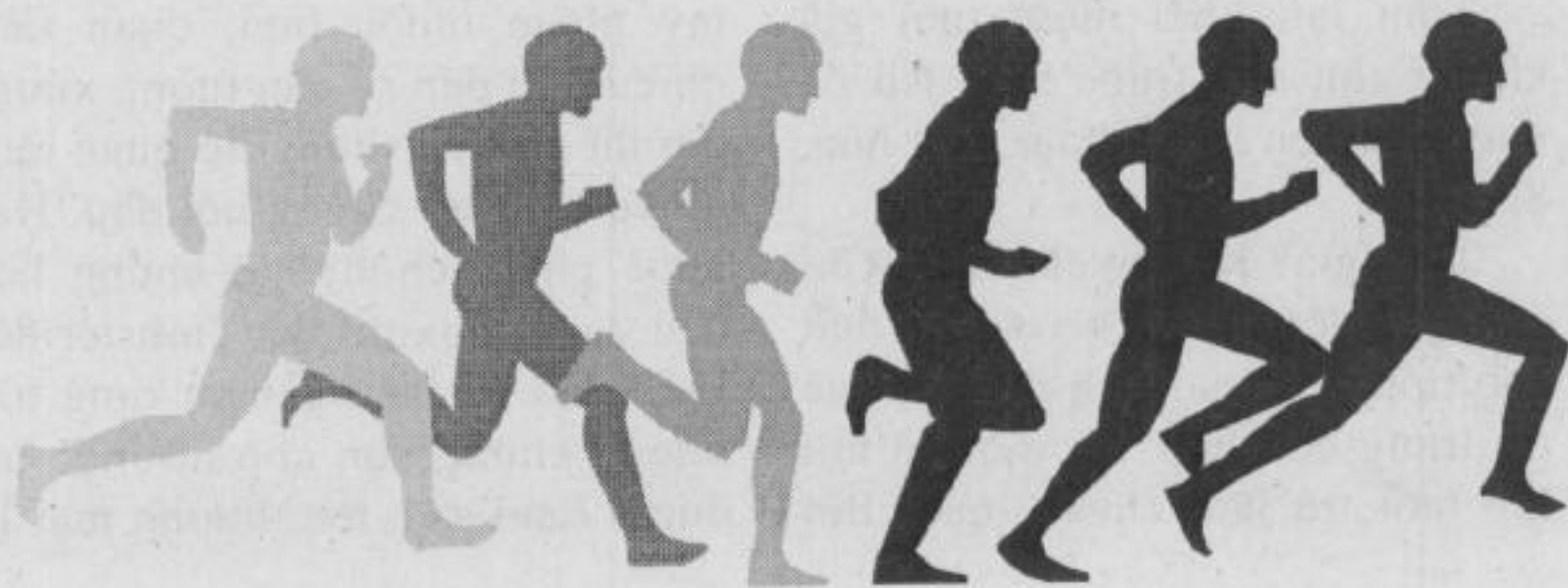
Lão hóa là một việc bó buộc cho tất cả mọi người nhưng nhanh hay chậm thì tùy vào từng cá nhân. Rõ ràng sự thiếu bình đẳng này, ít nhất một phần tùy thuộc một yếu tố: di truyền. Kết quả này chứng tỏ tính đúng đắn của chương trình Chronos. Trong ngôn từ phổ thông người ta nghe nói tới những gia đình sống rất lâu hoặc thuộc dòng dõi trăm tuổi. Những con số thống kê gần đây đã xác nhận những câu nói này. Những cặp song sinh có một sự liên hệ rõ rệt giữa tuổi tác và tử vong, nghĩa là có sự tương đồng về di truyền tính dẫn đến tử vong gần như trong cùng một định kỳ. Những anh chị em của những lão niên bách tuế (thọ trên trăm tuổi), cho dù không sống tới 100 tuổi cũng sống lâu hơn so với tuổi thọ trung bình trong xã hội.

Trường sinh bất lão: một giấc mơ đã thành hiện thực?

Chúc mừng nhau được sống trăm năm hạnh phúc, từ ngàn xưa vẫn là giấc mơ của loài người. Ngày nay, nếu chúc nhau trẻ mãi không già không còn là một giấc mơ nữa mà là một điều hoàn toàn có thể thực hiện được trong một tương lai không xa.

Hay hoặc dở cũng còn tùy cách nhìn. Đối với các nhà kinh tế xã hội, điều này có thể là một thảm kịch. Với các nhà triết học, các nhà tôn giáo, cách nhìn lạc quan hay bi quan cũng còn tùy. Nhưng dưới mắt các nhà khoa học, điều này rất đáng phấn khởi vì nó mở ra những triển vọng lớn lao trong các phương pháp trị liệu nhiều chứng nan y.

Điều chắc chắn là chúng ta có



thể sống lâu, rất lâu là khác. Viện khảo cứu thống kê quốc gia Pháp (Insee) dự đoán rằng tới năm 2050, tuổi thọ trung bình của phái nữ sẽ là 90 tuổi và 80 tuổi cho nam giới. Nhưng theo nhà Dân số học Jean Marie Robine thuộc viện Inserm, các con số này còn cao hơn: 110 tuổi cho phái nữ và 100 tuổi cho phái nam. Nước Pháp sẽ có khoảng 750.000 người thọ ngoài 100 tuổi, so với năm 1950, số này là 200! Mỗi bé gái sinh ra trong năm nay, 50% trong số có hy vọng đón chào thế kỷ thứ 22.

Trào lưu này, trong 5 năm tới, sẽ càng sôi nổi hơn khi thế hệ *baby-boomers*, tức những người sinh sau thế chiến II, sẽ được 60 tuổi. Sau đó, còn tiếp tục sống dai nhờ các tiến bộ trong các lãnh vực y học, việc thăng tiến các điều kiện sinh sống và sự giáo dục dân trí. Ở Pháp ngày nay, con người cứ 4 năm lại có hy vọng được thêm một tuổi thọ. Dân số nước Tàu chẳng hạn, người ta dự trù vào năm 2050, sẽ có 45% dân số, tức khoảng 400 triệu người sẽ thọ quá 60 tuổi. Một vấn đề gây nhức nhối không nhỏ!

Rõ ràng là người ta đang chờ đợi một cuộc cách mạng. Nhưng để hưởng thụ những gì? Mong muốn kéo dài tuổi thọ để hoàn thành nhiều hơn các dự án? Để kéo dài tình yêu? Hoặc để nhìn thấy các thế hệ cháu chắt sinh ra? Đó quả thật là một đặc ân dành cho chúng ta, theo giáo sư Françoise Forette, phân khoa Gérontologie bệnh viện Broca, một quà tặng mà nhân loại chưa bao giờ nhận được. Nhưng còn có những thắc mắc. Phải hưởng thụ như thế nào 20, 30 năm *bonus* mà chúng ta không thể từ chối? Nếu chỉ là kéo dài thêm những đau khổ cho mình hoặc cho các thân nhân hoặc người khác về những chứng bệnh do tuổi già? Có thật

sự là cần kéo dài cuộc sống hay không?

Quả thật là chúng ta đang đứng trước những triển vọng không thể chối cãi. Có điều may mắn là vào lúc vấn đề trường thọ được đặt ra thì giới thầy thuốc, các nhà giải phẫu thẩm mỹ, các nhà di truyền học, các nhà sinh học, hóa học... cũng đã đạt được những tiến bộ chưa từng có trong việc chống lại sự lão hóa, mặc dù hiện tượng này, cho đến nay, vẫn chưa được giải thích thỏa đáng. Người ta càng ngày càng hiểu rõ hơn những phương cách xóa bỏ những dấu tích tàn phá của thời gian trên con người. Những bệnh tật hiểm nghèo hoặc gây tàn phế thường đến với những người lớn tuổi như những bệnh về tim mạch, chứng mù, chứng tai nghễnh ngãng hoặc điếc, vài bệnh ung thư, hay bệnh Alzheimer ... ngày nay có thể được khám phá sớm để chữa trị hoặc làm chậm lại quá trình phát triển của bệnh.

Hậu quả là tuổi thọ tăng lên. Một công trình nghiên cứu gọi tắt là CROC (Conditions de vie et aspiration des français) năm 1998, nhận xét rằng: Lần đầu tiên trong lịch sử nước Pháp, thế hệ người từ 50 đến 70 tuổi sống gần giống các thế hệ trẻ hơn. 80% còn lái xe, 65% không có các bệnh mạn tính, 66% vẫn thường xuyên đi nghỉ hè, 65% sống có đôi lứa và cũng là nhóm tuổi thứ hai sau đám trẻ tiêu thụ nhiều các loại giày thể thao và các kiểu xe màu sắc sặc sỡ sản xuất cho giới trẻ.

Tóm lại, khái niệm tuổi già không còn như trước nữa. Nó đã vượt quá con số 75 hoặc hơn nữa, 80.

Tuổi già? Không cần biết! Chỉ cần giữ đôi chân cho vững, mắt cho tinh, giữ mãi tinh thần vui vẻ trẻ trung cho hợp với một xã hội lấy tuổi trẻ làm chuẩn mực. Bởi

vì giữ sao cho trẻ mãi không già không phải chỉ là một điều bất buộc của xã hội mà, may mắn cho chúng ta, là một triển vọng hiện thực.

Có nhiều đường lối mở ra. Trước hết và cũng dễ nhất, là việc giữ gìn vẻ bề ngoài. Người ta phỏng chừng có ít nhất 140.000 người Pháp một hoặc nhiều lần đến các phòng giải phẫu thẩm mỹ. Khoa này ngày nay đã phục vụ cho mọi giai tầng xã hội, như chuyên gia về giải phẫu thẩm mỹ Jacques Pesteur xác nhận. Bây giờ chúng tôi có đủ các dụng cụ đặc biệt thích ứng với các yêu cầu của từng cá nhân. Quả thật có một cuộc cách mạng kỹ thuật về mặt này. Có thể làm đi làm lại nhiều lần trên các phần thân thể, mặt... chỉ còn một điều nan giải là các vết sẹo trên mặt. Nếu chúng ta cố thể tìm ra cách làm các vết sẹo biến mất hoặc làm cho mờ đi không thấy nữa, chúng ta có thể can thiệp vào các khu vực khác mà cho đến nay chưa mó tới được. Chiều hướng hiện nay ở Pháp là người ta thích những phương pháp nhẹ và lặp lại nhiều lần hơn là những phương pháp mạnh bạo.

Năm 1985, số nam giới lui tới các phòng giải phẫu thẩm mỹ so với phái nữ là 1/15. Ngày nay... không thể đếm xuể! Theo Sylvie Abraham, một chuyên gia giải phẫu thẩm mỹ, khuynh hướng này rất rõ. Nhưng đa số nam giới cần đến các kỹ thuật làm tiêu mỡ hoặc chống lại chứng rụng tóc. Phái nam cũng lui tới các gian hàng mỹ phẩm nhiều hơn, quan tâm nhiều hơn đến số cân tương xứng, tập thể dục... Nhưng họ quan tâm nhiều nhất tới chứng hói đầu. Hai được phẩm chống lại chứng hói đầu là minoxidil và finostéride. Loại đầu có thể ngăn sự rụng tóc nhưng không làm cho nó mọc lại được. Loại sau, tên thương mại là

Propécia, có thể hiệu nghiệm tới 50% nhưng lại có 2% phản ứng phụ là làm giảm sự hưng phấn tình dục hoặc gây ra bất lực tạm thời!

Hãy quên đi mái tóc giả, khó gắn cho chặt, nhiều khi làm trò cười cho thiên hạ! Ngày nay, người ta sử dụng kỹ thuật cấy tóc. Có hai kỹ thuật chính:

1. Nếu phần đầu hói không rộng lắm, người ta lấy một phần da ở *couronne hippocratique* và cấy vào chỗ đầu hói. Nhưng điều bất tiện là tóc sẽ mọc loạn xạ và thiếu vẻ tự nhiên.

2. Nếu phần đầu hói quá rộng, người ta dùng kỹ thuật căng da trán hay đặt dưới da các miếng nhựa có tính đàn hồi.

Kín đáo hơn, phẫu thuật còn giúp cho dương vật một người nở to thêm từ 3 đến 5 phân bằng cách bơm vào chất mỡ lấy từ bụng và có thể làm cho dài thêm từ 2 đến 4 phân (dĩ nhiên ở thể nghỉ).

Sống vui vẻ trẻ trung trước hết là có tấm lòng yêu đời, vẻ hấp dẫn người khác và luôn cảm thấy khoẻ khoắn, hãy cho cơ thể số tuổi mình có trong đầu! Chúng ta có may mắn tìm ra những phương pháp hiệu nghiệm và chắc chắn hơn, ít ra là trong việc bảo trì và kéo dài sức khoẻ trong một thời hạn càng lâu càng tốt có thể được. Người ta đã biết rằng có đến 80% số tử vong nằm trong 3 loại bệnh chính: các bệnh về tim mạch, bệnh ung thư và các bệnh do lão suy trong đó có bệnh Alzheimer. Cũng phải kể thêm các chứng do lão suy như rối loạn chức năng, các chứng mù, nghễnh ngãng hoặc điếc, chứng hư khớp xương (hoại khớp-Orthrose).

Trong mỗi lãnh vực, các tiến bộ khoa học vượt bậc đã mở ra những triển vọng rất lớn. Không thể kể ra hết những loại tiến bộ này. Trước hết, có thể khẳng định

là có thể đẩy lùi được các chứng bệnh trên, có thể ngăn chặn sự phát bệnh và khám phá ra trước khi bệnh bộc phát. Nhưng theo giáo sư F. Forette: người ta đã không làm gì hoặc làm quá ít, hay đã không quan tâm đúng mức tới những vấn đề đó. Dù sao, sự phòng ngừa bệnh là phương pháp hữu hiệu và cách tân nhất mà chúng ta có thể nắm trong tay trong việc chống lại sự lão hóa. Theo giáo sư F. Forette, việc chữa bệnh cao huyết áp có thể làm giảm 40% các tai biến mạch máu não và 30% chứng nhồi máu cơ tim (infarctus) trong lứa tuổi trên dưới 60. Một công trình nghiên cứu cấp Châu Âu đã chỉ ra rằng các phương pháp trị liệu đã ngăn ngừa được 50% các chứng suy yếu mạch máu, kể cả bệnh Alzheimer. Nhưng việc ngăn ngừa này đã không tiến thêm và chúng ta vẫn ở trong tình trạng của 30 năm trước. Ngày nay, chỉ có 50% người bị bệnh cao huyết áp được chẩn đoán trước, 50% bệnh nhân trong số này đã được chữa trị, kết quả cũng chỉ đạt được một nửa. Nói cách khác, nếu người ta bị một tai biến tim mạch trước 70 tuổi thì là một điều bi thảm. Người ta có thể cải tạo hồi phục một phần nhưng phần lớn bệnh nhân đã chấm dứt đời mình trong một tình trạng tàn phế nặng.

Bệnh hoại khớp (Arthrose) tấn công 85% những người già trên 75 tuổi. Đó là hiện tượng hư các vòng sụn (*usure du cartilage*). Người ta dùng các loại thuốc chống sưng đau mới không làm hại dạ dày và việc cải thiện các kỹ thuật ghép nối, tăng cường sự chống đỡ của các phần hư gãy ở đầu gối, háng, vai... bằng các thanh kim loại là một tiến bộ lớn trong thế kỷ 20 trong khoa phong thấp (Rhumatologie). Trong tương lai, người ta sẽ phát triển thêm

các loại thuốc có tác dụng làm quân bình giữa phần bị hủy hoại và phần cấu tạo các vòng sụn mới. Rất gần, người ta có thể giới hạn quá trình suy đồi vòng sụn bằng các vị thuốc mới có tác dụng kìm hãm, ức chế tiến trình hủy hoại này. Và, cũng trong tương lai, người ta áp dụng kỹ thuật cấy các tế bào sụn của những chỗ lành mạnh vào chỗ những vòng sụn thoái hoá, tương tự như việc cấy tóc vậy. Việc này còn trong thời kỳ thử nghiệm. Bệnh hoại khớp cũng có thể được chữa trị bằng hormone gây hưng phấn. Một loại hormone thiên nhiên đang được thử nghiệm (*parathormone*) có đặc tính kích thích xương một cách tổng quát nhưng phải dùng tương đối sớm, coi như một biện pháp phòng ngừa. Trong khi chờ đợi kết quả thử nghiệm những phương pháp mới, cần phải chú trọng vào việc phòng ngừa như tập thể thao sớm, cung cấp cho cơ thể lượng chất vôi cần thiết và vitamine D, bớt dùng các loại thuốc ngủ, tránh té ngã..

Chứng mỏng xương hay loãng xương (*ostéoporose*) đã làm các cụ bà dễ bị tai nạn gãy cổ xương đùi (*cole du fémur*). Ngày nay, phẫu thuật đã giúp sự chữa trị rất hiệu nghiệm. Nhưng viễn cảnh khá bi quan: chỉ một năm sau, tỉ lệ tử vong là 30% và số bệnh nhân phải nhập viện điều trị là 40%. Thật là tai hại! Trong khi người ta có thể ngăn ngừa được các tai họa này bằng cách cho ăn một lượng chất vôi cần thiết ngay từ lúc còn trẻ và về sau, được trị liệu bằng các chất kích thích tố (*hormone*) sau thời kỳ mãn kinh (*ménopause*). Giáo sư F. Forette lấy làm phiền: Không kể tới những người hút thuốc lá bị ung thư phổi hoặc chứng nặng tai hoặc điếc tai ở những người nghe quá nhiều máy *baladeur* hoặc ở trong các hộp

đêm âm thanh quá lớn khiến cho các thiếu niên có thể bị điếc tai quá sớm; cũng không kể tới các người bị ung thư da vì tắm nắng không đúng cách và quá lâu. Ai cũng biết là các bệnh kể trên đều có thể phòng ngừa được nhưng hoặc vì kém hiểu biết hoặc vì thiếu ý thức, chẳng ai buồn quan tâm. Vì thiếu can đảm chính trị, các chính phủ không dám tung ra các chiến dịch rộng khắp cần thiết. Người ta ngồi chờ tai nạn tới!

Cuối cùng có thể kết luận: trước hết và trên hết là sự phòng bệnh. Có những việc rất rõ ràng mà người ta ngần ngại nêu ra. Một công trình nghiên cứu mới đây ở Anh cho biết 60% người được hỏi không hiểu rằng có thể làm giảm áp huyết quá cao bằng các chế độ ăn uống thích hợp và 50% không biết gì về mối tương quan giữa lượng cholestérol cao với các bệnh về tim mạch. Muốn có một trái tim khoẻ mạnh cần phải lưu ý tới các tác nhân gây bệnh chính: bệnh béo phì, bệnh tiểu đường, chứng thần kinh căng thẳng, rượu, thuốc lá... Để khám phá sớm bệnh ung thư vú, phải khám nghiệm định kỳ bằng phương pháp soi tuyến vú (mamographie) mỗi năm một lần cho các bà trên 45 tuổi. Theo giáo sư David Khayat thuộc khoa Ontologie, bệnh viện Pitié-Salpêtrière, Paris, cứ mỗi giờ lại có một bà chết vì ung thư vú. Với các biện pháp phòng ngừa, người ta có thể cứu được 3000 người mỗi năm.

Các bệnh ung thư đường tiêu hoá, đặc biệt là ung thư ruột già có nhiều liên hệ tới việc ăn quá ít trái cây và các loại rau có chất xơ (sợi) trong khi điều này có thể được sửa đổi dễ dàng.

Bệnh Alzheimer tấn công 350.000 người Pháp mỗi năm. Nhiều công trình nghiên cứu cấp

quốc tế để tìm cách trị liệu hoặc ít ra cũng giúp phòng ngừa hoặc làm cho bệnh chậm phát. Các loại thuốc oestrogènes, antiradicaire (đặc biệt là vitamine E) hay các loại chống sung दौर thứ hai (không gây hại cho dạ dày), có thể ngăn ngừa được bệnh không? Phải chờ 5 năm nữa mới có câu trả lời. Nhưng có điều chắc chắn là việc duy trì những hoạt động về trí tuệ đều đặn đã chứng tỏ ít nhất cũng làm chậm lại sự phát bệnh.

Những biện pháp phòng ngừa cho những kết quả về lâu về dài và không ngăn trở việc chữa trị tức thời, càng ngày càng thêm hiệu nghiệm đối với những căn bệnh liên quan tới tuổi già. Không thể kể hết các phương pháp trong tất cả các loại bệnh, nhưng có thể lược qua những tiến bộ mới nhất để có thể đề ra những triển vọng về các khả năng chữa bệnh.

Một trái tim mới tinh?

Chúng ta đang rất gần triển vọng này. Ngày 15.10.2000 ở bệnh viện Bichet, Pháp, một nhóm các chuyên gia đã thành công bước đầu trong việc nuôi cấy các tế bào được lấy ra từ cơ bắp đùi (loại cơ vân) của một người rồi cấy vào phần hư hại của trái tim. Các tế bào cấy vào đã phát triển tốt và dần thay thế các tế bào hư hỏng. Phần được cấy đã phục hồi và hoạt động bình thường. Một trái tim đang bị hủy hoại bởi bệnh tật đã tái sinh nhờ các tế bào cơ bắp! Người ta hiểu rõ hơn kết quả kỳ diệu này khi được Giáo sư Duboc giải thích cặn kẽ về các phương pháp và các hậu quả của công việc này. Phải chờ 4 năm nữa mới biết chắc được hiệu quả ứng dụng của phương pháp tự ghép. Có thể dùng trong việc chữa trị bệnh gan.

Bệnh ung thư?

Việc chữa trị căn bệnh nan y

này đã thành công thêm 15% trong thời gian 20 năm gần đây. Ngày nay, người ta có thể chữa được từ 70 đến 80% bệnh ung thư vú. Có ba phương pháp mới nhất được sử dụng trong việc chữa trị bệnh ung thư tuyến tiền liệt (prostate) thường xảy ra cho các ông tuổi trên dưới 60:

- Phương pháp giải phẫu trực tiếp phần ung thư nhờ kỹ thuật soi tạng (coeloscopie), đưa một ống vào bụng bệnh nhân thay thế cho việc mổ xẻ từ bên ngoài.

- Cũng có thể dùng quang tuyến để tiêu diệt các tế bào ung thư (Curiethérapie).

- Cuối cùng, có thể tiêu hủy vùng bị hư hại bằng phương pháp đông lạnh (Cryothérapie).

Bệnh ung thư ruột già mỗi năm có thêm 25.000 nạn nhân và giết hại 15.000 người. Trong lãnh vực này, người ta cũng có những tiến bộ rất lớn. Ngày nay, người ta có thể chữa khỏi 70% trường hợp thay vì chỉ được 50% như trước nhờ các Hóa liệu pháp (liệu pháp hóa học-chimiothérapie) hiệu nghiệm hơn và nhẹ nhàng hơn các phẫu thuật mạnh bạo. Một tin vui là người ta đã thành công trong việc dùng phương pháp coloscopie (mở thông) thay thế cho những xét nghiệm phần phía trong cột sống rất cần thiết nhưng khá bất tiện. Người ta dùng một viên hình con nhộng (pilule) có mang một máy quay phim cực nhỏ đưa vào ruột bệnh nhân. Trong 6 giờ, viên nhộng du hành trong ruột già bệnh nhân và chuyển về những hình ảnh rõ và đầy đủ chi tiết.

Cuối cùng, không phải chỉ là chữa trị mà người ta còn tìm cách tấn công thẳng vào trung tâm, căn nguyên của bệnh ung thư. Từ khoảng 5 năm trở lại đây, người ta đã có những thông tin cơ bản để tìm hiểu về các nguyên nhân và sự phát triển của các tế bào

ung thư. Đặc biệt người ta biết rõ hơn về vai trò của các *tolémère*, các *filaments* trong vùng ngoại vi của các thể nhiễm sắc (chromosomes), vốn có một vai trò điều hoà và bị suy giảm theo tuổi tác của các tế bào và tự huỷ diệt sau khi kết thúc một chương trình đã định trước dưới tác dụng của một loại phân hóa tố (enzymes) đặc biệt là *télomélase*. Khi sự tự huỷ diệt này không xảy ra, các tế bào của vùng này trở thành các tế bào gây ung thư.

Ngành ung thư học ngày nay nghiên cứu trên những dược liệu có khả năng kiềm tỏa chất *télomélase* này. Nhờ thế, có thể làm cho các tế bào gây ung thư hoạt động trở lại bình thường. Ngành mỹ phẩm, phù phiếm hơn, có dự tính kích thích các *télomélase* với hy vọng tìm ra một dược phẩm có thể bảo đảm một vẻ tươi trẻ mãi mãi. Các cuộc khảo cứu cơ bản dù vẫn còn thực hiện trên loài vật nhưng có nhiều hứa hẹn trong việc chống lão hóa cho người.

Bệnh Alzheimer

ngày nay tấn công 350.000 người ở Pháp. Trong số này, có 20% bệnh nhân trong lứa tuổi trên 80. Theo các chuyên gia, từ nay tới năm 2020 số bệnh nhân sẽ tăng gấp đôi. Nhưng các bệnh chứng sẽ xảy ra sớm hơn: ngôn từ lộn xộn, rối loạn trong chức năng phán đoán... Người ta chưa biết hết những bệnh chứng khác. Từ lâu người ta đã bó tay trước tai họa kinh khủng này. Hiện nay đã có những công trình nghiên cứu cỡ quốc tế để tìm ra những phương pháp phòng ngừa hoặc làm chậm lại bằng các chất gây hưng phấn (oestrogènes), các loại chống sưng (anti-inflammatoires), antiradicalaires và DHEA. Các cuộc khảo cứu vừa qua nhằm mục

đích tấn công thẳng vào các tác nhân gây chứng thần kinh thoái hóa (neurodégénération) nguyên nhân gây ra bệnh Alzheimer hay Parkinson. Hai khảo hướng mở ra: người ta đã thử nghiệm trên các phân hoá tố (enzymes) có tác dụng ức chế (inhibiteur d'enzymes), ngăn trở sự phát triển bệnh lý và cơ cấu vận hành của căn bệnh. Các cuộc thử nghiệm đã thành công trên loài chuột mang các gene đã được chuyển hóa (transgénique), được gọi một cách không thích đáng là chứng ngựa bệnh Alzheimer. Đó là một hướng đầy triển vọng và theo giáo sư F. Forette, có thể trong một thời gian nữa, khoảng 10 hay 15 năm, chúng ta có thể chữa được bệnh Alzheimer bằng phương pháp sinh lý trị liệu (physiopathologie). Trong khi chờ đợi, có 3 loại thuốc vừa được lưu hành trên thị trường: Cognex, Aricept và Exelon.

Các loại thuốc này không phải dùng để chữa bệnh, nhưng có thể làm chậm lại sự phát triển của căn bệnh. Dược tính này rất đáng kể, nhưng giáo sư F. Forette không dám chắc rằng các giới có trách nhiệm quan tâm đúng mức.

Bệnh mắt:

Chứng thoái hoá điểm vàng (maculaire).

Ngày nay, khoa học đã có những bước tiến lớn trong các phương pháp trị liệu bệnh hoại khớp, chứng nghẽn ngãng tai do tuổi già, mổ các mắt có cườm... và ngay cả chứng thoái hoá vùng điểm vàng (dégénérescence maculaire) trên võng mạc, nguyên nhân gây ra bệnh mù (cécité). Từ lâu, khi nói đến những rối loạn thị giác vì tuổi già, người ta nghĩ ngay tới chứng mất cườm (cataracte). Ngày nay, chứng này có thể được chữa khỏi dễ dàng bằng phẫu thuật, nhanh chóng,

không đau đớn mà kết quả có thể tới 95%. Nhưng người ta lại ít hiểu biết về chứng suy yếu của võng mạc (rétine) vì tuổi tác, xảy ra cho 1 triệu trên 10 triệu người Pháp ở lứa tuổi trên 60.

Giáo sư Gabriel Coscas chuyên khoa nhãn trong bệnh viện Créteil, ngoại ô Paris, cho biết về những bệnh lý liên quan tới võng mạc, vùng điểm vàng (maculaire) tức là nơi tập trung những dây thần kinh thị giác nhạy cảm với ánh sáng có liên hệ tới yếu tố di truyền, một hiện tượng khá phổ biến tại Pháp. Cao huyết áp, môi trường sống, ánh sáng, thực phẩm và có thể cả thuốc lá nữa là những nguyên nhân chính đe dọa thị giác, tuy không đến nỗi làm mù mắt nhưng làm mất giảm khả năng phân biệt rõ các chi tiết. Đối với những trường hợp khô (sèche), cho đến nay, chưa có cách trị liệu. Những trường hợp ướt (humide), người ta thấy sự xuất hiện các tuyến (vaisseaux) bất thường trên vùng điểm vàng, phát triển rất nhanh. Phải khám phá ra sớm những tuyến tân tạo này để phá huỷ bằng tia laser nếu nó không nằm trong trung tâm điểm vàng. Kể từ ngày 1.9.2000, người ta áp dụng một kỹ thuật mới: cấy vào võng mạc (rétine) một phân tử hóa học (visudyne) có đặc tính nhạy cảm với ánh sáng rồi tìm cách chiếu một tia laser vào để gây ra một phản ứng hóa học tiêu diệt các tuyến tân tạo mà không đụng chạm tới võng mạc. 930 francs một ống visudyne, mà cũng không được cơ quan an sinh xã hội bù đắp! Ngoài ra, cũng có thể kể tới kỹ thuật ghép võng mạc và kỹ thuật dùng mắt giả có khả năng tiếp nhận ánh sáng dùng cho những người mù. Khi những triển vọng về những tiến bộ lớn lao mở ra cho khoa di truyền học thì nhãn khoa cũng nhờ đó có được những

triển vọng đáng kể trong tương lai, dù còn xa!

**Kích thích tố liệu pháp
(hormone liệu pháp):
một tôn giáo mới?**

Những hứa hẹn của viên DHEA, đã được biết đến từ năm 1934, nhưng chỉ trở thành một cái mốt tiêu thụ khi người ta khám phá ra tác dụng kìm hãm sự lão hoá của nó.

Thực vậy, chất kích thích tố này do nang thượng thận (prostate) sản sinh ra, xuất lượng tối đa đạt được vào năm 24 tuổi rồi cứ giảm dần theo tỉ lệ 20% cứ mỗi 10 năm. Đó là một tiêu mốc rõ ràng của tuổi già. Từ đó, nảy sinh một ý kiến thiên tài: vì sự giảm hay tăng chất DHEA đóng một vai trò quan trọng trong quá trình lão hóa nên nếu người ta có thể phục hồi lại lượng DHEA đã bị suy giảm vì tuổi già bằng lượng DHEA của người trẻ tuổi; thì từ đó có thể hay không, phục hồi lại một số chức năng đã bị suy yếu vì lão hóa? Người Mỹ tin là có thể được. Từ năm 1994, chất DHEA đã được bán ở Mỹ và được coi như một loại thực phẩm bổ sung, tức là không phải chịu sự kiểm tra về dược tính và liều lượng. Chất DHEA trở thành một thần dược và đã tạo ra cả một cơn sốt tiêu thụ. Không phải người Mỹ nào cũng có thể bỏ ra từ 1000 đến 1500 dollars mỗi tháng để giữ gìn hoặc tìm lại tuổi xuân đã qua. Họ trông chờ vào một loại thần dược như antioxydants, DHEA, mélatonine, testotérone, oetrogènes và các loại kích thích tố tăng trưởng (hormone de croissance). Bác sĩ Robert Butler, thuộc trung tâm quốc tế về trường sinh, bệnh viện Mont Sinai, Nữ Ước, phải kêu lên Phải ngưng ngay việc coi già lão là một căn bệnh!

Các lý thuyết mà người ta dựa vào đây để chống lại việc lão hóa không đủ cơ sở chứng nghiệm. Đó chỉ là một ý kiến, theo đó, người ta bổ sung lượng kích thích tố mà số lượng giảm dần theo tuổi tác. Nhưng liệu có đủ lý do chắc chắn rằng sự giảm dần này gây ra những hậu quả nguy hiểm? Bác sĩ Butler tỏ ra rất lo lắng về những dự tính sử dụng pháp chữa trị bằng kích thích tố, trong thực tế, nó gây nguy hiểm cho người. Phương pháp trị liệu bằng hormone dù có những hứa hẹn, nhưng ứng dụng trên con người, trong tình trạng hiểu biết của chúng ta ngày nay, là một điều đáng xấu hổ!

Dùng với liều lượng bao nhiêu thì vừa mà không gây nguy hiểm? Không tạo ra những hiện tượng quá trớn như trán gồ ra, cằm dài ra, các nội tạng cũng phát triển thêm và không thể đảo ngược lại được, dù có ngưng thuốc.

Số bác sĩ lợi dụng cơn sốt hormone hứa nhăng, hứa cuội để làm giàu cũng không hiếm. Trong 50 người, hội viên của Viện Hàn Lâm Y Khoa chống lão suy Hoa Kỳ, hành nghề tại California, đã có 12 vị bị phạt ít nhất một lần bởi các nhà chức trách y khoa.

Diane, một nhà tạo mẫu người Mỹ khá nổi tiếng, 55 tuổi, hãnh diện khoe: Tôi xuống được 10 cân mà chẳng cần phải một cố gắng nào! Một mũi chích hormone vào hai bên hông, hai lần một ngày, 6 ngày một tuần; ngày hai lần uống một hỗn hợp vitamine, antioxydant, DHEA, và những thứ khác không nhớ nổi. Thoa kem trên mặt, trên tay, cổ hàng ngày... Tôi phải trả từ 1400 đến 1500 dollars mỗi tháng. Trước kia, tôi bị yếu xương vì tai nạn, thường hay đau lưng, ốm vặt. Tôi xuống tinh thần... Bây giờ!... Không chừng tôi leo núi Everest

cũng cứ được! Cũng chẳng có bệnh gì, ngay cả bệnh cảm nhẹ. Tôi nghĩ rằng, với những loại thuốc này tôi có thể sống tới 120, 130 tuổi, có thêm vài ba dự án làm ăn nữa. Thầy thuốc của tôi nói rằng người ta có thể sống tới 150 tuổi. Tôi cũng cho là con người có thể bất tử. Sống tới 100 năm, người ta lại tìm ra các loại thuốc mới để sống dài hơn! Nhiều bạn bè tôi không dám dùng phương pháp này, họ sợ bị tăng rủi ro ung thư. Tôi nói với chúng bộ các người ăn Mc Do, hút thuốc, uống soda, mà không sợ bị ung thư à? Tôi chẳng sợ! Tôi cảm thấy mình là người tiên phong, một nhà thám hiểm. Thật tuyệt!

Có điều kỳ lạ là người ta sẵn sàng chấp nhận rủi ro. Trong văn phòng của mình ở Palo Alto, bác sĩ Alan Brauer, người Mỹ, đã tự chích thường xuyên kích thích tố cho mình, cho biết: Chẳng thể đếm xuể các ông chủ tịch tổng giám đốc ở Silicon Valley lui tới văn phòng của tôi. Dĩ nhiên là có thể tự hỏi liệu việc sử dụng hormone có làm tăng nguy cơ bị bệnh ung thư hay không? Nhưng không thể có tiến bộ y khoa nếu không dám vượt quá tầm hiểu biết của mình. Và nếu anh muốn chờ thêm 20 năm nữa để có những kết luận chắc chắn về những thử nghiệm lâm sàng (clinique) thì xin cứ tự nhiên. Chỉ sợ trong 20 năm ấy anh sẽ để cho trôi tuột đi tất cả những hormone mà cơ thể anh cần!

Chẳng phải là lần đầu tiên người Mỹ tập sự làm phù thủy. Năm 1997, người ta đã phải hốt hoảng rút khỏi thị trường thần dược fen-phen có tác dụng kỳ diệu làm gầy sau khi người ta khám phá ra trong thực tế loại này gây ung thư.

Tuy nhiên, với thái độ thận trọng, giáo sư Beaulieu, người đã

tìm ra DHEA vào năm 1959, rất lấy làm phiền lòng về hiện tượng này, đã thực hiện cả một công trình nghiên cứu khoa học để kiểm chứng lại các hiệu năng thực sự của chất DHEA. Kết quả đầu tiên cho thấy quả thật DHEA có hiệu nghiệm. Bằng cách bổ sung lượng DHEA trong cơ thể một người già với một lượng tương đương của một người trẻ tuổi, người ta thấy da dẻ của cụ này trẻ đẹp lại. Sự chuyển hóa xương (métabolisme osseux) được cải thiện rõ rệt ở các cụ bà trên 70 tuổi. Và thật bất ngờ và thú vị khi thấy các cụ bà trong một năm, đã tìm lại được hứng thú trong chân gối đã bị quên lãng từ lâu! (sự hưng phấn tình dục). Các hiệu quả khác, chẳng hạn việc cải thiện trí nhớ, còn đang trong vòng lượng giá.

Quả nhiên thành công tức thời! Ai cũng muốn vợ lấy DHEA! Ở Pháp loại này chưa được phép bán ra. Nhưng người ta, từ Mỹ về, từ Thụy sĩ, từ Bỉ qua, giấu trong áo khoác ít nhiều DHEA hay mua qua Internet và tùy nghi sử dụng! Giáo sư Beaulieu phát biểu: Tôi hoàn toàn chống lại lối sử dụng bừa bãi này. Phải có sự kiểm tra cần thiết. Dù chúng ta biết chất DHEA không gây ra một hậu quả tích lũy (accumulation) và nó cũng được hấp thụ rất tốt ở liều lượng 50mgr/ngày nhưng chúng ta chưa biết được các hiệu quả tiêu cực của nó trên những người có mang mầm mống bệnh ung thư tuyến tiền liệt hoặc cho một bà bị ung thư vú.

Trước sức ép của những đòi hỏi trên thị trường và cũng để tránh nạn chợ đen nảy sinh, cần phải có những cuộc nghiên cứu cần thiết để định cho DHEA một qui chế được phẩm, tức là phải qua sự kiểm soát chặt chẽ về việc chỉ định và liều lượng sử dụng.

Nhưng DHEA là một kích thích tố thiên nhiên, trong lãnh vực công cộng, không cần phải có một chứng chỉ (brevet). Lại nữa, sự sản xuất chất này cũng không hấp dẫn các hãng dược phẩm lớn vì người ta không muốn đầu tư vào một chất mà không nắm được đặc quyền.

Kích thích tố DHEA, các loại hormone tăng trưởng được phép bán tại Bỉ. Giáo sư Thierry Hertoghe ở Bruxelles, đã áp dụng hormone liệu pháp dựa vào hai nguyên tắc:

1. Tốt nhất là không nên tự giới hạn vào một loại thần dược nào mà phải dùng kết hợp nhiều loại hormone khác nhau và phải đúng liều lượng. Vì, theo bác sĩ Hertoghe, các hormone có tác dụng hỗ tương, việc sử dụng đơn độc không đủ bù đắp những hao hụt (carence) dần vì thời gian.

2. Các cách trị liệu hiện nay phải do các bác sĩ chuyên khoa sau khi đã có những khám nghiệm kỹ càng và sử dụng có chỉ định và với liều lượng phù hợp với từng cá nhân. Cuối cùng, các bác sĩ cũng phải qua các cuộc tập huấn thích đáng để tránh tình trạng chữa chui như hiện nay ở Pháp.

Một nhóm các nhà nghiên cứu sẽ khởi đầu việc sử dụng chất prégénolone, đặc chất của trí nhớ, một chất dẫn xuất từ DHEA, để sử dụng hơn và không có hiệu quả chống chỉ định. Trong loài vật, chúng ta thấy sự lão hóa sinh học của não bộ có thể phục hồi được với các loại kích thích tố. Chúng ta cũng đã phục hồi trí nhớ trẻ trung cho loài chuột, giáo sư Beaulieu xác nhận. Thật là một bước tiến tuyệt vời! Nhưng ai dám nghĩ chất dẫn xuất này có thể thích hợp để dùng cho người?

Đã có những mối quan ngại về sự bành trướng vô tội vạ và những

khám phá tản mạn liên quan đến cách sử dụng chất DHEA. Phải xem xét lại một cách khoa học những thí nghiệm đang thực hiện và cần phối hợp với các khoa khác có tương quan và phải làm cho mọi người hiểu rằng sự trường thọ thực sự đã trở thành một vấn đề sức khỏe của công chúng. Muốn vậy, giáo sư Beaulieu đề xuất lập ra một viện chuyên môn về trường thọ, hợp tác giữa nước Pháp và các nước châu Âu và với sự cộng tác và trợ giúp của cả hai lãnh vực công và tư nhằm mục đích cùng thực hiện các cuộc khảo cứu trong các lãnh vực Sinh học, lâm sàng học (clinique), dược học và các khoa trị liệu về tuổi già. Đó là một chương trình khá táo bạo và dĩ nhiên đắt tiền! Dù sao, cũng cần phải khởi động ngay.

Vài khía cạnh kinh tế, xã hội

Các nhà kinh tế chính trị chưa hiểu biết hết về những lợi ích kinh tế của việc ngừa bệnh. Lão học chưa bao giờ được chính thức coi là một chuyên khoa. Trên cả nước Pháp chỉ có khoảng 30 nhân viên giảng dạy về lão học và khoa này cũng chỉ mới được giảng dạy ở các trường y khoa vài năm nay, trong khi nơi các phòng khám bệnh, cứ hai bệnh nhân thì có một người trên 60 tuổi. Trong một xã hội đang biến chuyển mạnh, người ta đã chẳng làm gì để tham gia và sửa soạn cho một cuộc cách mạng về tuổi tác đã báo hiệu. Cuộc cách mạng âm thầm này sẽ làm đảo lộn nhiều vấn đề xã hội mà hầu như chẳng mấy ai ý thức được tầm quan trọng của nó. Một mối ưu tư hàng đầu là ai sẽ được săn sóc ưu tiên? Giới già hay giới trẻ? Chi phí về sức khỏe cho những người trên 80 tuổi tốn gấp đôi những người 20 tuổi.

Điều đó tự nhiên vì ở 80 tuổi người ta dễ bị bệnh hơn ở lứa tuổi 20. Nhưng trong cùng một bệnh giống nhau, người ta lại chi ra ít tiền hơn để săn sóc cho những người trên 80 tuổi. Trong các bệnh viện, số những bệnh nhân cần được điều trị lâu dài, có 110.000 bệnh nhân trên 60 tuổi trong số 11 triệu người được chữa trị nhưng cơ quan an sinh xã hội chỉ trả các chi phí cho 1/3, số 2/3 bệnh nhân còn lại, tính trung bình, họ hoặc thân nhân phải trả khoảng từ 12.000 đến 15.000 quan mỗi tháng. Rõ ràng cao hơn khả năng trung bình của những người hưu trí. Vì số người lớn tuổi tăng thì số bệnh nhân tăng. Sẽ phải giải quyết như thế nào? Bỏ mặc không chữa vì họ không có đủ tiền trả các chi phí chữa trị hay vì quá tốn kém? Bên Anh người ta đã làm rồi! Người ta không dùng kỹ thuật lọc máu nhân tạo (hémodialyse) cho những người trên 60 tuổi, không đặt các van tim cho những người trên 80, mặc dù việc giản dị này có thể tránh cho bệnh nhân nhiều đau đớn. Ở Đan Mạch người ta từ chối áp dụng khoa hồi sinh cho những người lớn tuổi. Đó là những lựa chọn giữa đạo lý và chính trị. Cái nào sẽ được chọn ở Pháp?

Khía cạnh thứ hai phải xem lại là sự liên đới xã hội. Ai sẽ trả tiền hưu trí nếu đến năm 2040 sẽ chỉ có một người đi làm phải trả tiền hưu trí cho 4 người? Người ta dự phóng nếu muốn giữ ổn định dân số hoạt động thì phải tăng số dân nhập cư lên 3 lần, từ 50.000 đến 150.000

mỗi năm hoặc sẽ phải đẩy lùi tuổi về hưu tới 69 tuổi. Một ghi nhận khác: việc tăng tuổi thọ sẽ gây những xáo trộn trong các lứa tuổi và những cơ cấu gia đình. Ngày nay sự báo động của tuổi già làm cho lứa tuổi 50 đầy ngột trong các phòng thể dục dụng cụ và trên các sân đánh golf; người ta dùng xe trượt (trottinette) trên các đường phố Paris từ 7 tuổi tới 77 tuổi. Đời sống ái tình cũng phải chia ra làm nhiều giai đoạn. Số người li dị ở tuổi 60 đã tăng lên gấp đôi trong 10 năm. Gia đình tan vỡ sẽ trở thành một qui chuẩn? Trên hết, dường như không thể không xem xét lại việc phân bố lao động. Những người hiện nay trong lứa tuổi 50 liệu có chịu để cho người ta vứt bỏ như người ta đã làm cho thế hệ trước? Khi sự phát triển tăng và những tay nghề giàu kinh nghiệm ngày càng hiếm, người ta muốn lại những tay già. Nền kinh tế mới mở ra những cơ hội cho giới trẻ nhưng người ta cũng cần những người có kinh nghiệm để phát triển.

Tóm lại, dù 50, 60 hay 70 tuổi, thái độ cho rằng giới này trở thành vô dụng không còn đúng nữa. Hãy giữ mãi tuổi trẻ và sức khoẻ đầy đủ không phải chỉ là để làm dáng, làm điệu mà thực sự là một nghĩa vụ dân sự, một việc ích nước lợi nhà!

(Theo *Le Nouvel Observateur*, 09-15-00)

lệ xuân

Nhớ ngày giỗ mẹ



*Xin lỗi mẹ, thêm một mùa Xuân nữa
Là đã bao Xuân con chẳng về thăm
Nỗi thương nhớ gặm xương mòn thịt rữa
Chảy khắp châu thân, giòng lệ âm thầm.*

*Thời gian lạnh lùng, hết năm đến tháng
Kể từ khi con bé sừng bên trời
Cải tạo, tù đầy, vượt biên, tị nạn...
Định cư rồi, xa mẹ cũng đành thôi...*

*Con biết mẹ mong con về hăng bữa
Mâm cơm chiều nguội ngắt tự năm nao
Thằng con vẫn như loài chim viễn xứ
Bay mù tăm, biệt dạng nẻo chiêm bao.*

*Quê hương mình mùa đông thường bão lụt
Nhà tiêu điều, mái lá dột năm xưa
Con lang bạt không chịu về chăm chút
Mảnh chăn đơn đủ ấm mẹ đêm mưa?*

*Đêm đông chí năm xưa nhà trống lạnh
Củi trời mưa, mẹ nhóm lửa gian nan
Hơi mẹ thổi từng như dài vô tận
Đốt lửa tình thương rực cháy huy hoàng.*

*Khỏi ưu tư phủ mờ bao giọt lệ
Đau xé lòng con, đời mẹ long đong
Mẹ mong lửa ấm đời con hơn mẹ
Mà đời con theo vận nước xuôi giòng.*

*Giọt lệ đó hoà vào con một thể
Tươi mát hồn con giữa cuộc lao đao
Trong suốt đời này con luôn có mẹ
Ơn nghĩa sinh thành, chín chữ cù lao.*

*Đêm tóc rối con ngồi trên côi nhớ
Đời hư hao, mắt lệ cũng khô cạn
Không khóc được nên lòng con trần trở
Và kiếp này xin cúi mặt ăn năn!*

phạm tâm phổ

Câu Chuyện Những Kỳ Quan

Nguyễn Nhạn Sơn

Mới đây, tôi được một người bạn bên Mỹ gửi tặng một cuốn sách khảo cổ, mà chỉ cái nhan đề cũng đã khiến cho tôi chú ý. Nhan đề là: *The Seventy Wonders of the Ancient World*; nhan đề phụ là: *The Great Monuments and How They Were Built* (Bảy chục kỳ quan của thế giới ngày xưa; những công trình vĩ đại cùng cách xây dựng). Sách do Chris Scarre biên soạn, và do nhà Thames & Hudson ấn hành lần thứ nhất ở Mỹ năm 1999.

Chắc các bạn cũng giống như tôi, về kỳ quan thì xưa nay chỉ nghe có bảy. Bây giờ, cuốn sách này lại cho ra một con số khác, nhiều gấp mười lần. Kỳ quan ở đâu mà nhiều thế? Liệu có đúng là “kỳ quan” không? Hay chỉ là kể cho nhiều, cho tròn một con số để gây ấn tượng?

Nhưng, xin dành lại sau, câu trả lời về nội dung. Ở đây, tôi xin cùng các bạn thảo luận một chút về những sự lựa chọn của người đời. Hình như tự cổ chí kim, chưa có sự lựa chọn nào được tất cả mọi người đồng ý. Lựa chọn mà “kim” nhất, là kết quả của những giải thưởng, kết quả của

những cuộc bầu cử. Đâu có kết quả nào không bị dị nghị? Lựa chọn mà không “cổ” lắm, là kết quả những kỳ thi hương, thi hội. Ông Tú Xương của chúng ta, qua tám khoa hồng cử nhân, chưa bao giờ ông nhìn nhận sự lựa chọn của các khảo quan là chính xác. Lựa chọn khá “cổ” là của Kim Thánh Thán, chọn sáu cuốn sách hay nhất trong rừng văn chương Trung-Quốc, để gọi là “lục tài tử”. Các nhà phê bình khác đâu có cho là đúng. Sự lựa chọn “cổ” nhất, có lẽ là sự xếp hạng những người đẹp trong lịch sử nước Tàu. Nhưng ngay trong lãnh vực không có bằng chứng này, thiên hạ vẫn có chuyện để cãi nhau. Bao-Tự đẹp hơn Tây-Thi, hay trái lại? Dương Quý-Phi đẹp hơn, hay Triệu Phi Yến đẹp hơn? Tóm lại, sự chọn lựa hay xếp hạng nào cũng chỉ có giá trị tương đối.

Vậy, với quan niệm tương đối, chúng ta hãy nghe Chris Scarre và các đồng sự kể về các kỳ quan.

Phần đầu của cuốn sách được dành cho 7 kỳ quan truyền thống.

Phần sau dành cho 63 kỳ quan mới tìm ra, xếp thành 6 loại: Lăng mộ và nghĩa địa; Chùa và đền thờ; Cung điện, hồ tắm và đấu trường; Đồn lũy; Hải cảng, đường sá và công trình thủy lợi; Tượng khổng lồ và thạch trụ.

Trong bài này, tôi sẽ nói kỹ về 7 kỳ quan truyền thống. Trong những bài tiếp theo, tôi sẽ chọn giới thiệu chừng 20 cái trong số 63 kỳ quan mới, để các bạn coi lại xem có xứng đáng không. Tôi cũng sẽ nói kỹ về những cái này. Kỳ dư, tôi sẽ chỉ kể tên, và ghi rõ địa điểm, để dự phòng trường hợp có bạn muốn tự mình tới thăm. Ngày nay, người Việt chúng ta có mặt ở khắp nơi trên thế giới, việc ngẫu nhiên có người sống gần những thắng tích kia rất dễ xảy ra.

Đây là 7 kỳ quan theo quan niệm cũ: Những kim tự tháp ở Giza, Ai-Cập; Những khu vườn treo của thành phố Babylon; Đền thờ nữ thần Artemis ở Ephesus; Pho tượng thần Zeus ở Olympia; Lăng vua Mausolus ở Halicarnassus; Pho tượng khổng lồ ở đảo Rhodes; Ngọn hải đăng ở Alexandria.

Trước hết, xin nói qua về chữ “kỳ quan”. Theo nghĩa chung, “kỳ quan” có nghĩa là cảnh vật hùng vĩ hoặc đẹp đến mức lạ lùng, ai nhìn thấy cũng phải sinh lòng cảm xúc. Nhưng những “kỳ quan” ở đây, tiếng Pháp gọi là “*Merveilles*”, tiếng Anh gọi là “*Wonders*”, đều là những công trình kiến trúc nhân tạo. Những cái lạ và đẹp, nhưng nếu không có bàn tay con người dính vào, thì không được kể vào đây. Chẳng hạn, vịnh Hạ Long của Việt-Nam, rất đẹp và hùng vĩ, nhưng không được kể chỉ vì là một thắng cảnh thiên nhiên.

Riêng đối với 7 kỳ quan mà tôi gọi là “truyền thống”, cũng không phải được tất cả mọi người đồng ý là “kỳ quan” ngay từ đầu. Đã có người muốn bớt đi một vài cái, cho là không xứng đáng; lại có người đưa thêm vào hai ba cái nữa, bảo rằng những cái này không thua kém gì



những cái kia. Nhưng cuối cùng, thì con số “bảy” cũng đi vào ổn định. Và đã lâu lắm rồi, hễ nói đến “kỳ quan”, thì ai nấy cũng chỉ nhắc tới bảy cái kể trên thôi. Bảy kỳ quan này có hai điểm chung: Về thời gian, đều có trước Thiên Chúa kỷ nguyên; Về địa điểm, đều nằm quanh vùng phía đông Địa-Trung-Hải.

1. Những Kim Tự Tháp Ở Giza

Chữ “kim tự tháp” là dịch từ chữ “pyramid”, chỉ những công trình kiến trúc có hình chữ “kim” (vàng), chóp nhọn để rộng. Đây là những ngôi mộ của những ông vua, những bà hoàng hậu của Ai-Cập thời cổ. Thật ra, về kim tự tháp, không phải chỉ có mấy cái tại vùng Giza, mà trên toàn xứ Ai-Cập, có đến hơn 80 cái. Và cũng chẳng phải chỉ riêng ở Ai-Cập mới có kim tự tháp, mà ở vài xứ khác như Peru, Mễ-Tây-Cơ, cũng có. Vì vậy, khi nói về 7 kỳ quan, về phần kim tự tháp, có tài liệu ghi “những kim tự tháp của Ai-Cập”, để nói chung. Nhưng cũng có tài liệu làm ngược lại, chỉ đề cập tới một cái quan trọng nhất là kim tự tháp Khufu (sách tiếng Pháp thường ghi Chéops). Ở đây, chúng ta sẽ nói tới những kim tự tháp quan trọng nhất của Ai-Cập, tức là những cái nằm tại Giza.

Trong 7 kỳ quan, chỉ riêng những kim tự tháp nói đây là còn đứng vững với thời gian. Sáu cái kia đều đã đổ nát từ lâu, thậm chí có cái còn mất hết vết tích, các nhà khảo cổ phải khó khăn lắm mới biết được nơi tọa lạc là ở đâu, và hình dáng vốn như thế nào.

Giza (sách tiếng Pháp viết Guizèh, hoặc Gizeh) là một vùng đất nằm trên tả ngạn sông Nile, cách thủ

đô Cairo 5 cây số về hướng tây-nam. Tại đây, có 3 kim tự tháp lớn nhất Ai-Cập, qui mô còn nguyên vẹn, chỉ bị bóc lớp đá làm mất, và mất đi những ngôi đền phụ thuộc xung quanh. Đây là các kim tự tháp Khufu (Cheops), Khafre (Chephren) và Menkaure (Mycerinus), được gọi theo tên các ông vua được chôn bên trong. So với nhau, tháp Khufu lớn hơn cả, thường được gọi là “đại kim tự tháp” (the Great Pyramid); tháp Khafre thấp hơn mấy tấc; tháp Mentaure nhỏ hơn nhiều. Kim tự tháp nào cũng có hình chóp vuông, bốn cạnh đều nhau, chiếu đúng bốn hướng đông, tây, nam, bắc. Đứng dưới đất mà nhìn, ngôi nào cũng sừng sững như một ngọn đồi, mỗi mặt là một hình tam giác cân.

Sau đây là vài con số về cái kim tự tháp Khufu:

- Thời gian xây dựng: 23 năm (khoảng 2551-2528 trước TC)

- Số nhân công cần dùng: từ 20 ngàn đến 30 ngàn

- Bề cao của tháp: 146,59 thước

- Bề dài mỗi cạnh đo sát mặt đất: 230,33 thước

- Thể tích chung: 2.600.000 thước khối

- Tổng số tảng đá được dùng để xây: 2.300.000

- Trọng lượng trung bình của mỗi tảng đá: 2 tấn rưỡi.

Nhiều nhà khảo cứu đã có những luận giải khác nhau về hình dạng của kim tự tháp, như hình chóp nhọn là tượng trưng cho tia sáng mặt trời, như bốn mặt dốc gặp nhau ở đỉnh là con đường đưa linh hồn của vị vua nằm trong lòng tháp đi lên trời ... Nhưng trong thực tế, với trình độ kỹ thuật thời bấy giờ, chỉ với hình chóp nhọn, thì công trình kiến trúc mới đạt tới độ cao tối đa.

Thật ra, ba ngôi tháp mà ngày nay chúng ta nhìn thấy tại Giza, chỉ là những phần chính còn lại sau mấy ngàn năm chịu sức tàn phá của thời gian và con người. Lúc khởi thủy, xung quanh mỗi ngôi, còn có nhiều kiến trúc phụ thuộc, như những bức

thành, những ngôi mộ các hoàng thân, các đại thần, cùng các đền thờ. Sử gia Herodotus (Hérodote) của cổ Hi-Lạp cho biết khi đến thăm Giza (khoảng thế kỷ V trước TC), ông còn nhìn thấy xung quanh các ngôi tháp có những bức tường trên có gắn những tấm đá chạm trổ tinh vi. Ngày nay, chẳng những bức tường này đã mất hết vết tích, mà lớp đá vôi láng mặt bên ngoài cũng bị gỡ lấy đi, chỉ còn lại một ít trên đỉnh của ngôi tháp Khafre.

Theo các nhà khảo cổ, sở dĩ vùng Giza được chọn làm nơi xây tháp là vì bên dưới mặt đất có một nền đá vôi nguyên khối đủ sức chịu đựng sức nặng của tháp, và xung quanh có chỗ để đào lấy đá mà xây. Nhưng được lấy gần, chỉ là những tảng đá vôi dùng xây thân tháp. Những tấm đá vôi đẹp dùng xây lớp mặt được lấy từ bên kia sông, ở những chỗ khá xa. Riêng những khối đá hoa cương dùng xây lớp mặt căn phòng đặt quan tài và những hành lang ngầm trong lòng tháp, phải lấy ở Aswan, một địa điểm cách Giza trên 900 cây số về phía nam.

Người ta chuyển những khối đá nặng bằng những giá gỗ kéo trượt trên những con đường đất nện lát đá hoặc gỗ tròn. Ngày nay, những con đường chuyển đá này vẫn còn dấu vết. Nhưng bằng cách nào, những khối đá nặng ấy đã được đưa lên cao, đến tận chỗ xây, thì vẫn còn nhiều tranh cãi. Tuy nhiên, có một số nhà nghiên cứu đồng ý rằng người xưa đã dùng đòn bẩy để đưa những khối đá vào vị trí, và đắp những con đường dốc tạm để đưa chúng lên cao. Những con đường này được phá đi sau khi việc xây tháp hoàn tất. Ngày nay, ở những chỗ đào lấy đá xây tháp, còn thấy lớp đất đá vụn vốn không phải tại chỗ vỡ ra. Người ta đoán đó là những vật liệu phá đi từ những con đường đắp tạm kia.

Trước khi được đặt vào vị trí, từng khối đá đã được đẽo gọt thật kỹ để có góc cạnh khớp với những khối tiếp cận. Những khối đá xây lớp ngoài



cùng của kim tự tháp Khufu khít nhau đến nỗi khó len được mũi dao vào các kẽ. Chết hồ (vữa) bằng thạch cao cũng được dùng để trám một số kẽ hở, và làm chất trơn để đưa những khối đá vào đúng vị trí. Người ta xây từng lớp thẳng theo hàng ngang, cứ xong lớp dưới thì đến lớp trên. Những khối đá ở góc phải được xây trước, để giữ cho hình dạng của tháp không bị méo đi.

Còn bên trong mấy ngôi tháp này có gì? Bên trong ngôi Khufu, có ba căn phòng và những hành lang dẫn tới những căn phòng này. Căn phòng nằm sâu nhất được đục trong đá nguyên khối, thấp hơn nền tháp đến hơn mười thước. Chắc chắn căn phòng này và cả hành lang đi xuống đây phải được đào xong trước khi bắt đầu xây phần trên. Cho đến bây giờ, người ta cũng chưa biết rõ công dụng của căn phòng này. Nằm chính giữa thân tháp là căn phòng mà các nhà khảo cổ đặt tên là “căn phòng nhà vua”. Nằm thấp hơn, là “căn phòng hoàng hậu”, ăn thông với “căn phòng nhà vua”, và ra bên ngoài bằng những hành lang quanh co. Mặt trong của hai căn phòng này đều được ốp bằng đá hoa cương đỏ. Giữa mỗi phòng có một cái quan tài, cũng bằng đá hoa cương đỏ. Tất nhiên, khi các nhà khảo cổ vào được tới đây, họ chỉ thấy hai căn phòng và hai cỗ quan tài trống không. Những người xây tháp cũng biết lo xa, nhưng đã không ngăn ngừa được bọn đào trộm mộ lấy của.

Bên trong ngôi tháp Khafre, có hai căn phòng. Bên trong ngôi tháp Menkaure, chỉ có một căn. Tất cả đều được đục trong đá nguyên khối, nằm thấp hơn nền tháp, và bên trong không được xây kỹ như những căn phòng của tháp Khufu.

Sau đây, là những điểm cần biết chung về các kim tự tháp của Ai-Cập:

Về thời điểm, hơn 80 kim tự tháp của xứ này được xây dựng cái trước cái sau, vào những triều đại khác nhau, nhưng cái nào cũng có trước Công Nguyên rất lâu. Được xây sớm nhất là tháp Khufu; tiếp theo là tháp

Khafre, và tháp Menkaure, trong khoảng hơn một trăm năm. Những tháp khác được xây sau đó, ở những nơi khác, cái sau cùng sau những tháp của Giza đến cả ngàn năm. Nhưng tựu trung, so với sáu kỳ quan kia, kim tự tháp nào cũng cao tuổi hơn nhiều.

Các nhà khảo cổ chỉ mới bắt đầu để ý đến kim tự tháp của Ai-Cập từ giữa thế kỷ 18. Lúc bấy giờ, hầu hết các ngôi tháp đều đã bị cướp phá. Bên trong thì xác ướp và châu báu bị lấy trộm, bên ngoài thì gạch đá bị cạy gỡ. Riêng những ngôi tháp ở Giza, theo ghi chép của các nhà du lịch, cho đến thời trung cổ (476-1453), thì ngoại hình vẫn còn nguyên vẹn. Lớp đá vôi xây mặt chỉ mới bị cạy gỡ trong vài trăm năm trở lại đây.

Trước kia, người ta tưởng nhân công dùng trong việc xây tháp là nô lệ. Nhưng thật ra, nhân công đó đều là tuyển mộ và được trả công. Xung quanh các ngôi tháp Giza, vẫn còn vết tích những nơi ăn ở của nhân công.

2. Vườn Treo Babylon

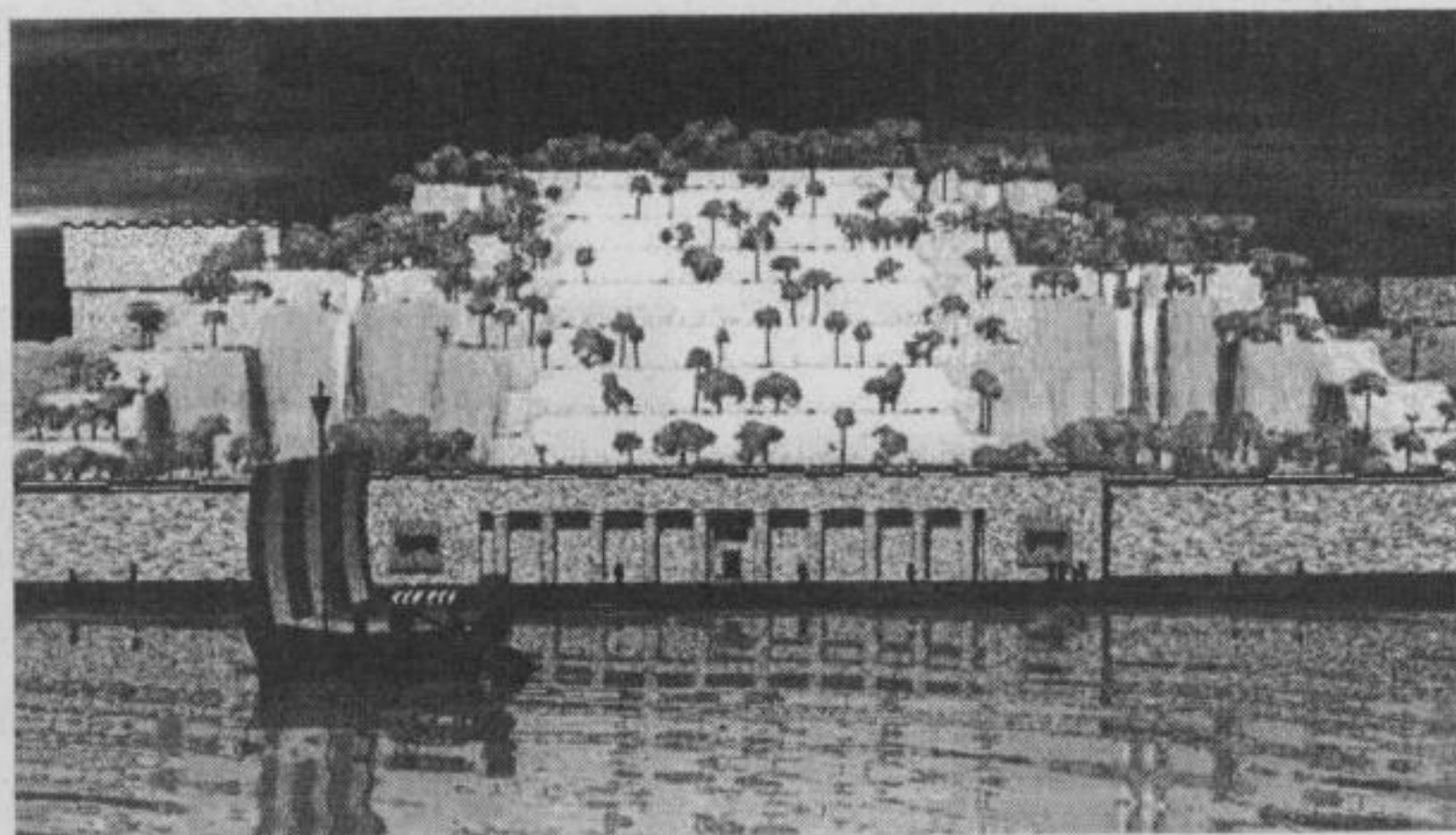
Cũng giống như năm cái sẽ kể tiếp theo đây, kỳ quan này không còn nguyên hình, chỉ còn tàn tích.

Trước hết, xin nói về vị trí. Babylon là một thành phố, mà cũng có thể gọi là một vương quốc, có trước Công-Nguyên nhiều trăm năm,

nằm giữa hai con sông Tigre và Euphrate, một vùng đất thường được các nhà địa lý gọi là “Lưỡng Hà Châu” (châu thổ nằm giữa hai con sông), sách tiếng Pháp gọi là Mésopotamie. Ngày xưa, đây là một miền trù phú. Ngày nay, vùng này thuộc địa phận nước Iraq.

Tài liệu xưa nhất về “vườn treo Babylon” là của sử gia Berossus người Babylon, viết khoảng năm 270 trước Thiên Chúa. Tài liệu ghi rằng vua Babylon, Nebuchadnezzar (605-562 trước TC) đã ra lệnh xây xong trong 15 ngày (?) một tòa cung điện mới, với những sân thượng có trồng cây, trông giống cảnh núi rừng, cốt để làm vui lòng hoàng hậu Amyitis, vốn là người miền nam xứ Iran, một nơi nhiều rừng núi.

Nhiều sử gia-nghe sĩ, khi nói về động cơ kiến tạo, đã ghi nhận rằng khác với những công trình kia, kỳ quan này thành hình là để “yêu thương” nhau, chứ không phải là để “vinh danh” ai. Nàng nhớ núi nhớ rừng nơi cố quận, mà nơi đang sống chỉ có đồng bằng, thì chàng cố gắng tạo một cảnh tượng tự để nàng vui đi lòng hoài hương. Còn trong những áng văn thơ liên hệ tới “vườn treo”, người đời sau cũng đã vẽ vời đôi câu hỏi: Không biết đôi vợ chồng vương giả kia đã bao nhiêu lần sánh bước đi dạo trong khu sơn lâm nhân tạo? Và, Alexandre Đại-đế, sau khi chiếm



được Hi-Lạp, Ba-Tur, Ai-Cập ... và thất trận ở Ấn-Độ trở về dưỡng bệnh tại Babylon, có đến thăm “khu vườn tình yêu” kia, để cho dịu đi lòng hiếu thắng? Ông vua “bách thắng nhất bại” này chết tại Babylon năm 323 trước TC, lúc này tuổi của “vườn treo” đã ngoài hai trăm. Lịch sử có ghi Alexandre Đại-đế đốt phá nhiều nơi, nhưng không nói ông phá hủy “vườn treo”.

Nhưng các tài liệu khảo cổ của Hi-Lạp nói cụ thể hơn. Khu vườn nằm phía nam cung điện của triều đình Babylon, chiếm một diện tích hình vuông cạnh khoảng 120 thước. Chiều cao của những “sân thượng” (terrace) trồng cây là 25 thước, bằng chiều cao của bức tường bao quanh hoàng thành. Đứng trên nền đá là những tấm vách xây bằng gạch, nâng đỡ những học xây kín đáy. Chứa trong các học là loại đất trồng cây. Cây trồng là loại cây rừng cỡ trung, được tưới bằng nước lấy từ những mạch nhân tạo đặt khuất sau những bức vách. Ngày nay, đến thăm viện bảo tàng khảo cổ các nước Hi-Lạp, Thổ-Nhĩ-Kỳ, Iran, Iraq, du khách có thể được nhìn thấy hình ảnh của “Vườn Treo Babylon”. Tất nhiên, đây chỉ là những bức vẽ tưởng tượng. Nhưng sự tưởng tượng là kết quả của một quá trình khảo cứu rất lâu dài.

3- Đền Thờ Nữ Thần Artemis ở Ephesus

Ephesus (tiếng Pháp viết éphèse), ngày xưa là một thành phố nằm trên bờ biển phía tây của miền Tiểu-Á (Asie Mineure), ngày nay thuộc Thổ-Nhĩ-Kỳ. Theo thần thoại Hi-Lạp, Artemis là con gái của thần Zeuss và

nữ thần Léto, và là em sinh đôi của thần Apollo. Theo thần thoại La-Mã, Artemis chính là nữ thần Diana.

Lúc bấy giờ (khoảng giữa thế kỷ thứ VI trước Thiên Chúa), người Hi-Lạp đã xây được nhiều ngôi đền thờ đồ sộ. Nhưng ngôi đền nổi đây là ngôi đền đầu tiên được xây toàn bằng đá cẩm thạch trắng. Tất nhiên, kinh phí rất lớn. Nhưng cuối cùng, một ngôi đền tráng lệ xưa nay chưa từng thấy cũng được hoàn tất. Croesus, vua cuối cùng (560-546 trước TC) của xứ Lydia (thuộc Tiểu-Á), người nổi tiếng giàu có nhất ven bờ Địa-Trung-Hải thời bấy giờ, đã tài trợ cho công cuộc xây dựng. Do đó, ngôi đền còn có tên là “công trình Croesus”. Nhưng đến năm 356, ngôi đền bị hủy phá. Tương truyền là do một người khùng điên, muốn thiên hạ nhắc tới tên mình.

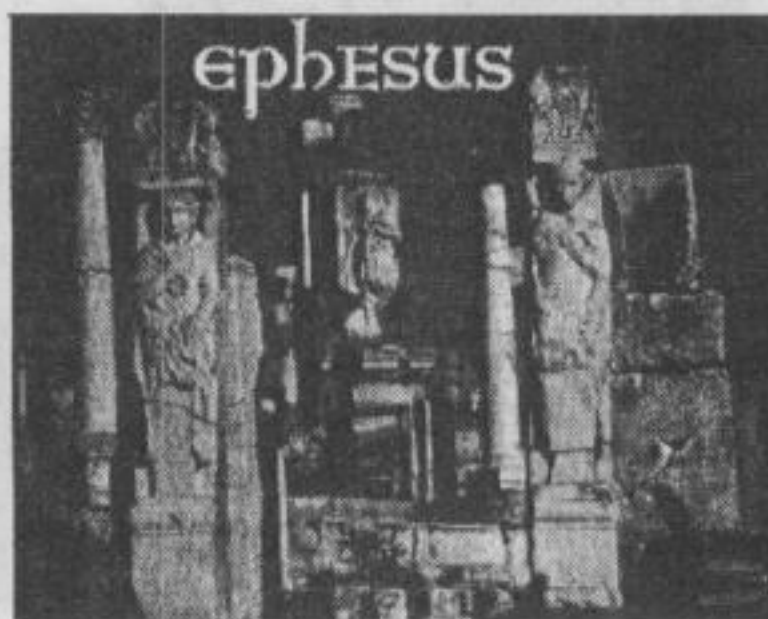
Theo các tài liệu khảo cổ, ngôi đền xây xong khoảng năm 550 trước TC, nghĩa là chỉ đứng được hai trăm năm trước khi bị phá. Nhưng chỉ khoảng ba mươi năm sau, một ngôi đền mới được xây ngay chỗ cũ, cũng toàn bằng đá cẩm thạch. Không biết kinh phí do ai cung cấp.

Ngôi đền sau có phần lớn hơn ngôi trước: Dài 131 thước, rộng 78 thước, cao trên 40 thước. Kiểu xây và vật liệu vẫn như trước. Đặc điểm kiến trúc là những hàng cột đứng thành mấy vòng ngoài trên mặt nền, che không để bên ngoài nhìn thấy phần nội điện. Cột nào cũng được xây bằng đá nguyên khối đểo thành những hình viên trụ đường kính thật lớn, đặt chồng lên nhau, thật khít,

không cần hồ (vữa) làm chất đệm, trên dưới bằng nhau, mặt ngoài có chạm thành những đường rãnh dọc chạy thẳng từ đầu xuống chân. Đứng xa mà nhìn, thì ngôi đền trắng toát một màu, và đường nét chính là những đường thẳng đứng của những hàng cột.

Đặt trên đầu những cây cột, là những tấm cẩm thạch nguyên khối dài đến 7 hoặc 8 thước, rộng chừng một nửa, dày có khi đến gần 2 thước, nặng không dưới 40 tấn. Bìa quay ra phía ngoài được chạm trổ tinh vi, với những hình sư tử, hoa văn đủ kiểu, hoặc những sự tích tôn giáo, những trận đánh. Cho tới gần đây, các nhà khảo cổ còn tranh luận với nhau về vấn đề nhà xây dựng ngày xưa đã dùng cách nào để đưa những khối đá nặng như thế vào vị trí. Người ta còn truyền tụng câu chuyện rằng kiến trúc sư của ngôi đền cũ, Chersiphron, suýt nữa đã phải tự tử vì không nghĩ ra được cách nâng những khối đá quá nặng kia lên đầu cột. Về sau, người con trai của ông là kiến trúc sư Metagenes giúp cha vượt được trở ngại. Có tài liệu ghi nhận rằng thời bấy giờ, người Hi-Lạp đã biết dùng cần trục (crane). Nhưng chắc chắn cần trục thời xưa không làm gì được với những trọng lượng quá lớn. Cha con nhà kiến trúc kia đã phải dùng những con đường dốc tạm để đưa vật nặng lên cao.

Nhưng sau bao nhiêu công sức xây dựng và sửa chữa, đền thờ nữ thần Artemis chỉ tồn tại cho đến đầu thế kỷ thứ III trước TC. Ngôi đền xây sau bị người Scythe và người Byzantin tàn phá. Ngày nay, du khách nặng lòng hoài cổ, đến chốn cũ, chỉ còn thấy giữa một bãi đất hoang rải đầy đá vụn (đập ra từ ngôi đền), một cây cột đá cẩm thạch trắng, đứng trơ vơ, gợi lại hình ảnh và đường nét cũ của ngôi đền. Theo khuyến cáo của các nhà khảo cổ, chính phủ Thổ-Nhĩ-Kỳ đã cho gom lại những khối cẩm thạch còn tương đối nguyên vẹn đem chồng lên nhau thành cây cột ấy, để thu hút du khách. Sau hơn hai ngàn



năm, đá không còn đủ sức “trơ gan cùng tuế nguyệt”, nên mới phải nhờ đến sức người.

4. Pho Tượng Thần Zeuss Ở Olympia

Olympia là một vùng đất đồi, ngày nay thuộc Hi-Lạp. Ngày xưa, từ thế kỷ thứ VIII trước TC đến thế kỷ thứ IV sau TC, hằng năm người ta đã tổ chức tại đây những cuộc tranh giải về các môn thể thao và nghệ thuật. Và những cuộc thể vận vùng, hoặc toàn cầu, cũng bắt nguồn và được gọi tên theo đây: Olympic Games.

Theo thần thoại Hi-Lạp, Zeuss là vị thần ngự trị cả trời đất, là chủ quản của tất cả các vị thần khác. Và theo chuyện “kỳ quan số 3” ở trên, Zeuss là cha của nữ thần Artemis. Như thế, “phụ tử tương tùy”, hai cha con đã được tới 2 trong số 7 kỳ quan, vinh danh.

Cha thì tất nhiên phải cao tuổi hơn con. Nhưng kỳ quan của con lại có trước kỳ quan của cha: Đền thờ Artemis ra đời ở Ephesus hơn 100 năm, rồi mới có pho tượng Zeuss ở Olympia. Theo tài liệu khảo cổ, pho tượng này ra đời khoảng 430 trước TC.

Chuyện kể rằng, năm 437 trước TC, điêu khắc gia số một của Hi-Lạp lúc bấy giờ là Pheidias, vì lý do chính trị, bị trục xuất ra khỏi kinh thành Nhã-Điển (Athens), đã đến Olympia theo lời mời của hội đồng phụng thờ thần Zeuss. Họ muốn nhờ ông dựng tại đây một pho tượng thật xứng đáng với vị thần. Lúc bấy giờ, nhà điêu

khắc đã có uy tín lớn: Trước đó, ông đã dựng tại Nhã-Điển cho nữ thần Athena hai pho tượng tuyệt đẹp, một đặt đền Parthenon, một đặt tại đền Acropolis.

Khi Pheidias đến Olympia, thì tại đây đã có một hệ thống đền thờ dành cho thần Zeuss. Nhưng một pho tượng thật to, thật đẹp, xứng đáng với tôn vị của thần, thì chưa có. Ngôi đền trung ương của quần thể kiến trúc Olympia, gọi là đền Doris, vẫn còn để trống, như chờ đợi bàn tay của nhà điêu khắc thời danh.

Pheidias làm việc trong suốt 10 năm, cuối cùng hoàn tất một công trình tuyệt mỹ: Một pho tượng thần Zeuss, ráp bằng vàng tấm và ngà voi, cao 13 thước, được đặt ngồi trên một cái ngai cũng bằng vàng và ngà voi. Phần trên không mặc áo, để lộ ngực, vai và hai cánh tay gân guốc nhưng màu da mịn màng màu ngà, phần dưới quần kín trong tấm xiêm bằng vàng diệp. Tay bên phải nâng một nàng tiên có cánh, biểu hiệu cho tinh thần thượng võ; tay bên trái cầm một cây quyền trượng có hình chim ưng, tượng trưng uy quyền của thần Zeuss đối với chư thần.

Tượng có sườn bằng gỗ, bên ngoài được phủ bằng nhiều lớp ngà gắn khít nhau và được mài cho láng mịn. Những phần phụ thuộc, như xiêm, giày, ngai ngồi, bệ đặt chân ... đều bằng vàng. Riêng đầu và mặt là một công trình tỉ mỉ, bằng ngà, vàng và ngọc. Trong những năm làm việc, Pheidias phải dùng hẳn một cơ sở lớn gần đền Doris làm công xưởng và rất nhiều nhân công để đúc vàng và cưa ngà voi thành những tấm vừa vận để đem ráp lên khung. Sở dĩ chi tiết phụ này được nhắc lại ở đây, là vì ngày nay, công trình lên hệ đến pho tượng “kỳ quan”, thực sự chỉ còn lại cái “công xưởng” này mà thôi. Năm 391 sau TC, người Byzantin đã biến cái “công xưởng” thành một giáo đường của họ, nhưng vết tích cũ vẫn còn cho đến ngày nay.

Sau đây, xin nhắc lại những niên đại liên hệ đến kỳ quan này:

- Năm 776 trước TC: Olympic Games đầu tiên được tổ chức;

- Khoảng 466-456 trước TC: Đền thờ thần Zeuss được dựng tại Olympia;

- Năm 430 trước TC: Pheidias bắt đầu tạc tượng thần Zeuss đặt trong đền Doris;

- Khoảng giữa thế kỷ II trước TC: Điêu khắc gia Damophon tu bổ pho tượng;

- Khoảng 37-41 sau TC: Hoàng đế La-Mã Caligula muốn dời pho tượng về La-Mã, nhưng không làm được;

- Năm 391 sau TC: Giáo hội Thiên-Chúa bắt đầu ngăn cấm tín ngưỡng đa thần. Công xưởng của Pheidias biến thành nhà thờ Thiên-Chúa của người Byzantin, và pho tượng thần Zeuss được dời về Constantinople (lúc bấy giờ, là thủ đô của đế quốc Byzantin; bây giờ, là thành phố Istanbul của Thổ-Nhĩ-Kỳ);

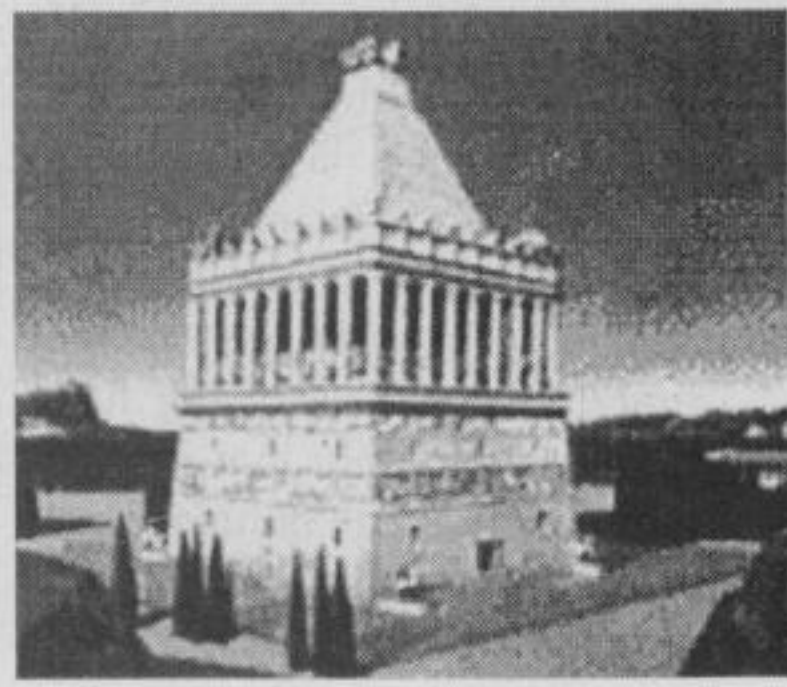
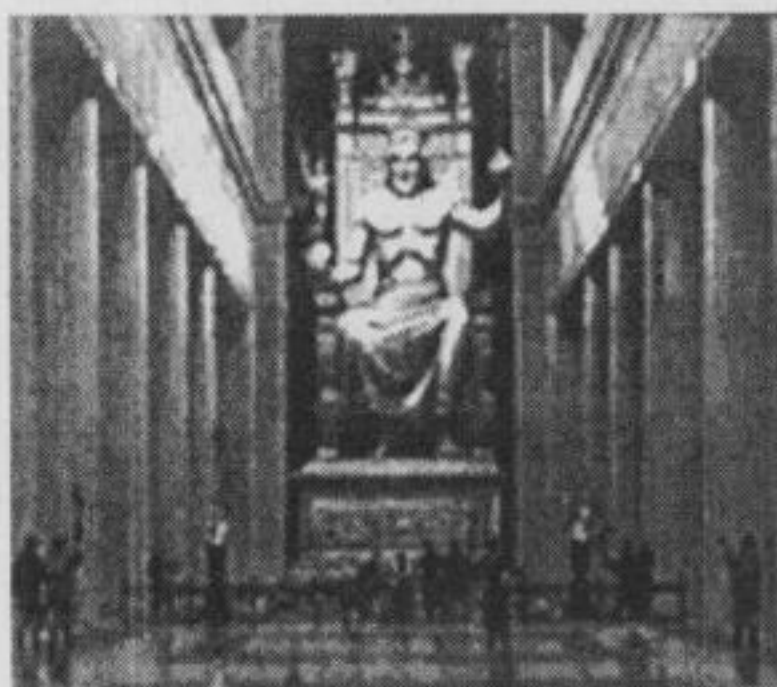
- Năm 425 sau TC: Đền thờ thần Zeuss ở Olympia bị đốt cháy;

- Năm 462 sau TC: Thành Constantinople bị hỏa hoạn, và pho tượng thần Zeuss cũng bị thiêu hủy.

Ngày nay, du khách đến Olympia chỉ còn thấy vết tích cái xưởng chế ngà voi và vàng của Pheidias, và vào tàng cổ viện của Istanbul, thì có thể nhìn được pho tượng kỳ quan, nhưng chỉ trên những bức tranh.

5. Lăng Vua Mausolus Ở Halicarnassus

Halicarnassus (chữ Pháp viết Halicarnasse) ngày xưa là kinh đô



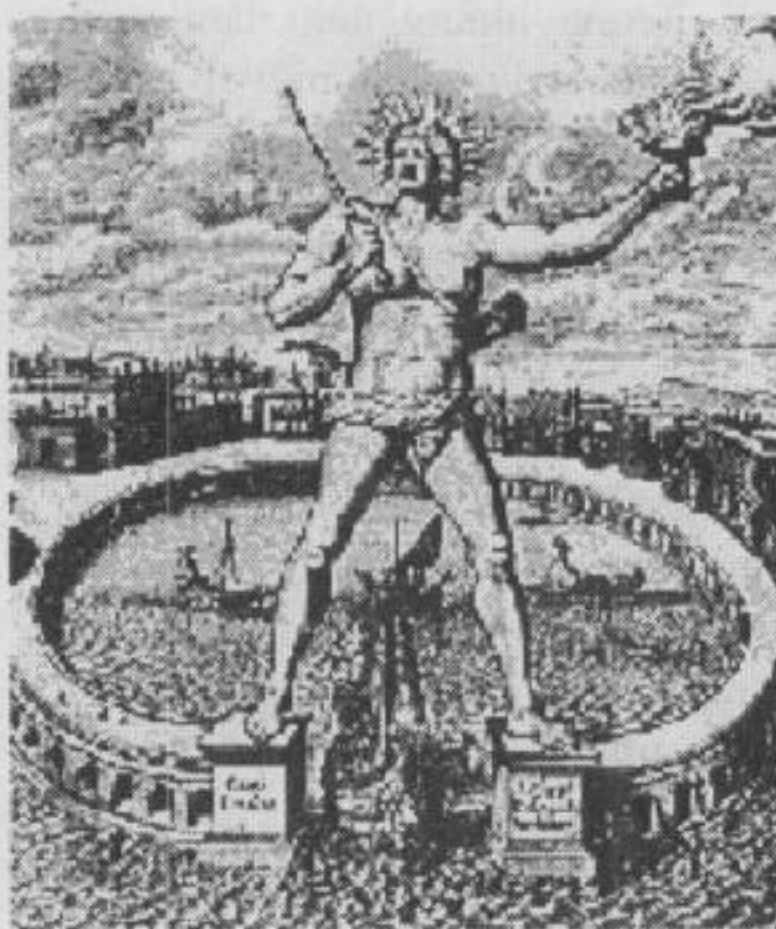
của tiểu vương quốc Caria, thuộc vùng Tiểu-Á, ngày nay là thành phố Bodrum, thuộc Thổ-Nhĩ-Kỳ. Vua của Caria là Mausolus (chữ Pháp viết Mausole), qua đời năm 353 trước TC, được hoàng hậu (mà cũng là em gái của nhà vua) Artemisia xây cho một ngôi mộ rất lớn và rất đẹp. Thời bấy giờ, trong các thứ tiếng văn minh, chưa có từ nào dành riêng để gọi một ngôi mộ vĩ đại tráng lệ như thế. Người ta liền dùng luôn tên ông vua nằm trong ngôi mộ kia, để gọi chung các lăng tẩm vua chúa. Tiếng Anh là "mausoleum"; tiếng Pháp là "mausolée"; và cuốn sách khảo cổ mà tôi đang giới thiệu, viết tên "kỳ quan" thứ năm này là "The Mausoleum of Halicarnassus".

Ngày nay, ngôi mộ kỳ quan chỉ còn lại cái móng và một ít đá gạch vụn. Nhưng các nhà khảo cổ và các họa sĩ đã giúp chúng ta hình dung được qui mô và dáng dấp ngày xưa của nó: Cao 45 thước, dài 38 thước, rộng 32; toàn thân là một ngôi tháp gồm nhiều tầng, từng dưới rộng, những tầng trên thu dần lại; trên cùng là cái mái có hình kim tự tháp, chóp là một cái bục hình chữ nhật nâng một chiếc xe tứ mã do một người điều khiển, có lẽ là hình ảnh vua Mausolus đi chinh chiến thuở sinh tiền.

Về vật liệu, thân tháp được xây bằng dung nham màu lục, ngoài mặt ốp bằng đá cẩm thạch màu trắng, hoặc đá vôi màu biếc. Tài liệu còn ghi tên 5 điêu khắc gia nổi tiếng của Hi-Lạp đã được hoàng hậu Artemisia nhờ phụ trách việc trang trí cho ngôi mộ: Scopas, Bryaxis, Leochares, Timotheos và Praxiteles. Tác phẩm điêu khắc của họ trang trí các mặt bên ngoài của ngôi mộ. Tầng dưới cùng và tầng thứ ba, là những bức phù điêu trên đá kể lại những trận đánh; tầng thứ hai và tầng trên cùng, là những pho tượng người, cỡ lớn như thật. Tượng của vua và hoàng hậu được đặt đứng giữa một imặt ở tầng cao nhất. Hai bên, có lẽ là tượng của quần thần. Về các pho tượng này, trong công cuộc khai quật vùng phía

bắc ngôi mộ, khoảng 1857, người ta tìm được hai pho tượng người bằng đá cẩm thạch, cỡ bằng người thật, dáng dấp uy nghi, trang phục quý tộc, còn gần như nguyên vẹn. Có người cho đó là vua Mausolus và hoàng hậu Artemisia; có người nghĩ là không phải. Hai pho tượng hiện vẫn còn để tại viện bảo tàng Luân-Đôn, nhiều người trông thấy, nhưng không ai dám quả quyết là đúng hay không. Riêng tôi, tôi cho là không phải. Vì hai lẽ: Thứ nhất, những bộ phận khác của ngôi mộ bể nát hết cả, sao riêng hai pho tượng này lại còn gần như nguyên? Thứ hai, cả hai pho tượng đều có đường nét dịu dàng của nền điêu khắc châu Âu khoảng thế kỷ XV-XVI, những đường nét chưa có ở những pho tượng tạc trước TC.

Ở giữa ngôi mộ, nằm thấp hơn mặt nền, là một căn phòng hình chữ nhật, tường và trần đều bằng đá cẩm thạch. Các nhà khảo cổ đều nghĩ đây là nơi đặt quan tài của nhà vua. Trong những lần khai quật cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, người ta không tìm được di vật gì quan trọng, ngoài những mảnh đá có thể vỡ ra từ chiếc quan tài. Nhưng theo một tài liệu cổ, khoảng 1522, lúc này ngôi mộ mới vừa bị một cơn địa chấn phá sập không lâu, có đoàn thám hiểm đào được tới tận căn phòng chôn vua, còn trông thấy được chiếc quan tài đá và những vật dụng chôn theo.



6. Pho Tượng Khổng Lồ Trên Đảo Rhodes

Trong số "bảy kỳ quan truyền thống", đây là cái mà người đời nay biết ít hơn hết. Sau bao nhiêu công phu đào bới, tìm hiểu, các nhà khảo cổ chỉ đồng ý với nhau về vài điểm tổng quát: Đây là pho tượng hình người lớn nhất (cho đến lúc ấy); Pho tượng được dựng để thờ vị thần của đảo Rhodes, thần Helios. Nhưng về những điểm khác, mỗi người một ý. Chẳng hạn, về vị trí của pho tượng, có người nghĩ là ở ngay hải cảng, chỗ tàu bè ra vào; có người lại bảo ở cách xa bờ. Về hình dạng pho tượng, có người bảo có thể đứng giạng chân, tay mặt gơ cao bó đuốc, tay trái cầm một mũi tên; có người lại bảo đứng thẳng, hai tay không cầm gì cả. Chung qui, tài liệu của chính những người đã từng nhìn thấy, viết để lại, gần như không có gì. Tài liệu lưu truyền đều ghi là "nghe nói", hoặc "chép theo truyền thuyết". Duy chỉ mấy trang "du ký" của Philo (tức nhà văn Philo Judaeus, người Alexandria, sinh năm 30 trước TC, qua đời năm 45 sau TC) có thể giúp cho người đời sau biết chút ít về pho tượng: Cao trên 30 thước (Philo ghi "ngón tay nào cũng to bằng một pho tượng khác"). Bằng chứng dẫn khởi này đã gây được tin tưởng và hào hứng cho các nhà khảo cổ. Họ cố gắng tìm kiếm khắp đảo Rhodes. Và cuối cùng, đạt tới kết quả: Tìm được nhiều mảnh vỡ của pho tượng, và xác nhận được đôi điều về nó, như vị trí, hình dạng, kích thước, quá trình và cách thức tạo tác.

Đa phần đã đồng ý với nhau về những điểm sau đây:

- Vị trí của pho tượng không phải ngay trên bến cảng, mà sâu vào bên trong đảo;

- Pho tượng có chiều cao 33 thước, vòng ngực 19 thước;

- Pho tượng đứng thẳng, tay mặt cầm bó đuốc đưa thẳng lên trời, tay trái cầm cây giáo dài dọc theo thân người;

- Pho tượng không mặc quần áo;

- Pho tượng được tạc bằng đồng, nhưng gồm nhiều phần rời hoàn tất ở một nơi khác, rồi đem ráp trên một cái sườn;

- Theo Philo, điêu khắc gia phụ trách công trình tên là Chares.

Ngày nay, du khách từ phương xa đến đảo Rhodes (bây giờ thuộc Hi-Lạp), có thể vào viện bảo tàng để tìm hiểu về pho tượng khổng lồ. Nhưng họ sẽ thấy những mô hình và những bức vẽ khác nhau. Đặc biệt hơn cả là mô hình pho tượng đứng giăng chân. Tài liệu lưu trữ liên hệ còn ghi rõ rằng khoảng thế kỷ XVIII, chủ trương "giăng chân" thắng, nên chính quyền sở tại đã cho xây một pho tượng cũng "khổng lồ", đứng chàng hảng ngay trên lối vào bến, mỗi chân ở một bờ, tàu thuyền ra vào phải chui dưới háng. Kể ra cái ông khổng lồ này cũng hơi xấc!

Sự thật ra sao không biết. Nhưng về pho tượng khổng lồ nguyên thủy, thì các nhà khảo cổ xác nhận chỉ đứng vững được hơn nửa thế kỷ, xây xong năm 282 trước TC, bị đổ năm 226 trước TC. Những mảnh vỡ của pho tượng nằm tại chỗ, cho đến thế kỷ thứ VII, thì được nhà cầm quyền đảo Rhodes đem bán cho một lái buôn người Syrie.

7. Hải Đăng Pharos ở Alexandria

Alexandria, ngày xưa và ngày nay, đều thuộc Ai-Cập. Đây là cái góc tây-bắc của châu thổ sông Nile, nơi mà trước Thiên Chúa, đã là một trung tâm thương mại rất phồn thịnh. Pharos là hòn đảo đứng sát bờ của vùng đất này. Khoảng 297-283 trước TC, triều vua Ptolemy I và II của Ai-Cập, người ta đã xây trên hòn đảo này một ngọn hải đăng, để hướng dẫn tàu bè ra vào cảng Alexandria ban đêm. Giới đi biển thời bấy giờ lấy tên hòn đảo để đặt tên cho hải đăng, gọi nó là "Pharos". Chữ "phare" (hải đăng) của tiếng Pháp cũng có gốc gác ở đây.

Người đời nay biết tới hải đăng Pharos là do hai nguồn gốc, một là nhờ những ghi chép còn sót lại của

một số tác giả người Ả-Rập, hai là do hình ảnh trên những đồng tiền và những tấm khắc cổ. Nhưng đây chỉ là những hiểu biết rời rạc và mơ hồ. Người ta đoán có một ngọn hải đăng tương truyền là rất vĩ đại, ở đâu đó trên bờ biển Ai-Cập, nhưng qui mô, hình dáng như thế nào, thậm chí nó đứng ở đâu, người ta cũng không xác định được. Mãi cho đến đầu thập niên 1960, một thợ lặn người Ai-Cập ngẫu nhiên tìm thấy dưới đáy biển gần đồn binh Qaitbey, những pho tượng và những khối đá thật lớn, có thể vỡ ra từ một công trình kiến trúc cổ nào đó. Thế là, một nhóm khảo cổ người Pháp đưa nhiều thợ lặn chuyên nghiệp tới nơi khám phá. Không lâu sau đó, họ xác nhận những mảnh vỡ kia là tàn tích của hải đăng Pharos.

Sau đây là kết quả nghiên cứu đã được công bố:

- Hải đăng hoàn tất khoảng cuối thế kỷ III trước TC (triều Ptolemy II);

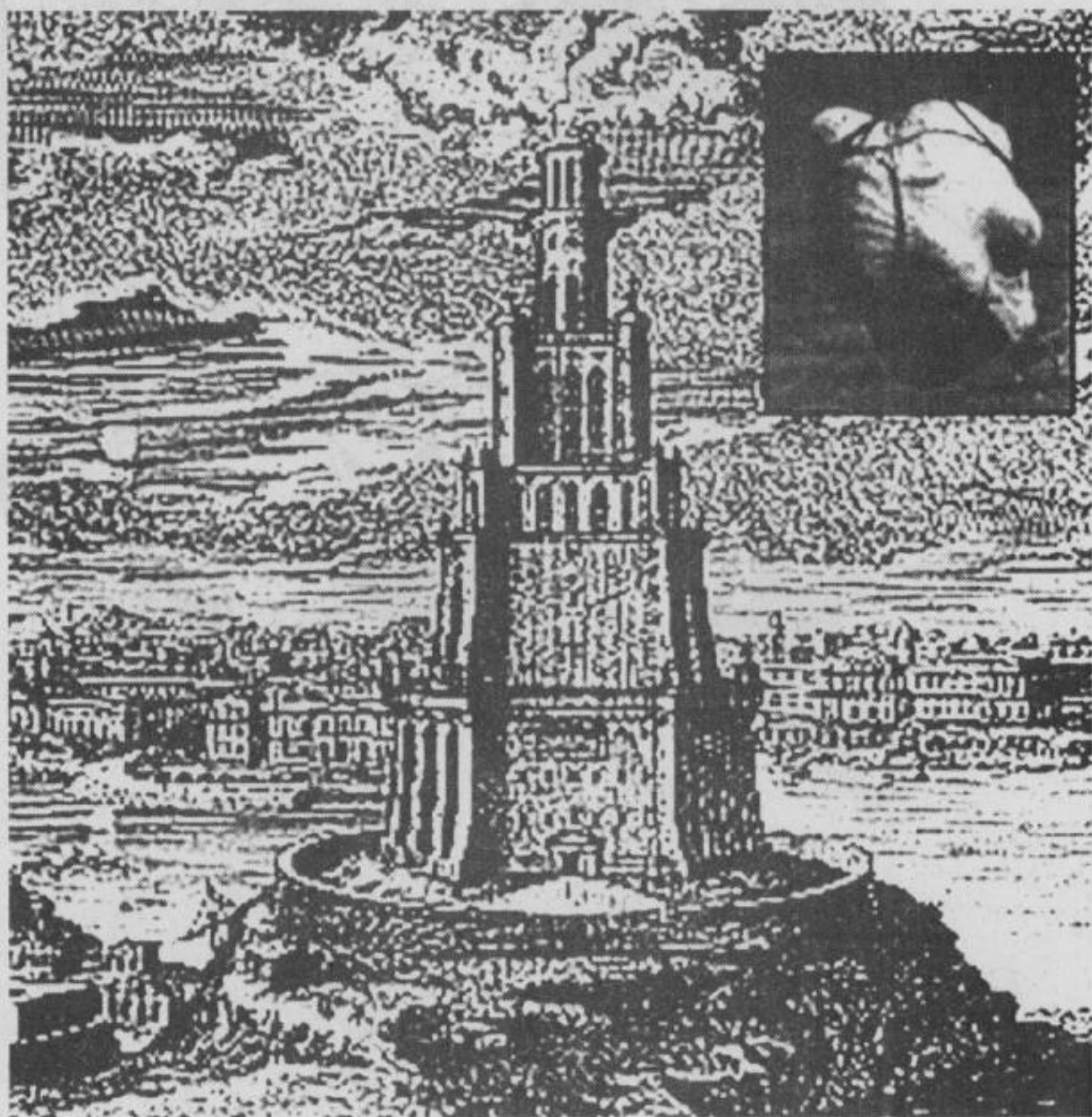
- Chiều cao: 135 thước (thời bấy giờ, chỉ thua kim tự tháp Giza);

- Tâm chiếu sáng: 35 cây số;

- Phí tổn xây dựng: 800 talent vàng (khoảng hơn 20 tấn).

Hải đăng có hình một ngọn tháp vuông, gồm ba tầng, xây bằng đá hoa cương và cẩm thạch trắng, mặt ngoài ốp bằng đá vôi. Trên chóp, là một pho tượng thần Zeuss. Lửa soi đường cho tàu bè được đốt ở tầng trên cùng. Dùng trong việc xây tháp, người ta đã dùng những khối đá hết sức lớn. Toán thợ lặn người Pháp đã trục lên được từ lòng biển, những khối hoa cương đẽo gọt, nặng đến 75 tấn.

Theo những khám phá mới nhất và đáng tin cậy, hải đăng Pharos đứng vững cho đến đầu thế kỷ XIV, bị sụp đổ năm 1303, vì một trận động đất dữ dội. Nhưng nó chỉ thực sự mất hết vết tích từ sau năm 1479, khi người Ả-Rập xây đồn Qaitbey ở ngay chỗ nó tọa lạc ngày xưa. ●



Kỳ Đà Cản Mũi

Phùng Nhân



Câu chuyện dưới đây đã xảy ra cách nay trên 30 năm rồi vậy mà ông Năm Tái vẫn còn nhớ rất rõ. Mỗi khi đi dự đám cưới hay

lễ lộc gì có liên quan tới việc vợ chồng, thì chuyện con kỳ đà cản mũi lại hiện ra trong trí ông; cho nên hễ khi nào có người chịu

nghe là ông hăng hái kể, như một câu chuyện lý thú muôn đời mà ông không thể nào quên ...

Hôm nay nhân dịp ông thầy giáo Hạnh sắp cưới vợ cho con, nên ông cầm ở lại chơi rồi nấu một bình nước trà để ngồi đàm đạo. Khi uống đến tuần trà thứ hai thì thầy giáo Hạnh hỏi:

- Như theo anh thì ngày xưa ông bà mình làm đám cưới có tất cả mấy lễ lớn vậy anh?

Ông Năm Tái mỉm cười gật gù đáp:

- Không biết ở mấy chỗ khác thì sao, chớ ở bên cái tỉnh Bến Tre của tôi thì phần đông chỉ còn giữ lại chừng bốn lễ lớn mà thôi. Như lễ khai bát nhứt nè, lễ hỏi nè, lễ cưới nè, lễ phản bái nữa thì kể như xong việc. Còn ở bên cái xứ của anh thì tục lệ cưới hỏi nó như thế nào?

Ông thầy giáo Hạnh hớp thêm vài ngụm trà nữa rồi mới nói:

- Thì chung quy lại cũng chỉ có bốn lễ lớn đó mà thôi. Nhưng cái đó cũng còn tùy; có khi hai bên sui gia cua-răng với nhau thì họ phải đòi cho đủ lễ rồi mới chịu. Nhưng ngày nay chắc cái vụ làm khó làm dễ nhau cũng giảm bớt rồi, bởi vì hai bên sui mà cần lẫn nhau cho lắm, thì chỉ làm khổ cho hai đứa nhỏ chớ có ích gì!

Hai ông bạn già này từ bấy lâu nay có một cái tật, hễ bàn về ba cái chuyện đám cưới hay lễ lộc gì, thì dường như trên gương mặt kém vui. Có lẽ là do đời sống ở nơi đây làm cho tuổi già lạc lõng, con cái tụi nó tự ý chọn vợ lấy chồng, chớ không còn cái cảnh phải đợi cha mẹ chọn được ngày lành tháng tốt rồi chuẩn bị nuôi thúc một cặp heo; tới ngày đám cưới thì họ hàng thân thuộc chòm xóm xúm lại dựng rạp có treo đuông đình tưng bừng, tới đến thì cô con gái phải bung mâm trầu rượu đi ra lạy cha mẹ để xin xuất

giá, rồi gởi gắm cha mẹ già lại cho mấy đứa em hoạn dưỡng sau này. Còn nếu là con trai thì phải áo dài khăn đóng chỉnh tề, đợi đến nửa đêm ra làm lễ gia tiên xin phép cưới vợ, để cho cô bác hai bên nội ngoại uống ly rượu chịu lay với đầy đủ nghi lễ nghiêm trang. Chớ đâu phải như thời đại bây giờ, hễ tới ngày đám cưới thì mấy đứa nhỏ cứ mong dắt nhau đi ra ngoài mấy cái Park quay phim là kể như xong chuyện.

Ồi những cái đám cưới như vậy bây giờ chỉ còn lưu lại trong tâm tưởng của những người già cả mà thôi; vì cuộc sống ở đây lúc nào cũng hối hả chạy theo cái kim đồng hồ, đâu còn ai bận tâm đến những điều như vậy! Chính trong những lúc ngồi bàn tính đám cưới như vậy, hai ông bạn già mới xúc động nguồn cơn mà từ lâu rồi hai ông cũng chưa có dịp nào bàn đến.

Ông thầy giáo Hạnh với gương mặt buồn buồn, nói nhỏ:

- Kỳ này bị tôi làm sui với người ngoài miền Trung lận, không biết ở ngoài đó người ta có lễ lộc khác với ở trong mình hay không, nên ngày hôm nay rỗi rảnh tôi chạy đến hỏi anh để cho còn rộng đường tính toán.

Ông Năm Tại không trả lời liền, mà rút ra một điều thuốc bật quẹt đốt lên, rồi mới hỏi lại:

- Vậy chớ hai bên sui gia có bàn bạc trước chưa?

- Có rồi anh. Bên đảng gái người ta rất dễ, họ nói giản tiện được chừng nào thì tốt chừng nấy đó anh.

Ông Năm Tại sửa lại bộ ngồi rồi nói:

- Nhiều khi bên đảng gái thấy thằng con anh làm tới bác sĩ cho nên họ khộp. Tuy nhiên theo tôi thì anh phải làm cho đủ lễ theo thủ tục từ trước tới giờ; vì tập tục cưới hỏi cũng là một văn hoá cổ

truyền chớ phải chuyện chơi sao, nếu mà cái gì mình cũng chế hết thì còn gì là lễ cưới ...

Quả thật sống ở trong cái xứ này ông già bà cả rất là khổ sở khi phải định vợ gả chồng cho con cái, nên thầy giáo Hạnh chồm qua hỏi nữa:

- Đâu, anh có làm sui trước rồi chỉ dẫn lại cho tôi với coi; chớ còn tui mới làm sui so nên cái gì cũng bỡ ngỡ hết. Mặc dầu hai đứa nhỏ tui nó đã quen biết trước mấy năm nay, nhưng bốn phận làm cha làm mẹ của tui mình là phải có trách nhiệm với con cái trong ngày trọng đại. Cuốn phim đám cưới sau này còn phải gởi về cho hai họ ở Việt Nam, nếu mình làm không đúng theo tục lệ đám cưới thì cũng như bữa tiệc ăn mừng chớ có khác gì đâu!

Ông Năm Tại như mơ màng sống lại với những ngày dĩ vãng của mình. Ngày xưa ở dưới quê người ta thấy ông đẹp trai, hay nhờ đi bung mâm nên ông rất là rành lễ lạc. Tuy nhiên những tục lệ đó không thể đem ra áp dụng ở nơi đây, vì bây giờ mấy đứa nhỏ tui nó tự ý tổ chức đặc tiệc cưới ở nhà hàng, cha mẹ chỉ còn có nước lên đồ lớn rồi đi theo chứng đám mà thôi. Cho nên ông thông thả rót thêm tách nước trà rồi buồn buồn nói nhỏ:

- Một lát nữa anh cầm cuốn phim hôm đám cưới của con gái tôi đem về bỏ vô máy mở ra coi cho thiệt kỹ, thấy cái nào hợp với mình thì cứ việc coi theo đó mà làm, còn cái nào không hợp thì thôi; chớ còn thời buổi bây giờ thì lễ lạc trong đám cưới người ta chỉ làm theo mấy ông thần MC (xướng ngôn viên) chỉ dẫn. Lâu rồi nó thành thói quen, chớ tôi chưa thấy ai dám mạnh dạn đứng ra để chỉ biểu cho đúng theo lễ nghi phong tục của ông bà mình hồi đó ...

Hai ông bạn già này từ trước tới nay có một cái tật, hễ ông này đi tới thăm ông kia thì phải ngồi chơi cho đúng buổi rồi mới chịu về, có khi hai ông mê say bàn luận mà quên cả việc uống ăn, tới chừng đói quá thì hai ông rất là vui vẻ mà ăn mì gói. Cho nên ngày hôm nay cũng không ngoại lệ. Sau khi chế nước sôi vào hai tô mì chín ăn liền, thì ông Năm Tại cười rung rinh hàm răng giả rồi hỏi:

- Vậy chớ anh có chuẩn bị trước đi bao nhiêu mâm quả hay chưa?

- Việc đó thì bà xã tui bà đã có tính trước rồi anh. Nhưng ngặt nỗi con heo quay thì không biết mình sẽ tính cho nó ở cái diện nào, vì theo lệ thường thì mâm quả mình phải đi cho đủ cặp.

- Theo tôi thì con heo quay phải tính riêng ra, còn trái cây thì anh đi chừng 6 quả, với một mâm rượu, mâm trà nữa là đủ 8 mâm. Còn không thì anh phải đi tới 12 mâm, chớ đừng đi 10 mâm sợ bên đảng gái người ta bắt bẻ!

Hai ông bạn già ngồi nói chuyện đông dài một hồi, khi bình nước trà được châm đến lần thứ tư, thì ông Năm Tại bỗng cười vang lên nghe khơ khớ, rồi ông ta nói:

- Như mấy ông thầy bói coi ngày coi tuổi hồi xưa, họ bày vẽ ra cái tuổi kỵ "bát can thiệt mạng" như vậy mà còn đỡ. Có người còn kỵ hơn nữa, hễ người nào được thỉnh đi đưa dâu thì phải lựa cho đủ vợ đủ chồng, chớ thằng nào bị gãy gánh nửa chừng thì có nước ở nhà giữ rạp.

Thầy giáo Hạnh cười cười rồi nói tiếp:

- Hồi xưa người ta kiêng cử dữ lắm anh ơi, nếu như hai đứa nhỏ tui nó lỡ có thương trước với nhau rồi, mà sau này cha mẹ coi tuổi tui nó khắc kỵ theo lẽ tương sinh,

thì họ cũng phải tìm đủ mọi cách để bắt buộc hai đứa nhỏ dang ra. Còn như nếu không, thì ông bà mình lại viện cớ nói rằng hai cái tuổi này không thể rước dâu, nên bắt hai đứa nhỏ nửa đêm lén dắt về nhà rồi chui vô bằng lỗ chó; như vậy mà tụi nó cũng phải rần vâng lời, chớ phải như bây giờ ở đây chắc tụi nó đi kêu cảnh sát, thì ông thầy bói với ông mai còn có nước ra toà ngồi khóc ...

Ông Năm Tại từ trước tới nay có một cái tật rất dễ thương, là hề bạn bè biết ý ra trúng đài, thì bao nhiêu câu chuyện xưa tích cũ ông đều tuôn ra xài hết. Cho nên sau khi đi vô phòng vệ sinh một lúc cho nhẹ cái cần câu, ông ta trở ra ngồi xuống ghế chậm rãi kể:

- Số là hồi đó vào khoảng 1958 chính mắt tôi đã chứng kiến một cảnh kỳ đà cản mũi rất độc đáo đó anh ơi. Câu chuyện xảy ra cũng lâu mà mỗi khi có ai gọi lại thì tôi đây vẫn nhớ.

Thầy giáo Hạnh thấy bạn mình có vẻ hứng chí thì đốc vô:

- Thì có chuyện gì vui anh kể lại cho tôi nghe với coi, chớ hổng lẽ anh kể nửa chừng rồi để cho tôi đây đem lòng ám ức. Bữa nay không chừng tôi chơi tới chiều mới về, chớ còn về nhà giờ này cũng buồn chớ không có việc gì làm hết trời.

Ông Năm Tại tăng hăng, kể tiếp:

- Số là hồi đó ở dưới quê tôi đâu có xe cộ gì, bao nhiêu đám cưới cho dù xa hay gần cũng đều cước bộ, ngoại trừ những người giàu có thì không nói làm chi. Bởi đó cho nên mỗi lần đi rước dâu thì phải lo cơm nước đắp vào đầu gối trước; có đám kỹ lưỡng còn phải gánh nước uống đem theo, vì khi đi rước dâu không ai được tẻ vào nhà dọc đường để xin miếng nước. Họ sợ có huông kể như con gái đã có một đời chồng khiến

duyên nợ về sau thường hay lận đận. Tuy nhiên lần đó từ chỗ nhà trai đi tới nhà gái chẳng có bao xa, chỉ ngật nổi phải đi băng đường tắt lội qua hết mấy con giồng, mà gặp mùa nắng đất giồng toàn là bụi cát mù mịt.

Bữa đó toàn bộ đám rước dâu giày giép phải lột xách cầm tay, ông nào ông nấy lội đi thiếu điều ra mồ hôi hột. Riêng tôi thì hôm đó phải lãnh bung mâm trái cây, nhờ chủ nhà lanh trí lấy hai chục cam sành ra bỏ vào trong cái giỏ đệm, định khi xách gần tới nhà đàn gái thì hãy đem lên, nhờ vậy mà tôi bước đi cũng còn thông thả, chớ còn theo thói thường mà bung cái mâm đem đủ hai chục cam sành có đâu, nếu không mỗi rưng hai tay, thì cũng lật lìa đầu gối. Theo tục lệ, đem mâm là phải vun ngọn đàn hoàng; họ sợ bên đàn gái kẻ vạch chệch bai, nên báo hại mấy thằng bung mâm quả hồi đó thiếu điều đi xà bắt hết.

Ngừng lại vài giây để lấy hơi rồi ông Năm Tại kể tiếp:

- Đoàn rước dâu đang băng qua con Giồng Phụng ngon lành, hề đi hết một rặng cây keo nữa thì tới nhà bên đàn gái. Nhưng bất thành linh người ta đứng đôn cục lại hết trơn, báo hại ông Mười Kỳ là ông mai nhưng có tật cà lăm, hề gặp chuyện gì quan trọng thì ông ta cà hoài mà nói không ra tiếng; đến chừng mọi người vỡ lẽ thì mới biết ở ngay đàn trước đang có một con kỳ đà cản mũi nằm trốn cái đầu vào trong bẹ chuối vắt chéo cản đường đi. Mấy ông già, bà già thấy vậy đâu có ai dám cả gan mà đi rước dâu được nữa. Ông Mười Kỳ đâu có chịu thua. Ông cà một hồi, rồi cười ngất nói rằng, "kỳ đà" là "cà đi" chớ có gì đâu mà sợ! Không chừng tối nay hai đứa tụi nó cứ ... cà ... cà ... hoài sáng đêm, báo hại hai vợ chồng ông Tám Quốc

nghe cọt kẹt bốn cái chun giường mà phải thức theo. Thôi, mình cứ việc đi rước dâu cho rồi, đừng để trễ mà bên đàn gái họ có có bắt bẻ rồi mình cũng khó bề ăn nói.

Quả thiệt trong ngày đám cưới hôm đó, cái tin đám cưới thằng Mười Tuổi con của ông Tám Quốc bị kỳ đà cản mũi khắp xóm đều hay. Có người lẹ miệng thêu dệt thêm nhiều tin thật là bất nhơn thất đức. Nào là con nhỏ đó hồi trước nó đã có cặp xách với thằng nào đó trước rồi, nó muốn tháo trút trả của mấy lần nhưng bị mẹ cha ép uống, cho nên bây giờ con kỳ đà này nằm cản mũi đem điềm trước vậy thôi. Bảo đám hai đứa này ăn ở với nhau không nát chiếc chiếu là chia tay, vì có điềm báo trước rồi, không tin cũng không được ...

Mặc dầu tuy đang ngồi ăn nhậu, nhưng ông Mười Kỳ trong lòng nóng như đang bị lửa đốt, khiến cho ông lo ra mà nhậu cũng mất ngon; chớ còn theo như mấy cái lệ thường, thì sau khi rước dâu về nhà rồi, ông mai nhậu cho tới trời tối đất mới thôi, chớ đâu có cái cảnh nhậu nửa chừng, rồi ngồi nhìn chai rượu mà chếp nước miếng như mấy người ồm nghén chợt thấy đồ chua!

Thời gian cứ việc trôi dần, bóng ngả về tây. Tối lúc đó thì ông Tám Quốc mới hỏi mấy đứa nhỏ lo giặt rạp xuống cho rồi, chớ còn để lâu thêm nữa thì thế nào cũng hao tổn thêm rượu thịt. Tuy vậy mà ông vẫn nơm nớp lo âu, khi nhớ lại cái cảnh con kỳ đà nằm cản mũi lúc rước dâu làm cho ông buồn thú vị ruột.

Trong nhà đã lên đèn, ông Tám Quốc bắt bà vợ đem nay phải thức để canh, nếu con nhỏ không chịu thuận chèo mát mái thì sáng mai sẽ nói với ông mai đi đòi của lại. Tuy nhiên thời khắc trôi qua chưa quá nửa đêm,

trong lúc ông Tám Quốc còn đang mơ màng giấc điệp, thì bà vợ lay ông tỉnh ông dậy rồi kề tai nói nhỏ:

- Ông ơi, tỉnh dậy nghe tụi nó làm gì đây nè. Sao tôi nghe mấy cái chun giường hình như đang sàng tới sàng lui quá cỡ.

Choàng tỉnh, ông Tám Quốc vội vã áp tai lên vách rình nghe, một lúc sau rồi ông ghé miệng vào tai bà nói nhỏ:

- Như vậy là chú Mười Kỳ nói đúng đó bà, tụi nó đang cà di thật là ác liệt. Không chừng còn sẽ có con, tới lúc đó gạo đã thành cơm rồi thì tôi với bà không còn lo nữa ...

Bà vợ dường như chưa chắc đã tin, nên bà áp tai lên nghe ngóng. Sau một hồi nghe thật rõ, rồi bà ghệt ông Tám Quốc xuống nói rằng:

- Ông ơi. Bây giờ thì mình cũng phải làm sao. Chớ hổng lẽ mình gặp kỳ đà cản mũi rồi mình đây cũng nhịn ...

Còn riêng ông Mười Kỳ trong đêm đó nào có ngủ được đâu, bởi vì bao nhiêu trách nhiệm của họ đang gài với họ đang trai đang trút nặng lên đầu. Nếu cặp này mà mở ngang thì ông phải chạy tới

chạy lui cặp giò không bển đất, đó là một cái tục lệ từ trước tới nay, cho nên trong dân gian mới có câu đề: ở đời có bốn chuyện ngu: làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm châu. Tuy đã biết rõ làm một ông mai là ngu vì phải chịu trách nhiệm lằng nhách như vậy, nhưng rồi không biết sao ông Mười Kỳ cũng vẫn phải làm, không phải vì ông ham muốn ăn cái đầu heo, mà vì một duyên cớ gì thì thật tình ông không rõ được.

Gà vừa gáy dứt hiệp ba, thì ông Mười Kỳ đã thức dậy tỉnh táo tự nãy giờ, rồi ông lo đi quơ một nắm lá dừa bó đuốc. Quả thật suốt đêm rồi ông nào có ngủ yên giấc được đâu! Bốn phen ông mai lúc nào cũng phải sẵn sàng nghe hai bên mắng vốn, nhứt là cái cảnh trả của lộn chồng, tới lúc đó cái đầu heo lặn cũng không, chỉ còn có nước vểnh tai lên nghe hai bên mắng nhie!

Ông Mười Kỳ thấy còn hơi sớm, nên ông đi xuống bếp nhúm lửa nấu bậy một bình trà, sau đó ông uống tách nước trà bập với điều thuốc rê, để một lát nữa chuẩn bị đi lên nhà ông Tám Quốc để hỏi thăm tin tức.

Từ nhà ông Mười Kỳ đổ đường

đi lên nhà ông Tám Quốc cũng chẳng bao xa, nhưng ngặt nỗi ông quơ cây đuốc đến đâu thì chó sủa vang rân tới đó, khiến cho trong xóm họ thức giấc hết trơn. Khi thấy ông Mười Kỳ bận quần ống thấp ống cao đang bưng bả cầm cây đuốc quơ đi trong sương lạnh, thì người ta đã nghĩ ngay tới cảnh ông mai đi dò hỏi thăm tin tức chớ gì. Bởi vì hồi mới này con kỳ đà nằm cản mũi ở dưới Giồng Phụng khắp xóm đều hay, cho nên sau khi rước dâu về rồi thì họ mặc tình bàn bạc...

Ông Tám Quốc sau khi biết được thằng nhỏ không đến nỗi nào, mà trái lại nó còn lanh lợi vậy thôi quá mức. Chẳng những nó không ngăn con kỳ đà nằm cản mũi trong lúc rước dâu, mà nó còn chuyển qua thế công như vũ bão, khiến cho bốn cái chun giường kêu cọt kẹt không ngừng. Điều này thì sau khi làm lễ phản bái xong, chắc ông phải vạt thêm ít cây nê mà ném mộng lại. Bao ý tưởng của ông còn đang loáng thoáng trong đầu, thì ông Mười Kỳ cũng quá bước tới sân. Ông Tám Quốc vội lẹ làng đi ra mở cửa.

Trong lúc này thì không có cái cảnh nào vinh dự cho bằng một ông mai, nên vợ ông Tám Quốc cũng vội vàng mở tủ kiếng lấy mấy cái bánh thuẫn đánh bằng lòng đỏ trứng gà đem ra mời uống nước. Nhưng ông Mười Kỳ đâu còn lòng dạ nào để ăn bánh thuẫn với bánh bông lan. Ông chỉ muốn biết rõ kết quả là thằng nhỏ đêm rồi có phá được cửa thành, hay còn phải hạ trại rồi án binh bất động. Cho nên ông Mười Kỳ nôn nóng hỏi:

- Sao anh Tám? Cái thằng Tuổi này hồi hôm có làm nên cơm cháo gì hôn, hay là nó bị con kỳ đà cản mũi rồi nằm xuội lơ cán cuốc?

viết cho anh

Anh có nghe không tiếng thở dài?
Âm thầm, lặng lẽ nuốt bi ai.
Buồn nhau, lời đắng không ra tiếng
Thanh tịnh thầm riêng, lệ thấm vai.

Anh có biết không những nỗi buồn
Chập chờn giấc ngủ giữa đêm luôn
Niệm hồng danh Phật, xin soi sáng
Chút nước Cam Lồ thay lệ tuôn.

ý nga



Ông Tám Quốc cười lên hí hí rồi đáp:

- Y như trong kinh hồi ngày hôm qua chú nói. Hai đứa nó cà đi (kỳ đà) gần muốn sáng đêm, tới chừng gà gáy mãn hiệp ba tui với má nó mới nghe nó xả hơi mà nằm ngủ đó.

Quả thật cái nghề làm mai nó rất lạ đời, vừa nghe cái tin đó mà ông Mười Kỳ đã sung sướng dường như trúng số. Ông nhảy dựng lên rồi vỗ tay cười ngất, khiến hai vợ chồng ông Tám Quốc cũng vui lây...

Ông Năm Tại kể xong câu chuyện kỳ đà lần này dường như ông hơi mệt. Tuổi già sức yếu cho nên ông không biết tối nay mình có đủ sức cà đi được hay không, chớ còn thường thì hễ mỗi lần mà ông kể lại cái chuyện này, thì ông nhứt quyết phải cà đi để đánh tan những điều dị đoan quái gở.

Sau đó ông hớp thêm một tách nước trà, rồi nói với thầy giáo Hạnh:

- Đó là câu chuyện thật chớ không phải tôi đặt bậy đâu nghen. Nếu anh không tin thì có dịp đi về dưới quê của tôi ở quận Bình Đại tỉnh Bến Tre hỏi mấy người lớn tuổi cỡ tui thì ai cũng biết hết.

Hai ông bạn già bỗng cười vang lên khơ khớ; vì ông nào cũng đang mang một cảm nghĩ riêng mình, tuy là già mặt già mày, tay chun già hết vậy chớ cái rày còn non. Ngoài trời từng cơn gió thu hiu hắt thổi dờn. Bất giác thầy giáo Hạnh ngược mặt lên nói nhỏ:

- Tôi phục anh thôi quá lẽ. Vậy kỳ này tôi nhờ anh làm ông mai cho thằng Út Mót của tôi nghen, để lỡ gặp kỳ đà cản mũi thì mình còn có cách để mà hoá giải ...

Ông Năm Tại cười cục cục rồi nói lớn:

- Ở cái xứ này làm gì có ba cái

vụ đó mà anh lo! Anh chỉ lo nuôi sẵn vài đầu heo 500 đồng trong nhà, để khi lỡ đụng chuyện thì mình có đường mà xoay trở!

Thầy giáo Hạnh dường như thấm ý, nên ngó mông lung một hồi rồi nói nhỏ:

- Nói thiệt với anh đừng cười. Chớ gần tới cái tháng lễ lộc thì tôi đây phát sợ. Đám tiệc gì mà thiệp gọi tới như sao sa, có tuần tới hai ba đám không biết lấy tiền đâu ra để mà đi nữa!

Ông Năm Tại cũng thờ ra rồi nói tiếp:

- Thì tôi cũng vậy chớ có khác gì anh. Chuyện gì thì mình còn từ chối, chớ thử hỏi đám cưới con cháu là những chỗ thân quen, thì làm sao mở miệng ra nói mắc bận chuyện gì không đi mà coi cho được nữa đây ...

Ông giáo Hạnh suy nghĩ một hồi rồi nói nhỏ:

- Bởi vậy kỳ này tôi chỉ mời những chỗ thật thân mà thôi, còn những nơi khác thì tôi cũng đành chế bớt. Chớ còn bữa nay thì mình mời người ta, rồi mai một người ta cũng mời lại mình, y như cho mượn tiền qua lại chớ có khác gì đâu. Rốt cuộc lại thì chỉ có mấy ông chủ nhà hàng họ cứ làm giàu thêm, còn cái bọn già của mình đây thì chịu chết! Tội nhỏ thì có biết gì đâu, sau khi đám cưới rồi thì tội nó bợ được cái thùng bao thơ với quà cáp để lặn lưng, còn nợ giải đám cưới thì để lại cho cha mẹ công lưng ra trả thiếu điều nín thở!

Ông Năm Tại bập thêm vài hơi thuốc nữa rồi nói:

- Nhưng suy nghĩ cho cùng thì chắc mình cũng hết cách rồi anh. Bởi khi mình đi đám cưới của con người ta, họ tiếp đãi ngon lành; chẳng lẽ đến phiên đám cưới con mình lại mời người ta đi ra ngoài công viên như ăn BBQ thì coi làm sao cho được! Đó là tôi chưa nói

đến việc nhà hàng nấu ăn ngon dở như hiện giờ, có đám thì cỗ bàn họ dọn coi thật xôm, có đám thì dường như họ muốn làm cho lấy có ...

Hai người ngồi nói chuyện một hồi lâu. Bất chợt ông Năm Tại đổi đề tài rồi nói nhỏ:

- Phải nói chuyện mai dong ngày xưa chiếm một phần quan trọng trong kho tàng văn hoá. Còn bây giờ làm ông mai chán thấy mồ. Bởi vì mình đâu có trở tài ăn nói được bao nhiêu, mà chỉ có việc bắn tin giùm cho hai đứa nhỏ là kể như hết chuyện. Có khi tới ngày tết Nguyên Đán mà tội nó cũng chẳng tới thăm; chớ còn ngày xưa ở bên Việt Nam mình, mấy ông mai, bà mai hễ tới tết được người ta đi kiếng bánh mứt chất đầy trên cái bàn đọc ...

Ông thầy giáo Hạnh cũng vui lây, nên nói lớn:

- Bởi vậy cho nên ngày xưa mới có chuyện thằng rể nhà này không chun đứng, còn con dâu của nhà kia thì nó hiền hậu ít ỏi chẳng có môi miếng như người ta. Báo hại khi gạo đã thành cơm rồi, thì mới biết thằng rể chân đi cà thọt, còn con dâu thì sút môi; đó cũng là việc vô quýt dầy thì gặp mỏng tay nhọn, hết đường gỡ gạc...

Hai ông bạn già ngồi tán gẫu thêm một hồi nữa rồi lặng lẽ chia tay. Một ông thì ra đường cái để đón xe buýt đi xuống trạm xe lửa; còn một ông thì trở vô nhà tính tới chuyện cà đi, nên mới mở tủ xem lại vỉ thuốc Dương Thường Trục (Viagra) coi còn được mấy viên, bởi không cà lâu quá sợ thuốc thang không còn hiệu nghiệm. Trong giây phút bất thần đó, ông Năm Tại tự nhiên nổi hứng cất miệng hát bản nhạc tình, khiến cho quả tim của ông cũng rạo rực băng khuâng theo lời ca nồng nàn tình tứ. ●

Chỉ Vì Mối Tình Xưa

Tôn Nữ

phóng tác



Con đường bị cắt đứt, một hàng rào gỗ sồi và một tấm bảng gỗ có mấy chữ "Đường cấm. Coi chừng đá lở".

Phạm Huy cho xe chạy từ từ, bỏ con đường cấm, rẽ vào con đường mòn mà những người đi săn hay đi câu thường qua lại. Qua khỏi quãng đường gay go đó,

chàng cho xe chạy nhanh hơn. Đèn pha xe chàng soi thủng bóng đêm, chiếu trên đồng đá lở xuống từ lâu, giờ mọc đầy cỏ dại như một ngọn đồi. Gần đó là một cái công trường bỏ hoang, những khung sắt hoen rỉ như bộ xương khổng lồ trông thật rùng rợn.

Phạm Huy trở đầu xe và tắt

máy. Trong đêm tối im lặng, chỉ có tiếng kêu khàn đục của một con ếch ương ở hồ nước gần đó và tiếng đập rối loạn của trái tim chàng.

Chàng rút gói thuốc lá ra, ngần ngừ vì biết ánh sáng của chiếc bật lửa sẽ tố cáo sự hiện diện của chàng; nhưng rồi lại tặc lưỡi tự nhủ: lúc nửa đêm nửa hôm như thế này, chẳng ai đi dạo chơi vào đây, chỉ có nàng là biết sự có mặt của chàng. Vì vậy Phạm Huy rút một điếu thuốc và châm lửa hút. Khung cảnh chung quanh thật tiêu điều. Cái hầm mỏ phế thải, những căn nhà bỏ hoang, các đụn đá mọc đầy cỏ dại và những máy móc rỉ sét ngổn ngang khắp nơi... nhưng không còn chỗ nào tốt hơn để Phạm Huy gặp Phương Chi.

Lòng đầy lo lắng, Phạm Huy vào xe bật đèn và xem đồng hồ. Tuy tỏ ra thật cứng rắn khi nói chuyện điện thoại với Phương Chi để nàng hiểu rõ mức quan trọng của lần gặp này, chàng vẫn không thể tự tin là kế hoạch của chàng sẽ thành công. Phạm Huy chưa có kinh nghiệm gì về sự việc ấy và cũng không bao giờ ngờ có ngày chàng lại hạ mình làm một công việc đáng ghê tởm như vậy.

Đã tính bỏ cuộc nhưng một ánh đèn pha từ xa chiếu đến khiến Huy tiếp tục ngồi yên. Tim chàng đập mạnh. Chàng bước ra khỏi xe, đợi nàng trong bóng tối. Huy không thể hiểu nổi cảm xúc đang bóp nghẹt tim chàng là do sự hồi hộp vì mục đích cuộc gặp gỡ hay vì đã quá lâu chàng không gặp lại nàng. ừ, thật đã quá lâu...

Chiếc xe chạy vòng quanh đồng gạch và ánh đèn pha soi sáng cả thân người chàng. Trong một giây, Phạm Huy tự trách mình ngu xuẩn để bị lộ rõ như vậy, nhưng chàng đã có kinh nghiệm gì về chuyện này đâu!

Chàng hành động không phải vì sự ham thích mà vì lòng thù hận và... định mệnh xui khiến.

Chiếc xe ngừng lại hẳn. Đèn pha tắt phụt, trả lại cho bóng đêm sự huyền bí của nó.

- Phương Chi?

Khó khăn lắm Huy mới gọi được tên nàng, cổ họng chàng khô đắng và như bị thắt lại. "Lại một sự đại đột nữa!", chàng bối rối tự mắng thầm "Nếu không phải nàng?" Một dòng mồ hôi lạnh chạy dọc theo xương sống Phạm Huy. Cửa xe mở ra. Trong ánh sáng nhạt từ trần xe, Phương Chi bước xuống. Bóng đêm lại bao bọc lấy nàng.

Sự đau khổ và xấu hổ xâm chiếm Phạm Huy.

- Đến đây! - Chàng sẵn giọng ra lệnh để giấu sự bối rối - Tôi nói tới ngay đây!

Một tiếng thì thầm nghẹn ngào trả lời chàng trong bóng tối. Nàng bước đến và đứng gần chàng. Mùi nước hoa thoang thoang từ thân nàng toả ra khiến chàng ngáy ngất. Vẫn là mùi hoa hồng... như ngày xưa... Phạm Huy lắc đầu xua đi những kỷ niệm xa xưa đầy hoa mộng. Chàng không biết phải bắt đầu thế nào. Dù sao chàng cũng phải đóng đến cùng vai trò, không còn chọn lựa nào khác.

- Em đến trễ!

- Em không thể đến sớm hơn được. Và lại em phải chạy chậm... Con đường này bị cấm và đá lở khắp nơi... em... em sợ...

- Không có gì phải lo ngại. Chủ nhân cái mỏ này chỉ cấm bằng để ta biết mà đề phòng những lúc đá lở bất thần. Tất cả những người đi săn và đi câu của thành phố đều đi ngang đây để ra bờ vịnh.

- Nhưng những vụ đá lở vẫn xảy ra luôn và...

- Tôi đã nói tám bảng bảo nguy đó không có gì đáng để ý.

Em còn nhớ con đường Alburtis chứ? Hồi đó đi ngang, em vẫn thấy những tấm bảng lớn có hàng chữ "Nguy hiểm, coi chừng đường sập", vậy mà em có thấy nó sập bao giờ chưa?...

Màn đêm không cho Huy nhìn thấy được gì nhiều. Chàng ngạc nhiên khi thấy mình đang cố hình dung ra Phương Chi. Ngày trước, nàng dong dỏng cao với thân hình thon thả. Mái tóc đen cắt ngắn ôm tròn khuôn mặt mũm mĩm với làn da trắng muốt...

Chìm đắm trong những kỷ niệm xa xưa, Phạm Huy nhắm mắt lại vài giây, nhưng rồi sự hờn oán nổi lên! Đủ rồi những câu chuyện vớ vẩn và chuyện đá lở! Huy gặp Phương Chi ở đây vì có chuyện cần giải quyết.

- Em có đem cái đó đến cho tôi không?

Huy nóng nảy hỏi.

- Anh muốn nói đến tiền, phải không?

- Chứ còn gì nữa! Với tôi chỉ có tiền thôi! Em có đem đủ số tôi đòi không?

- Có, em đem đủ mười ngàn...

- Vậy thì đưa ngay đây.

Phương Chi ngập ngừng.

- Em còn chờ đợi gì nữa?

Nàng bật khóc nho nhỏ:

- Em không thể nào tin được! Không, nhất định không phải cha em... Không... không...

- Em đã đọc kỹ bản sao tôi gửi cho em chứ? Có đúng là tuồng chữ của ông già em hay không?

- Cha em là một người lương thiện. Không bao giờ ông nhận cái gì bất chính. Hai chữ "hối lộ" đối với ba em thật là xa lạ.

- Theo lá thư thì ba cô đã không nghĩ như vậy!

- Bộ anh không thể nào tin được em sao? Anh không thể để cho người chết được yên à?

- Không phải chỉ có một mình ông ấy đã chết! - Phạm Huy gần

giọng, sự hận thù dâng lên đầy áp - Cha tôi cũng đã chết... vì cha của em!

Phương Chi im lặng thật lâu. Hình như nàng đang nghĩ đến những gì đã làm tan vỡ mối tình của nàng và Huy.

- Bây giờ em tính sao đây?

Nàng liệng nhanh cho chàng một cái gói. Chàng vội vàng chụp lấy. Đó là một chiếc phong bì dày cộm. Huy không thèm nhìn đến nó. Mất chàng không rời khỏi nàng. Chàng cố gắng một cách tuyệt vọng để nhìn được khuôn mặt nàng. Nhưng bóng đêm quá dày, che lấp tất cả.

- Anh không đếm lại à? - Nàng khinh bỉ rít lên - Anh không sợ bị em lừa hay sao?

Phạm Huy thầm cảm ơn bóng tối đã che khuất được màu đỏ đang lan nhanh trên khuôn mặt chàng.

- Tôi sẽ đếm lại sau.

- Chắc chuyện đến đây cũng chưa xong đâu, phải không?

- Chưa.

- Khi nào thì anh mới chịu buông tha em?

- Tôi không biết!

- Bộ không bao giờ anh cảm thấy vừa lòng hết sao? Có cái gì bảo đảm là anh sẽ trả lại em tất cả những lá thư đó trước khi anh rút rĩa hết tài sản của em?

Phạm Huy không trả lời. Phương Chi quay mặt đi, đầu hơi cúi.

- Em khóc đấy à?

- Việc gì em phải khóc! Đã từ lâu em không còn nước mắt nữa. Giờ đây em chỉ muốn đi khỏi chốn này và...

Nàng bỏ đi, để chàng lại giữa khung trời cô độc. Phương Chi bước vào xe và nổ máy. Phạm Huy đứng im nhìn theo cho đến khi ánh đèn sau xe nàng biến sau đồng gạch lớn. Chàng yên lặng, lòng ngổn ngang những kỷ niệm

xưa và tâm hồn chàng lúc này buồn thảm tựa như cái hầm mỏ bỏ hoang cạnh đó...

Huy ngồi ở quầy rượu, ly cognac trên tay, ngắm những cô vũ nữ khoả thân uốn éo mời gọi bằng cặp mắt xa vắng, vô hồn.

"Tôi không bao giờ nghĩ câu chuyện có thể xảy ra như vậy!" - Phạm Huy nói thầm với chính mình "Tôi tưởng đâu sẽ vui sướng sau khi làm xong việc đó; nhưng không, tôi chỉ làm Phương Chi bị tổn thương trong khi thật tình tôi muốn cha nàng đau khổ. Nhưng ông ta đã chết rồi, giờ chỉ còn lại Phương Chi..."

Một mùi nước hoa thật gắt cho biết có người vừa ngồi xuống chiếc ghế cạnh chàng.

- Anh mua cho em một ly rượu nhé, anh?

Chàng mệt mỏi nhìn người vũ nữ bây giờ đã bận áo quần đang hoàng tuy vẫn còn hờ hang nhiều chỗ. Trông nàng vẫn giả tạo như lúc ở trên sân khấu, từ nụ cười gắng gượng mệt mỏi đến đôi hàng mi giả, mớ tóc nhuộm một màu khó tả và quần tít...

- Bộ anh không thấy em nói chuyện với anh thật dễ thương sao?

Hai tay cô ta đùa nghịch với trái tai chàng. Phạm Huy cảm thấy bắp đùi chàng bị một bắp đùi khác ép vào.

- Anh đang buồn phải không? Mua cho em một ly rượu, rồi kể hết chuyện buồn cho em nghe đi...

Một người đàn ông bước vào quán. Huy liếc mắt nhìn thấy ông ta và một sự tức giận dâng lên trong lòng chàng.

- Tốt hơn, em hãy thử với tên mới vô đó. Nếu gặp hên, có thể nó sẽ mua cho em nguyên chai...

Chàng cay đắng trả lời cô vũ nữ.

- Cảm ơn! Đồ bần tiện!

Phạm Huy lại đắm mình trong ý nghĩ riêng tư. "Em đã thích hẳn lắm mà, phải không Phương Chi? Chắc chắn là thế vì em đã kết hôn với hẳn mà! Hừ, Trần Đào!" Chàng phải cố gắng lắm mới không ném ly rượu vào mặt Trần Đào vừa bước vào.

Cô vũ nữ và Trần Đào rời khỏi quầy rượu, đến ngồi ở một bàn trong góc phòng. Cô ta âu yếm quàng tay qua vai Đào. Tiếng cười khò khè của Đào cho thấy hẳn ta đang say. Cảm thấy lợm giọng, Phạm Huy quay mặt đi chỗ khác, miệng đắng ngắt. Ngoài kia, những tia sáng đầu tiên của buổi bình minh đang lên rọi qua khung kính mờ. Phạm Huy ngồi bất động.

Căn nhà gỗ nằm gần một con đường nhỏ cạnh bìa rừng trông toàn thông cao vút với những dây leo chằng chịt che khuất lối đi. Vùng này có lẽ bị bỏ hoang từ lâu. Cỏ dại vừa cao vừa khô cần vàng úa làm quang cảnh càng trở nên tiêu điều. Những bụi cây dại che kín mít một chiếc xe cũ đầy bụi.

Huy đứng trước cửa. Khung kính đã bị vỡ từ lúc nào, thay vào đó là một mảnh vải. Chàng đập tay vào cửa:

- Phú! Dậy đi! Mở cửa!

Không có tiếng động nào vọng ra từ bên trong. Huy đưa mắt nhìn quanh. Không một bóng người.

- Phú! Dậy ngay! Tôi, Phạm Huy đây!

Trong nhà chợt có tiếng động và cánh cửa hé mở. Một cái đầu bù xù thò ra. Một bàn tay đầy dầu mỡ gãi nhẹ vào hàm râu lâu ngày không cạo. Đôi mắt háp háy nghi ngờ dưới ánh nắng chói chang:

- Anh muốn gì?

- Muốn nói chuyện với anh. Người đàn ông ngập ngừng vài

giây trước khi miễn cưỡng mở cửa cho chàng.

- Thôi được! Vào đi.

Trong nhà chỉ có một cái bếp loại xưa cũ, một cái bàn bằng gỗ chất đầy bát đĩa dơ. Một chiếc giường kê sát tường, phủ tấm ra trắng đã ngả màu xám bẩn dính đầy dầu mỡ và ở chân giường là một chai rượu gin gần cạn nằm lăn lóc.

Phú ngồi phịch xuống ghế, đưa tay mời Huy ngồi vào chiếc ghế còn lại. Phú vẫn đắm đắm nhìn Huy bằng ánh mắt soi mói, khó chịu.

- Anh muốn gì? Phú đột ngột lên tiếng.

Huy nhìn quanh căn nhà một vòng. Trong một góc, chàng trông thấy những dụng cụ đi săn và đi câu của Phú; một cây súng săn treo trên tường gần giường ngủ. Cả căn nhà xông lên mùi cá khô và mùi da thú.

- Cái thư của ông già Trương anh bán cho tôi - Phạm Huy dần mạnh từng chữ - anh có thể nói cho tôi biết là tìm ra nó ở đâu không?

Phú nhú mày trả lời:

- Tôi đã nói với anh rồi mà.

- Anh hãy nhắc lại cho tôi nghe lần nữa.

- Tại sao?

- Tại vì tôi cần biết rõ. Huy trả lời một cách khó khăn.

Phú nhìn quanh căn phòng bằng ánh mắt sợ hãi, làm như có ai khác đang lắng nghe.

- Như tôi đã nói với anh, tôi ăn trộm nhà ông Trương... - Vừa nói Phú vừa cố tránh ánh mắt của Huy - Trời đất! Anh phải thông cảm cho tôi chứ! Mùa vừa rồi tôi không câu được nhiều cá, săn cũng chẳng được bao nhiêu. Mùa đông trời thì lạnh mà tôi cứ đói hoài. Ông Trương thì giàu có bạc triệu, tôi có lấy trộm của ông ấy chút đỉnh cũng đâu có sao!

- Anh làm chuyện đó khi nào?
- Hồi mùa xuân trước, tháng tư hay tháng năm gì đó, tôi không nhớ rõ...

- Anh tìm ra cái thư ở chỗ nào?
- Cái gì?

Phú như bị hụt hẫng. Hắn thềm thường nhìn chai rượu gin lẩn lóc dưới sàn nhà rồi ngẩng lên:

- Trong một cuốn sách.
- Tên cuốn sách là gì?
- Trời đất! Tôi đi ăn trộm chớ có đi tìm sách để đọc đâu!

- Tôi hiểu. Thế nhưng nếu vậy, tại sao anh lại đi lục lọi mấy cuốn sách làm gì? Tôi biết anh đâu có thích văn chương.

- Ê, anh nói chừng đó đủ rồi nghe! Tôi đang muốn gây lộn đây!

- Nhưng bằng cách nào anh lại tìm ngay ra được cuốn sách đó? Phạm Huy kiên nhẫn.

- Vì có nhiều người hay giấu tiền bạc trong sách, tôi vô tình vớ được nó mà thôi.

- Anh nghĩ vậy thật à?

- Bây giờ anh muốn gì? Tại sao cứ đi tra khảo tôi những câu vớ vẩn như vậy? Giờ anh đã có lá thư rồi, phải không nào? Tôi còn biết anh nhờ lá thư đó mà làm

ăn khăm khá lắm...

Phú nghiêng người trên bàn, sát mặt Huy, giọng hằn học:

- Anh đang mưu tính chuyện gì vậy? Cái gì khiến anh phải đi lục lọi khắp nơi như thế?

- Ông Trương sống ở miền bắc nhưng có một cái nhà nghỉ mát ở miền nam. Ông ta chết ở miền bắc vào đầu năm vừa rồi, nhưng anh lại tìm ra cái thư ở đây, trong căn nhà nghỉ mát của ông ta. Làm sao anh giải thích cho tôi hiểu chuyện đó được?

- Anh nói cái gì?

Chiếc ghế kêu kẽo kẹt dưới sức nặng của Phú. Anh ta liếc mắt ra phía cửa ra vào đang mở rộng và bối rối nhìn những ngọn cỏ dại đang rung rinh trước gió. Tiếng hót của một con chim rừng lạnh lớt từ đâu vọng đến, cao vút và trong vắt.

Một lúc sau, Phú quay nhìn thẳng vào mặt Huy, trả lời, giọng thách thức:

- Ông già Trương ở đây suốt mùa đông và mùa hè. Có thể ông ta đã viết lá thư đó khi đang ở đây. Tôi dám cam đoan với anh là ông ta không muốn ai tìm ra lá thư đó trước khi ông chết. Trong thư, ông ta cũng đã viết rõ ra như

vậy mà!

- Thế tại sao anh lại bán cho tôi?

Phú hơi nhích người tới, chiếc ghế lại cọt két rên rì:

- Tôi biết rõ chuyện ông già anh. Tôi đã từng đánh lộn giùm ông ta trong một mùa hè cách đây chừng hai năm ngoài công trường. Anh kể với mọi người là ông Trương đã đánh gãy xương sườn ông già anh vì ông già anh không chịu chia cho ông Trương một phần hoa hồng trong hợp đồng. Cũng vì chuyện đó mà ông già anh trở nên lằng trí như anh đã rêu rao khắp thành phố. Tôi cũng có nghe chuyện đó nữa. Ở đây ai mà không biết anh thù ghét ông Trương. Vì vậy tôi nghĩ chắc anh sẽ thích thú lắm khi có dịp trả thù ông ta.

- Trả thù một người đã chết?

- Tại vì tôi chỉ tìm được lá thư sau khi ông ta đã chết.

- Tại sao anh không bán bức thư cho tôi khi anh vừa tìm thấy nó?

- Thật tình tôi đã không nghĩ đến chuyện đó, cho đến khi cô con gái ông ta đến ở vùng này.

Trái tim Phạm Huy chợt nháy thót lên trong lồng ngực. Phú vẫn cố tránh né ánh mắt chàng.

- Sao anh không giữ nó để sử dụng? Tối hôm trước, tôi đã ẩm được mười ngàn đô ngon lành. Nhưng chuyện vẫn chưa xong đâu, anh tin tôi đi. Cô ta giàu quá mà! Thế tại sao anh bán bức thư đó cho tôi với giá 200 đô rẻ mạt vậy?

- Tôi đã nói với anh rồi, khi đó tôi đang cạn túi, tôi cần tiền gấp.

- Nhưng với lá thư đó, anh vẫn có thể có tiền ngay vậy?

- Được rồi! - Một lần nữa Phú nhìn Huy với vẻ thách thức - Tại tôi không khôn lanh bằng anh. Đầu tôi tối thôi à! Tôi cũng có

mang theo kỷ niệm

*Một thời lên núi tắm hương
Ngủ trong tiếng vượn ru thương thấm lòng
Những làn mây toả mênh mông
Đẹp như sống cảnh tiên bồng trong tranh
Trái rừng vị ngọt mùi thanh
Nước nguồn mát dịu chảy quanh sườn đồi
Vào xuân hoa nở tuyết vời
Yêu ơi một thuở đất trời riêng ta.
Bây giờ xa cách nước nhà
Tôi mang kỷ niệm theo qua trong hồn.*

nguyễn văn cường



nghĩ đến chuyện tổng tiền cô con gái nhưng không biết phải làm sao...

- Vậy sao lúc đó anh không rủ tôi làm chung?

Phú đứng phắt dậy. Chiếc ghế ngã ngửa.

- Bây giờ anh muốn kiếm chuyện gì đây? Tôi không thêm trả lời thêm câu nào của anh nữa. Cút! Cút ngay ra khỏi nhà tôi...

Phạm Huy từ từ đứng dậy. Trí óc chàng căng thẳng. Mạch máu ở màng tang chàng đập mạnh. Có cái gì háo hức xâm chiếm lấy chàng.

- Tôi thấy có gì đó không minh bạch trong vụ này. - Phạm Huy nói nhanh, giọng trầm và đầy đe dọa - Tôi sẽ không ra khỏi đây trước khi biết rõ mọi chuyện.

Nhanh như cắt, Phú quay người lại và nhảy ra sau. Huy cũng vội chồm tới nhưng chiếc bàn giữa hai người khiến chàng bị chặn lại. Huy đá đổ chiếc bàn và phóng mình về phía trước nhưng Phú đã đủ thì giờ vớ được khẩu súng. Hắn chĩa súng ngay vào mặt Phạm Huy:

- Cút ngay! Anh đi ra ngay, nếu không muốn nằm ngay tại đây.

Phạm Huy lái xe chậm chậm, lòng nặng trĩu vì một cảm giác bất an khó tả. Có cái gì đó trong chàng nhắc nhở phải cẩn thận, phải đề phòng tối đa. Nhưng đề phòng chuyện gì mới được chứ?

Nắng chiều thật đẹp. Tuy đã cuối hè nhưng cây cối vẫn còn xanh, chỉ những cánh đồng phơi đầy rạ màu vàng thẫm là dấu hiệu báo rằng mùa thu đang đến.

Một tiếng kèn xe hơi xé tai nổi lên sau xe chàng. Huy cho xe nép vào bên đường. Chiếc xe sau xả hết tốc lực vượt qua. Chàng nhận ra ngay đó là xe của Trần Đào, chiếc Jaguar duy nhất ở vùng này.

Phương Chi chỉ có chiếc Buick. Huy cay đắng nghĩ thầm: "Tại sao mình lại thù hấn quá như vậy? Phải chăng vì hấn lấy được Phương Chi? Mình và Phương Chi đã bằng lòng chia tay nhau rồi mà, cũng phải để cho nàng đi lấy chồng chứ! Một phụ nữ trẻ đẹp lại giàu có thì thiếu gì người cầu cạnh. Nhưng tại sao nàng lại lấy Trần Đào? Hấn hơn nàng đến hai mươi tuổi, không có một xu dính túi và chuyên sống bám vào đàn bà. Cũng phải công nhận hấn đẹp trai thật, mái tóc điểm muối tiêu tạo cho hấn vẻ trí thức. Nhưng chỉ lý do đó không thôi thì đâu đã đủ để quyến rũ Phương Chi!"

Phạm Huy không nghĩ mình đang ghen. Chàng đã chấp nhận chuyện nàng đi lấy chồng thì lấy ai cũng đâu phải là vấn đề. Nhưng chàng cảm thấy bồn chồn. Có một cái gì đó khiến chàng lo lắng hơn là ghen tuông làm chàng cảm thấy sợ hãi.

Phạm Huy lái xe vào con đường chính của thành phố. Con dốc cuối phố là nơi tụ tập các hộp đêm và quán rượu. Chàng nhìn ra chiếc Jaguar và Trần Đào đang đứng trên lề nói chuyện với cô vũ nữ hôm nọ. ánh nắng chiều soi rõ khuôn mặt héo úa và tàn phai của nàng. Trần Đào nhìn ra Huy. Đôi mắt hấn ta thật sắc, ánh lên một vẻ hung tợn thô bạo.

Màn đêm buông xuống. Huy lái xe, đèn pha bật sáng. Trời không một ngọn gió. Bụi mù sau xe chàng làm thành một đám mây màu vàng lơ lửng. Huy đậu xe khá xa căn nhà của Phú, từ từ đi bộ đến. Một con chim đêm thét lên một tràng dài thảm thiết. Căn nhà gỗ hiện ra. Phạm Huy đứng lại, tim đập mạnh. Chàng vẫn nhớ cặp mắt và cây súng săn của Phú. Nhưng lần này chàng không để bị

tấn công bất thần nữa. Bằng mọi cách, Phú phải nói hết sự thật với chàng.

Căn nhà tối đen, không một ánh lửa. Bìa rừng vẫn âm u buồn thảm. Chiếc Plymouth già nua vẫn đậu chỗ cũ. Cánh cửa nhà mở rộng. Huy dừng ngay lại. Tự nhiên chàng cảm thấy một nỗi sợ hãi chen lẫn tò mò. Chàng đứng im thật lâu, hai tai vểnh lên nghe ngóng. Căn nhà vẫn im lìm không một tiếng động, cũng không một tia lửa nhỏ.

Khi quyết định bước vào nhà, Phạm Huy cảm nhận ngay một không khí chết chóc bao trùm. Tất cả đắm mùi tử khí như một thứ nước hoa nặng mùi xông lên tận óc.

Chàng bật chiếc bật lửa lên, ánh sáng vụt toả xò đi tăm tối. Huy bước tới hai bước thì đá phải xác chết của Phú sóng xoài dưới đất gần chân giường. Viên đạn ghi một lỗ thật gọn ở màng tang trước khi trở qua bên kia bằng một lỗ to rộng đầy máu. Miệng Phú mở lớn như đang cố kêu cứu một cách tuyệt vọng. Khẩu súng săn của hấn nằm cạnh bên đôi tay mở rộng.

Huy tắt ngọn lửa và ngay lúc ấy, trong bóng tối hôn ám đầy tử khí, sự thật hiện ra thật rõ trong trí chàng, một sự thật chói loà, kinh khủng!

- Phương Chi?

Huy gọi từ một trạm điện thoại công cộng.

- Vâng.

- Tôi cần gặp em ngay tối nay, cũng cùng chỗ hầm mỏ bỏ hoang đó.

Sự im lặng kéo dài. Huy tưởng chừng nàng đã gác máy.

- Nhưng... trễ rồi. Nàng trả lời.

- Tối hôm qua cũng trễ vậy.

- Nhưng quá trễ để đi nhà băng.

- Có ai nói gì với em chuyện tiền bạc đâu!

Sự sợ hãi xâm chiếm lòng chàng. Phạm Huy cố gắng trấn tĩnh, giọng nhẹ nhàng hơn:

- Em chỉ cần đem cho tôi một tấm chi phiếu hay một món nữ trang nào cũng được. Nhưng em phải nghe lời tôi...

Sự im lặng kéo dài cho Huy thấy đề nghị vô lý của mình, nhưng đã quá trễ để sửa đổi.

- Chiều hôm khác được không?

- Không.

- Nhưng... nhưng em không ở một mình...

- Thì sao? - Phạm Huy gắt gỏng - Bịa ra chuyện gì cũng được. Thu xếp và đến ngay, nghe chưa?

Chàng như cảm được sự khinh bỉ và buồn rầu trong giọng nói của nàng:

- Được rồi! Em đến.

Huy đạp mạnh chân thắng. Tiếng bánh xe bị thắng gấp rít lên trong đêm tối. "Nếu mình chạy nhanh hơn một tí..." Huy thở phào nhẹ nhõm và lùi xe lại. Đèn pha chiếu ngay vào một lỗ hổng lớn nằm giữa đường. Bờ bên đường đã sụp từ lúc nào, cả một khoảng rộng đất và nhựa đường đã biến mất vào trong lòng cái mỏ bỏ hoang. Chàng ngồi yên một lúc, lấy lại bình tĩnh rồi bước xuống xe. Huy cẩn thận đến tận bờ đường lở. Chàng nhặt một hòn đá ném xuống. Nó nảy lên mấy lần, tiếng vọng càng lúc càng xa.

Phạm Huy trở lại xe, ngồi vào tay lái, suy nghĩ. Vài phút sau, chàng lái xe đi thật xa khỏi con đường lở, băng qua một cái hố nhỏ đầy những cành sậy khô rên xiết âm ỉ dưới bánh xe chàng để ra khỏi vùng nguy hiểm rồi vòng lại điểm cũ.

Chàng tắt máy xe, lấy cây đèn bấm trong hộp xe, đi bộ quanh

chiếc hố và đứng đợi. Huy bồn chồn nhìn đồng hồ tay. Đã quá nửa đêm. Một ánh đèn pha chiếu đến, mỗi lúc một gần. Trên con đường hoang vắng vào giờ giấc này, chỉ có thể là xe của Phương Chi. Chàng bật đèn bấm, đưa lên khua lia lia. Chiếc xe kia ngừng ngay lại.

- Con đường đã bị sập ở khúc rẽ. Ở đây em không thấy gì đâu vì bị đụn đá lớn che khuất.

- Xe anh đâu?

- Tôi đậu ở bờ hố bên kia. May mà tôi lái chậm. Em xích qua một bên để tôi lái cho.

- Hay mình đi về đi, nguy hiểm lắm!

- Đừng lo! Đá sập đã ngưng, ít nhất là hết đêm nay. Em xích qua ghế kia đi.

Trước giọng nói như ra lệnh của Huy, Phương Chi ngoan ngoãn tuân theo.

Huy lại chạy xe theo con đường chàng đi hồi nãy và đậu lại bên cạnh xe chàng. Hai người im lặng ngồi cạnh nhau, chìm đắm trong ý nghĩ riêng tư của mỗi người.

- Em không có tiền! - Phương Chi ngập ngừng - Em đâu có ngờ anh đòi nhanh như vậy!

- Được rồi! Được rồi! Có, tôi cũng không thể nào lãnh được. Không thể nào, em hiểu không? Bây giờ tôi biết chắc như vậy!

- Anh muốn nói gì vậy, anh Huy?

Chàng chợt nhận ra là đã từ lâu lắm, Phương Chi không còn gọi tên chàng nữa. Những kỷ niệm êm đềm ngày xưa lại trở về, tràn ngập hồn chàng nhưng Huy không tìm cách xua đuổi chúng đi nữa.

- Tôi không thể nào tiếp tục làm khó em. Tôi đã làm thử, vì tôi nghĩ tôi có thể làm thương tổn cha em. Nhưng đối với em, tôi không thể nào hành động như vậy được.

Tôi trả cho em cái thư! Đây, em muốn làm gì thì làm...

- Anh Huy... em...

Nàng thì thầm, nghiêng đầu về phía chàng.

- Đừng cảm ơn tôi! - Chàng chặn lại, giọng buồn tủi - Thời giờ của chúng ta có hạn. Tôi cần một câu trả lời ngay. Cuộc sống chung giữa em và Trần Đào hiện giờ ra sao?

Phương Chi bật ngồi thẳng lên, nét mặt cứng lại, ánh nhìn xa xôi và khinh bỉ.

- Em hãy trả lời ngay cho tôi biết. Tôi không muốn chen vào việc nhà em nhưng tính mạng em đang bị nguy kịch.

- Lại chuyện gì nữa đây?

- Xin em trả lời ngay đi! Tôi van em vì đây là vấn đề sống chết.

- Em biết anh ta trước khi cưới... - Phương Chi thì thầm, mắt đăm đăm nhìn xuống sàn xe - Em hiểu em làm chuyện gì, chẳng ai xúi giục em cả.

- Nhưng em có hạnh phúc không?

Nàng trả lời thật chậm:

- Không.

- Ông ta có biết như thế không?

- Biết.

- Nói trắng ra, cuộc sống chung của em và ông ta khó thể lâu dài được, phải không?

- Em xin anh, anh Huy ơi! - Nàng năn nỉ - Chuyện đó chỉ làm em thêm đau lòng thôi...

- Nhưng em phải đối diện nó. Tính mạng em tùy thuộc vào câu trả lời của em đó.

- Có chuyện đó nữa sao? Cái gì làm anh suy đoán như vậy?

Huy kể lại tất cả mọi chi tiết đã xảy ra giữa chàng và Phú. Phương Chi ngồi sát vào cửa xe, ánh mắt như thất thần. Sự sợ hãi làm nàng gần như tê liệt.

- Nhưng... nhưng tại sao lại

dính lú đến em?

- Tại vì Trần Đào đã giết Phú.
- Trần Đào?
- Tôi không làm đâu. Chỉ có ông ta mới có lý do làm chuyện đó.
- Nhưng tại sao?
- Tại vì Phú có thể bị tôi uy hiếp và sẽ cho tôi biết chính Đào là người đưa lá thư của ba em cho Phú.

- Trời ơi, có thể nào như vậy được...

Phương Chi vừa nói bằng một giọng đầy nước mắt vừa lắc đầu lia lịa.

- Em nghe chọ kỹ đây, Phương Chi! Chỉ hai người có thể có được lá thư của ba em, đó là Trần Đào và em. Nhưng em không có, vậy chỉ còn hấn. Hấn ta biết cuộc tình duyên giữa em và hấn không bền. Hấn có thể tống tiền em nhưng hấn đã tìm ra cách khác hiệu quả hơn nhiều. Hấn muốn lấy hết tiền của em một lần trọn gói.

Phương Chi há miệng ra vì sợ hãi và cũng để biểu tỏ thái độ không thể nào tin nổi.

- Em không hiểu rõ...
- Nếu em chết đi bằng cách này hay cách khác, hấn sẽ hưởng hết gia tài của em để lại, đúng không?
- Chuyện không thể nào xảy ra như thế được!

Phương Chi cau có trả lời.

- Trần Đào đưa cái thư cho Phú và trả tiền cho hấn ta để hấn bán lại cho tôi. Một khi tôi đã tống tiền em, đời tôi cũng tàn rồi. Hấn ta chỉ cần hạ sát em và đổ thừa là tôi giết em vì em từ chối đưa thêm tiền cho tôi. Bây giờ em hiểu rõ chưa?

Mắt Phương Chi đầy lệ. Nàng âm thầm khóc. Hai vai rung lên. Huy để nàng khóc một lúc rồi mới nhẹ nhàng hỏi:

- Đào có biết em đi đến đây không?

- Có lẽ biết. Đào có thấy em ra đi mà... - Nàng trả lời và ôm cứng tay Huy - Anh nghĩ ông ta theo dõi em à?

- Nếu tôi đoán đúng, Trần Đào sẽ đến đây ngay bây giờ. Ông ta chưa biết tôi đã trông thấy xác Phú. Ông ấy phải thi hành âm mưu trước khi tôi hay chuyện đó. Vì khi tôi nói hết ra, đời ông ta cũng tàn luôn. Vậy chỉ còn đêm nay. Nếu Trần Đào không đến, tôi đã sai lầm ngay từ đầu...

- Nhưng nếu ông ta tìm cách giết em? Phương Chi lo sợ hỏi lại.

- Tôi cũng có súng để bảo vệ em.

ánh đèn pha từ xa chiếu đến, sáng cả một vùng.

- Anh nghĩ có phải Trần Đào không?

- Vào giờ này, ai có đủ can đảm để đi trên con đường này?

ánh đèn càng lúc càng gần hơn chứng tỏ xe chạy rất nhanh, lướt gần tới cái hố sâu vừa bị sụp ở giữa đường.

- Con đường đã bị sụp! Phương Chi la lên - Anh từng biết cách Trần Đào lái xe rồi, ông ta sẽ không thể nào thắng kịp đâu!

- Tôi biết! Huy lạng lẽ trả lời...

ly tan hợp

kính tặng bác Nguyễn Trọng Phu

Bạn ơi! Cạn chén xuân tình
Trời Nam vạn lý sầu mình xa xôi
Ai qua biển nhớ lâu rồi
Ngày về ta hát khúc hồi sinh ca.

Xin mời cạn chén xuân xa
Nghiêng hồ rót lệ quan hà bạn ơi!
Ta say rượu tiễn nên lời
Buồn tênh xứ sở đời chia ly.

Hoàng hoa rượu buổi phân kỳ
Dấu đời mưa gió cũng vì nhau thôi
Rượu mà như lệ chia phôi
Người cùng ta lỡ xa rồi sầu riêng.

Cạn ly tan hợp khắp miền
Say lời kinh khổ đảo điên bây giờ
Rót ly xa vắng đợi chờ
Ta nâng cốc cạn bên bờ tử sinh

vũ đức tô châu



tiếc giêng hai

Ta về thấp lại
mùa trăng cũ
Nghe những tàn phai
chuyện đời
Vườn xưa một bóng
sầu hoang phế
Còn mây trắng mộng
tiếc giêng hai...

lê hữu minh toán

Đốt Hết Một Lần

Dương thị Vành Khuyên



Thầy có nụ cười kiêu bạc. Nửa lạnh lùng như khói sương. Nửa như mang mang một nỗi niềm gì trầm thiết giấu kín. Đôi mắt thầy giống Thái. Giống thật là giống. Cho hồn Tơ có những lúc bay ra khỏi lớp và rưng rưng buồn.

Chiều về trong cư xá buồn muốn khóc. Những hàng cây nhạc ngựa cứ reo thăm trong gió và những cây đầu rơi từng cánh chuồn chuồn xoáy trong không gian vắng lạnh. Tơ xoa tóc đứng đăm nhìn thung lũng dưới xa, để Táo Chi nhiều lần cầu vai đau điếng.

“Tơ Hồng, ngó bộ mi còn nhớ anh chàng dữ a tề?” Đôi mắt Tơ tối sầm lại. Quả tim chao đảo trong phút giây với môi cười méo xệch, tê tái.

Ngó bộ mi còn nhớ anh chàng dữ a tề! Giọng Huế ngọt đậm, làm Tơ nhiều lần che tay ngang mặt, gọi nhỏ “Chị Quỳnh ơi! Thái ơi!...” và xấp mặt trong tay, nước mắt chảy mặn đắng ngày tháng. Không, Tơ quên rồi mà! Dĩ vãng là giòng sông tối đen, Tơ ngược qua bờ và mất dấu một thuở nào rất cũ. Bàn tay có bạn chầm lên đôi môi nhỏ lạnh, nghe hoang vắng lạ lùng và tiếng gọi lạc lõng tưởng chừng như đã quên, đã vui, đã khuấy, đã khuấy, đã lấp...

Thầy có đôi mắt giống Thái. Tơ kéo tóc cúi xuống che ngang mặt. *Nhìn nhau mắt huyết chôn nhau. Khi đem chôn tôi, chàng vẫn cười.* Lời thầy giảng đôi khi bay trên những tầng mây xa, để hồn Tơ than thở với những lời thơ đọc được đâu đó sao vẫn mãi khắc ghi trong đầu. *Chàng vẫn cười.* Cười là sao vậy, Thái ơi. Thầy có đôi mắt giống Thái quá thể. Tơ không dám nhìn lâu. Nhưng vẫn chùng lòng và có lần đã cắn chặt môi, ước ao khùng điên, một phút một giờ nào, thầy biến thành Thái, cho

đỡ... nhớ.

Thầy người Huế. Ở đây quê hương xứ khoan hò và Tơ trôi giạt từ xa tới, tấp vào, lạ ngắt lạ ngơ. Giọng Huế nhiều lúc thánh thót như tiếng chim. Tơ yêu, cuống quýt và mê đắm cái khung cảnh tịch mịch, êm đềm của dòng Hương thơ mộng, của chùa chiền cổ kính, của đền đài, lăng tẩm xưa cũ. Như ngày nào đã yêu chị Quỳnh, yêu những tiếng *mơ tê rắng rúa* lạ lẫm, cũng như yêu đời sống bất trắc và gian nan của chị. Yêu, và tự nguyện suốt đời làm em nhỏ ngoan nhất, duy nhất.

Buổi chiều, thầy đọc. *Khi một người bỏ cú sở của mình mà đi. Không ai biết đi đâu, tin tức sống chết ra sao, thì gọi người ấy là thất tung hay mất tích.* Thất tung hay mất tích... Từng chữ ấy cứ ngân mãi trong đầu Tơ. Như một thê thiết. Như một nong nân. Như một gọi nhắc cuống cuồng vỡ lở trong tim. Như tiếng gọi chị Quỳnh và Thái bỗng lại nổ tung ra, không thể tự kềm chế. Xưa, chị Quỳnh nghiêng tóc trên vai Tơ Hồng, chị bỏ Huế. Như một người mất tích. Như một kẻ đi lưu đầy. Huế, là trái tim khóc ngất. Huế, là oan khiên ngọt ngào. Chị như một người Do Thái vong quốc nghĩ về Jerusalem. Nhưng không về nữa đâu. Chị mất tích rồi. Xem như chị đã chết rồi. Đã chết. Tơ Hồng, em có hiểu, thế nào là một người chết giữa đời sống không? Chị đã lâm chung rồi. Nhưng cửa địa ngục không thêm đón nhận, chị đành phải quay ngược lại, ôm vết thương rỉ máu tiếp tục làm người.

Chị Quỳnh ôm vết thương, từ già Huế mà đi. Huế tuyệt vời. Người tình tuyệt vời. Chị Quỳnh bỏ hết, bỏ hết. Người tình tuyệt vời đã phản bội, đã quay lưng. Tơ tình cờ gặp chị, quen chị, rồi yêu chị, thật thà tin tưởng là sẽ có một tình thân vĩnh cửu. Ngày đó, nào

ai có biết rằng *Ôi hạnh phúc bất ngờ. Như tai họa giáng xuống.*

Tơ có Thái trong đời, năm mười lăm tuổi. Thì Tơ cũng chỉ là một trong muôn nghìn người con gái ngu ngơ, khờ dại của tuổi mới lớn. Mọi thứ trên đường đời đều là nắng đẹp, hoa thơm, mây xanh, cỏ biếc. Buổi chiều đó, thứ ba, Thái đến. Mồi cười nửa miệng cùng gió bụi đường xa. Quần áo trần bạc màu. Mặt mày, tóc tai phong sương, khác khổ. Bạn bè anh Học tung bừng đón mừng và Tơ nhỏ nhút đã tròn xoe mắt nai nhìn anh lạ lẫm vô cùng. Một cái xoa đầu. Một bên mắt nhắm. Một tiếng cười sảng khoái. Tơ Trời phải không? Cho Tơ nghe xấu hổ bừng lên đôi má đỏ, lí nhí, em là Tơ Hồng. Cuối năm trời lạnh cóng, Tơ nhỏ xiu, ngồi thu mình sau lưng anh Học để nhìn Thái hát. Những ngón tay Thái mềm trên guitar. Tóc Thái che nghiêng vầng trán. Giọng Thái ấm và nong nân. *Mùa nào mùa em đến. Chiều vàng rớt trên vai. Đưa em đường phố dài. Lời thầm trên bóng cây. Ngày xưa ngày qua đó. Tóc ngắn trong chiều mưa. Tay đan lối em về. Tình trần đã say mê...* Tơ đã nghe trái tim nhỏ của mình run rẩy một cách chưa từng. Suốt đêm hôm đó, một mình, Tơ đã ngồi hàng giờ để chỉ đóng khung một câu duy nhất: *Tình trần đã say mê.* Tơ biết, mình đã băng khuâng lảo lảo với bàn tay người còn xôn xao trên tóc. Tơ thấy đôi mắt xa vời với đó đã cuốn mất tâm hồn trẻ thơ của Tơ khi sau đó gặp lại. Tơ Trời, em thật là chóng lớn, nếu gặp ngoài đường, chắc anh nhìn không ra. Khuôn mặt Tơ chắc đỏ bừng, lại phải lí nhí, em là Tơ Hồng, không phải Tơ Trời đâu. Lại một cái xoa đầu, thì là Tơ Hồng. Tơ Trời hay Tơ Hồng cũng dễ thương như nhau mà...

Tơ nuốt nước mắt mình mẩn

đắng bây giờ để nhắc thầm, cố quên. Tơ đã làm người tình nhỏ, thật thà, ngây thơ, đắm đuối. Với những mộng mơ thật ngọt ngào, thật đơn thuần và trẻ con. Ôi, thành phố đó, những con đường... Thái đã dịu dàng cầm tay Tơ. Bàn tay Tơ đã run rẩy trong tay ấm của Thái. Những bước chân Tơ đã quẩn quýt bên Thái, trong nhiều tháng ngày xanh mơ ngát mộng. Tiếng đàn. Giọng hát. Khói thuốc. Vầng trán xa vời của Thái. Những lần trở về vội vã từ chiến trận. Tơ trời ơi, anh nhớ bé, vô cùng, vô cùng. Một năm, hai năm. Tơ đã tôn thờ anh như một người tình tuyệt vời nhất. Tơ như ngập trong một thứ hạnh phúc vô cùng. Tơ nói cười, chìm trong những dấu yêu tưởng chừng sẽ vĩnh cửu. Tơ đã riu rít như chim bên cạnh Thái cao lớn chở che, bên cạnh chị Quỳnh mến thương chất ngất. Nhưng, Tơ đã giữ trong lòng bàn tay những đường chỉ rối rắm của một định mệnh buồn, của một chia ly tan tác mà không hề hay biết. Cho nên, Tơ không còn có Thái trong niềm mơ ước sau cuối. Tơ cũng không giữ được chị Quỳnh yêu dấu, như xưa. Họ là đôi uyên ương. Tơ vấp ngã và khóc ngất. Họ là đôi uyên ương và Tơ với Thái là đôi uyên ương gãy cánh.

Về phố Huế, đi học trường mới, lạ thầy, lạ bạn cùng vết thương đầu đời nhúc nhối trong tim. Tơ tưởng, mình không sao đứng vững được, nếu không có Táo Chi bên cạnh. Lần đầu tiên, khi đội những sợi mưa nhỏ đi về nhà cùng Chi, hắt ngân nga, *Bước em thênh thang, áo tà nguyệt bạch, ôm nghiêng cặp sách, vai nhỏ tóc dài, anh đi theo hoài, gót giày thầm lặng. Em mỉm môi cười, anh mang nỗi nhớ. Hè sang phượng nở, rồi chẳng gặp nhau. Ôi mối tình đầu...* (thơ Phạm Thiên Thư). Giọng hân trong vắt. Cái mũi chun lại. Tơ nì, mi có biết,

ngày xưa Hoàng thị gì không? Tơ đã chum môi cười, nghiêng nghiêng tóc dài sang phía hấn. Biết chớ sao không, ngày xưa Hoàng thị Táo Chi chớ gì? Hấn đã xoay người lại, đôi mắt tròn xoe. Mi thông minh dữ a! Ta với mi làm đôi bạn chân tình từ nay, nghe? Hai bàn tay đã siết chặt lấy nhau, thật chặt, dưới mưa. Và từ đó Tơ đã chỉ có riêng với một mình Táo Chi những buồn vui, môi cười, cùng nước mắt. Tơ là con chim gãy cánh. Tơ đã bỏ đi và nhủ lòng rằng sẽ quên. Nhủ lòng rằng, thôi mình cúi xuống làm một kẻ thua cuộc. Để chúc cho Thái cùng chị Quỳnh của Tơ suốt đời hạnh phúc.

Nhưng định mệnh tình cờ đã đẩy Tơ đến Huế. Để thấy rằng đôi bạn thơ còn muốn ngất đi, với thành phố của chị Quỳnh yêu dấu ngày xưa. Nước mắt ngập ngừng rồi lăn dài trên má. Sao mình không quên được dĩ vãng? Tơ Hồng ơi... Táo Chi thúc khuỷu tay ngang hông. Ê, ê, ông dòm mi tề, răng mi khóc? Bàn tay cuống quýt ngang lên, lau vội nước mắt. Đôi mắt bắt gặp đôi mắt của thầy. Trời ơi, đôi mắt đắm đắm, ngời ngợp. Đừng thầy! Em sợ! Người ta không thể chết hai lần, mà em thì xem như đã lâm chung, chỉ còn đợi người về vuốt mắt. Thầy đừng giảng nữa. Thất tung. Mất tích. Cho em ngu ngơ nhớ về ngày cũ. Cho em nhớ người xưa xa vời và cho em chết vì đôi mắt của thầy.

Tháng mười, trời suốt ngày dùn những cụm mây màu xám, âm u. Bầu trời chiu nước và mưa rơi xuống bất cứ giờ khắc nào trong ngày, trong đêm. Mưa đôi khi dài lê thê, lì lợm. Mưa dai dẳng, tưởng chừng như sẽ không bao giờ dứt. To vẫn đợi mưa đi về và vẫn thả hồn mình đi rất xa. Tơ vẫn mãi với những ngày mưa dài để vẫn cứ buồn buồn với tiếng gọi tên Thái mang âm hưởng thật nhức

nhối. Rồi suốt đời em không quên được Thái hay sao? Có phải, vì em nhỏ dại và khờ khạo, ngu ngơ nên em mất Thái? Có phải, vì chị Quỳnh có một tâm hồn hoà hợp với tâm hồn của Thái? Và có phải, em bất hạnh nên có người yêu dấu mà không giữ được cho riêng mình? Cho nên, bây giờ phải ngậm ngùi gọi chị Quỳnh là người xưa, phải cay đắng gọi Thái là cố nhân? Cho những cơn mưa cứ giống như những giọt sầu, gõ mãi vào hồn Tơ những điệu nhớ, thấm thiết và đau buốt.

"Hồng Tơ, trái tim mi còn đập rãng tề?" Tơ nghinh mắt. "Xin lỗi bạn, tôi bây giờ vũng vàng lấm rồi". "A, thành thật chia vui. Trời mưa, ta tưởng có người nhớ người ta". Táo Chi nghiêng đầu và chìa một bàn tay ra bắt. Tơ siết chặt tay bạn và cười, nói thầm với riêng mình. Vui gì nổi, ngày nào trái đất ngừng quay, và ta tắt thở.

"Ta với mi đi thăm ông thầy, dám không?" "Ông thầy ra rãng hề?" Tơ học nói giọng Huế và dạy Táo Chi nói tiếng Nam của mình. "Trời ơi, ông thầy của mi đau ngất ngư. Bộ mi không biết thiết sao?" "Ê, đừng ầu anh bạn, thầy gì thầy của tui?" Cái mũi bạn chun lại. "Không phải sao? Mà đi không? Mi có lì không? Mi có gan không?" Tơ so vai, "Ta chỉ sợ cho con gái Huế thôi. Còn ta thì cóc cần".

Hai đứa đi nép vào nhau dưới chiếc ô màu đen nhỏ. Mưa tấp vào người những hạt bụi li ti... Hai bàn tay bạn xoay xoay cán ô và mưa gõ những nhịp đều đặn, tí tách. Những sợi mưa nhẹ nhàng như hồn Tơ đang chùng thấp ở một cung bậc nhớ nhung nào thật lan man, điệu vợi.

"Ê, Hồng Tơ, mi lại nhớ chàng, đúng không?" Tưởng chừng như ý nghĩ bạn là sợi máu nào đang len lỏi trong cơ thể, Tơ lắc đầu,

xua đi cái hình ảnh xa xăm của người cũ để trở về với thực tại. Là Tơ, đang đi bên cạnh bạn. Là Tơ, trời đã đổ mưa, vẫn khăng khăng đòi đi thăm thầy, dù bạn mãi kêu, trời mưa, mi ướt, về mi bị ốm, ba mi la chết tề! Bạn có chiếc ô màu đen mà Tơ đã ghi nhớ nhiều kỷ niệm. Bạn cũng thích đầm mưa như Tơ. Mưa, như một người tình nhỏ. Bạn đã từng cầm tay Tơ, dẫn đến những khu vườn rộng mênh mông cây trái. Ở đó, một lần, trời đang nắng gắt bỗng mây mù và mưa đổ xuống như thác lũ. Hai đứa chạy không ra khỏi rừng cây nên áo quần ướt đầm, đứng nhìn nhau cười. Bạn la, *đội mưa mà đi*. Tơ hét, *ngoài trời mưa mau, tay vuốt mặt khôn cùng*. Bạn kêu, *như mưa ngày nào thấm ướt vai em*. Tơ trả lời, *từng giọt mưa từng giọt buồn, như dĩ vãng cuộc tình nào*. Bạn nhăn mũi, *mưa từng ngày thiết tha*. Tơ tiếp nối, *mưa bàng hoàng xót xa*. Bạn hét, *sao vẫn còn mưa rơi*. Tơ cười, *giọt mưa nhớ ai mưa triền miên...* Rồi mưa lạnh quá, nhiều lúc gió như muốn thổi tung hai đứa đi. Cuối cùng thì Tơ khóc, nước mắt lẫn với nước mưa. Cho bạn ôm lấy Tơ, vỗ về. "Nhỏ kia, đừng khóc, ta khóc theo cho coi". Mưa, Tơ có nhiều kỷ niệm quá. Mà kỷ niệm lúc nào cũng làm Tơ chùng lòng, rưng rưng mỗi khi nhớ lại. Lần đó Tơ bị sốt li bì và sau đấy, đã kể cho bạn nghe mối tình đầu vụng dại đổ gãy của mình. Tơ kể cho bạn nghe, những chiều mưa êm đềm nơi thành phố đó, có Thái đan tay nhau đi dưới những chiếc lá me nhỏ rơi chao trên tóc. Có Thái cho Tơ ngậm những viên kẹo bọc đường xinh xắn, những viên pastilles Kim màu xanh vuông thơm thơm, những viên Cemin màu vàng chua đến tận chân răng. Nhưng đã không còn *tay đan lối em về, tình trần đã say mê*. Mà bây giờ, Tơ phải buồn bã hát, *một*

lần qua thế thôi, khi về nghe tay buông hờn dỗi. Buồn nào hơn lá bay, chia đời nhau những phiền tương lai. Ngày qua đôi chân lang thang, bước theo lòng buồn chấp chùng, gót phiêu du đi vào tình trần, một lần nữa quên câu đối gian. Ngày đó Tơ yêu mưa, vì Tơ có với Thái cả một trời hạnh phúc. Nhưng bây giờ, Tơ biết, mưa như một định mệnh báo trước cho tình sẽ phải ngậm ngùi, rét mướt, sẽ phải dang dở như những lời hát buồn mà Tơ ưa thích. Chỉ là thoáng mưa qua, nhạc hồn rơi rụng xuống. Trên cảnh mưa giam cầm đời tôi, xua bước chân quanh lê huyết đưa (Hoàng Kha Nhan). Bạn cầm tay Tơ cảm thông, chia sẻ. “Ta sẽ không bao giờ rắc rối với đàn ông, con trai đâu. Còn bạn, đừng hát mãi những nhạc khúc buồn, hãy ngược nhìn trời xanh, hãy can đảm bước tới”. Tơ đã khóc ngùi với tình thân ái của bạn. Đâu đây trong tận cùng trái tim mang vết thương đầu đời, Tơ nghe lời thầm vang vọng, có được một người bạn thân để chia sẻ mọi điều là một hạnh phúc lớn.

“Ê, ề nhỏ kia! Bộ tui nói trúng tim đen, răng không trả lời chi hề?” Bạn không xoay cán ô nữa, mà búi lấy tay Tơ. Đôi mắt bạn sáng lên ánh tinh nghịch, như thể soi suốt tâm hồn Tơ.

“Tim của Tơ chắc là màu tím, Táo Chi à. Người ta nói, máu từ tim màu đỏ, luân lưu thành đen rồi ngược tim tim về. Còn Tơ, trái tim Tơ màu tím, cho nên cú nhắm mắt chỉ thấy một chân trời tím ngắt, chỉ thấy lòng nhớ nhung chất ngất, và tiếng hát, và nước mắt... Nhưng Tơ nói rồi, không nhớ nữa đâu, không bao giờ nhớ nữa...” Bạn vẫn tiếp tục trêu, “Thôi đừng làm bộ, nhỏ ơi. Ngó cái điệu của mi, ta biết ngay mà. Trời mưa, anh Thái ơi, em xí muội nhớ anh quá đôi chùng...”

vào chốn bụi hồng

Tiến người đi vào chốn bụi hồng
Đốc chênh vênh vực ghềnh móng lung
Đèo sương đỉnh mây trường quái thạch
Gian truân hề vẫn xem như không.

Tiến người đi lau lách bênh hông
Gió mang mang hề nước lạnh lung
Hơi may san sát miền quan tái
Khói sóng u hồn uất trên sông.

Biên cảnh nào chiều xanh như đồng
Hổ gầm thác dựng trời mênh mông
Bèo bọt bao la rừng núi thăm
Một đi rừng rực lửa Thăng Long.

Ta tiến người hay đưa tiễn chung
Cao tay nâng chén hẹn tương phùng
Sầu lên chốn chợ bờ biển bắc
Ngẩng mặt hắt hiu đường Phiên Ngung.

Người đi hề khuất nẻo Rừng Nùng
Quanh hiu hề cạn giọt rượu cùng
Vung tay ném chén vào vách đá
Đứng dậy theo người về phương Đông.

cao hoàng nhân



“Đừng Táo Chi!” Tơ đứng sững lại giữa đường. Muốn khóc, nhưng nước mắt ơ, sao không chịu chảy! Bạn vẫn chẳng chịu tha, “Đừng mếu, nhỏ kia! Ta không có kẹo để dỗ như anh Thái của mi đâu. Nên nhớ, là mi đã lớn lắm rồi. Mai mốt đứng trên bục gỗ mà mếu, e rằng học trò sẽ chạy hết chẳng, cô giáo?” Tơ vẫn để những sợi mưa dài rơi rắc trên vai, trong tóc. Tơ lấy thật rồi. Ai biểu bạn làm Tơ muốn chết điếng, chết đuối. Bạn kéo vai Tơ vào dưới ô, giọng vỗ về, “Đừng lấy, cô bạn nhỏ của ta. Ta thương mi nhiều mà. Thì cứ nhắc nhở như thế, để thành điều nhảm chán. Cho đến một ngày kia, mi sẽ thấy đó là

chuyện bình thường và mi sẽ dễ quên, hơn là giữ kín niềm riêng”. Những bước chân lại quẩn quít trên đường. Bạn làm lòng Tơ ấm áp. Mưa chùng như nặng hạt hơn. Màu trời có vẻ tối sẫm hơn. Bạn lại dỗ dành, “Khóc đi, khi có ta bên cạnh. Đừng khóc lẻ loi một mình”. Bạn đang “đi guốc” trong bụng Tơ. Tơ muốn úp mặt vào vai bạn quá đôi chùng. Bạn yêu dấu của Tơ ơi, có phải rằng Tơ vẫn còn có được một thứ hạnh phúc thật dễ thương, khi có được người bạn hiểu mình như thế!

Thầy chắc không ngờ được đâu. Thầy chắc không thể nào ngờ. Bàn tay Tơ bấu chặt lấy cánh tay bạn. Và đôi mắt thầy sáng lên, đầy

bối rối. Tơ nhìn đôi mắt của thầy, lại gọi thầm Thái ơi, Thái của ngày xưa ơi. Thầy có đôi mắt giống Thái quá thể. Và Tơ, Tơ sợ bắt chết một đôi mắt như thế, thầy biết không?

Thầy chắc không biết được đâu. Thầy chắc không bao giờ biết được. Tại sao, buổi chiều năm xưa đó, trời đất tối mù, Tơ băng mình trong làn nước mưa màu xám, tóc tai rũ rượi và quần áo ướt nước. Nước mắt lẫn vào nước mưa. Mưa lạnh quá và Tơ giống như một người điên, không thể kiểm soát được hành động mình. Thầy chắc không biết được đâu. Khung ảnh của chị Quỳnh trên bàn viết của thầy. Đôi mắt nhìn Tơ như thu oh27n. Cho tay chân Tơ rụng rời và trí óc Tơ rã rời như kiệt sức, không còn hơi thở. Tơ đã bỏ chạy và trong cơn sốt điên cuồng, dường như đã gọi thống thiết tên chị Quỳnh, tên anh Thái, bỏ mặc Táo Chi hốt hoảng đuổi theo.

Thì cũng tử như, Tơ sinh ra đời dưới bốn mạng của một vì sao xấu. Cho nên, Tơ sẽ suốt đời không bao giờ tìm thấy hạnh phúc. Cho nên, Tơ cứ phải buồn bã tự hỏi mình, tại sao tôi yêu, tại sao thế giới không có tình yêu cho tôi, tại sao tình yêu tôi cứ mãi là dang dở và ngậm ngùi. Những câu hỏi không bao giờ có lời giải đáp. Thì thầy cũng đừng hỏi Tơ vì sao, vì sao.

Vì sao, Tơ không còn đi học ở đó. Vì sao, Tơ rời bỏ hết những ngày cũ, tháng xưa. Vì sao, Tơ không dám nhận từ thầy những ưu ái chất ngất. Thầy cũng đừng hỏi Tơ nữa, tại sao Tơ chỉ nói với Táo Chi là, rừng xưa đã khép, với không một lời giải thích nào. Tơ trả Huế lại cho thầy, cho chị Quỳnh, cho những đôi uyên ương tuyệt vời. Thầy Nguyên, em trả hết, trả hết...

Người đàn ông nhìn thần thờ vào những ngón tay nắm vàng khối thuốc của mình, cố giấu tiếng thở dài đè nặng trong lồng ngực. Cái lồng ngực xẹp lép vì khối thuốc lá, vì phẩn báng hít thở mỗi ngày, vì những lời giảng dạy thoát ra từ đó đã hơn hai mươi mấy năm nay. Cô học trò nhỏ của năm đầu tiên mình bắt đầu dạy học đã trở về, đứng đấy, vòng tay ngoan khép lại, cất tiếng "thưa thầy" với mắt nhìn bối rối, với đôi má ửng hồng. "Thưa thầy, em là Táo Chi". Một tiếng "A" đau nhói trong lồng ngực, nơi trái tim vẫn còn cố sức đập những nhịp mệt mỏi, rã rời. Bao nhiêu năm, bao nhiêu khuôn mặt học trò. Làm sao thu nhận và chất chứa bấy nhiêu hình ảnh. Chỉ là những khuôn mặt đặc biệt. Chỉ là những cái tên lạ lẫm. Cô học trò năm xưa chìm lẫn trong trăm nghìn hình ảnh xa mờ, những cái tên như một mũi kim đâm thấu suốt vào quá khứ. Một hình ảnh mơ hồ khác chợt đập chói chang vào đôi mắt sâu thẳm của người đàn ông. Và một tiếng kêu thất thanh ngân vang trong óc não. *Tơ Hồng*. Cái tên làm ông bối rối, chùng như muốn nghẹn thở. "Thầy không nhận ra em đâu. Đã hăm mấy năm qua rồi còn gì!" Cô học trò cũ - người đàn bà trẻ - như có một sức thu hút kỳ lạ làm đôi mắt ông mở căng ra nhìn. Giọng nói cô ngọt, như một phiến mật ong thơm lừng. Người đàn ông cố sức nhắc thân hình lên khỏi giường, rồi nặng nề buông một tiếng thở dài bất lực và từ hơi thở nghẹn bật ra những tràng ho khan. Cô học trò cũ cắn chặt đôi môi run rẩy, gần như lao đến bên giường bệnh. "Thầy cứ nằm tự nhiên, em đến thăm thầy, không phải để làm phiền thầy". Mái tóc ngắn cong trên hai vành tai mang một chiếc cổ dài. Không còn là suối tóc óng

ả của những nàng con gái Huế. Năm đó là năm đổi đời. Đã hăm mấy năm qua, nhưng đôi mắt ấy vẫn mở to, long, lạnh như mang một ngấn lệ buồn. Chưa một vết nhăn mờ nào trên môi cười còn nguyên vẹn nét thơ trẻ xưa cũ. Ông lắc nhẹ đầu, cố xua đuổi những hình ảnh chập choạng giữa người đàn bà trẻ và cô học trò nhỏ ngày xưa. Ông muốn hỏi, muốn nói, nhưng đôi môi khô chẳng thể thốt nên lời. "Thầy uống chút nước nha?" Hai bàn tay thuôn trên cốc nước không mang một dấu vết ràng buộc nào. "Em xin lỗi đã không hề ghé thăm thầy trong chừng ấy năm. Em theo chồng xa xứ nên ít về lại Huế. Lần này về, không ngờ thầy lại ốm nặng thế này". Giọng nói riu rít, nhưng không còn là giọng Huế nữa. Đổi đời. Người xa. Cả giọng nói cũng lạ. Nhiều người đã bỏ Huế mà đi. Riêng tôi mãi vẫn chôn chân nơi này. Để chờ đợi một lời hứa đã thành là miên viễn. Người đàn ông mỉm cười, cố xua đuổi cái quá khứ xa mờ đã trở thành một ám ảnh thường xuyên. *Tơ Hồng! Tơ Hồng!* Em đã hứa với tôi những gì trong bao nhiêu chiều mưa xưa cũ? Vậy mà em bỏ đi biệt biệt không về! Người đàn ông lại ho khan, hơi thở nặng nề, mệt nhọc.

*

* *

"Táo Chi! Mình đã làm một chuyến trở về. Như một kẻ hành hương tìm về nơi thánh tích. Mình đã đếm những bước chân vô định trên những con đường ngày nào. Nhưng thời gian, chao ơi thời gian, đã làm thay đổi mọi thứ đến không ngờ. Mình cảm thấy lạc lõng giữa quê hương thân yêu và đâm ra sợ hãi mọi thứ, mọi điều. *Ta về như bóng ma hồn tử. Lục lại thời gian tìm kiếm chính mình.* Hai câu thơ của Tô Thùy Yên càng làm cho mình thấm thía. Không thể nào

kiếm lại được chính mình như đã tưởng. Mình đã đánh mất chính mình. Mình đã không còn là trò nhỏ Tơ Hồng ngày xưa đam mê trong mối tình dành cho người thầy xưa cũ. Mình đã không dám xưng tên, khi thấy thầy đang hấp hối trên giường bệnh. Nếu Chi biết, mình đã nói, thưa thầy em là Táo Chi. Tha thứ cho mình điều này, bởi lẽ cuộc đời mình đã hư, đã hỏng đến đôi không dám tự nhận là mình nữa. Nếu Chi biết, mình đã thay tên, đổi họ từ lâu lắm. Mình đã làm ô uế thanh danh của ba mình, nên đã tự giết mình từ sau lúc biết ba chết lạnh lẽo, đói khát trong trại tù trong khi mình là vợ của một “đồng chí cao cấp”. Cuộc đời mình chỉ toàn là lầm lỗi. Nếu Chi biết, chị Quỳnh không phải là người tình, mà là em gái của thầy. Chị Quỳnh bây giờ ở nước ngoài. Anh Thái cũng ra đi theo diện HO. Mình chỉ biết sự thật của mọi điều, khi tất cả đã trở muộn, lỡ làng. Và cuộc đời đã giết chết con nhỏ Tơ Hồng yêu mưa

buồn, hay khóc vu vơ, vô cớ. Cuộc đời đã thay đổi Tơ xưa đến tận cùng gốc rễ. Mình phải chôn giấu cái quá khứ Hồng Tơ của mình. Không ai còn gọi mình là Tơ Hồng nữa. Tơ Hồng chỉ sống lại trong đêm tối tủi hờn, sống dần vật vờ với bao nhiêu nỗi nhớ, sống cay đắng với bao nhiêu lỗi lầm đã gây ra. Những lời hát không còn êm đềm mà thay bằng nhức nhối, buốt giá. *Giờ đời tôi đã úa. Tim cố nuôi thân tôi. Tay cố với cùng người. Đôi mắt quầng thâm rồi... Một lần nào cho tôi gặp lại anh. Nghe anh nói tôi vui một lần. Một lần nào cho tôi gặp lại anh. Còn chút tình đốt hết một lần.*

“Thầy vĩnh viễn đã đi vào lòng đất rồi, Táo Chi ơi. Mình đã không có can đảm đốt hết một lần, dù đã quì cạnh thầy bên giường bệnh. Mình đã hèn nhát đến đôi không dám đặt một nụ hôn nồng cháy lên đôi môi khô ấy, lần sau cùng. Thầy không lập gia đình, bởi lời hứa với trò nhỏ Tơ Hồng ngày xưa. Mình chỉ biết điều ấy sau đám tang. Hết

cả cuộc đời, thầy đã chờ đợi. Vậy mà mình đã bất xứng, không dám thử “đôi môi ấy đến nay còn nồng” chỉ vì sợ nhiễm vi khuẩn của bệnh lao.

“Tất cả những điều mình nói với Táo Chi hôm nay, là lần cuối cùng. Mình yêu thầy. Mình yêu anh Thái. Tình yêu của một thời và là của một đời. Tình yêu thánh thiện và nguyên nghĩa của một thuở áo trắng trinh nguyên. Tình yêu đó sẽ mang theo vào cõi chết. Đừng ngạc nhiên khi nhận được xấp giấy tờ này. Mình là vợ của cán bộ cao cấp, nên chuyển thư ra ngoại quốc rất dễ dàng. Mình đã im lặng tuyệt đối trong chừng bảy ngày tháng với Chi, chỉ vì không muốn bất cứ một ai biết được cái thành tích xấu xa lấy chồng Việt cộng của mình. Nhưng bây giờ, tất cả sẽ theo mình về với hư vô. Mình đang ở vào giai đoạn cuối cùng của một chứng nan y. Trong một cõi nào đó, nhất định mình sẽ gặp lại thầy và sẽ đốt-hết-một-lần, như dòng nhạc đầy cảm xúc mà mình không biết tên tác giả.

“Bây giờ là mùa xuân. Mình có thể nhìn thấy nắng đang nhảy múa êm đềm trên những mầm non xanh lá, qua khung cửa sổ rộng nhìn từ giường bệnh. Dòng đời vẫn xuôi chảy, như định mệnh đã an bài. Mình tội lỗi nhiều, nên ra đi chắc không được thanh thản. Đến lúc cuối đời, mình lại gây thêm một lỗi lầm, là làm cho Chi phải nhỏ nước mắt trong lúc xuân sang. Thôi đừng buồn nữa Chi ơi. Nhớ không, khi xưa Chi bảo mình hãy quên anh Thái. Nước mắt mình đã rung rung trên vai Chi khi đôi môi gắng gượng cười đọc thơ Hoàng Cầm cho Chi nghe. Ngày chị bảo em quên. Em tơ tưởng sao bắt em đừng nhớ. Tha cho em. Tha em. Sông Thương nước chảy đôi dòng. Táo Chi ơi, vĩnh biệt!”

chiều mưa

*Trời lại cho cơn mưa
Để chiều thêm ảm đạm
Chân quay về chỗ tạm
Trái tim già hơn xưa.*

*Vẫn khu phố buồn tênh
Vẫn mặt người hờ hững
Ngày đời qua lững thững
Trong nỗi sầu mông mênh.*

*Như giọt lệ từ trời
Mưa buồn rơi không tạnh
Hồn chìm cơn băng lạnh
Lửa hương bật cõi người.*

b.h.t.



Bí Mật Của Ông Thầy Thọt

Phạm Thành Châu

*"Con ơi nhớ lấy lời cha,
Một đêm ăn trộm bằng ba năm làm"
(ca dao)*



Hội An là một thành phố cổ. Khoảng thế kỷ 15, 16 đã là thương cảng phồn vinh của miền Nam thời Chúa Nguyễn. Các thương thuyền ngoại quốc thường ghé trao đổi hàng hóa. Người Nhật, người Tàu, người Bồ Đào Nha, người Tây Ban Nha đều có đại diện thương cục ở đây. Sau này, lòng sông Thu Bồn, phía Cửa Đại bị phù sa lấp, cạn dần, tàu thuyền lớn không vào được nên

các thương nhân bỏ đi, chỉ còn lại người Tàu. Họ là thân dân nhà Minh bên Tàu, khi Mãn Thanh cai trị nước Tàu, họ bỏ xứ ra đi, đến Hội An họ ở luôn tại đây. Một số lấy người bản xứ, sinh con, xưng là người Minh Hương để tỏ lòng tưởng nhớ đến nhà Minh. Tôi là người Minh Hương nhưng không biết tiếng Tàu, cũng không rõ gốc gác mình ra sao.

Trước khi Hội An thành thương

cảng, nó là lãnh thổ của Chiêm Thành. Di tích còn lại có thành Trà Kiệu, cổ đô của Chiêm Thành, cách Hội An độ ba mươi cây số. Ngay tại Hội An thỉnh thoảng những người đào đất bắt gặp những tượng đá, vật dụng, nghe nói có khi gặp vàng nữa, nhưng dĩ nhiên chẳng ai dại gì nói ra. Trừ vàng, thường thì không ai muốn giữ các tượng đá trong nhà. Họ sợ ma Hời - chỉ người Chiêm Thành - vật chết. Họ đem để trước bình phong đèn miếu hoặc gốc cây đa. Tôi có thấy một tượng phụ nữ Chàm bằng đá, rất đẹp, để trước miếu Quảng An, sau có ông thầy dạy vẽ, thầy Kiệm, đem về dùng làm mẫu cho học trò tập vẽ. Chúng tôi sợ ma Hời bắt thầy chết, vậy mà thầy vẫn sống nhăn, chả sao cả.

Về cái miếu Quảng An, người ta đồn đó là miếu thờ ma Hời, nhưng không ai cúng ma Hời, chỉ thấy ngày rằm, mừng một có ông Ba Râu, một ông già ra thấp nhang, Xuân Thu nhị kỳ có lễ cầu an, rất long trọng. Lúc đó tôi còn học tiểu học không quan tâm đến, nhưng mỗi tối đi ngang qua miếu tôi sợ kinh khủng, không dám nhìn vào miếu, sợ ngái vật chết. Miếu này nằm ngay đầu hẻm đi vào nhà tôi. Đường hẻm này thông từ đường Phan Chu Trinh qua đường Trần Hưng Đạo. Thời Pháp thuộc nó có tên kiệt Công Quán Cũ, còn đường Trần Hưng Đạo có tên là đường Công Quán, vì có trú sở của tên công sứ Pháp. Trong kiệt Công Quán này có giếng nước ngọt nổi tiếng. Đó là giếng Bá Lễ. Ngay đến bây giờ Hội An vẫn không có nước máy. Nhà nào cũng có giếng trong vườn để lấy nước sử dụng. Nhà khá giả thường thuê người gánh nước giếng Bá Lễ về làm nước uống, nấu ăn. Thế nên giếng lúc nào cũng tấp nập người đến kéo

nước. Các cô, bà lấy đó làm nơi trò chuyện. Tối lại, có các chàng lính tráng lảng vảng ra tán tỉnh, cặp kè các cô. Về ban đêm con đường thường xuyên tối thui. Vì tuy có điện đường, nhưng các chàng lính lấy đá ném cho vỡ bóng đèn để tiện làm ăn.

Nhà tôi cách giếng Bá Lễ vài khu vườn, trong một khuôn viên rất rộng. Giữa là nhà thờ tộc, quây quần chung quanh là nhà con cháu. Phía sau là nhà người bác, tôi không rõ liên hệ ra sao, nhưng các người con của bác, hề lớn thì tôi kêu bằng anh, chị; nhỏ thì tôi kêu bằng mày tao cũng chẳng ai sửa sai. Người bác này không khá giả gì. Ông ta bán kẹo kéo. Sáng sớm ông nấu đường trong một cái chảo, rồi đổ ra một cái thau, thau được đặt trên một hồ nước nhỏ cho mau nguội, xong ông đánh đường trên một chạc ba gắn trên cột nhà cho trắng đường, thành cục kẹo bự. Ông đặt cục kẹo trên bàn, banh ra, đổ đậu phộng rang vào và kéo hai mép lại với nhau. Giống bác sĩ mổ bụng bệnh nhân, chữa trị xong, bỏ ruột gan vào và khâu lại vậy. Tôi thường dậy sớm, qua nhà ông ta, chờ khi đậu phộng rang đã nguội, tôi bóp cho vỏ mỏng tróc ra, bỏ vỏ mềm, ăn chán chê mà ông ta không nói tiếng nào. Coi bộ ông thích tôi lắm, buổi sáng nào ông cũng để sẵn cho tôi, khi thì chén cơm chiên, khi thì tô cơm hến để tôi điểm tâm trước khi đi học. Ông kể lại lai lịch nghề kẹo kéo của ông ta một cách hãnh diện. Rằng trước đây, vào khoảng thập niên 40, 50 Hội An chỉ có một người tàu bán kẹo kéo. Cách làm kẹo kéo khá đơn giản, nhưng chú chệt giấu nghề rất kỹ. Chú ở chung với người bà con trong một tiệm buôn. Sáng sớm, mới bốn năm giờ, chú đã dậy nấu kẹo. Chẳng phải chú siêng năng gì, nhưng chú

sợ ban ngày, có người nhìn thấy sẽ bắt chước. Ông bác tôi, lúc đó còn rất trẻ, làm công nhân khuôn vác trong tiệm, âm mưu ăn cắp nghề nên xin chủ ngủ nhờ trong tiệm. Tối đến, bác ôm chiếc chiếu, leo lên đóng hàng hóa nằm ngủ, đến gần sáng bác hé mắt theo dõi chú chệt làm kẹo. Tiến trình làm kẹo thì bác nắm được, nhưng có một thứ nước mà chú chệt vô phòng ngủ đem ra đổ vào đường trước khi nấu thì bác chịu, không biết là chất gì? Sau, bác rình lúc chú đi vắng, mò vô buồng chú tìm. Hóa ra là hũ giấm chú giấu kỹ trong gậm giường. Sau nhiều lần nấu thử, bác tôi thành công. Bác làm một thùng kẹo kéo, nhờ người bạn đem đến trước tiệm, nơi chú chệt trọ, đứng đó suốt buổi, lại bán rất rẻ. Chú chệt buồn tình bỏ đi. Thế là bác tôi hành nghề kẹo kéo từ đó. Nghề này cũng chỉ đủ nuôi vợ con sống qua ngày. Đi rã căng suốt ngày mà cái nhà tranh vách lá ngày càng xiêu vẹo. Vợ bác bán hàng vặt ở chợ Hội An, cũng chẳng phụ được bao nhiêu.

Tôi nhớ một lần bác bị cảm vì hôm trước mắc mưa đông. Buổi sáng chủ nhật đó, bác trùm mền nằm, không làm kẹo. Tôi qua hỏi thăm, bác bảo người lạnh run, đau đầu... gì đó. Tôi bảo bác đưa tiền, tôi ra tiệm thuốc tây mua thuốc cho. Tôi cầm tiền, ra tiệm thuốc tây, kể bệnh cho người bán thuốc, mua về cho bác uống, chỉ gần trưa là bác dậy nấu kẹo chuẩn bị đi bán. Bác bảo tôi đọc cái toa thuốc cho bác nghe, chữa bệnh gì, uống thế nào... xong bác đưa tiền cho tôi ra tiệm thuốc tây mua một mớ. Thế là bác vừa bán kẹo vừa làm thầy thuốc. Bác ôm thùng kẹo kéo đi khắp vùng ngoại ô, về cả các nơi xa xôi hẻo lánh. Người nào bệnh bác cũng vào thăm, sờ đầu, bắt mạch (?!), hỏi bệnh trạng rất

kỹ, bác cho ít thuốc uống tạm. Chiều về bác bảo tôi ra nhà thuốc kể tình trạng của những bệnh nhân của bác và nhà thuốc bán cho thuốc chữa bệnh, thế là hôm sau bác đem thuốc cho thân chủ uống. Người dân nông thôn ít khi dùng thuốc tây, khi bệnh chỉ uống nước rễ cây, lá cây, xông, cạo gió, nay dùng đúng thuốc, linh nghiệm như thần. Bác không biết chữ, chỉ biết đọc được các con số. Thỉnh thoảng bác nhìn lên lịch và làm ra vẻ thông thái "Chà bữa nay tám tây rồi mà chỉ mới mồng hai âm lịch!" bác mù chữ nhưng nhớ công dụng các loại thuốc tây rất tài. Chỉ cần tôi đọc cái toa một lần là bác nhớ mãi. Đa số là thuốc trụ sinh, thuốc cảm và một vài thứ quảng cáo trên đài phát thanh. Bác còn mua thêm thuốc bán trong tiệm thuốc bác như Tiêu Ban Lộ, Cứu Cấp Lục Thần Thủy... Khi cho bệnh nhân uống bác thường gói vào một tờ giấy khác, nên ai cũng tưởng thuốc do bác bào chế. Thuốc tây thường là thuốc viên, bác bỏ vỏ cối giã thành bột, cũng gói thành những gói nhỏ. Mẹ tôi gọi bác là Ông Thầy Thọt, chẳng phải bác què chân mà vì mỗi sáng bác cứ đem thuốc ra đâm thọt trong cái cối nghe cộc cạch, cộc cạch. Nhờ sáng kiến đó mà bác nổi danh mát tay ở vùng thôn quê. Thỉnh thoảng tôi thấy có người đem gà, vịt, chiếu Bàn Thạch đến biếu bác.

Cuộc sống của gia đình bác coi mỗi khá hơn trước chứ chẳng giàu có gì. Vậy mà đột nhiên một hôm bác bảo tôi "Tao sẽ ra Đà Nẵng ở, tao mua nhà ngoài đó rồi" Tôi hỏi "Bác làm gì mà giàu quá vậy?" Bác thì thầm một cách bí mật "Mày đừng cho ai biết, con tao mày cũng đừng cho biết. Tao bắt được vàng Hồi, một con của vàng sau miếu Quảng An".

Trở lại chuyện miếu Quảng An. Thường thì ngày rằm, mồng một có ông Ba Râu ra thắp nhang, đèn. Cây đèn hột vệt, nhỏ xíu nên ánh sáng mờ ảo, bàn thờ trông càng thâm u ma quái. Chẳng những bọn trẻ con chúng tôi mà cả đến người lớn cũng sợ. Máy chị đàn bà chửi lộn thường gài nhau “Mày có ngon ra miếu Quảng An thề với tao, đứa nào ăn ngược nói ngạo, ngài vật cho sặc máu ra”. Lại có lời đồn rằng có chị gánh nước và anh lính dẫn

nhau vô miếu làm gì đấy, ngài bắt đánh nhau phải chớ đi nhà thương gỡ ra. Nhưng lời đồn hấp dẫn nhất là thỉnh thoảng vào ngày mồng một có bày cua vàng bò ra kiếm ăn sáng rực cả một góc sân. Nhiều người rình, nhưng không ai xác nhận có bắt được cua vàng, có thể họ bắt được nhưng giấu chằng? Chẳng hạn như ông bác họ của tôi bảo có bắt được, riêng tôi vẫn không tin, tuy không bao giờ nói ra.

Thời câu chuyện tôi đang kể

phố đêm

Sau một lần ghé mắt xem
chương trình TV phát từ VN

*Đêm dài quá, đêm không ra khỏi phố
Vẳng đâu đây ai oán một giọng đàn
Bản nhạc cũ đã thay lời hát mới
Sao vẫn buồn chín vạn gấp ngày xưa.*

*Heo hắt gió, heo hắt mây, heo hắt
Một mảnh trăng còm cõi tít trên cao
Heo hắt núi, heo hắt sông, heo hắt
Tám dư đồ từng mảnh rách thuở nào.*

*Nháo nhác chó sủa mơ đêm thanh vắng
Nháo nhác mèo len lét chạy dưới trăng
Nháo nhác chuột chui lên từ đáy cống
Nháo nhác dơi tìm đuổi muỗi trên không.*

*Từng bước ngắn, từng bước dài, từng bước
Trên phố buồn cổ kính một ngàn năm
Văn Miếu sáng ánh lân tinh leo lét
Sập mái rồi Quốc Tử Giám xa xăm.*

*Rùa Hồ Gươm im lìm nằm đáy nước
Ngọc Sơn Đèn hương khói lạnh như tờ
Ôi Quán Thánh đổ nát như Trấn Vũ
Gò Đống Đa xơ xác cỏ vật vờ*

*Từng bước ngắn, từng bước dài, dạo hết
Năm cửa ô sương móc toả mặt mờ
Bài hát cũ đã thay người hát mới
Sao vẫn buồn thê thảm vạn lần xưa...*

nguyễn hoài phương



đây khoảng năm 54, khi hiệp định Geneve chia cắt đất nước và đồng bào Miền Bắc ồ ạt di cư vào Nam. Thành phố Hội An cũng hân hạnh được đón một số, phần đông là công chức hoặc tiểu thương. Vì thiếu chỗ nên các đình miếu được trưng dụng làm nơi cư ngụ cho đồng bào. Miếu Quảng An đón một gia đình, sau này tôi biết tên là ông Dân vì ông có sạp hàng ở chợ Hội An. Người Bắc di cư đa số là Công giáo, họ chẳng sợ ma quỷ bao giờ. Ma quỷ thấy thánh giá là bỏ chạy cả. Ấy vậy mà miếu Quảng An đã làm cho gia đình ông Dân một phen sợ hãi.

Nghe đồn rằng vào lúc gần khuya, đèn thắp sáng, mọi người còn thức, riêng ông Dân mới thiêu thiêu thì đứa con kêu thét lên, bà vợ cũng kêu thét lên khi thấy một cái đầu từ trên nóc miếu, chỗ có cửa sổ nhỏ, thò xuống, cái cổ cứ dài mãi ra. Cái đầu đen thùi, mắt trắng dã, miệng đỏ lói, nhe nanh như muốn cắn người ta. Khi ông Dân tỉnh ngủ thì chẳng thấy gì nhưng bà vợ cả quyết thấy rất rõ. Theo lời khuyên của mọi người, ông Dân nhờ một số bạn, buổi tối đến thổi kèn tây tồ te cho đến khuya. Ma quỷ nghe kèn tây sẽ bỏ đi hết. Tôi cùng một số bạn tối nào cũng đến xem thổi kèn. Thấy đèn điện sáng trưng nên không còn sợ nữa. Ngày rằm mồng một vẫn thấy ông Ba Râu vào thắp nhang. Ít lâu sau, hình như ông Dân mua đứt cái miếu nên cửa nẻo được lấp vào, sơn phết lại rất khang trang. Từ đó không thấy cúng kiếng gì nữa.

Chuyện người bác tôi tức ông thầy Thọt bảo rằng sẽ ra Đà Nẵng mua nhà chỉ xảy ra sau khi chuyện ma xuất hiện nhất gia đình ông Dân ít lâu thôi. Tôi không tin chuyện ông ta bắt được vàng. Trước đó có một lần, lúc gần khuya, trời lâm râm mưa, tôi

đi coi hát về, thấy một người từ sau miếu đi ra. Tuy chỉ thoáng thấy dáng đi nhưng tôi biết ngay là ông bác tôi. Sáng hôm sau, tôi nói ngay “Khi hôm con thấy bác sau miếu Quảng An” Bác bảo “Mày đừng nói ai, tao rình bắt mấy con cua vàng. Có người ở trong miếu, nó động ổ nên bò ra kiếm ăn sau miếu”. Thế rồi ít lâu sau bác mua nhà ngoài Đà Nẵng. Nhà gần chợ Cồn, buôn bán rất khá giả.

Sau này lớn lên, có lần ra Đà Nẵng thi tú tài, tôi có trọ nhà bác mấy bữa. Bác vẫn tử tế như trước. Ngày thi xong bác đãi tôi một bữa tiệc nhỏ. “Tao biết mày thi là đậu nên tao đãi mày trước”. Nhân lúc ngà ngà hơi rượu tôi hỏi bác: “Chuyện con rùa vàng có thật không bác?” Bác cười cười bảo: “Mày đã thấy rồi còn hỏi”. “Nhưng con có thấy gì đâu?”. “Cứ coi như thấy rồi đi, hỏi làm chi”. Tôi biết bác không muốn nói, nhưng vẫn thắc mắc, không biết chuyện con cua vàng có thật không?

Đậu tú tài xong, tôi vào Sài Gòn học tiếp, rồi thành công chức, rồi sập tiệm, tôi đi tù. Trước khi đi Mỹ theo diện HO, tôi ghé thăm bác, ông thầy Thọt ngày trước. Mấy mươi năm, bác đã già lắm rồi. Tóc bạc, răng rụng nhưng vẫn còn vẻ tinh anh. Các con bác đã lập gia đình, chỉ có cô gái út còn sống với vợ chồng bác. Tối đó hai bác cháu ngồi lai rai, chuyện trò đến khuya. Khi bàn đến chuyện có số phận hay không, bác bảo:

- Ai cũng tin rằng con người đều có số phận thì chẳng chịu cố gắng, chẳng chịu làm lụng, rốt cuộc chỉ đi ăn mày!

Tôi cãi:

- Giày dép còn có số. Như bác chẳng làm gì cả, chỉ đi rình sau miếu Quảng An mấy lần là bắt

được con cua vàng. Nhiều người cũng rình như bác mà đâu có gì. Đúng là bác có số trời cho làm giàu.

- Trời nào mà cho. Tao phải đem mưu kế, đem cái mạng tao ra...

Biết là bác sắp nói ra điều bí mật nên tôi nói khích:

- Gì mà mưu kế dữ vậy. Chịu khó rình một lúc. Bữa con thấy bác sau miếu... Cũng giống như con đi chơi khuya về thôi, có điều đừng sợ ma như bác mới được.

- Tao mà sợ ma à? Người ta sợ tao thì có. Chuyện ma hiện trong miếu để nhát vợ con ông Dân là tao, chứ ma nào!

- Bác làm ma à? Sao bác lại chống ngược người ngoài cửa sổ được, lại còn kéo cái cổ dài ra?

- Tao nằm trên nóc miếu thò đầu xuống. Còn chuyện cái cổ dài ra là vì chúng sợ quá tưởng vậy thôi.

- Nhưng bác leo lên nóc miếu làm gì? Thò đầu vô miếu làm gì?

Bác cười tỉnh khô, để lộ mấy cái răng còn sót, đen thui:

- Tao rình để ăn trộm chứ leo lên làm chi!

Tôi năn nỉ:

- Bác kể thật con nghe, từ đầu đến cuối. Con nghi đúng mà. Làm gì có chuyện con cua vàng!

Bác làm một hơi rượu, khà một tiếng, rồi rung đùi coi bộ khoái trá lắm:

- Chuyện này chỉ vợ tao biết, bây giờ đến mày là hết. Mấy đứa con tao mà biết, chúng sẽ khinh tao mà không nghĩ rằng tao đi ăn trộm chỉ vì chúng mà thôi.

- Nhưng trước giờ bác có làm nghề đó đâu. Bác lúc nào cũng làm ăn lương thiện. Mà sao bác chỉ rình có nhà ông Dân để ăn trộm mà không rình nhà khác?

- Bữa gia đình ông Dân mới dọn đến, tao đứng bán kẹo trước miếu Quảng An. Lúc đó bọn học

trò đi học về, đứng xem cũng đông. Trong lúc bán, tao bỗng nghe trong miếu tiếng trẻ con khóc, thì ra bà Dân đánh đứa con nhỏ. Nó đang chơi với một mớ toàn vàng. Nhẫn, xuyên, dây chuyền, cà rá, hột xoàn... đứng xa mà tao thấy chói cả mắt. Tao bỗng nảy ra ý định ăn trộm vì thấy họ để của bừa bãi như thế ắt dễ tìm ra. Tao rình mấy đêm, thấy khó ăn quá, nhất là sau vụ vợ con ông ta thấy tao tưởng ma, nhưng ông Dân không tin. Mấy hôm sau tao thấy ông treo khẩu súng lục chỗ cột nhà, có lẽ mượn của ai đó để cảnh cáo tên trộm.

- Coi bộ khó ăn, lại nguy hiểm nữa. Mất mạng như chơi!

Tôi nói thế để bác thầy thọt của tôi hứng chí, nói tiếp. Mà tôi thấy cũng nguy hiểm thật. Bác cười khoái trá:

- Mày thấy con người hơn nhau ở cái đầu...Tao định trộm luôn khẩu súng nhưng làm thế khác gì chọc ổ kiến lửa là cảnh sát. Tao chỉ tìm lấy gói vàng mà thôi.

- Nhưng sau đó ông Dân vẫn có tiền mở sạp áo quần ở chợ Hội An?

- Người chạy loạn nào cũng khôn mới sống được. Họ chia của. Vợ một ít, con một ít, rui có tàn lạc thì cũng còn cái để mà sống. Tao biết nên chỉ tìm thấy một gói đủ rồi. Chẳng phải nhân đạo, nhưng lấy hết bắt buộc họ phải thừa cảnh sát để tìm cho ra. Mất chút đỉnh thì họ làm thỉnh luôn.

- Nhưng người ta cảnh giác như thế, bác làm sao mà lục lọi được?

- Đó, tao đã nói, dùng cái đầu trước, chân tay mới cục cựa sau.

- Bác nói hết luôn đi. Cứ lòng vòng hoài!

- Mày biết ông Ba Râu không? Ông đó chuyên thấp nhang ngoài miếu Quảng An. Tao chờ lúc ông

ta đi vắng, tao đến nhà tráo một mớ mê hồn hương vô bó nhang. Hít một chút là ngủ say như chết. Ngày rằm, mùng một ông ta đem nhang ra thắp ngoài miếu, thế là tao vào miếu lục soạn, cả nhà ông Dần đã bị mê hồn hương thì có khiêng mà vất ngoài đường cũng không hay.

- Nhưng mê hồn hương ở đâu bác có?

- Cái này thì tao đã thề bán mạng không cho ai biết.

- Bác cứ nói đại khái thôi, đâu cần phải nêu tên.

- Ừ, đó là ông thầy của tao. Ông ta là tổ sư ăn trộm. Lúc đó ông ta đã già nhưng giàu lắm. Ngay ở Hội An mình. Có nói tên này cũng không tin. Ông ta có bốn phen là ngày giỗ tổ phải cúng tổ bằng của ăn trộm. Ông ta già quá mà không có đồ đệ nên bảo tao đi ăn cắp giùm ông ta một vật gì đó để cúng tổ. Lúc đó tao nói rõ ý định ăn trộm nhà ông Dần, ông ta chỉ ngồi xích lô đi ngang trước miếu Quảng An có một lần là bày mưu cho tao làm vớ đó. Dĩ nhiên muốn có mê hồn hương tao phải lạy ông ta làm sư phụ, lạy tổ xin vào nghề. Trộm vụ đó tao cúng tổ chiếc nhẫn vàng. Nhưng đó là vụ đầu tiên và cũng là vụ cuối cùng của tao.

Tôi định bảo "mưu kế là ở sư phụ bác, vậy mà bác kể như bác tài lắm vậy", nhưng tôi chỉ hỏi:

- Sau này bác có đến thăm sư phụ của bác không?

- Có chứ! Tao đâu quên ơn thầy. Thỉnh thoảng tao về Hội An ghé thăm. Ông ta giàu quá, đâu cần mình giúp, chỉ cần ngồi nghe ông ta tâm tình là ông ta vui rồi. Ông ta kể, học nghề từ lúc còn nhỏ. Nghề này còn bí mật gấp mấy lần Thiên Địa Hội, kỷ luật thì chỉ có sống hoặc chết thôi. Hễ sư phụ ra lệnh là đồng nghiệp giết ngay.

- Bác có đồng nghiệp không?

- Bây giờ ăn cắp vặt thì được, ai dám lộ mọ rình rập trong bóng tối, cảnh sát hay lính thấy được có mà ăn đạn. Mày thấy cái trang thờ đằng kia là bàn thờ tổ. Ông thầy tao trước khi chết, truyền bài vị tổ sư cho tao vì không còn ai nối nghiệp.

- Như vậy sư phụ phải truyền cho bác các bí quyết ăn trộm chứ?

- Dĩ nhiên. Ông thầy chỉ tao cách nghiên cứu địa hình địa vật, tính tình, thói quen những người trong gia đình mà mình sắp hành nghề, cách đào tường khoét vách, cách trừ chó, cách tẩu tán của ăn trộm, cách khai báo nếu rủi bị bắt, cách chịu đòn sao cho không bị đánh vào chỗ nhược...

Có truyền cho bác cách làm mê hồn hương không? - Có chứ, cái này mới là bí truyền...

Tôi nói đùa:

- Bác nhận con làm đồ đệ rồi truyền cách chế mê hồn hương đi.

- Tướng mày mà trộm đạo gì được!

- Ừa, bộ ăn trộm cũng phải có tướng sao?

- Thì phải có tướng ăn trộm mới nhận làm đồ đệ. Đâu có dễ vậy!

- Chắc sư phụ cũng truyền nghề xem tướng ăn trộm cho bác. Bác nói thử tướng ăn trộm ra sao?

- Dễ quá! Mày thấy có nhiều người đến nhà ai, cửa chính không vào mà cứ vào cửa hông hoặc hay dòm vô cửa sổ nhà người ta, khi nói chuyện thì mắt lảo liêng nhìn khắp nơi mà không nhìn thẳng vào người đối diện... Tao không nói họ là ăn trộm, nhưng có khiếu ăn trộm, truyền nghề được. Chắc ăn nhất là mấy đứa nhỏ hay ăn cắp vặt, chúng có máu ăn trộm bẩm sinh trong người.

- Còn mê hồn hương? Bác có biết làm không? Bác nói đại khái

nghe cho vui thôi, đâu cần chi tiết.

- Ừ! Mày biết mấy người đánh cá biển, thỉnh thoảng có người bị con rắn biển mà họ gọi là con đèn, cắn, cứ mê man, không biết gì hết. Bắt được con đèn loại đó, đem về phơi cho thật khô, sao vàng, tán nhuyễn thành bột rồi làm như người ta làm nhang vậy. Tức là cũng chế tre thành cọng nhang, nhúng hồ rồi lăn trên bột đèn, phơi cho thật khô, thế thôi. Khi muốn "hun" nhà ai, cứ đốt lên, nhờ cửa sổ mà quạt vào...

- Bác có làm thử chưa?

- Tao có làm rồi nhưng không hiệu quả. Có lẽ không đúng loại đèn mình cần. Ông thầy tao có cho bức tranh vẽ con đèn đó, nó không giống thứ người ta đem bán cho tao, nhất là mấy cái khoanh màu trên mình nó, tao hỏi dân biển, có người bảo có thấy nhưng hiếm lắm, độc lắm, không ai dám động đến. Nghe nói nước miếng của nó thôi, dính chỗ nào trên người là chỗ đó lở ra thành từng vạt như người bị phỏng nặng vậy. Không có thuốc chữa...

Tôi nghĩ rằng, ông bác họ tôi đã không nói thật. Tôi nhìn quanh, thấy căn nhà tuy không lớn nhưng ở địa thế buôn bán như thế này thì chỉ một vụ trộm đó thôi, làm gì mua nổi. Ông muốn giấu thật kỹ chuyện làm ăn không lương thiện này, nhưng giữ mãi trong bụng, âm ứ, chịu không được. Nay thấy tôi cũng có thể tin tưởng, vả lại tôi sắp đi Mỹ rồi, nên thổ lộ chút ít cho hả cái thú vị, khoái trá bấy lâu nay. Thử nghĩ coi, đang nghèo khó, nhà tranh vách lá, mưa dột tứ tung, cái ăn không đủ, bỗng nhiên mua nhà mặt tiền, mở tiệm... Người trúng số phải la lên thật to, cười cho sướng, vênh mặt lên trời cho bỏ ghét cuộc đời... Nhưng ông bác tôi thì chịu, không thể làm như thế!

Về Phương Nam

Hoàng Nga

Giang rủ tôi đi coi mặt ông Bùi Giáng. Tường ở đâu, té ra trong một phòng tranh thuê. Bùi Giáng “ngồi” chung với Văn Cao. Tóc râu lơ thơ. Người trông coi phòng tranh bảo những nghệ nhân khi thuê chân dung Bùi Giáng, phải xé sợi chỉ ra làm tư mới có thể lột tả được nét đẹp của tóc râu của thi sĩ. Không biết nữa khuya, Văn Cao có đàn cho Bùi Giáng nghe bài nào không. Dưới ánh điện ban ngày, vóc hạc nhà nghệ sĩ trên phím dương cầm được thuê sắc sảo, đẹp như ảnh chụp. Dáng nét, hình ảnh Bùi Giáng tôi từng thấy trên báo, cũng vậy. Đẹp một cách tài tình. Đáng nể. Đôi con mắt sáng quắc. Cái nhìn thăm thẳm. Tôi nghĩ, điên, mà được như Bùi Giáng, cũng thích. Và thuê, được như vậy, thích hơn.

Tôi với Giang được mời ngồi trong trà thất, trên bộ ghế thấp sát đất, tương tự như của người Nhật. Bên trên có đặt những chiếc gối màu đỏ sẫm nhồi bông gòn. Gỗ lim bóng loáng. Sạch sẽ. Không một chút bụi, dầu phòng tranh ở ngay giữa phố Sài Gòn. Chúng tôi ngồi đối diện với hai nhà nghệ sĩ trên tường. Trông hai ông sống động như thể đang hiện hữu thật. Nhưng vì hai ông không thể cử động, di chuyển; hai ông dính cứng trên tranh, nên chúng tôi tha hồ ngắm nghía. Lăn phê bình. Mặt Bùi Giáng hơi ngược lên tí chút. Còn Văn Cao thả tầm mắt xuống những phím đàn. Cả hai ông đều nhìn nghiêng nghiêng.

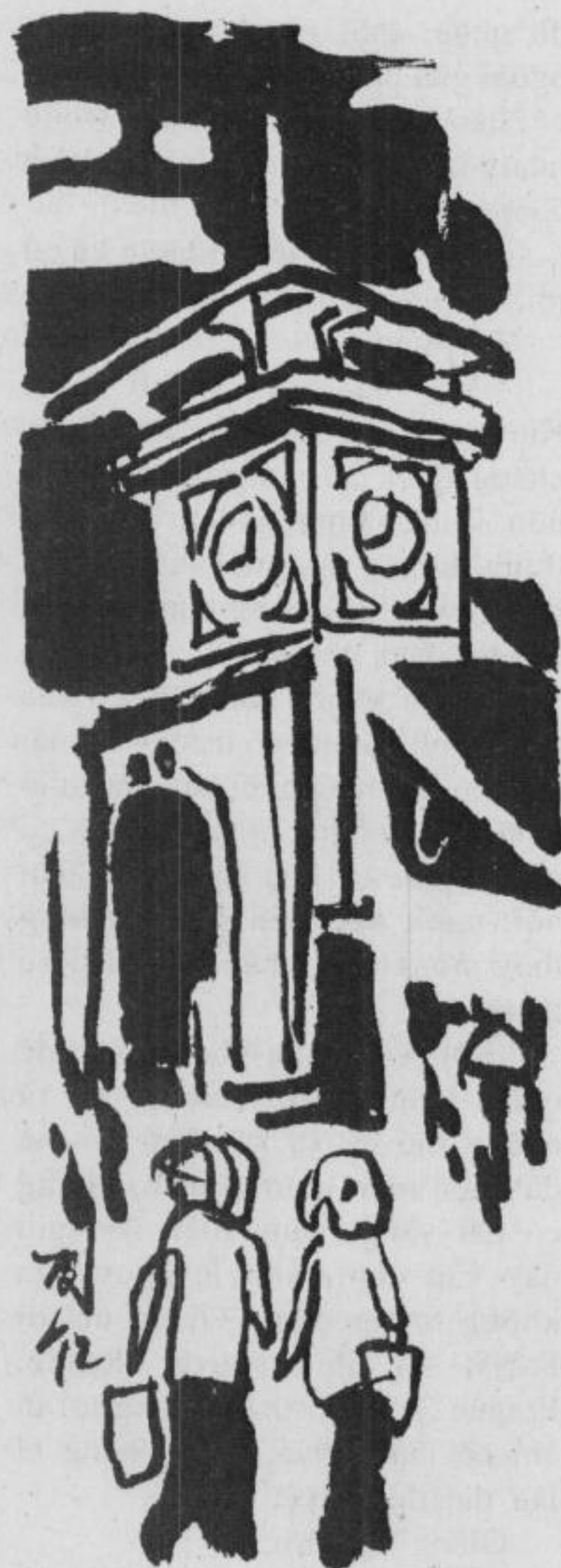
Xương gầy. Và đều phẳng phát nét cao ngạo. Tôi không biết do bẩm sinh hay do hai ông cố tình làm dáng cho xứng với tên tuổi của mình.

Tôi đùa với Giang, khi không cái dáng nét của hai ông làm tôi bỗng sực nhớ tới mấy câu thơ được dịch trong một tiểu thuyết suốt mướt, bán rất chạy của Quỳnh Dao. *Người cao ngạo vì ai ở ẩn*. Giang phì cười. Tôi hỏi không đúng sao, và lại ngược mắt nhìn lên hai ông ở ẩn. Tôi thích Bùi Giáng. Giang bảo thích Văn Cao hơn. Nhưng tôi không hiểu sao bốn câu thơ được chọn thuê bên cạnh chân dung Bùi Giáng lại khó nhớ đến độ đã đọc tới đọc lui, năm lần bảy lượt, mà khi bước ra khỏi phòng tranh, tôi vẫn có cảm tưởng mình chưa hề nghe qua bao giờ. Hên, ở đó, người ta thuê *suối mơ bên bờ thu vắng* của Văn Cao.

Chúng tôi được mời uống trà artichaud. Trà thơm thì có thơm, nhưng tôi than phải chỉ là trà tàu, trà Bảo Lộc Lâm Đồng hay Thái Nguyên gì đó, có lẽ thích hợp với khung cảnh và hai chữ trà thất, như cô hướng dẫn phòng tranh đã giới thiệu. Giang giải thích văn phòng chính của công ty nằm ở Đà Lạt, nơi sản xuất ra trà artichaud cho cả nước. Giang bảo:

- Uống artichaud là uống cả bầu trời, uống cả không khí Đà Lạt.

Lát sau, Giang lại kể, cơ xưởng thuê tay trên ấy, thuộc về



hậu duệ của bà hoàng hậu Nam Phương. Tôi kêu lên. Trời ơi, tôi với bà Nam Phương có chút ruột dư, ruột thừa bà con. Tôi gọi ông chồng bà ấy bằng bác họ. Giang vờ thờ ra:

- Chuyện này bà khoe bao nhiêu lần rồi!

Tôi ừ, nhiều lần, mà vẫn có người chưa biết. Giang phì cười, ở đây người ta mà biết được, bà sẽ bị giữ passport, bị đi tù. Giòng họ nhà bà, ngày xưa vua chúa phong kiến cấu kết với thực dân

đế quốc, thời này trốn ra nước ngoài gần phân nửa, đâu biết được có bao nhiêu người nằm trong mạng lưới phản gián, tình báo. Và Giang kết luận:

- Gia phả bà, toàn những kẻ có tội, có nợ máu với nhân dân!

Tôi than:

- Máy cái cung vua ở ngoài Huế ngó thảm quá. Vua xứ nghèo, chẳng thấy cái cung điện nào ra hồn. Long sàng toàn làm bằng đá, thỉnh thoảng lắm mới thấy có cái bằng gỗ. Chẳng sang hơn nhà dân thường bao nhiêu.

Rồi tôi khoe nhà tôi ngày xưa vừa có phản, vừa có trường kỷ, lại vừa có đủ loại ghế lớn ghế nhỏ làm bằng những thứ gỗ lim, gụ như người ta làm cho vua. Tôi nói, ngời, ngủ trên đó, đau lưng thấy mờ. Giang chặc lưỡi. Tôi kể thêm:

- Tụi vua chúa phong kiến đế quốc, thực dân ở phương tây, từ những thế kỷ xa xưa lắm rồi mà đã được nằm giường nệm, khung có dát vàng; cung điện đến giờ này vẫn còn tráng lệ nguy nga không tưởng được. Giang mà đi Paris, đi Petersburg, Rôme, Prague..., sẽ tui thân. Vùng tôi ở, chỉ cỡ lãnh chúa, đã có hàng tá lâu đài đẹp tuyệt vời.

Giang ngó tôi:

- Bà so sánh chi cho buồn. Bà từng nhìn thấy đền đài, thành quách của các vua trước triều Nguyễn còn tẻ hơn như vậy nữa. Đền chẳng ra đền, thành chẳng ra thành. Có khi còn thua cái am cô hồn của người nào đó xây lên để chuộc nghiệp chướng... Tội nghiệp, tôi nghĩ nước mình làm gì có chế độ phong kiến, vua chúa hà bà?

Tôi rùn vai:

- Tôi không biết, nhưng đọc lịch sử thấy mình cũng nhiều vương, nhiều chúa.

Tôi tiếp:

- Lúc nhỏ được ra đất thần

kinh nhiều lần, tôi hãnh diện về cố đô của mình ghê gớm lắm. Nhưng lớn, có dịp đi đây đi đó, lại thấy thương đất nước không tả được.

Giang làm thỉnh, bỗng lát sau Giang chợt hát, nhỏ nhỏ, "rồng châu, là châu xứ Huế, ngựa tể, tể Đồng Nai" bằng một giọng buồn bã, ai oán không chịu được. Tôi đứng im. Hết hát, Giang nói tại tôi lớn lên trong không khí giồng họ có người làm quan, có người làm vợ vua, nên mới thấy thất vọng và thương hại nhiều đến độ ấy.

- Còn tôi, thì tôi nghĩ được như thế này, là hên rồi, bởi đầu gì đi nữa, cũng vẫn còn có đôi ba cái điện, vài cái cung để ngắm nghía, chê bai. Chứ năm, bảy chục năm tới, chưa biết chừng mọi thứ sẽ sập hết, biến mất hết. Năm ngoái ngập lụt, mỗi một găm nhấm cột kèo, còn người thì găm nhấm kinh phí tài trợ sửa sang di tích. Tiền của tổ chức văn hóa thế giới, bà biết rồi, phải không? Tôi đoán chắc chẳng bao lâu nữa đâu, đến bất cứ nơi nào ở đất nước này, người ta cũng có thể ngâm mấy câu thơ của bà Huyện Thanh Quan, *dấu xưa xe ngựa hồn thu thảo*...

Tôi không nói gì. Giang kể tiếp chuyện có nơi công nhân được trả lương bằng tiền cứu trợ nạn nhân lũ lụt. Còn lương chính của công nhân trước đó, chẳng biết đã đi về đâu. Kể một lát, Giang bỗng ngừng lại và chép miệng:

- Nhưng thôi, nhắc chuyện đất nước làm chi cho xót dạ.

Hai đứa ngồi im, ngó quanh. Dưng không Bùi Giáng và Văn Cao trên tường bỗng hết còn sức thu hút, Giang rủ tôi đi xem những bức tranh treo ở gần bên cạnh, được mệnh danh "quê hương". Tranh có dừa, có lá tre,

có trăng. Có chút xíu mây bay ngang qua bầu trời xanh lơ, hay xám xám. Có xa xa bên nước con đò. Rồi lại có lưng trâu mục tử... Chứa chan, đượm tình! Nhiều bức trông "gỗ" không chịu được. Giang giễu tôi, thế nào tôi cũng bị dụ khị bởi cái kiểu xa quê hương nhớ mẹ hiền như vậy. Tôi thúc hông Giang. Giang cười, chứ không phải vậy sao. Giang bảo:

- Tranh này chỉ để bán cho các "em" Việt kiều, như bà chẳng hạn. Ở đây người ta đang mơ công nghiệp hóa nông thôn; không ai muốn chung trong nhà những loại tranh gợi nỗi nghèo khổ, con trâu cái cày như thế này.

Và Giang lại hát nhỏ nhỏ, đi đi lại lại cái điệp khúc, "anh thương em người xa xứ. Lặn lội, mà em tới đây..." (*). Tôi nói ở bên kia, tôi cũng có được nghe cái bài hát trích câu ca dao buồn kinh khủng này. Giang nhìn tôi, trêu:

- Loại nhạc này, cũng như tranh quê hương, chủ yếu là làm mùi lòng người xa xứ.

Tôi rùn vai. Giang cười. Chúng tôi đi lòng vòng một hồi, ngắm nghía những bức tường treo đầy tranh. Giang chỉ cho tôi thấy một bức thêu nhành hoa với cuống thật dài, uốn éo vươn ra ánh sáng như cánh tay người thiếu nữ mượn mà, yếu điệu, tựa "chờ đợi". Tôi nói, "hò hẹn" nghe có vẻ được tai hơn. Tôi phê bình. Chờ đợi, hơi "phô", Giang ơi! Giang cười cười không trả lời. Cái nụ cười, với một bên mép hơi nhếch nhếch, môi không hở ra nhiều, chỉ để lộ nửa hàm răng phía trên, như thế ngụ ý, chuyện chữ nghĩa, tôi không nên bàn tán, cãi cọ với Giang. Tôi lặp lại câu hỏi của Giang khi nãy. Chứ không phải vậy sao. Giang lườm tôi:

- Tôi thấy bà hơi... phiền đó nghe. Khi đi xem tranh, là xem cái nét chấm phá tài hoa, chứ có

phải xem cái tựa đầu mà bà thắc mắc. Nếu như tựa không lột tả hết ý của họa sĩ, của nghệ nhân, thậm chí “phô” như bà nói, thì chỉ là do lỗi người nghệ sĩ ít tài văn vẽ, chứ cái phần hồn chính của bức tranh, nét bút, màu sắc, chẳng hạn, là những thứ mà tác giả phải chịu trách nhiệm chính, nếu không nói lên được điều gì, mới là chuyện để bàn tán.

Tôi gượng cười, nhưng Giang đã quay hẳn lại ngó tôi:

- Tôi nghĩ, có người khi mua bức tranh, mang về tới nhà, gỡ tựa, gỡ tên tác giả ra, chung lên một chỗ nào đó, là quên hết ngay mọi thứ. Có khi còn dám bảo tự tay tui vẽ, tự tui thêu lăm.

Tôi đập tay Giang. Giang cười. Hai đứa lần quần chuyện văn, vẽ một hồi, bỗng dừng tôi như không tìm được lòng, buột miệng hỏi lúc này Giang có viết gì không. Giang làm thinh. Về như không nghe câu hỏi của tôi, nhưng lát sau lại lắc đầu, đáp, có mấy vở, mà chìm xuống, lọt xuống sông Đồng Nai, sông Cửu Long biến thành ma da hết trơn rồi. Tôi bật cười:

- Trời ơi, lâu ghê, tôi không nghe ai nhắc đến hai chữ ma da.

Giang ngó đông ngó tây:

- Rau muống mà năm khi mười họa bà mới được ăn, nói gì đến ma da cho mệt chớ!

Tôi tiếp:

- Vậy rồi có con ma da nào hiện lên kéo chân Giang không?

Giang cười nhỏ bên tai tôi. Nụ cười trống. Như thể Giang vừa nghe tôi nhắc đến một chuyện không đâu, nhưng cái vẻ buồn không dấu được lại phảng phất rất lâu sau mới thanh âm ngán ngủi ấy chấm dứt. Hồi mới ra trường, Giang soạn kịch. Sau một khoảng thời gian đeo đuổi, Giang chuyển sang viết tường. Cả kịch lẫn tường của Giang đều dựa trên sự tích

Việt, dã sử Việt. Có điều, gần như chẳng có vở nào được diễn tử tế. Lúc đầu, không được phép. Về sau, khá hơn, thì Giang lại đụng qua những chuyện linh tinh khác, hoặc với đạo diễn, hoặc với ban giám đốc nhà hát. Giang bảo:

- Thời này người ta chuộng... mì ăn liền. Một vốn bốn lời. ỳ ạch như tôi, khó nuốt. Trăm trầy trăm trật cả năm mới kiếm ra được một nơi chịu... lỗ, hỏi làm sao suôn sẻ cho nổi. Đã vậy, diễn viên mình lại còn không thích đào sâu, không thích thay đổi cách diễn cũ. Cho dù là diễn viên của trường kịch nghệ sân khấu đi chăng nữa, cũng chỉ muốn loanh quanh những gì đã học, đã biết. Cho khỏe.

Giang im một lúc. Rồi thờ dài. Mà ước lệ quá, “kịch” quá, không lột tả được nội tâm nhân vật bà ạ. Tôi cười, ngắt ngang lời Giang:

- Giang khỏi phải “quảng cáo”. Tôi biết cái kiểu của Giang, nhân vật của Giang, bao giờ cũng nghẹn ứ ở trong bụng một đồng bức bối, thiên hạ diễn không nổi là đúng rồi.

Giang thúc hông tôi. Cãi:

- Thời này, cuộc sống này, con người ta không còn ác ra ác, thiện ra thiện một cách rõ ràng minh bạch như ngày xưa, mà trộn lẫn lộn hai thứ chính tà vào với nhau; thực hư không có, biên giới trắng đen không còn, thử hỏi bà tôi sẽ viết như thế nào cho hợp bây giờ?

Tôi chưa kịp phản đối, Giang tiếp:

- Đã vậy, viết lạng quạng, có đứa còn tưởng mình moi móc đời tư, hay có âm mưu phản loạn gì nữa mới khổ.

Tôi lại cười:

- Ai biểu Giang viết kiểu “người thật việc thật”, không theo “công thức” làm chi.

Giang chặc lưỡi không nói gì. Cái khó của Giang, nỗi khổ tâm

của Giang, thật tình, đến con nít cũng có thể hiểu, và tôi, hoàn toàn cũng không muốn đào bới thêm ra, nhưng chuyện đẩy đưa một hồi, bỗng dừng lại buột miệng nói ra một câu đã toan nói với Giang trước đây:

- Vậy mà hồi đó Giang nhất quyết không đi.

Giang làm thinh không trả lời. Hồi đó gia đình tôi đã dành riêng cho Giang một chỗ trên chuyến vượt biển, nhưng Giang từ chối. Giang làm hai đứa giận nhau hết mấy năm. Tôi chửi Giang tự ái vật. Sĩ diện hão. Còn Giang thì không giải thích, chỉ viết mấy lời cảm ơn tôi đã nghĩ đến mình. Về sau, nhân một chuyến về, nghe chị Giang mất, tôi đến thăm, mới nối liên lạc lại với Giang. Và mãi cho đến giờ, vẫn còn hối hận vì đã không năn nỉ Giang tới cùng. Chỗ của Giang, lúc ấy, bỏ trống tới phút chót.

Chúng tôi đứng im một hồi lâu, như đang mãi miết thương thức những bức tranh treo trên tường. Sau, Giang trầm giọng:

- Bà không hiểu được tôi; nghiệp của tôi, chỗ của tôi là ở nơi này. Sân khấu nơi này, khán giả nơi này, đi sao đặng... Cuộc đời, có nhiều khi con người ta bị buộc vào những thứ phù phiếm, những thứ không ra làm sao cả như vậy đó, mà dứt bỏ được, cũng chẳng phải dễ dàng đâu.

Tôi rùn vai:

- Đành là vậy. Nhưng tôi nghĩ bên kia, cũng khán giả, cũng sân khấu...

Giang cười cười:

- Ủ, thì khán giả, thì sân khấu. Có điều bà thấy sân khấu video hợp với tôi sao?

Tôi làm thinh, lát sau tôi nói:

- Về đây, thỉnh thoảng tôi cũng có coi truyền hình, có đi xem kịch một đôi lần, dĩ nhiên không phải với Giang, kịch của

Giang; ở đó tôi từng nhìn thấy vài ba phân cảnh, đại khái diễn viên mặc áo dạ hội ở trong nhà, tay cầm điện thoại di động đi tới đi lui, trả lời người bên kia đầu giây bằng những lời đối thoại rất kiểu cách, hoặc có khi bằng dăm câu hát chèo hay vọng cổ. Rồi lại có khi đạo diễn, kịch giả cho các tay giám đốc chạy xe Mercedes, BMW..., giữa lúc thiên hạ còn đang hàng ngày chạy ăn bữa một, mà vẫn cương quyết từ chối tham những hối lộ. Tôi nghĩ, không, tôi tin chắc sân khấu như vậy, khán giả như vậy, cũng đâu có phải dành cho Giang.

Giang im. Rồi Giang chắc lưỡi:

- Thì vậy tôi mới không tìm được cho mình một chỗ đứng.

Chỗ đứng của Giang, tôi chẳng hiểu khi tìm được, có còn chông chênh như người xiếc trên dây như lúc này hay không. Bây giờ dưới chân Giang, tôi chỉ thấy sỏi đá và gai nhọn. Hễ chân, trượt ngã, hèn Giang chắc cũng khó còn để làm một con ma da long rong đây đó. Giang vẫn thường đùa, “cơm ăn ba bữa, áo quần mặc cả ngày” là ước mơ vĩ đại nhất trong đời một con người. Tôi nói nhưng không dám ngó Giang:

- Ở bên kia, diễn không được, viết không được, người ta có thể làm lại một cái gì đó khác...

Cái gì đó, tôi chắc chắn Giang hiểu ý tôi muốn nhắc đến một công ăn việc làm, một cuộc sống tử tế, rõ ràng, có đủ ba bữa hằng ngày. Ở đây, Giang hụt hơi. Tôi đã nhìn thấy Giang hụt hơi! Đã nhìn thấy không có thứ gì có thể bảo đảm cho Giang đời cơm áo lành lặn. Ngay cả chỗ ở, đến giờ này, Giang cũng vẫn còn nhờ đậu bên mẹ. Lần trước tôi về, Giang đưa tôi xuống đường Tú Xương, nơi có cái cư xá văn nghệ sĩ, mà Giang bảo vẫn thường dành cho

nghệ sĩ trình diễn. Tôi không biết những ai đã được phép trú ngụ tại nơi ấy, nhưng lúc nhìn cánh cổng buồn thảm, nhìn lối đi tráng xi măng gập ghềnh, lỗ chỗ, dẫn vào những căn chúng cư bản thủ, tôi đã phải tự hỏi, nếu Giang được chia một phòng, được chấp thuận như là một thành viên của hội nghệ sĩ gì đấy, thì đời sống vật chất, lẫn đời sống tinh thần của Giang chắc gì đã đỡ khốn khó hơn?

Giang không đáp lời tôi. Chúng tôi lại im lặng cách bồn chồn bên nhau. Khi nhắc đến chuyện đi, ở, chuyện viết lách sáng tác của Giang, cái rào cản giữa tôi và Giang đã hiện lên rõ mồn một, tỏ tường như ban ngày. Hèn Giang không muốn nói với tôi, Giang đã lỡ chọn một con đường cụt, đã lỡ sa chân. Dĩ nhiên lại càng không muốn than vãn, hay thổ lộ những nỗi chán ngán, bất mãn của mình. Tôi nghe Giang nói bằng một giọng không thương dùng với tôi:

- Chắc có lẽ chỉ tại tôi tài hèn sức mọn. Người chí lớn, giỏi giang xuất chúng, đâu không muốn, cũng đã có chỗ đứng vững vàng.

Tôi không biết nói như thế nào với Giang, đành im. Không khí giữa hai đứa dăm ra sượng trơ. Tôi hơi thấy hối hận vì đã nhiều lần cố tránh chuyện của Giang, nhưng bỗng dưng lần này lại lỗi điều cấm kỵ ấy ra mà bàn tán. Một điều, tôi đã biết chắc từ lâu, chẳng những sẽ không giúp đỡ an ủi gì Giang, trái lại còn làm Giang đau đớn hơn, buồn tủi hơn nếu như đã từng buồn, từng tủi.

Tôi cố không buông tiếng thở dài, dẫu nghe buồn đến se sắt. Tự dưng đó cuối lòng, tôi chợt nhận ra, trong bất cứ quan hệ nào, dẫu là bạn bè thân thiết đến cách mấy đi chăng nữa, cũng phải nên có một ranh giới, một lần mức nhất định

nào đó để dừng lại. Tôi búi người nhìn quanh quẩn một hồi, cuối cùng, khe khẽ đề nghị Giang tìm mua với tôi một bức tranh. Giang đáp, mua thì mua, với giọng đã trở lại bình thường, như Giang cũng đang cố gắng xem như chẳng có chuyện gì vừa xảy ra. Chúng tôi lòng vòng trong gian phòng trưng bày rất lâu mới chọn ra được bức có tựa “nắng sớm”, với nền vải màu đen, hoa tím sẫm những đóa buông lơi. Toàn bộ bức tranh, gần như chỉ thoáng thấy một chút sáng, rất nhạt, loe loe trên một nụ hàm tiếu cạnh đôi cánh lá xanh rêu ở sát góc. Tôi nói với Giang:

- Nắng có “sớm” quá, có ít quá không Giang?

Giang cười. Thế thôi, cũng vừa vắn để hy vọng cho một ngày mới rồi. Tôi cười theo, ra quầy ký hợp đồng, ghi địa chỉ để phòng tranh mang tới nhà. Giang đứng nhích sang bên cạnh, chấp tay sau lưng, ngược mắt lên nhìn những bức chân dung người không tên tuổi.

Những nhà những nhằng, lâu, Giang than đói bụng. Vậy mà khi ra tới đường, Giang lại nói sẽ đưa tôi đi Thủ Đức. Nói, là Giang làm. Đi Thủ Đức; thăm mộ của chị của Giang, bà chị xưa thỉnh thoảng vẫn nấu chè, làm bánh cho chúng tôi. Đi Thủ Đức, giữa cái nắng đổ lửa ban trưa, trên chiếc xe Dream Giang mượn được của ai đó sáng nay, khiến tôi ngán ngẩm muốn từ chối, dẫu chương trình đi thăm mộ này là do ý của tôi. Tuy nhiên cuối cùng nghĩ tới nghĩ lui thấy không nên, tôi lại thôi. Hai đứa, bụng rỗng không hạt cơm hạt cháo từ sáng sớm, ngất ngưỡng trên chiếc xe to quá khổ so với người của Giang. Tôi cũng nhỏ, ở phía sau. Lùm tùm dưới cái mũ cốt, không đủ che một phần cánh tay để trần, và

màng da cổ đã bắt đầu r ám đen. Trông tôi có lẽ giống con gà nuốt dây thun. Rút người thật sâu, vừa để tránh nắng vừa tránh bụi, không dám đưa một cái liếc mắt ra khỏi lưng của Giang, tôi than Sài Gòn bây giờ ô nhiễm quá sức. Giang cười, giọng khao khao ở phía trước:

- Ngã ba Vũng Tàu, ngay xa lộ Đại Hàn đó, bà nhớ không? Bây giờ còn có thêm một khu công nghiệp nữa, gọi là khu công nghiệp Biên Hòa hai, gồm những công ty liên doanh với nước ngoài, sản xuất đủ thứ máy móc, đồ đạc... Tưởng tượng đi, hai khu công nghiệp, cách Sài Gòn chưa đầy nửa tiếng đồng hồ chạy xe máy, không kể thêm những nhà máy lớn nhỏ linh tinh khác của tư nhân, bà nghĩ ở đây còn chỗ trong lành, còn không khí sạch sẽ cho người ta thở sao?

Tôi chép miệng. Tội nghiệp Sài Gòn. Giang nói:

- Xứ đã nghèo, kiến thức người còn nghèo nàn hơn thì đành chịu vậy thôi. Mai mốt nếu có nghe Sài Gòn mưa acid, chắc cũng chẳng có ai ngạc nhiên. Tôi đã nói với bà rồi, bỏ chuyện đất nước quê hương qua một bên đi. Cho dễ chịu mà.

Về tới đất nước quê hương, bỏ chuyện đất nước quê hương qua một bên, quả là dễ chịu. Tôi nói với Giang, có lẽ tôi cũng sẽ không bàn cãi thêm điều gì với Giang kể từ bây giờ cho dễ chịu. Giang lại cười. Tiếng cười vẫn khao khao, dùng dục và đượm buồn. Lòng tôi từ lúc bàn cãi với Giang chuyện đi ở, đã ngậm ngùi, mỗi lúc một xót xa hơn.

Dung không tôi bỗng muốn khóc. Cái thế đứng hệt chân của Giang, cái chông chênh trong đời sống Giang giữa một xã hội lúc nào cũng chao đảo, khiến tôi có cảm giác chùng như Giang đã không còn được bình thường. Chùng như có cái gì đó, chênh vênh, gập ghềnh, mất quân bình trong cách ứng xử của Giang. Chao ơi, cái gì, như thế là không ổn định tâm thần, như thế, là điên, trong Giang. Tôi gập mắt nhìn xuống phía dưới. Nắng lóa trên mặt đường trải nhựa ập vào mắt tôi. Mùi bụi đất xông lên nồng cay. Tôi muốn bảo Giang quay về, nhưng không dám...

(*) ca-khúc Vũ Đức Sao Biển.

thuở yêu người

Thuở yêu người đam mê vụng dại
chiều xa nhau bóng đổ bên đường
ôm tiễn biệt thơm nồng vuốt tóc
bước ngậm ngùi từng đoạn nhớ thương.

Thuở yêu người thu sang rất vội
giọt mưa thu nước mắt trông chờ
gió heo may hắt hiu niềm nhớ
áo em về lụa trải đêm mơ...

Thuở yêu người không gian rạo rức
khuôn mặt say ửng đỏ trời hồng
vườn ngự uyển đêm về thơ nhạc
tắm thân tình đường nét núi sông.

Thuở yêu người vầng trăng huyền diệu
soi án thư kinh sách vai kề
xuân mười sáu mịn màng trăng lụa
quán chật đời ngây ngất đêm mê...

Thuở yêu người tay lùa vuốt tóc
má môi xinh ấp ủ hương đời
sông núi say đất trời giao cảm
xuân chín hồng mê ngất xuân ơi!

Thuở yêu người tim say nhịp vội
hồng em lên lồng lộng hương tình
trong đáy mắt nồng nàn nhắn gọi
tiếng yêu thầm thơm ngọt môi xinh.

Thuở yêu người trong nhau đắm đuối
eo thon nâng thạch nhũ son hồng
cơn thác đổ trào dâng cảm xúc
hạnh phúc oà trên mỗi chân lông.

Thuở yêu người chợt ta tan biến
cõi đời vui cuốn hút vô thường
đời cỏ dầm sữa trắng huyền diệu
tình không cùng lãng đãng muôn phương...

Thuở yêu người bay lên vĩ đại
núi non cao ngất sông dài
phút ân sủng mơ thành thượng đế
biến cõi đời thành chốn thiên thai.

Thuở yêu người lãng quên sao được
con tim say thỏn thức suốt đời
khi đêm xuống giọt thăm trần trối
vẫn rơi hoài nức nở người ơi!

huy lực bùi tiên khôi

Có Phải Là Tiết Phụ?

Hồng Huy



Tôi có mấy người bạn già, bây giờ sống ở nước ngoài, mọi nhu cầu vật chất đã có con lo, nên có thể bận tâm đến những chuyện khác. Nói chí tình, họ cũng rất khiêm tốn. Những chuyện họ bận tâm không phải là quốc gia đại sự gì đâu. Cũng chẳng phải là chuyện hội đoàn, xã hội. Có vài vị cũng tham gia những hội cao niên, nhưng chỉ là để hàng tháng họp mừng sinh nhật của nhau, và rủ nhau đi chơi chỗ này chỗ khác. Có ai hỏi tại sao không làm việc này việc nọ, họ trả lời rằng bây giờ già rồi, sức khỏe và khả năng

đã cạn, họ để cho những người đầy đủ năng lực làm. Họ thu hẹp sự bận tâm của họ lại, chỉ lo cho đám cháu. Cháu nói đây là những đứa cháu còn nhỏ và còn chịu nghe lời họ. Phạm vi lo của họ vừa hẹp vừa tiêu cực: Dạy cho những đứa cháu đến tuổi tập nói, biết chào hỏi người lớn bằng tiếng Việt, và ngăn ngừa những đứa nói tiếng Việt đã khá, không nói tầm bậy theo phim Hồng-Kông phiên bản tiếng Việt. Phần “dạy” của họ cũng có chút ít kết quả. Các cháu đã biết “ạ ông”, “ạ bà” xen lẫn với những “hello” hoặc “bye-

bye”; các cháu đã biết “cảm ơn” xen lẫn với “thank you”... Nhưng phần “ngăn ngừa” của họ thì vô dụng đích. Những đứa cháu đã nói tiếng Việt khá, một là không thích coi phim Hồng-Kông, hai là có coi thì cũng chỉ coi cho biết câu chuyện, chứ không chú ý tới lời đối thoại. Trong phim nếu có một nhân vật nữ nói “tôi không gả cho anh đâu”, hoặc có một nhân vật cỡ hai mươi tuổi xưng “ta” và gọi một nhân vật cỡ sáu mươi tuổi là “ngươi”, thì chúng cũng không có cơ hội để bắt chước.

Tôi không có cháu nhỏ sống gần để lo dạy và ngăn ngừa như mấy người bạn của tôi. Nhưng tôi vẫn theo dõi tình hình chung. Sau nhiều năm bận tâm và thực hiện sự bận tâm, họ báo cho tôi biết là “đầu vẫn hoàn đầu”. Nguyên nhân thất bại là do hoàn cảnh. Những đứa cháu của họ càng lớn thì càng ít gần gũi ông bà để nghe họ dạy bảo, và càng ít dùng đến tiếng Việt. Đúng là nguyên nhân không khắc phục được.

Biết vậy, tôi buồn, nhưng cũng cảm thấy yên tâm. Yên tâm về mặt phim Hồng-Kông. Tôi biết có một số gia đình người Việt thích coi phim Hồng-Kông; ngoài chuyện giải trí, chắc họ cũng không trông đợi một cái lợi gì khác. Bây giờ, theo những người bạn của tôi, những phim ấy không ảnh hưởng gì đến tiếng Việt, thì kể như vô hại. Không lợi không hại là được rồi. Và nếu kể làm phim cũng là làm văn hóa, thì cái cách làm văn hóa của các nhà làm phim Hồng-Kông không phương hại tới ngôn ngữ của chúng ta.

Bây giờ, xin nói qua chuyện khác, nhưng cùng chủ đề: Chuyện làm văn hóa của người Tàu có ảnh hưởng gì đến người Việt chúng ta hay không?

Nói một cách trung thực,

nghĩa là có sao nói vậy, không tự tôn tự ti gì cả, thì văn hoá của người Việt chúng ta đã chịu ảnh hưởng văn hóa của người Tàu một phần. Ngoài ngôn ngữ và văn tự, phong tục tập quán, cách suy nghĩ cũng có chịu ảnh hưởng. Do tương quan giữa kẻ thống trị và người bị trị, giữa hai dân tộc láng giềng, giữa những người tuy khác giống nhưng đồng văn và chung sống hàng ngày, và nhất là qua sách vở, sự tiêm nhiễm có khi rất tự nhiên, không cảm thấy được. Nhưng cuối cùng, thì có tình trạng giống nhau một phần như ngày nay, giữa người Việt và người Tàu.

Trong mối tương quan văn hoá giữa người Việt và người Tàu, xưa nay người Việt phần nhiều giữ vị thế thụ động. Nói chung về mọi mặt, văn tự, tư tưởng, phong hoá, lễ tục, triều nghi, sinh hoạt, ẩm thực, y dược ... của người Việt ngày xưa, đều có gốc từ bên Tàu. Tuy nhiên, nghĩ cho cùng, ở vị thế thụ động cũng không hẳn là thua thiệt. Đi sau, ứng dụng sau, lúc nào cũng có hoàn cảnh để chọn lựa. Không bàn rộng, chỉ nói riêng về sách vở, ưu điểm này cũng đủ rõ. Thời chưa đọc được sách tiếng Pháp, người Việt tìm hiểu tư tưởng chính trị tiến bộ của người Âu-Mỹ qua những "tân thư" của người Tàu. Nhưng về sau, có cơ hội học trực tiếp với người Pháp, giới trí thức Việt-Nam nhận ra những ông thầy Tàu, Nghiêm Phục, Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu ... đã có chỗ hiểu lầm.

Nhưng nói như vậy không khỏi rơi vào chỗ bào chữa gượng gạo, cố tìm cái hay trong cái dở. Nhìn qui mô đồ sộ của nền văn học Trung-Quốc nói chung, nhìn hào quang rực rỡ của khối thi-từ của thời Đường-Tống nói riêng, người Việt chân thực nào cũng

phải tự coi mình là thua người. Dân tộc mình không đông bằng dân tộc người, số văn nhân thi sĩ và tác phẩm ít hơn là lẽ đương nhiên. Nhưng so kỹ, phải nhìn nhận tài của người cao hơn, sách của người hay hơn. Thu hẹp tầm nhìn vào thơ không thôi, trong thực tế chỉ có người Việt qua bao nhiêu thế hệ vẫn dịch đi dịch lại những bài thơ Đường, trong khi người Tàu hầu hết đều không biết đến thơ Việt, dù là của triều đại nào.

Mang sẵn trong người cái mặc cảm thua kém đó, lắm khi tôi có những mối lo sợ, nghĩ kỹ thì dường như thật là viễn vông. Tôi sợ văn chương của người Tàu ảnh hưởng đến nếp suy nghĩ, rồi chi phối cả hành vi của người mình. Những trang sách bị bắt buộc phải học để đi thi còn tạo ra được những kẻ ngu trung, hướng chỉ những tác phẩm văn chương thực tâm yêu thích lại không dẫn dắt được tư tưởng hay sao?

Vài năm trước đây, tôi có viết trên *Làng Văn* một bài nhan đề *Hà Đông Sư Hống*, nhắm mục đích điều chỉnh lại cái định kiến trong văn học Trung-Quốc vẫn nghĩ rằng nhân vật Trần Quý Thường sợ vợ. Bài này sau được in vào phần phụ lục của cuốn *Đọc Kỹ Truyện Kiều*, vì Thúc Sinh cũng là người sợ vợ, và trong *Truyện Kiều* có câu "Trước hàm sư tử gởi người dăng la". Mới đây, một người bạn học hồi còn nhỏ đã mất liên lạc từ 1975, gọi điện thoại nói chuyện với tôi trong hơn một giờ, chỉ hỏi thăm vài câu, phần còn lại chỉ dành nói về bài báo và cuốn sách. Người này trước 1975, là giáo sư Việt-văn, vợ cũng dạy học. Về cuốn sách, anh chỉ cho tôi thấy những điểm cần thêm, cần chỉnh. Về bài báo, anh cho tôi là người "lo bò trắng răng".

Anh Hoàng nói:

- Tôi giao thiệp với nhiều người Tàu, trong số có những người có trình độ hiểu biết khá về văn học. Sau khi đọc bài báo của anh, tôi tò mò đem câu chuyện Trần Quý Thường sợ vợ ra hỏi mấy ông Tàu kia, thì không ai biết chút gì hết cả. Tôi nghĩ câu chuyện ấy có thể là câu chuyện có thật thời nhà Tống, được một nhà văn có danh vọng đưa vào văn học, và trở thành giai thoại. Và chỉ như thế, người đời không để ý tới. Người đời tôi nói đây là người Tàu. Nhưng anh viết là để cho người Việt đọc. Anh sợ đàn ông người Việt chúng ta bắt chước Trần Quý Thường mà sợ vợ chăng? Hay anh sợ đàn bà người Việt bắt chước vợ Trần Quý Thường mà bắt nạt chồng? Sợ cái nào, hay là sợ cả hai, thì theo tôi cũng đều là viễn vông. Người Việt chúng ta tuy có hăm mộ văn chương của người Tàu thật, nhưng chắc không lấy những chuyện nói trong nền văn chương đó làm những tấm gương sống để noi theo đâu.

Rồi anh chỉ cho tôi những gì cần viết hơn. Anh muốn tôi làm cái công việc ngày xưa của Mặc Dịch, rao giảng những điều có thể đúng, nhưng không ai chịu nghe theo. Nhận ra sự do dự của tôi, anh nói:

- Nếu người ta sẵn sàng làm, thì hà tất anh phải viết. Anh viết là để thuyết phục. Nếu không có khó khăn, sự thuyết phục của anh sẽ trở thành vô dụng. Người ta đang coi nhẹ tình gia đình, đạo vợ chồng, nghĩa bè bạn. Anh hãy viết để đề cao những cái ấy. Người ta đang lợi dụng những gì thường được mệnh danh là chính nghĩa, là chân lý, là quê hương, là tổ quốc ... để hạ nhục nhau. Anh hãy viết để làm sáng tỏ vấn đề và bênh vực những người bị

hàm oan. Người ta đang lợi dụng văn học để làm những chuyện không phải là văn học. Anh hãy viết để đưa văn học về đúng vị trí chính đáng của nó.

Tôi có cảm tưởng bạn tôi muốn đặt lên vai tôi một trăm trái núi, trong khi sức tôi chỉ gánh nổi vài chục cân. Biết tôi có ý trách, anh nói như để xin lỗi:

-Tôi có cái nhiệt tâm của người nói được mà không làm được. Nói bao giờ cũng dễ hơn làm. Nói chỉ trong một phút, nhưng làm có khi cả đời vẫn chưa xong. Và nói như tôi, chỉ nói cho một người bạn nghe, thì trúng trật gì rồi cũng qua. Cái nói của tôi vô trách nhiệm. Tuy nhiên, anh cũng nên coi lại. Có thể trong những gợi ý của tôi có điều gì anh chưa nghĩ tới.

Tóm lại, bạn tôi muốn tôi đừng đi vào khu rừng cổ văn nữa, việc ấy vô ích cho độc giả ngày nay. Anh khuyên tôi nên viết về chuyện trước mặt, chuyện nhân sinh thế sự. Tôi biết anh khuyên đúng, nhưng nhận thấy khó theo. Nói chuyện cũ, nhân vật đối tượng đều không còn lên tiếng được, dễ nói hơn. Nói chuyện mới, nhân vật đối tượng còn kia, liệu có chiều lòng hết được không? Mà viết chỉ là để chiều lòng thì viết làm gì?

Sau lần điện đàm nói lại liên lạc đó, Hoàng còn gọi cho tôi nhiều lần nữa, mục đích là kể cho tôi nghe những chuyện trái tai gai mắt anh đọc được trên báo, và nghe thấy trong vùng. Anh không yêu cầu tôi nhận định về những cái ấy, nhưng tôi hiểu anh muốn cho tôi biết hiện có những điều thiết thực đáng để ý hơn cổ văn. Nhưng tôi làm như không hiểu, lại còn nói "những chuyện anh vừa kể ở chỗ tôi cũng có".

Tuy vậy, anh vẫn đều đều gọi cho tôi, để "biểu lộ nhiệt tâm"

(chữ tôi chỉ nghĩ mà không dám nói với anh). Và anh cũng đủ tế nhị để tránh không hỏi tôi "viết chưa". Thế rồi, Hoàng ngưng gọi trong khoảng nửa năm. Tôi nghĩ anh đã chán gợi ý, và kịp nhận ra tôi không còn nhiệt tâm với thế sự. Thôi thế cũng yên. Cứ để cho anh nghĩ vậy.

Nhưng gần đây, anh lại gọi, và viết cả thơ nữa. Lần này, yêu cầu của anh rất cụ thể, tôi không thể viện lẽ "văn tâm khối lãnh" mà làm ngơ. Anh muốn tôi nhận xét xem anh và vợ anh, ai đúng hơn, trong vụ ly dị của đứa con gái út.

Vợ chồng Hoàng không có con trai, chỉ có ba gái. Hai cô lớn yên bề gia thất đã lâu, không sống gần cha mẹ. Riêng cô út, chỉ mới lấy chồng chưa được hai năm, nay trở về sống chung với cha mẹ, trong khi tiến hành thủ tục ly dị với chồng. Cô này có đời sống tình cảm khá phức tạp. Trong ba chị em, cô là người học nhiều hơn hết. Học không giỏi lắm, nhưng nhờ quyết tâm, cuối cùng cô cũng lấy được bằng tiến sĩ văn chương năm tròn ba mươi tuổi, và được bổ làm giáo sư dạy văn chương Pháp ngay tại trường cô vừa tốt nghiệp. Danh toại, cô kết hôn với một giáo sư dạy cùng trường. Đây là một người gốc Hoa, lớn hơn cô đúng một giáp, đã dạy triết học Đông-phương tại nhiều trường đại học bên Pháp, trước khi sang Mỹ dạy chung trường với cô. Thời gian tìm hiểu tiền hôn nhân của hai người không được dài, chỉ hơn nửa năm. Khi cha mẹ hỏi, phần cô nói là cô thích anh ta vì phong cách Đông-phương và hiểu biết rộng; phần anh ta, theo ý cô, anh ta thích cô vì cô là một người đồng nghiệp nữ duy nhất có vóc dáng nhỏ thấp hơn anh ta. Nhưng vợ chồng Hoàng không mấy tin ở lời giải thích của con gái. Anh chị biết động cơ chính đẩy cặp nam

nữ này lại gần nhau, là cái giống nhau và khác nhau giữa họ.

Hương dạy văn chương Pháp cho sinh viên Mỹ, nhưng lại thích làm thơ bằng tiếng Việt, và bằng chữ Hán. Thịnh thoảng cô cũng có thơ đăng trên các tạp chí tiếng Việt. Những bài thơ chữ Hán, cô chỉ viết âm, vì chữ của cô không đẹp. Sau ngày quen Lâm, cô nhờ Lâm tập cho viết chữ Hán, nhưng tập mãi chữ của cô cũng chỉ khá lên được một chút. Thấy Hương thích chữ Hán, Lâm chép tặng cô một tập thơ Đường gần trăm bài, chọn toàn bài hay. Lâm lại đề nghị viết giúp những bài thơ chữ Hán Hương muốn gửi đăng báo. Từ đó, trên vài tạp chí văn chương thịnh thoảng có những bài bát cú hoặc tứ tuyệt chữ Hán, nội dung không hay lắm, nhưng chữ viết rất đẹp, ký tên Hương-Lâm. Độc giả giỏi chữ Hán đọc báo, gọi hỏi nhau về tác giả, có chung nhận định rằng chữ đẹp cỡ đó thì chỉ có người Tàu mới viết được.

Thiên hạ thường thức những bài thơ của Hương-Lâm, và Hương Lâm thành vợ chồng. Đáng tiếc một mối tình bắt đầu một cách văn chương, được văn chương tô điểm, lại sớm chấm dứt. Sau ngày lấy nhau, Lâm đưa vợ về sống chung với mẹ. Người đàn bà này chỉ có mình Lâm là con, góa chồng từ năm hai mươi, lúc Lâm chưa tròn tuổi. Bà đã ở vậy nuôi con, nửa đời làm lưng cực nhọc để kiếm tiền nuôi con ăn học cho đến khi thành tài. Đáp lại, Lâm là người con chí hiếu. Hồi còn nhỏ cũng như khi đã thành người lớn, chưa lần nào anh dám làm trái ý mẹ. Khi được một trường đại học Pháp mời, thấy mẹ không thích rời Đài-Bắc, anh đã từ chối. Về sau, chính bà thuyết phục anh nhận, và để tỏ quyết tâm hỗ trợ cho sự nghiệp của con, bà ghi tên theo học một lớp tiếng Pháp. Bà

nói để chuẩn bị cho trường hợp con trai lấy vợ Pháp, bà có thể hiểu con dâu nói gì. Nhưng đến khi hai mẹ con đã thực sự sống nhiều năm ở Pháp, bà vẫn không chịu được cái cung cách của các cô đầm. Một lần, Lâm đưa về nhà giới thiệu một nữ đồng nghiệp người Pháp lai Ấn, nét mặt rất xinh, dáng điệu không tây lắm. Nhưng bà không chịu, nói đã lấy vợ không cùng giống, thì lấy hẳn con gái Pháp, chớ sao lại lấy con gái lai. Nhưng Lâm biết ý mẹ không hẳn như vậy. Bà không thích những người trẻ tuổi ngồi trước mặt bà mà vất chân nọ lên chân kia, lại rung đùi. Cô giáo sư trẻ này có thói quen ấy. Chỉ vì thế mà duyên không thành. Lâm buồn ít lâu, rồi cũng quên. Nhưng từ đó, anh chú ý nhiều hơn vào những cô gái Đông-phương, không là đồng nghiệp cũng được. Anh nghĩ những cô gái Đông-phương dễ gây mỹ cảm với mẹ hơn. Cho đến khi anh gặp Hương, thì sự việc trở nên thuận lợi. Đối với riêng mình, Lâm biết anh không chỉ thích Hương vì gương mặt xinh, vóc người nhỏ nhắn, trình độ học vấn cao, mà còn do nàng biết thưởng thức cái tài của anh. Anh viết chữ đẹp, và Hương trân trọng nét chữ của anh. Tập thơ Đường anh chép tặng, cô đem bọc gấm, cất giữ trong một chiếc hộp cẩn xa-cừ tuyệt đẹp, để ngay ở đầu giường, đêm đêm giở ra nâng niu, ngắm nghía. Nghe con kể chuyện ấy, bà Hứa hỏi: Con thương nó chỉ vì chuyện đó? Lâm ngượng, chữa lại: Không phải ... Nhưng đó là một nét đẹp trong cuộc tình của chúng con. Bà Hứa đồng ý cưới Hương cho con trai, có lẽ cũng chẳng phải vì cái nét đẹp kia, mà chính vì tính Hương nhu mì, chưa lần nào có một cử chỉ khiếm lễ trước mặt bà. Sau vài lần đưa Hương về nhà gặp mẹ,

Lâm nghe mẹ khen người yêu: Con bé nói tiếng Pháp rất dễ hiểu. Anh biết là mẹ còn thích ở Hương nhiều hơn. Sống với mẹ từ nhỏ, anh biết bà có thói quen nói khác ý nghĩ.

Bên vợ chồng bạn tôi thì không có gì đáng nói. Khi biết con gái muốn lấy Lâm, Hoàng chỉ hỏi "nó đã ngoài bốn mươi, liệu có vướng mắc vợ con gì trước đây không", và vợ anh chỉ hỏi "nó biết nói tiếng Việt không". Hai câu trả lời đều là không, rồi mọi việc cũng êm xuôi. Giữa hai bên sui gia, giữa cha mẹ vợ và chàng rể, giữa mẹ chồng và nàng dâu, và giữa mọi người với nhau, ngôn ngữ là tiếng Pháp. Mọi điều trôi chảy ...

Nhưng đột nhiên, cuộc tình của đôi uyên ương Hương Lâm gặp trắc trở. Trắc trở không tự nó làm tan vỡ cuộc tình, nhưng chính do người làm cho nó trở thành to lớn, không thể vượt qua. Người nói đây là bà Hứa, mẹ của Lâm, một người đàn bà sống trong một xã hội phóng túng với một tinh thần bảo thủ. Con trai đã ngoài bốn mươi, nhưng bà tự coi có nhiệm vụ bảo vệ, che chở, không để cho một ai hà hiếp nó. Từ sau ngày Lâm lấy vợ, người mà bà phải canh chừng là Hương.

Nói cho đúng, trong tương quan nàng dâu mẹ chồng, Hương cũng chẳng có gì đáng để cho bà chê trách. Tuy bận với công việc dạy học, lại tự làm bận thêm với việc viết lách, cô vẫn giúp đỡ được mẹ chồng khá nhiều trong việc thu dọn nhà cửa và bếp núc. Hằng tuần, cô vẫn dành được thì giờ đưa bà đi chùa, đi mua sắm ... Và bà cũng đã có lần khen với con trai là nàng dâu hiền, giỏi và ngoan.

Nhưng, một hôm nhân không có Hương ở nhà, bà Hứa hỏi con trai:

- Vợ con có mang chưa?

- Thừa mẹ, chưa. Vợ chồng con tính để vài năm nữa ... Mẹ muốn có cháu ngay hay sao?

- Không phải ... Nó chưa có mang thì dễ hơn.

Rồi không để cho Lâm kịp hỏi tại sao, bà Hứa nói ngay cho con trai biết là vợ anh ngoại tình, cần phải bỏ ngay. Rồi bà kể cho con nghe những chuyện bà nhận thấy. Trong khoảng thời gian Lâm phải đi diễn thuyết ở những trường đại học xa, ở nhà Hương có nhận được một bưu phẩm. Bà hỏi thì Hương cho biết là sách của bạn gởi tặng, nhưng mấy ngày sau, bà thấy Hương mang một cặp kính mới trong khi đọc sách. Bà không đọc được chữ Việt, nên không biết Hương đã được tặng những cuốn sách gì. Nhưng bà biết cô rất thường lấy những cuốn ấy ra đọc, đọc cả trong khi dùng điểm tâm, hoặc ngồi một mình ngoài hiên. Bà hỏi Lâm có mua cho Hương cặp kính mới nào không, và có biết những cuốn sách kia là những sách gì hay không. Lâm đáp không, và nói cũng không để ý. Bà nói, giọng thật nghiêm: Con phải để ý, rồi cho mẹ biết quyết định.

Lâm đem chuyện hỏi vợ. Hương kể lại, kể tất cả mọi điều mà chồng có thể kiểm soát để biết là cô đã nói đúng sự thật. Sách cô nhận và thường lấy ra đọc là mấy tập thơ của một người bạn trước học cùng trường, bây giờ làm việc ở xa. Người này là một nhà thơ trẻ khá nổi tiếng, mới đây có mấy thi phẩm xuất bản, biết cô thích thơ và cũng có làm thơ, nên gởi tặng. Còn cặp kính cận cũng của người ấy gởi đến cho cô, không phải quà tặng mà là vật đền. Ngày trước, hồi còn học chung ở trung học, trong một lần đùa nghịch, người bạn đã vô ý làm bể kính của cô, đã hứa đền nhưng rồi lại quên

đi, bây giờ mới đèn được.

Hương dẫn chồng vào phòng ngủ, lấy trao cho chồng tập thơ để ở cái ngăn đầu giường của hai vợ chồng:

- Đây là một trong hai cuốn thơ anh ấy gửi tặng em. Em vẫn để đây, và hàng đêm vẫn mở ra đọc một vài bài, trước mặt anh.

Lâm cầm lấy cuốn sách, lật xem mấy trang, thấy ở trang đầu, bên mấy dòng đề tặng, có một chữ ký rất hoa mỹ và một dấu triện son rất sắc sảo; ở bìa sau, có hình một người thanh niên đẹp trai, còn trẻ, mái tóc quăn tự nhiên.

Lâm ngắm kỹ tám hình:

- Đây là hình cũ hay hình mới?

Hương biết chồng đang nghĩ về tuổi tác, đáp rất đúng ý muốn hỏi:

- Có lẽ là hình mới. Anh ấy bằng tuổi em.

Rồi Hương kéo chồng lại chỗ bàn làm việc, kéo ra một ngăn, lấy đưa cho chồng coi một cái triện bằng ngà và một hộp son nhỏ, bảo cũng là quà của người bạn thi sĩ gửi tặng. Lâm chấm triện vào son đóng thử, thấy hiện ra hai chữ Hương Lâm, viết kiểu chữ triện, rất đẹp.

Lâm hỏi:

- Sao em không nói cho anh biết về những chuyện này? Khi mẹ hỏi, anh đã trả lời không biết, nên mẹ đặt vấn đề.

Hương nhướn mày nhìn chồng:

- Khi mới nhận, em đã gọi điện thoại tới trường báo cho anh biết. Rồi tối ngày hôm ấy, ngay trên giường kia, em đã đưa anh coi tập thơ này. Sao anh lại bảo là em không nói?

Lâm cố nhớ lại. Quả thật Hương đã có gọi cho biết về bưu phẩm, lúc đó anh đang chấm bài. Quả thật Hương có đưa cho anh coi tập thơ, lúc đó anh mệt và buồn ngủ. Rồi sau, anh không nhớ tới, và Hương cũng không nhắc

lại. Nhưng, sự việc nào phải chỉ có vậy, anh nghĩ. Lâm quay ra, không nhìn vợ.

Thế là hai người quyết định xa nhau, không gây gỗ cãi cọ gì cả. Rất trí thức, rất tương kính, nhưng theo cung cách ... hình như hai người không từng là vợ chồng với nhau.

Vợ chồng Hoàng chỉ biết sự việc khi con gái dọn trở về ở chung. Hương trình bày cơ sự với cha mẹ kỹ hơn với chồng, nhưng vợ chồng bạn tôi vẫn không hiểu. Họ không nghĩ bà Hứa quá khe khắt, cũng không nghĩ Lâm quá hẹp lượng, cũng không nghĩ con gái của họ vô tội. Họ chỉ thắc mắc tại sao mọi người không chịu nói cho ra lẽ. Hoàng muốn qua nhà bàn lại với bà Hứa và Lâm, không phải là để cứu vãn tình thế, mà chỉ để phân rõ trắng đen. Nhưng Hương cương quyết cản cha:

- Xin cha đừng nói gì thêm nữa. Trong thâm tâm, con tự biết con có lỗi với Lâm. Những điều ba muốn nói là lý, là yếu tố để kiện nhau. Nhưng giữa chồng vợ với nhau, cái tình thực mới là quan trọng. Chúng con thuận tình ly hôn, chớ không phải Lâm kiện xin tòa cho ly hôn với con.

Hai năm trước, Hương về nhà chồng, xách theo một chiếc va-li nhỏ. Bây giờ, trở về nhà cha mẹ, cũng với chiếc va-li ấy, chỉ thêm vài cuốn sách. Hoàng bảo con gái đưa cho anh coi những cuốn sách. Nhưng anh chỉ chú ý vào tập thơ Đường do Lâm chép, bảo con gái để anh giữ tập ấy.

Một hôm, anh hỏi con gái:

- Con còn làm thơ chữ Hán ký tên Hương-Lâm nữa không?

Hương đáp, giọng không buồn:

- Con vẫn làm khi thích. Và nếu có gởi đăng báo, con vẫn ký tên ấy. Lâm đã thỏa thuận như thế, và có hứa sẽ viết giúp nếu con cần.

Các bạn nắm được đầu đuôi câu chuyện rồi, phải không? Bây giờ là chuyện bạn tôi nhờ tôi. Trong tập thơ Đường do Lâm chép, có bài *Tiết Phụ Ngâm* của Trương Tích. Hoàng đọc, đặc biệt chú trọng bài ấy. Anh suy nghĩ rất nhiều về bài thơ, đối chiếu với chuyện của con gái, thấy có điểm giống. Anh đem bàn với vợ. Hai người tranh luận, đồng ý với nhau về điểm người đàn bà trong bài thơ cư xử không có gì quá đáng, nhưng không đồng ý với nhau về cái nhan đề. Vợ bảo cái nhan đề ấy đúng, nhưng chồng thì nghĩ ngược lại. Một lần nghe cha mẹ tranh luận, Hương buồn rầu nói:

- Con chấp thuận ly hôn với Lâm, là đã gián tiếp nhận lỗi. Ba mẹ hà tất còn phải bàn luận thêm gì nữa?

Từ đó, trong nhà, Hoàng tránh trở lại vấn đề. Nhưng anh vẫn không chịu bỏ qua cái điều mà anh nghĩ là chướng tai, sự chướng tai mà trước kia anh đã có lần khuyên tôi đừng để ý, vì đúng hay sai cũng không phải là chuyện của mình. Anh hỏi tôi: "Người đàn bà trong bài thơ có đáng được gọi là tiết phụ không?"

Đây là bài thơ:

TIẾT PHỤ NGÂM

Trương Tích

Quân tri thiếp hữu phu,

Tặng thiếp song minh châu.

Cảm quân triền miên ý,

Hệ tại hồng la nhu.

Thiếp gia cao lâu liên uyển khí;

Lương nhân chấp kích Minh-Quang lý.

Tri quân dụng tâm như nhật nguyệt,

Sự phu thế nghĩ đồng sinh tử.

Hoàn quân minh châu, song lệ thủy,

Hận bất tương phùng vị giá thì.

(Chàng biết thiếp có chồng, còn tặng thiếp đôi ngọc đẹp. Cảm cái tình quyến luyến của chàng, thiếp đeo vào áo lót lụa hồng. Nhà thiếp là ngôi lầu cao cạnh

vườn ngự; chồng thiếp cầm kích trong đền Minh-Quang. Thiếp biết lòng dạ của chàng trong sáng. Nhưng thiếp nghĩ thờ chồng phải trọn đời chung thủy. Trả ngọc lại cho chàng, thiếp không cầm được nước mắt. Thiếp tiếc chúng ta không gặp nhau khi thiếp chưa lấy chồng).

Ngô Tất Tố dịch:

*Chàng hay em có chồng rồi,
Yêu em, chàng tặng một đôi ngọc
lành.*

*Vấn vương những mối cảm tình,
Em đeo trong áo lót mình màu sen.
Nhà em vườn ngự kể bên,
Chồng em cầm kích trong đền
Minh-Quang.*

*Như gương vâng biết lòng chàng,
Thờ chồng quyết chẳng phụ phàng
thờ xưa.*

*Trả ngọc chàng, lệ như mưa,
Giận không gặp gỡ khi chưa có
chồng.*

Tuy không phải là kiệt tác, bài thơ cũng đã được dịch khá nhiều ra tiếng Pháp, tiếng Anh. Bài thơ không có chữ nào khó hiểu, nên các bản dịch không khác nhau bao nhiêu. Riêng về cái nhan, phần nhiều các dịch giả đều giữ nguyên ý. Để dịch chữ “tiết phụ”, các bản tiếng Pháp dùng chữ “chaste épouse”; các bản tiếng Anh dùng chữ “chaste wife”.

Đây là vấn đề chữ nghĩa, vậy xin đi vào sách vở. Theo Từ-Nguyên, “tiết phụ” là “cao hạnh phụ nữ” (người đàn bà có phẩm hạnh cao quý). Viễn-Đông Hán-Anh Đại Từ-Điển dịch “tiết phụ” ra “a woman who dies for protecting her chastity” (một người đàn bà chết để bảo vệ sự trong trắng của mình). Larousse định nghĩa “chaste” là “qui a la pureté de l’âme, du corps; qui s’abstient des amours illicites” (trong sạch cả tâm hồn lẫn thể xác; tránh được những chuyện tình bất chính). American Heritage định nghĩa “chaste” là “morally pure” (trong trắng về tinh thần).

Người đàn bà trong bài thơ đã có chồng, và chồng nàng còn sống. Người đàn ông biết như vậy, nhưng vẫn tặng nàng đôi vòng ngọc. Nàng nhận, và đeo vào chiếc áo lót mình. Cử chỉ này phải được hiểu theo cách: Đối với vật tặng, là nâng niu; đối với người tặng, là có tình; đối với sự việc, là không thể để cho người ngoài biết. Câu “tri quân dụng tâm như nhật nguyệt” là câu cường từ: Tặng nữ trang cho một người đàn bà có chồng, mà lòng dạ trong sáng như mặt trăng mặt trời ư? Không phải người đàn bà không hiểu, nhưng nàng phải nói như vậy, là để bào chữa cho người đàn ông, và cho chính mình. Nói hai câu cuối, người đàn bà đã đáp đủ cái tình của người tặng ngọc: Khóc khi phải trả lại tặng vật, và tiếc đã không gặp người ấy trước khi có chồng. Nếu như gặp trước, chồng của nàng phải là người ấy, không phải người chồng bây giờ. Câu “sự phu thê nghĩ đồng sinh tử” chỉ là tiếng nói của lý trí, của bốn phận, của bên ngoài; không phải của trái tim, của tự nguyện, của thâm kín. Cái phần tự nhiên của người đàn bà là “cảm-quan triền miên ý, hệ tại hồng la nhu”, và “hoàn quân minh châu song lệ thủy, hận bất tương phùng vị giá thì”.

Để so sánh, nhiều nhà nghiên cứu văn học thường dẫn bài ca dao sau đây:

*Trèo lên cây bưởi hái hoa,
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm
xuân.*

*Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc,
Em đã có chồng, anh tiếc lắm thay!
Vẽ gì một mớ trâu cày,
Sao anh không hỏi những ngày còn
không?*

*Bây giờ em đã có chồng,
Như chim vào lồng, như cá cắn
câu!*

*Cá cắn câu biết đâu mà gỡ?
Chim vào lồng biết thuở nào ra?*

Bốn câu đầu là lời của người con trai. Anh tỏ ý tiếc không kịp cưới người con gái làm vợ. Sáu câu sau là lời người con gái. Cô nói “chỉ tại anh chậm”, và trình bày hoàn cảnh mất tự do của mình, nhưng không tiếc rẻ. Tâm tình của cô đơn giản, không có điều gì đáng trách. Người con trai cũng vậy. Anh chỉ nói “tiếc”, không làm gì thêm để người đàn bà có chồng phải khó xử.

Người con gái trong bài ca dao không có gì đáng trách. Nhưng người đàn bà trong bài thơ thì trái lại.

Với nội dung như vậy, mà Trương Tịch lại đặt nhan cho bài thơ của mình là *Tiết Phụ Ngâm*, thì kể cũng là cường từ. Có lẽ giới văn học Trung-Quốc ngày trước cũng nhận thấy như vậy, cho nên đã có tài liệu nói rằng Trương Tịch làm bài thơ kia là để gởi tạ lòng một người mến tài đã mời ông đến giúp việc khi ông mới đỗ tiến sĩ, nhưng ông không thể nhận lời, vì đang làm việc cho người khác. Tôi nghĩ đây chỉ là một “giai thoại” do người hiểu sự đời sau đặt ra để giải thích một điều khó hiểu trong văn học.

Anh chị Hoàng,

Thiết tưởng bây giờ, tôi không cần trực tiếp trả lời câu hỏi của anh chị nữa. Tôi vừa nhận được thơ riêng của cháu Hương báo cho biết cháu đã xin phép anh chị cho tái giá với người bạn thơ của cháu. Trong thơ, cháu cũng có nhờ tôi khuyên anh chị đừng nhắc đến chuyện cũ của cháu. Anh chị cũng nên nghe theo ý cháu. Nhưng anh chị cần bảo cháu đừng dùng cái triện có chữ Hương-Lâm và cái bút hiệu ấy nữa. Sự ngay thẳng là điều kiện cần thiết để chung sống với nhau trong tình vợ chồng. ●



Hứa Hôn

Thúy-Sơn

Phú theo cụ Điều đi qua một cây cầu tre, bắc ngang con sông đào. Cây cầu không dài lắm và con sông cũng không sâu lắm. Nhưng đối với Phú, đứa con trai lên 10, thì quả là một vấn đề. Nó phải đi ngang bàn chân, bước từng bước một, hai tay nắm chặt lấy tay cầu. Cụ Điều đi sau, vừa đi vừa nhắc cháu:

- Đi cẩn thận nghe con! Cứ đi chậm chậm... Nay ông đưa con sang nhà ông Hàn Tam chơi.

Ba chữ "ông Hàn Tam" đối với Phú rất quen thuộc. Chẳng biết ông có họ hàng, thân thích gì với gia đình nó hay không, nhưng nó thường nghe nhắc đến luôn. Nhất là bà vợ hai của ông Hàn, mà người ta thường gọi là bà Thứ. Bà Thứ thường hay đến nhà cụ Điều, khi thì lấy thuốc lấy men, khi thì cho quà bánh, vào những ngày tư, ngày tết... nhiều hôm còn đem quà bánh, hoặc đồ chơi riêng cho Phú nữa. Hôm nay Phú lại được dịp sang nhà ông Hàn chơi. Phú mừng rỡ ra nhà ông Hàn phải giàu sang lắm, và ông Hàn phải là người phương phi, bề vệ, có bộ râu dài đến rốn.

Qua được cây cầu, Phú thấy nhẹ cả người. Trên con đường

quanh co, khắp khảnh của xóm Đồng Bùi, hiện ra những mảnh vườn xơ xác, cây khô, cỏ úa. Lác đác mấy nếp nhà tranh lụp xụp, và trong những ao tù nước đọng, một vài con vịt đang lặn lội bên những mảng bèo cái xanh xanh...

Buổi chiều cuối Thu, nắng vàng hiu hắt chiếu trên những lũy tre già. Một cơn gió nhẹ thổi, làm rơi rụng những lá tre khô xào xạc xuống mặt đường; mấy con chim sẻ đang riu rít trên cành, thấy người đi ngang qua, là vụt bay đi mất tích. Qua mấy bờ ao nữa là ra đến cánh đồng làng, bao la bát ngát. Màu lúa con gái xanh tươi như một tấm thảm trải dài xa tít tắp đến tận những lũy tre làng Nguyên-lâm, Quán-xá.

Cụ Điều vừa đi, vừa chỉ dẫn cho Phú:

- Đây là cánh đồng Nam-đan, kia là cánh đồng Thọ-vực, bên này là Đồng-nội, bên kia là Đồng-chiều. Những thửa ruộng hai bên đường này, là ruộng của nhà ta, dài mãi tới trước cửa đình Thọ-vực kia. Ông chỉ có một mình thầy con, nên ruộng nương sau này là thuộc về gia đình con. Rồi đây con lớn khôn lên phải siêng năng ra đồng áng, để trông coi

phụ giúp thầy con, mà quản lý lấy ruộng nương. Người ta bảo: "Nông giả, thiên hạ chi đại bản" nghĩa là nghề làm ruộng là cái vốn quý nhất của con người. Nghề nông đứng thứ hai sau kẻ sĩ, nhưng trên hai bậc là công nghệ và buôn bán. Xem như vậy thì nghề làm ruộng lúc nào cũng được quý trọng, chẳng thế mà có câu: "Nhất sĩ, nhì nông, nhưng hết gạo chạy rong thì nhất nông, nhì sĩ."

Cụ Điều nắm tay Phú bước lên con đường cái quan. Một cơn gió lạnh thổi ngược lại, làm cho Phú có cảm tưởng như vừa ở trong một căn phòng kín mít, mới được ra ngoài sân. Gió lùa vào mặt, mát rượi cả tâm hồn lẫn thể xác, nó tung tăng chạy nhảy đi trước, cứ chốc chốc đứng lại chờ. Cụ Điều nhìn cháu hồn nhiên thanh thản, cụ rất vui mừng. Hôm nay cụ dẫn Phú đi chơi, mục đích là để cho ông Hàn xem mặt "thằng rể tương lai" của ông. Cụ nhớ lại...

Hôm đó, cũng vào một buổi tối cuối Thu, trăng sáng vàng vạc. Cả nhà đang ngồi quây quần ăn cơm ở giữa sân, vừa trò chuyện vừa ngắm trăng thì ông Hàn cho người đem cáng đến mời cụ đi chữa bệnh cho con ông. Cụ Điều liền vào nhà mặc thêm áo dài, và xỏ chân vào đôi giày tàu bằng vải đen. Cụ thích loại giày này, vừa tiện, lại vừa dễ đi. Cụ cũng mang theo thuốc men cấp cứu và đồ nghề đã đựng sẵn trong một cái tráp nhỏ khảm xà cừ.

Người khiêng cáng mở chiếc chiếu mui cáng cho cụ Điều lên, nhưng cụ bảo: "Thôi, để tôi đi bộ cho mát, các anh cứ đi trước đi". Tính cụ xưa nay vẫn thế, tuy đã ngoài 60 tuổi, nhưng tinh thần hãy còn minh mẫn, tính tình hoạt động, đi đâu dù xa mấy cũng cứ đi bộ. Những người đến mời đi chữa bệnh dù giàu sang hay

nghèo hèn, dù đêm hôm khuya khoắt, cụ cũng không ngại ngủ, sẵn sàng đi ngay. Cụ bảo: “Lương y như từ mẫu”. Nghề làm thuốc của cụ lại mát tay, nên tiếng tăm đồn đại, cả mấy phủ, huyện lân cận đều dùng thuốc của cụ. Thậm chí có những người từ các tỉnh xa xôi như Nam-dịnh, Hải-dương nghe tiếng cụ cũng tìm đến nhờ cụ trị bệnh.

Cụ Điều bước vào căn nhà ngang của ông Hàn, thì vừa lúc chiếc đồng hồ treo tường thông thả gõ 10 tiếng. Ông Hàn dẫn cụ vào phòng bà Hàn mới sinh. Giữa phòng một lò than đỏ rực, tí tách reo vang, làm cho không khí trong phòng ấm áp hẳn lên. Bà Thứ ôm đứa bé mặt tái xanh, bụng trướng to, thoi thóp thở. Sau khi xem xét kỹ lưỡng bệnh tình đứa nhỏ, cụ Điều hỏi:

- Sao bà không đem cháu đi nhà thương? Bệnh này chỉ có Tây y mới có phương pháp cứu vãn.

Ông Hàn trả lời thay bà Hàn:

- Chẳng nói giấu gì cụ. Mẹ cháu sinh cháu từ đêm hôm qua. Khi biết cháu có “dị tật” như vậy, ngay sáng sớm hôm sau, tôi đã cho xe chở cháu xuống nhà thương Thái-bình. Nhưng bất hạnh cho tôi là vào ngày Chủ nhật, nên Bác-sĩ về Hà-nội, không có ở đấy, mà các y tá thì nói không làm gì được, họ bảo phải đưa về nhà để chờ chết. Tôi rối trí quá, không biết làm sao. May bà nhà tôi mới nhớ đến cụ, thế là tôi cho người lên cầu cứu cụ ngay. Bây giờ chỉ còn có trông cậy vào cụ thôi. Xin cụ ra tay cứu giúp cho gia đình chúng tôi. Chúng tôi không dám quên ơn cụ.

Cụ Điều trả lời:

- Chỗ tôi với các cụ, quen biết nhau lâu năm, tôi không dám quản ngại gì. Nhưng có một điều là: sách vở thì có học thật đấy, nhưng thực hành thì chưa từng

bao giờ gặp. Trong suốt cuộc đời làm thuốc của tôi, trên 40 mươi năm nay, tôi chưa hề gặp trường hợp bệnh tật nào như thế này cả. Nhưng tôi xin tận lực. Nếu ơn trên thương, mà ban phúc cho thì không nói làm gì. Còn lỡ ra mà có mệnh hệ thế nào, thì gia đình cũng đừng phiền trách tôi.

Bà Thứ ôm con sụt sùi nước mắt nói:

- Chúng tôi không dám đâu, xin cụ cứ cứu cho.

Cụ Điều suy nghĩ một lát, rồi quyết định. Cụ bảo con người ta có số mạng cả, nếu trời cho mà số nó sống thì nó được cứu; còn nếu số nó bị chết thì cũng phải chịu thôi. “Sinh tử hữu mệnh” mà!

Cụ Điều lấy một miếng giấy bản, thấm nước rồi đặt lên trên “cửa mình” của đứa bé. Chừng mười lăm phút sau, thì ở giữa miếng giấy có một vết khô, như hình một lá tre nhỏ. Cụ nghĩ, theo sách dạy, thì cứ chỗ này mà mổ ra, thì đúng là “cửa mình” rồi đó. Cụ mở “tráp” lấy ra một con dao bằng bạc, và khử trùng bằng cách bỏ vào nồi nước sôi, rồi bắt đầu làm việc. Đứa bé chỉ còn như một tàu lá chuối héo trong tay bà mẹ. Cụ Điều bảo: Bế chặt lấy nó, và giữ hai chân đứa nhỏ giang ra, cho cụ làm phẫu thuật. Cụ Điều miêng lẩm nhẩm đọc kinh “cầu xin...” rồi cụ để lưỡi dao sắc bén vào giữa âm hộ đứa bé, rạch một đường dọc, theo dấu miếng giấy bản đã khô, tức thì đứa bé khóc thét lên một tiếng, đồng thời nước tiểu và máu trong người phụt mạnh ra, vào cả vai và tay áo cụ, chảy chừng một phút thì từ từ ngừng lại, chỉ còn rỉ máu ở vết thương. Cụ Điều lấy vải bông thấm khô, rồi rắc thuốc cầm máu vào. Cụ lấy một ít cao “sinh cơ” phết ra miếng giấy bản, rồi dán vào vết thương. Xong băng bó lại. Cụ mở hai chai thuốc ra, lấy mỗi

thứ mấy viên, gói riêng ra, rồi dặn ông Hàn:

- Gói này, có những viên lớn, là thuốc trấn thương, cứ mỗi hai giờ cho uống một viên, để giảm đau. Còn thứ viên nhỏ mà hồng hồng, là thuốc an thần, cũng độ hai giờ cho uống một viên, để cho nó ăn được, ngủ được.

Cụ dặn thêm:

- Thuốc viên khi cho uống phải ngâm vào nước lã đun sôi, để nguội. Khi mài thuốc vào bát sành, nhớ rửa tay sạch sẽ, không nhiễm trùng thì sinh bệnh thêm.

Ông Hàn đứng nghe, vâng vâng, dạ dạ luôn miệng, ông nói:

- Được rồi, cụ để tôi lo, tôi sẽ làm đúng theo lời cụ dặn. Thật tạ ơn Trời Phật đã thương gia đình tôi. Tôi xin hết lòng cảm ơn cụ.

- Chỗ tôi với cụ mà còn nói ơn nghĩa làm gì. Bây giờ kể như đã tạm yên rồi. Tôi xin phép về, mai tôi sẽ sang coi lại.

Nói xong cụ Điều từ giã ra về. Lần này cụ chịu lên cang nằm, để cho hai tên người nhà chạy băng băng qua cánh đồng, chỉ một lát là về tới nhà.

Phụ chạy lại nắm tay cụ Điều hỏi:

- Ông ơi? Đi vào lối này phải không? Hay đi thẳng nữa?

Nghe tiếng cháu hỏi, cụ Điều mới tỉnh trí, dẫn cháu vào con đường lát gạch, đi thẳng tới cổng nhà ông Hàn, vòng qua một bức tường xây thật cao, bên trên có hàng chông bằng mảnh chai. Cổng nhà ông Hàn làm theo lối “Thượng lâu, hạ các”, bên trên có mái ngói uốn cong bốn góc. Góc cổng có thể là một căn phòng nhỏ, làm chỗ cho vài người nằm ngủ ban đêm để coi nhà. Ngay giữa cổng là ba chữ Hán, viết theo lối đại tự “Thiếu Cao Đại”, làm bằng những mảnh bát, đĩa sứ ghép lại, trông rất mỹ thuật. Qua một

cái sân rộng, hai bên có hai dãy nhà gỗ lim, gối đầu với ngôi nhà xây hai tầng ở giữa, theo kiểu chữ Môn.

Bà Thứ thấy cụ Điều vào, liền chạy ra đón:

- Mời cụ lên trên gác, ông cháu ở trên đó.

Cụ Điều theo bà Thứ đi lên cầu thang ở đầu nhà, phía bên trái. Ông Hàn thấy cụ Điều lên, liền bước ra đón. Hai người ngồi ở bộ trường kỷ ngay bên giường ông Hàn nói chuyện. Căn nhà gác rộng, có nhiều cửa sổ quay ra hai mặt, rất sáng sủa. Mặt trước thì trông xuống sân, bà Hàn ngồi trên cái sập gụ kê sát cửa sổ. Ở đây, bà có thể nhìn xuống hai dãy nhà bên dưới, ai đi lại, hay làm gì cũng có thể biết hết. Phú theo bà Hàn ngồi ở góc sập. Nó nhìn lên khung cửa sổ thấy mấy con trâu, con ngựa bằng đất sét nung, tô màu để ở đó. Đúng là của cô bé này đây. Phú nhìn kỹ đến con bé đang nép mình trong lòng bà Hàn. Nó nghĩ thầm: "Người gì gần 6 tuổi mà bé tí tẹo! Trông chỉ bằng con nhà người ta 4 tuổi thôi". Cô bé mặc một bộ đồ lụa trắng, trông lại càng éo lá hơn nữa. Chỉ được cái nước da rất trắng.

Đứa con gái biết Phú đang xoi mói nhìn mình, nên ngẩng mặt lên nhìn Phú mỉm cười. Phú cũng cười lại. Bà Hàn đẩy con bé ngồi xuống sập, rồi ra giữa phòng, mở tủ lấy ra một hộp kẹo thiêu châu hãy còn nguyên xi. Bà mở hộp kẹo xếp ra hai đĩa, bung lại bàn chỗ cụ Điều một đĩa, còn một đĩa để ở giữa sập. Bà bảo:

- Hạnh, con mời anh ăn đi! Mẹ xuống nhà bảo chúng nó lấy nước.

Phú nhìn những miếng kẹo lạc mỏng như quân bài tổ tôm, trong như hổ phách, trên mỗi miếng kẹo lại có một cái hoa bằng bột màu xanh xanh, đỏ đỏ, trông rất đẹp

mắt và hấp dẫn. Thành bé mười tuổi chưa biết tán tỉnh đứa con gái sáu tuổi, nhưng nó biết lấy lòng bằng cách lấy một miếng kẹo có bông hoa đỏ lớn nhất, đưa cho con bé, nói:

- Cái hoa này đẹp lắm đấy, ăn đi!

Con bé cầm lấy miếng kẹo, bẻ ra một nửa ăn, còn một nửa đưa lại cho Phú. Cả hai đứa cùng mỉm cười. Thế là mối tình cảm của hai đứa trẻ bắt đầu từ miếng kẹo thiêu-châu nhỏ bé. Từ lúc đó quen rồi, cô bé bắt đầu nói riu rít.

Ở nhà ông bà Hàn cũng thường hay nói chuyện đến Phú. Ông nói cụ Điều có con một mà lại có cháu đàn. Thành Phú là cháu đích tôn của cụ Điều, mới lên mười, mà nghe nói chữ Hán nó viết đẹp lắm. Hạnh có hỏi lại cha: "Đích tôn là gì?" thì ông Hàn giải nghĩa cho nó: "Đích là dòng chính, tôn là cháu. Đích tôn là đứa cháu, thuộc dòng chính, lớn nhất. Trong gia đình có nhiều cháu, nhưng chỉ có một người cháu trai lớn nhất của người con trai trưởng, mới được gọi là "đích tôn". Ông còn nói thêm: "Thầy tướng bảo con sau này lấy chồng, phải lấy ngành trưởng mới được, vì con cao số lắm." Hạnh chỉ biết nghe. Hạnh kể như là một đứa con cầu tự, sống sót, nên gia đình nuông chiều, cả ngày chỉ quanh quẩn bên bà lớn, còn bà Thứ, người đã sinh ra Hạnh thì nó lại không thân thiết cho lắm.

Ông Hàn lấy bà cả đã trên ba chục năm, mà không có con, ông đã phải nuôi một người cháu họ làm con nuôi, để lập tự. Bà Hàn thương ông, nên đem người cháu gọi bà bằng cô họ, đến ghép cho chồng. Trước thì ông không chịu, nhưng nghe bà nói ra, nói vào mãi, hơn nữa những người trong nhà cũng khuyên ông nên lấy một người vợ thứ hai, may ra có con

nối dõi tông đường. Thế là mẹ của Hạnh làm vợ thứ ông Hàn, lúc đó mới có ngoài hai mươi tuổi. Lấy nhau được vài năm thì bà sinh ra Hạnh. Nhưng người ta bảo "Trời chẳng chiều lòng người". Ông Hàn là người rất phúc hậu, cư xử với mọi người rất tốt; không ý giàu có, quyền thế, mà hiếp đáp dân làng, vậy mà sinh được đứa con đầu lòng lại bất hạnh như thế. Cũng may mà nhờ được cụ Điều cao tay tế độ, nên đứa con mới sống sót. Ông nhớ hôm ăn đây tháng của Hạnh, có mời cụ Điều. Ông có nói: "Con bé này nhờ được ơn tái sinh của cụ, nên giờ tôi cho cụ đây. Tôi biết cụ có cả đàn cháu nội; thôi thì nói gần, nói xa, chẳng qua nói thật. Nếu mai này mà Trời Phật cho nó sống nên người, thì tôi cho nó làm dâu đích tôn cụ đây!"

Cụ Điều cảm động lắm. Cụ muốn từ chối, vì cụ nghĩ bụng: Mình nhận lời thì sợ người đời cho mình là chữa bệnh còn cầu lợi, ham hai chữ giàu sang; mà chối từ thì không biết nói làm sao, sợ phật lòng gia đình ông Hàn, nên đành im lặng. Bà Hàn ngồi ăn, cũng thêm vào:

- Ông nhà tôi đã mở lời như vậy, xin cụ đừng có từ chối. Ấu cũng là cái số trời đã định. Để ngày nào đẹp trời, cụ cho người đem sang mấy quả cau. Gọi là "bỏ chỗ" cho đúng với đất lề quê thói. Thế là gia đình chúng tôi yên lòng nuôi nấng cháu cho cụ đến ngày trưởng thành.

Bà Thứ thì nói:

- Có điều cụ phải săn sóc sức khoẻ cho cháu cụ, chú cháu hãy còn yếu lắm. Ăn rất ít, mà lại chẳng biết ăn thịt, ăn cá gì cả. Quanh quẩn chỉ có rau cỏ, hay trái cây, đến con tôm, con tép là cùng. Giò chả cũng chỉ ăn đá thảo thôi. Mà ăn rất chậm, bữa cơm phải có người cho ăn, mất cả tiếng

đồng hồ mới xong một bát cơm.

Cuộc hứa hôn kể như là êm thấm. Trong gia đình hai bên đều không có ai phản đối gì cả. Duy có cha của Phú là e ngại về “dị tật” của Hạnh. Đứa con dâu tương lai của ông, không biết sau này có sinh đẻ như một người bình thường không? Ông muốn vin có ấy để từ chối việc hôn nhân này nhưng lại không dám vì ông vốn là người con chí hiếu, trong gia đình nhất nhất đều vâng theo ý cụ Điều cả. Và lại càng ngày ông càng nhận thấy Hạnh phát triển, nẩy nở ra, ông cũng mừng.

Hai gia đình vẫn giữ gìn mối giao hảo mật thiết. Phú và Hạnh như cái gạch nối giữa hai bên. Những ngày tư, ngày tết, hay lễ lạy, cứ hễ có dịp là hai bên lại trao đổi quà cáp, hoặc là Phú xuống nhà ông Hàn, hoặc là Hạnh lên nhà Phú. Lâu ngày thành thói quen và tục lệ, nên không còn thấy ngại ngùng bỡ ngỡ gì cả. Khi Hạnh mười lăm tuổi, trông càng đẹp ra. Rõ ràng là một cô gái dậy thì, nước da trắng muốt, hai má lúm đồng tiền, mắt long lanh sáng ngời, mái tóc đen và dài tha thướt ngang lưng.

Phú nhiều lúc nghĩ thầm: Hạnh đẹp như vậy, không biết so sánh với ai cho đúng. Ở làng thì dĩ nhiên là không có cô nào đẹp, chẳng nói làm gì. Nhưng trong đám học sinh ở tỉnh, trường công cũng như trường tư, mình cũng chưa thấy cô nào ăn đứt được Hạnh. Thịnh con bà Điều thì có đẹp, nhưng phải cái nét hơi kiêu sa một tí. Còn Thọ con bà Phú-Hoà thì có nét đẹp của cô gái lai Trung-hoa, khuôn mặt hơi nặng nề. Hai cô này được bọn học trò con trai gọi là hoa hậu của đất Thái-bình. Chúng kháo nhau: “Người đẹp thì có hai Tê. Học sinh Thái lộ chẳng chê cô nào.”

Ngày ông Hàn bệnh, cụ Điều có đến thăm, và hai người đã đem cuộc hôn nhân này ra thảo luận. Nhưng phiền một nỗi là Hạnh chưa đủ mười tám tuổi tây, đủ ngày đủ tháng, để kết hôn theo luật của đạo Công giáo, nên phải chờ đến cuối năm, mới tổ chức đám cưới được. Cụ Điều thầm nghĩ: Như vậy thì ít nhất mình phải chờ ba năm nữa, mình mới có cháu tứ đại. Một điều mà cụ hằng mong ước. Vì vậy mà đầu năm đó, hai nhà chỉ tổ chức lễ hỏi thật linh đình. Từ đây, kể như hai đảng đã chính thức là thông gia với nhau; công khai giới thiệu Hạnh và Phú với thân bằng, quyến thuộc.

Hạnh hỏi bà Hàn:

- Thế là từ nay con phải đeo gông rồi. Có phải không, mẹ?

- Thế con có điều gì không bằng lòng, con cứ nói ra, mẹ sẽ nói với thầy con cho.

- Không, con chẳng có ý kiến, hay thắc mắc gì. Cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy, hơn nữa thầy cũng bảo: Phú rất xứng đôi vừa lứa với con. Thế nên con chẳng dám kén cá chọn canh đâu!

- Con bé này học ở đâu, mà đạo này ăn nói chững chạc thế? Có điều từ nay con phải gọi cụ Điều bằng ông, và ông bà Thông Chánh bằng thầy, mẹ. Tập mà làm dâu cho nó quen đi, không người ta cười chết.

Suốt mấy ngày trời, Phú đóng cửa phòng rồi ở lì trong đó, như một kẻ mất hồn, bữa ăn cũng không thèm xuống ăn. Ông bà Chánh thấy con như vậy rất thương, nhưng không biết làm cách nào để khuyên giải cho được. Cái tin Hạnh vĩnh viễn ra đi, thật bằng sét đánh ngang tai Phú! Tuy là người cương nghị, biết tự chế; nhưng lòng thương cảm, nỗi đau buồn, cứ làm nước

mắt anh tuôn trào ra. Không tin vào số mạng cũng không được.

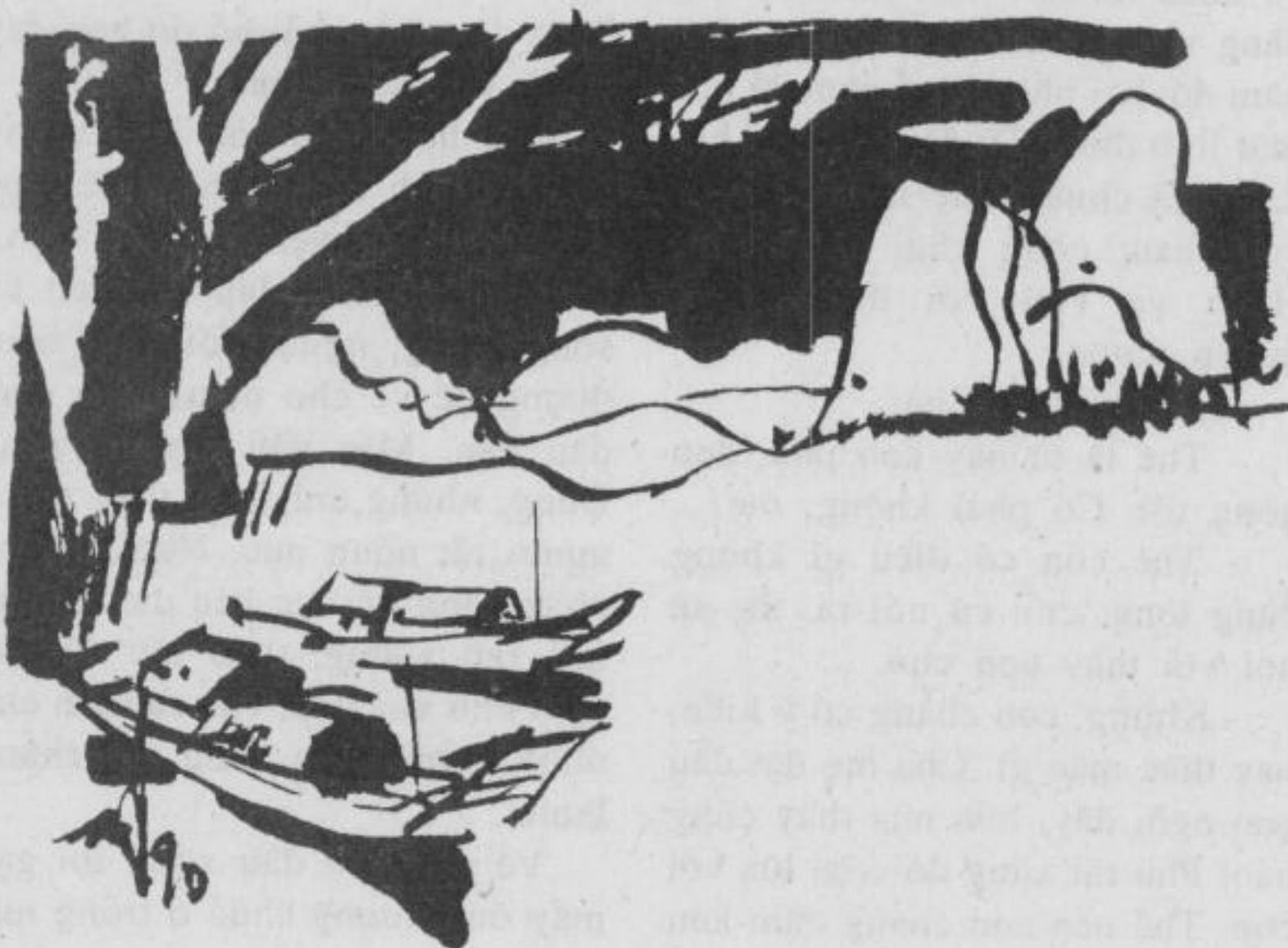
Phú đang tham dự khóa học tại một ngôi đình ở vùng Hải-dương. Khóa học kéo dài bốn tuần lễ, nhưng anh mới học được có hơn một tuần. Tự nhiên đêm hôm đó Phú không sao ngủ được, cứ rạo rức suốt đêm, ruột gan nóng như lửa. Anh có cảm tưởng như có một tai biến gì sắp xảy đến, trong người tự nhiên như lên cơn sốt. Sáng dậy anh phải bỏ dở học, lấy cớ là về chữa bệnh.

Đeo ba-lô lên vai, anh dắt xe đạp ra cánh đồng. Đám sương lẽ theo lối cũ, qua huyện Quỳnh-côi về nhà, thì Phú lại đạp xe theo bờ sông Hồng, ngược lối đồ Triều-dương để về cho mau. Anh cầm đầu đạp. Mặc đầu trời đã sang Đông, nhưng anh cảm thấy trong người rất nóng nực. Những hàng nhãn xanh um hai bên đường như ngã rạp xuống, theo tốc độ của anh. Phú vừa đạp, vừa cầu xin cho mình đừng gặp điều gì chẳng lành...

Về gần đến đầu xóm, thì gặp mấy ông hương chức ở trong nhà đi ra. Họ nói nghe tin gia đình Phú có tin buồn, nên họ đến thăm và chia buồn. Thật là “tai trời, ách nước”. Trong năm nay đã xảy đến cho Phú biết bao nhiêu biến cố, đau thương. Nào là ông Hàn ra đi, nào là lụt lội, rồi thời khí và đói kém. Những tai ương như thủy, hỏa, đạo, tặc, thì con người còn chống đỡ, phòng ngừa được, chớ còn dịch tễ thì không chữa ai. Giàu cũng như nghèo, sang cũng như hèn, đều như nhau hết. Hạnh của Phú cũng chung số phận ấy. Suốt ba ngày trên giường bệnh, đến lúc hấp hối, Hạnh chỉ ước mong gặp mặt Phú một lần mà không được. Càng nghĩ, nước mắt Phú lại tuôn trào. Anh nằm vật xuống giường than thở: “Âu cũng là số mạng!” ●

xóm cũ

LTS: Để gợi lại, chia-sẻ và giữ-gìn những kỷ-niệm của đời người bên cạnh nét đẹp quê-hương, tòa-soạn mở mục "Xóm cũ" để chào-đón các bài viết về phong-thổ, tập-quán, con người, đặc-tính địa-phương... Hãy ghi chép lại trước khi kỷ-niệm chìm sâu. Hãy phơi trải, trước khi lớp bụi thời-gian phủ mờ ký-ức. Viết về một lượm lúa, một cánh vạc, một câu hò, một ngôi miếu, một cảnh chùa, một dòng sông, một trái núi, một bờ kênh... nơi bạn đã ra đời, lớn lên hay thắt chặt một mối tình đầm-thắm. Hãy sót chia, để được gìn-giữ. Hãy cho, và hãy nhận...



Công Trình Đào Kinh Vĩnh Tế

Huy Vũ

Kinh Vĩnh Tế được coi là một công trình nhân tạo vĩ đại nhất của dân ta vào đầu thế kỷ thứ 19. Kinh có chiều rộng là 30m, sâu 2,4m và dài khoảng 100km. Tổng số dân binh sử dụng vào việc đào

kinh có lúc lên tới trên 80 ngàn người, và kéo dài ròng rã gần 5 năm trời mới xong. Khi kinh được hoàn tất, từ vua quan đến dân chúng đều lấy làm phấn khởi và tự hào. Vua Minh Mạng, khi đức

9 chiếc đỉnh đồng lớn làm quốc bảo, có tên là Huyền, Tuyên, Nghị, Chương, Cao, Nhơn, Anh, Thuần, Du để chưng bày ở đường vào Thế Miếu, cũng đã cho lệnh khắc hình kinh Vĩnh Tế vào hông chiếc Cao đỉnh. Còn niềm tự hào của dân chúng được thể hiện qua câu tục ngữ: "Mắm Châu Đốc, dốc Nam Vang, bờ Châu Giang, kinh Vĩnh Tế." Sự vui mừng còn được thể hiện trong những câu hò đối đáp giữa trai gái trong vùng, vào những đêm trăng bên bờ kinh, hay trên dòng sông Hậu.

Hồ ơ ơ ..

Đường từ Châu dốc Hà tiên

Đường nào chạy thẳng nối liền hai nơi.

Đất nào lắm dốc nhiều đồi?

Đền nào cao nhất mọi người đều nghe?

.....

Anh mà đối dặng má đào em xin trao ơ.

Hồ ơ ơ ..

Đường từ Châu dốc Hà tiên

Có kinh Vĩnh Tế nối liền hai nơi

Đất Nam Vang lắm dốc nhiều đồi

Đền cao Châu Đốc mọi người đều nghe

.....

Anh dà đối dặng, má đào em trao đây ơ.

Câu tục ngữ và câu hò trên đây có lẽ muốn nhắc nhở chúng ta đến công lao của cha ông ta trong việc thực thi một công trình to lớn gần 200 năm về trước, công trình đào kinh Vĩnh tế.

Ý định đào kinh Vĩnh Tế có từ lúc nào?

Vào tháng Giêng năm Bính Tí (1816), Trấn Thủ Vĩnh Thanh là Lưu Phước Tường được lệnh của vua Gia Long (1802-1820), bắt 3000 dân làm sưu, để đắp thành Châu Đốc. Nay là thị xã Châu Đốc, và nơi đây hiện vẫn còn một vài dấu tích của ngôi thành này. Khi công việc hoàn tất, được tâu

trình lên vua. Nhân lúc xem xét tờ tấu trình có bản đồ kèm theo, vua Gia Long mới nói với các quan trong triều rằng: “Xứ này (Châu Đốc) nếu mở đường thủy thông với Hà Tiên thì hai đảng nông, thương đều có lợi. Trong tương lai dân đến ở càng đông, đất mở càng rộng, sẽ thành một trấn to vậy.”

Như vậy ý định đào kinh Vĩnh Tế bắt đầu được hình thành vào thời gian này. Lúc ấy, Vua Gia Long muốn thực hiện ngay ý định của mình, nhưng các quan trong triều đã tấu trình với nhà vua đại ý rằng: Con sông mà nhà vua dự định đào, chạy dọc theo biên giới giữa nước ta và Chân Lạp, nên có lợi ích cho cả hai bên. Do đó cần có sự đóng góp thêm nhân lực của nước này. Nhưng việc đòi hỏi sự đóng góp ấy vào lúc này có thể gặp khó khăn, vì vua Chân Lạp là Nặc Ông Chân vừa bị các em mang quân Xiêm (Thái Lan) về cướp ngôi, và nhà vua mới giúp ông ấy trở về nước lấy lại ngôi vị, nên tình hình nội bộ nước này chưa được ổn định. Mặt khác, việc đặt chế độ bảo hộ trên đất nước này của ta, mới được hình thành, nên quân dân nước Chân Lạp chưa thật sự thần phục nước ta. Đề nghị này được nhà vua chấp thuận.

Đến tháng sáu năm Đinh Sửu (1817), vua Chân Lạp là Nặc Ông-Chân đưa thư cho Tổng Trấn Gia Định, ngỏ ý muốn đến đây để bàn thảo về chính sự. Quyền Tổng Trấn Gia Định lúc bấy giờ là Nguyễn Văn Tuyên (Lê Văn Duyệt được triệu về kinh) mới tâu trình việc này cho triều đình. Nhân dịp này vua Gia Long đã chỉ thị cho Quyền Tổng Trấn Gia Định về những vấn đề cần đem ra bàn thảo với vua Cao Miên. Một trong những vấn đề này là việc đào kinh Vĩnh Tế, và nhà vua đã

nói rõ: “Nếu Phiên Vương đến thành Gia Định, người đem điều ích lợi về việc đào sông Châu Đốc mà hiểu dụ nó, khiến nó phải dự liệu trước. Hễ khi chiếu văn đến thì bắt dân, quân đào ngay cho chóng xong.”

Khoảng cuối năm Đinh Sửu (1817) lại có một sứ giả Chân Lạp sang châu, vua Gia Long cũng đã nói với sứ giả này rằng: “Trẫm sắp đào sông Châu Đốc thông tới Hà Tiên. Đó là lợi chung cho nước người và cũng lợi chung cho việc canh nông và thương mại nữa. Người nên nói lại với vua người phải hiểu ý ấy của trẫm.”

Đến năm Mậu Dần (1918), lại có một sứ giả khác của Chân Lạp tên là Đồng Phò, sang châu, vua Gia Long lại một lần nữa hỏi sứ giả này về ý kiến của vua Chân Lạp trong việc đào sông Châu Đốc Hà Tiên. Đồng Phò đã tâu trình rằng: “Nếu đào được sông đó thì thật ích lợi cho dân Chân Lạp. Vua nước tôi cũng muốn mà không dám xin.”

Như vậy, ý định đào kinh Châu Đốc là sáng kiến của vua Gia Long và có thể được nảy sinh vào cuối năm 1816 và được nuôi dưỡng liên tục vào những năm sau đó.

Việc đào kinh được khởi công vào năm nào?

Khi thấy người Chân Lạp đã chịu hợp tác, nên vào tháng chín năm Kỷ Mão (1819) vua Gia Long mới chính thức ra lệnh cho Gia Định Thành xúc tiến việc đào kinh này. Vào lúc ấy, thấy Nguyễn Văn Thoại là người vừa điều động việc đào kinh Đông Xuyên, tức kinh Thoại Hà, ăn thông từ Long Xuyên qua Rạch Giá, đã được hoàn tất một cách tốt đẹp, lại đang đảm nhiệm chức vụ Trấn Thủ Vĩnh Thanh, kiêm nhiệm chức Bảo Hộ Chân Lạp, nên triều

đình đã giao cho ông trông nom công việc đào kinh này.

Vì phải chuẩn bị nhân, tài, vật, lực nên đến ngày Rằm tháng Chạp năm Kỷ Mão, kinh mới được khởi công. Như thế kinh Vĩnh Tế được khởi công vào đầu năm dương lịch, 1820, chứ không phải vào cuối năm 1819. Vì Rằm tháng Chạp Âm Lịch (Kỷ Mão) chắc chắn đã bước vào đầu năm 1820 rồi.

Đào kinh Vĩnh Tế nặng nhọc như thế nào?

Kinh bắt đầu từ hữu ngạn của một nhánh sông Hậu, chạy theo hướng tây nam, song song và cách đường biên giới Việt - Miên và cách đường biên này độ một cây số, rồi nhập vào Giang Thành, chảy ra cửa biển Hà Tiên. Vào thời gian đào, kinh nằm trong lãnh thổ trấn Vĩnh Thanh, và là một giải đất hoang vu đầy lau, sậy, đưng, chàm, rần và thú dữ. Trong thời gian từ 1965 đến 1975, kinh hoàn toàn nằm trong lãnh thổ tỉnh Châu Đốc và chạy qua các xã Châu Phú, Vĩnh Ngươn, Vĩnh Tế (quận Châu Phú) Nhơn Hưng, An Phú, Vĩnh Gia, Vĩnh Điều, Tân Khánh Hòa (quận Tịnh Biên). Hiện nay, tỉnh Châu Đốc không còn nữa, nên phần lớn kinh thuộc lãnh thổ tỉnh An Giang, và một phần nhỏ, cũng là phần cuối của kinh thuộc tỉnh Kiên Giang.

Có nhiều con số khác nhau về chiều dài của kinh Vĩnh Tế. Trong cuốn *Thoại Ngọc Hầu và Những Cuộc Khai Phá Miền Hậu Giang* của cụ Nguyễn Văn Hầu, trang 209, ghi là: “Từ vàm kinh ở bờ Hậu Giang (Châu Đốc) thẳng đến cửa Giang Thành (Hà Tiên), dài 98.300 thước”. Theo nhà văn quá cố Nguyễn Văn Ba trong *Làng Văn* số 102, kinh có chiều dài 72 km, chạy dọc theo

biên giới Cao Miên từ sông Hậu đến cửa Giang Thành Hà Tiên. Nếu tính theo bản đồ quân sự tỷ lệ 1/100.000, cứ mỗi cạnh của một ô vuông trên bản đồ là 1 centimètre, thì ngoài địa thế là một cây số, ta thấy kinh có chiều dài xấp xỉ 100 km. Còn chiều rộng và sâu của kinh, một tài liệu bằng Hán Văn của Trịnh Hoài Đức, nói rõ là “hoành thập ngũ tầm, thâm lục xích”. Một tầm là 5 thước ta, và một thước ta bằng 0,4 thước tây (mètre). Như vậy, tính theo thước tây, kinh có chiều rộng là: 15 tầm x 5 thước ta x 0,4 mét = 30m, và chiều sâu là: 6 thước ta x 0,4 mét = 2,4 mét. Con số này còn khá đúng với thực tế vào thập niên 1960. Riêng về chiều sâu, có lẽ vào thời gian đào kinh, người ta chưa biết tính độ sâu theo mực nước biển, mà chỉ căn cứ vào mặt bằng của thể đất ngay tại chỗ đào. Do đó đáy kinh đã không cùng nằm trên một mặt phẳng nằm ngang, nên đến mùa nắng có một vài đoạn bị cạn hoặc chỉ còn xấp xỉ nước, trong khi đó lại có những đoạn khác mực nước còn tương đối sâu.

Nếu bề ngang của mặt kinh là 30m, thì bề ngang của đáy kinh ít nhất cũng phải là 28m. Như thế cứ mỗi thước tới, người ta phải đào xới, rồi lấy đi khoảng 70m³ đất (29m x 2,4m = 69.6m³). Giả thử, trong suốt chiều dài 100 cây số của con kinh, không có chỗ nào được miễn đào, thì khối lượng đất phải đào, và phải gánh vác bằng sức người ra khỏi lòng kinh, và cách xa mép kinh ít nhất một mét để đắp lộ, lên tới khoảng 7.000.000m³. Tuy nhiên, khối lượng đất đá phải đào và lấy đi chỉ vào khoảng 5 triệu mét khối, vì có nhiều đoạn không phải đào xới gì cả. Như đoạn đầu của kinh là một đoạn hào dài hơn 1 km của thành Châu Đốc; đoạn cuối là một

khúc sông khá dài thuộc Giang Thành; và một vài đoạn khác thuộc xã Vĩnh Gia, Vĩnh Điều và Tân Khánh Hoà là vùng sinh lầy khá trũng. Song lại có một đoạn khá dài dưới chân núi Phú Cường, dưới lớp đất mỏng, lại toàn là đá cứng.

Việc đào lên và lấy đi một khối lượng đất 5 triệu mét khối, bằng cuộc xẻng và tay chân, trong một vùng đất hoang vu đầy đá, vát, muỗi, rắn độc, thú dữ ... dưới nắng gay gắt như thiêu như đốt, tất nhiên là một việc vô cùng cực nhọc và vất vả đối với cha ông ta ngày xưa. Có người đã ví von việc đào kinh Vĩnh Tế vào thời Gia Long và Minh Mạng ở nước ta, tính theo tỷ lệ dân số, có lẽ cũng không thua kém gì việc xây đắp Vạn Lý Trường Thành ở Trung Quốc dưới thời Tần Thủy Hoàng.

Dường như đã tiên liệu được sự cực nhọc và khó khăn trong việc đào kinh này, nên trước khi khởi công, vua Gia Long cũng đã gửi lời phủ dụ dân chúng rằng: “Công trình đào kinh này rất khó khăn, nhưng kể giữ nước và cách biên phòng quan hệ chẳng nhỏ, chúng người tuy rằng ngày nay chịu cực, nhưng mà ích lợi muôn đời về sau. Vậy dân chúng cần bảo cho nhau biết, đừng nên sợ nhọc.”

Kinh được khởi công vào đầu năm 1820, đến cuối năm ấy vua Gia Long băng hà. Vua cha mới mất, lại vừa mới lên ngôi, nên cũng muốn nhân dịp này ban bố một chút ân đức cho dân chúng, nên Minh Mạng đã cho lệnh tạm ngưng việc đào kinh. Đến năm 1822, khi công việc tang chế đã tạm xong, và các công việc cần thiết khác, trong và ngoài triều đình của một vị tân vương đã tạm ổn định, vua Minh Mạng lại cho lệnh tái khởi công. Đồng thời nhà vua cũng ra chỉ dụ cho dân chúng

là: “Đường sông Châu Đốc Hà Tiên liền với tân cương (biên giới mới), ghe, thuyền qua lại đều tiện lợi. Đức Hoàng Khảo Cao Hoàng Đế ta mưu sâu, chú ý việc ngoài biên cương. Công việc đào kinh mới bắt đầu chưa xong. Nay ta theo chí tiên hoàng, cố nghĩ cách khó nhọc một lần mà được thông thả lâu dài về sau.”

Vào dịp này, vua Minh Mạng cũng đã ra lệnh cho tổng trấn Gia Định là Lê Văn Duyệt bổ sung nhân lực cho Trấn Thủ Vĩnh Thanh trong việc đào kinh. Và cũng vào dịp này dân phu và binh lính ở các vùng và các đồn như Uy Viễn, Vĩnh Thanh, Định Tường, Bến Tre, và cả dân binh người Chân Lạp nữa, đều được huy động vào việc đào kinh. Tổng số dân binh người Việt lên tới gần 40.000 người. Dân binh người Chân Lạp gần 20.000 người do Bát Điều Nguyễn Văn Tồn điều khiển. Sở dĩ được giao cho việc chỉ huy lực lượng này, vì Nguyễn Văn Tồn nguyên là người Việt gốc Miên và tên là Duồn.

Trong thời gian đào kinh, mỗi người dân bị bắt làm sưu, hàng tháng được lãnh 6 quan tiền và một vuông gạo. Ban ngày nắng cháy da người, nên việc đào kinh thường bắt đầu vào buổi chiều khi nắng đã nhạt, và kéo dài đến đêm khuya hay gần sáng mới trở về nghỉ ngơi. Vì phải đào xới và khuôn vác vào đêm tối, nên người ta phải đốt đuốc để soi sáng. Để một bó đuốc có thể soi sáng được một phạm vi rộng lớn hơn, người ta dùng những cây sào dài, ngọn cắm vào bó đuốc, gốc cắm xuống mặt đất, để nâng bó đuốc lên cao. Những bó đuốc như thế, vào thời gian ấy, được gọi là những cây “sào lửa”, và đó là căn nguyên của sự tích: “Đèn nào cao cho bằng đèn Châu Đốc.”

Thời gian đào kinh kéo dài

ròng rã gần 5 năm trời. Vì công việc quá nặng nhọc, lại thêm thời tiết khắc nghiệt, nên dân phu ngã bệnh rất nhiều. Nước không đủ uống, còn nói chi đến thuốc men, nên số người chết vì bệnh hoạn không ít. Mặt khác vì muốn đào cho mau xong, nên các viên chức điều hành đã thúc bách dân phu đào thâu đêm, làm họ quá mệt mỏi, nên nhiều tai nạn đã xảy ra, như cuộc trúng đầu, ngã gập té vào lưỡi cuốc và lưỡi xuống của những người khác đang đào v.v.. Ở những chỗ toàn sỏi đá, dân phu phải dùng chày vồ đóng vào xuống sát đáy cho ngập sâu xuống lớp đá sỏi, rồi nạy lên, nên lại có những tai nạn khủng khiếp như đập chày vồ trúng đầu nhau nữa. Những tai nạn này khiến nhiều dân phu bị chết hoặc thương tật. Một số đông khác, vì mất ngủ lâu ngày, thường chui vào bờ vào bụi ngủ gờ gạc, nên bị cọp bắt đi ăn thịt, hoặc bị rắn độc lúc nhúc trong các hang hốc quanh đó cắn chết vô số nữa. Dù chết dưới hình thức nào, xác của họ cũng chỉ được "vùi nông một nắm" rải rác suốt chiều dài gần 100 cây số hai bên bờ kinh. Nên sau khi kinh hoàn tất, Bảo Hộ Thoại đã phải tổ chức tìm kiếm và đào bới những mồ vô chủ này, đem cải táng tập trung tại một khu đất nhỏ ở núi Sam được gọi là Nghĩa Trùng.

Ngoài ra, dân phu vì bị thúc ép làm việc khổ sai, nên bỏ trốn khá đông. Nếu không may bị lính bắt được, chẳng những bị phạt đòn, phạt tù, mà còn bị buộc phải làm việc nặng nhọc gấp bội nữa. Né tránh những lối đi có trạm dịch, có lính canh, để không bị bắt bớ lôi thôi, có thể bị lạc vào rừng sâu, không tìm được lối ra, rồi bị chết dần mòn trong đó. May mắn thoát khỏi hai cửa ải kể trên, cũng chưa hoàn toàn yên tâm

được về với gia đình, vì còn cửa ải thứ ba vô cùng nguy hiểm nữa là Vàm Nao. Đó là một khúc sông vừa rộng vừa sâu, nối liền Tiền Giang với Hậu Giang, thường có gió to, sóng lớn, lại có nhiều cá mập trú ngụ, nên không có những trạm kiểm soát. Vào thời gian đào kinh, vì dân cư trong vùng Long Xuyên, Châu Đốc còn quá thưa thớt, dân phu bị bắt đến đào kinh, phần lớn thuộc vùng Sa Đéc, Vĩnh Long, nên Vàm Nao là lối tắt thuận tiện nhất trên đường tìm về quê quán. Để tránh tai mắt của nhà cầm quyền, dân phu trốn chạy thường phải vượt khúc sông này vào ban đêm. Vì không tìm đâu ra ghe xuồng, nên những kẻ trốn tránh chạy phải dùng thân cây chuối làm phao, và rủ nhau thật đông cùng nhảy ào xuống khúc sông này một lượt, hy vọng với số đông có thể áp đảo hoặc làm cho cá mập hoảng sợ mà bỏ chạy. Tuy thế, cứ mười người vượt Vàm Nao, thì có tới 4 hay 5 bị cá mập ăn thịt hay bị chết đuối vì gió to sóng lớn.

Nói chung là dân phu phải chịu đựng trăm bề cực khổ. Một đoạn về đào kinh sau đây, đã có thể nói lên được phần nào nỗi cực khổ ấy.

... ..

Chia ba người một thước

Đào sâu xuống nước

Hai thước sáu ba

Bề ngang đào qua

Là sáu thước chẵn

Việc mần mệt nặng

Kể cuộc người rình

Chừa hai bênh kinh

Đắp hai đường lộ

Việc mần cực khổ

Mệt đổ hết hơi

Không dám nghỉ ngơi

Cực đà quá cực

Phần thời nắng nực

Lại không nước uống...

Thời gian cực khổ như thế,

kéo dài từ đầu năm 1920 mãi đến giữa năm 1824 mới chấm dứt, và đó cũng là lúc kinh được hoàn tất.

Tại sao kinh lại có tên là Vĩnh Tế ?

Trong chỉ dụ cho Tổng Trấn Gia Định vào tháng 6 năm Đinh Sửu (1817) vua Gia Long đã viết: "Nếu Phiên Vương đến thành Gia Định, người nên đem điều ích lợi về việc đào sông Châu Đốc mà hiểu dụ nó".

Rồi cũng trong năm đó, một sứ giả của Chân Lạp sang châu, vua Gia Long cũng nói cho sứ giả này hay rằng: "Trẫm sắp đào sông Châu Đốc thông với Hà Tiên.." Như thế vào lúc khởi xướng kinh này có tên là Sông Châu Đốc, và tên này được dùng trong suốt thời gian đào, mãi cho đến khi hoàn tất.

Trong bia Vĩnh Tế Sơn, dựng vào tháng 9 năm Minh Mạng thứ 9, tức năm 1828 (4 năm sau khi kinh hoàn tất), Thoại Ngọc Hầu có đề cập đến nguyên do tại sao núi Sam lại có tên là núi Vĩnh Tế như sau: "Thần vẽ họa đồ dâng lên, ngưỡng mong vua soi xét. Năm trước đây thần phụng mạng đào kinh Đông Xuyên, vua đã lấy danh tước thần nêu bên bờ kinh núi Sập, đặt là núi Thoại. Đến nay hoàng ân lại xét đến lòng thần, cho là biết tề gia hợp hoà khí, lại hạ cố tới vợ thần là Châu Thị Tế, rằng có đức dày trong đường lễ giáo, nên xuống lệnh ban cho tên núi Sam là núi Vĩnh Tế."

Dường như theo thông lệ của triều đình, mỗi khi một công trình to lớn nào đó được hoàn tất, nhà vua thường sắc chỉ cho địa phương dựng bia để ghi công. Khi kinh Đông Xuyên dưới chân núi Sập được hoàn tất, một tấm bia đá cũng đã được dựng bên bờ kinh để đánh dấu và ghi công cho người trực tiếp thực thi công trình

này là Nguyễn Văn Thoại. Do đó núi Sập được gọi là Thoại Sơn, và kinh Đông Xuyên dưới chân núi này được gọi là Thoại Hà.

Thông lệ này một lần nữa lại được đem áp dụng cho núi Sam và sông Châu Đốc. Song ở đây có điều hơi khó xử là, tên của người lãnh trách nhiệm đào kinh đã được dùng cho kinh Đông Xuyên và núi Sập rồi, không lẽ lại lặp một lần nữa cho một ngọn núi và một con kinh khác cách đây không bao xa. Do đó vua Minh Mạng đã dùng tên bà phu nhân của Thoại Ngọc Hầu đặt cho tên núi và tên kinh, vì nhà vua được biết bà là một phụ nữ đảm đang và đức độ đã giúp chồng trong công việc tiếp tế lương thực và nước uống, cũng như thăm viếng và an ủi dân binh trong thời gian đào kinh khó nhọc.

Việc dùng tên phu nhân của Thoại Ngọc Hầu đặt tên cho kinh quả đã rõ ràng, mà không cần phải bàn cãi thêm gì nữa. Nhưng ở đây có một điều, khiến cho một vài người khó tính thắc mắc là tại sao lại là Vĩnh Tế, mà không là Thị Tế hay Châu Thị Tế?

Trong *Danh Thắng Miền Nam*, nhà văn Sơn Nam cho biết là, Vĩnh-Tế là tên của bà Châu Thị Vĩnh-Tế, vợ Thoại Ngọc Hầu. Và sở dĩ lấy tên riêng của bà đặt tên cho kinh, vì bà đã giúp chồng đắc lực trong việc tổ chức hậu cần. Nói như Sơn Nam, có thể là hơi võ đoán chăng? Vì ngay Thoại Ngọc Hầu, trong bia Vĩnh Tế Sơn cũng đã nói rõ là tên vợ ông ta là Châu Thị Tế. Lại nữa, vào thời bấy giờ dường như trong giới nữ lưu ở nước ta đều mang tên gồm 3 chữ hợp lại. Khởi đầu là họ, ở giữa là Thị, rồi đến tên riêng, nên tên của Thoại Ngọc Hầu phu nhân không thể là Châu Thị Vĩnh Tế được.

Theo một số tài liệu khác, thì

bà vợ của Thoại Ngọc Hầu là con của ông Châu Vĩnh Huy, người làng Thanh Bình, xã Quới Thiện huyện Vĩnh Trị, tỉnh Vĩnh Long. Tất cả những người đàn ông của dòng họ Châu này, đều có tên đệm là Vĩnh. Nói khác đi đây là dòng họ Châu-Vĩnh. Vào thời gian ấy việc nữ giới mang tên 4 chữ chưa được phổ thông, nên tên chính thức của bà là Châu Thị Tế. Song vì bà xuất thân từ dòng họ Châu-Vĩnh, nên tên riêng không chính thức của bà còn được gọi là Vĩnh Tế. Có lẽ vì hiểu được gốc gác của bà tường tận như thế, nên vua Minh Mạng đã lấy hai chữ Vĩnh Tế đặt tên sông Châu Đốc là Vĩnh Tế Hà và núi Sam là Vĩnh Tế Sơn.

Ích lợi thực sự của kinh Vĩnh Tế như thế nào?

Ngay từ khi kinh được dự định đào, vua Gia Long đã nói với các quan trong triều là: “Xứ này nếu mở đường thủy thông với Hà Tiên thì hai đảng Nông Thương đều có lợi”. Rồi đến khi khởi công, vua Gia Long, lại một lần nữa, chỉ dụ rằng: “Công trình đào sông này rất là khó khăn, nhưng kể giữ nước và cách biên phòng quan hệ chẳng nhỏ, chúng người tuy rằng ngày nay khó nhọc, nhưng mà ích lợi cho muôn đời về sau.”

Như vậy, theo triều đình nhà Nguyễn, kinh Vĩnh Tế sẽ mang lại 3 lợi ích, nông nghiệp, thương mại và quốc phòng. Song trong thực tế có lẽ kinh này đã không mang lại được những lợi ích to lớn như vua Gia Long mong đợi.

Về nông nghiệp, kinh Vĩnh Tế bắt đầu từ một nhánh sông của Hậu Giang, chạy xuyên qua một vùng đồi núi, cắt vùng Thất Sơn ở Châu Đốc ra khỏi những dãy núi trùng điệp vốn là anh em của chúng trên đất Chân Lạp, nên cánh đồng mà kinh có thể mang

nước ngọt tới để rửa phèn hay để tưới bón không được rộng lớn lắm. Phần cuối lại là vùng đất trũng ăn thông ra biển Hà Tiên, nên không mấy thuận lợi trong việc phát triển nông nghiệp. Cho tới năm 1975, vùng này vẫn còn là rừng chàm, và là nơi trú ẩn của du kích và bộ đội địa phương tỉnh Long Châu Hà. Để có thể rửa phèn cho một vùng đất rộng lớn nằm ở phía nam kinh Vĩnh Tế, vào những năm đầu của thế kỷ 19, người ta đã phải đào tới 3 con kinh khác nhau, chạy song song với kinh Vĩnh Tế. Đó là kinh Đào, kinh xáng Vĩnh Tre, và kinh xáng Cây Dương.

Về thương buôn, kinh Vĩnh Tế cũng không mang lại được nhiều lợi ích đáng kể. Nói đến vấn đề thương buôn, tức là nói đến sản phẩm, phân phối và tiêu thụ. Khi kinh mới đào xong, chắc chắn cả chục năm sau mới có người lác đác đến lập nghiệp. Cho tới thời gian 1965-1975, khi tỉnh Châu Đốc được tái lập và tồn tại, ngoại trừ phần đất thuộc xã Châu Phú và Vĩnh Ngươn, thuộc quận Châu Phú, và xã An Phú, tức quận lỵ Tịnh Biên, dân cư hai bên bờ kinh còn tương đối đông đảo. Phần còn lại, kéo dài khoảng 80 cây số, dân cư quá thưa thớt, nên mức độ sản xuất và tiêu thụ rất thấp. Do đó người ta chỉ thấy được qua lại rất thưa thớt trên mặt kinh những ghe xuồng nhỏ chuyên chở các sản phẩm công nghệ và nông sản mà thôi.

Mặt khác, vào mùa nắng, đoạn kinh dưới chân núi Phú Cường gần quận lỵ Tịnh Biên ngày nay thường bị cạn nên việc chuyên chở hàng hoá và nông phẩm hoàn toàn bị gián đoạn. Ngay vào mùa mưa, vì lòng kinh không sâu lắm và bề ngang của kinh lại hẹp, nên các thuyền bè lớn qua lại không mấy dễ dàng. Trong tập *Quân Sử*

III, tác giả Phạm Văn Sơn có viết về một đoàn tàu của Hải Quân Pháp, do Trung tá Galey chỉ huy, gồm pháo hạm La Flamberge, một xà lúp, và 20 thuyền lớn nhỏ, cùng một số binh sĩ, xuất phát từ Châu Đốc, vào hồi 15 giờ chiều ngày 22.6.1867 (đầu mùa mưa), theo kinh Vĩnh Tế để tiến chiếm thành Hà Tiên. Song vì bị mắc cạn nhiều chỗ, nên 24 giờ sau mới tới được Hà Tiên.

Về quốc phòng, có lẽ vào thời gian xa xưa, kinh Vĩnh Tế đã là một trở ngại không nhỏ cho đạo binh lớn của Chân Lạp và quân Xiêm La trong việc xâm lấn và quấy phá vùng biên giới nước ta. Song với bề ngang của kinh chỉ trên dưới 30 thước tây, nên việc vượt qua kinh này, dù không có ghe xuồng, thật sự cũng không mấy khó khăn cho những đơn vị nhỏ.

Trong thời gian trước năm 1975, kinh đã không ngăn nổi Việt Cộng chuyển hàng ngàn tấn vũ khí và đạn dược từ đất Miên vượt qua kinh Vĩnh Tế sang vùng rừng chàm, rồi chuyển về vùng Bến Tre, Định Tường. Trong một cuộc hành quân Diều Hâu ở tiểu khu Châu Đốc vào năm 1972 hay 1973 đã khám phá ở vùng rừng chàm này cả ngàn khẩu súng đủ loại, trét đầy đầu mỡ, và bọc bên ngoài bằng một lớp giấy dầu, ngâm dưới nước.

Trong suốt chiều dài lịch sử ở vùng biên giới này, cũng đã không thiếu gì những vụ người Miên vượt kinh Vĩnh Tế sang đất Việt để “cáp duồn” (chặt đầu) dân Việt. Nổi tiếng nhất là vụ Ba-Chúc, một xã có khoảng 10.000 dân thuộc quận Tịnh Biên, nằm cách bờ kinh khoảng hai cây số, vào năm 1978, đã bị một đơn vị khá lớn của Miên Đỏ vượt kinh Vĩnh Tế xâm nhập và đánh chiếm mấy ngày, rồi bắn tập thể, chặt

cảm tạ mùa xuân

Hương lan hương cúc nhẹ nhàng
Mùa xuân đã tới dịu dàng mùa xuân
Đời, bao nhiêu khúc thẳng trăm
Ơi xuân, xuân mới bụi hồng gió bay.

Thơ say, vào mộng thơ say
Bao nhiêu gió chướng thả bay về trời
Lại nghe tiếng trẻ vui cười
Tiếng hồn nhiên, tuổi thắm tươi ngọc ngà.

Buồn chỉ một cội ta bà
Thì vui quán tạm, bút hoa gieo vắn
Vần hoa cảm tạ mùa xuân
Xuân xanh giai điệu, trời xuân hữu tình.

Xuân tươi nắng sớm bình minh
Cho nhân gian mãi vườn xanh, nắng hồng
Bài thơ viết gửi hư không
Cảm ơn xuân nhé, xuân hồng như thơ.

Trời xuân mây nước lững lờ
Nàng xuân huyền diệu thắm bờ nhân gian
Ơi xuân, muôn thuở dịu dàng
Làm sao vẽ nét mơ màng... xuân ơi!

Từ bài thơ cổ xa xôi
Hay bài thơ mới chẳng vơi ý tình
Xuân muôn đời, nét xuân xanh...

tuệ nga



đầu, đập đầu, phanh thây hơn 4000 ngàn dân cư theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, không phân biệt trẻ, già, trai, gái, rồi rút đi.

Tuy không phải là bức tường thành ngăn chặn xâm lăng, song kinh Vĩnh Tế lại là một đường tiêu mốc cảnh cáo những kẻ vô tình hay cố ý đã vượt qua đường biên giới trước đó biết rằng: “Hãy coi chừng! Anh đã xâm nhập vào bốn quốc hơn một cây số rồi đấy.”

- Sách Tham Khảo
- Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim
 - Việt Sử Toàn Thư của Phạm Văn Sơn
 - Dân Quân Việt Nam Chống Tây Xâm của Phạm Văn Sơn
 - Việt Nam Danh Nhân Tự Điển của Nguyễn Huyền Anh
 - Thoại Ngọc Hầu và Những Cuộc Khai Phá Miền Hậu Giang của Nguyễn Văn Hầu
 - Danh Thắng Miền Nam của Sơn Nam

BỀN TRE XANH THẮM BÓNG DỪA

XUÂN VŨ



(tiếp theo)

Tía tôi đi học trên tỉnh, nhưng bà cố tôi đòi bắt về để ở nhà. Ông nội tôi không nghe, bà xuống nhà hàng ngày, bảo: “Đem thằng hai về đây cho tao, tao nhớ nó tao chết cho bây coi!” Ông nội tôi bắt buộc phải cho người lên rước tía tôi về cho học chữ nho. Bà cố rước thầy về tại nhà, chỉ dạy có hai người học trò là tía tôi - cháu nội đích tôn của bà - và ông Mười tôi, con trai út của bà.

Tía tôi rất có hoa tay, viết chữ quốc ngữ rất đẹp, viết chữ nho cũng rất sắc sảo, nổi tiếng khắp vùng, được thầy khen nức nở. Tía làm biện cho ông cố tôi tại nhà để bà cố “trông thấy mặt hàng ngày”. Được ông cố tôi cưng nên tía tôi rất có oai quyền với các em. Chú Năm, chú Sáu, chú Tám rất sợ tía tôi.

Thời bấy giờ có xe hơi, xe ngựa chạy trên tỉnh lộ, chớ ở ấp xóm ít thấy hai loại xe này, trong làng duy ông cố tôi là có chiếc xe ngựa độc mã. Bỗng một hôm có người tên là Hai Lãng đến nhà ông nội tôi xin rước tía tôi đi làm biện cho ông Huyện Ngô Nhơn Nghĩa ở trên Bình Khánh. Ông vừa lên chức huyện hàm. Nhưng tía tôi không chịu đi. Tía nói với bà nội: “Rước như vậy lên trên, rồi con làm sao?” Bà nội tôi bảo Hai Lãng: “Chú về bẩm với ông Huyện

làm giấy tờ đem xuống đây nó mới đi”. Hai Lãng về hai ngày rồi trở lại, cầm giấy tờ do ông Huyện gửi xuống. Tía tôi sửa soạn đi, lên thưa với bà cố tôi. Bà bảo: “Có giấy tờ nhưng không lẽ ông Huyện không có ai đi thay mặt cho ông để đi rước cháu tôi hay sao?” Hai Lãng lại về. Ông Huyện bèn cho con trai cả, khăn đóng áo dài, đem xe ngựa xuống thưa với ông cố tôi. Ông cố tôi không muốn cho cháu nội đi vì sẽ khuyết chân Biện, không ai thay. Lúc bấy giờ có hai cấp: biện làng và biện tổng. Còn bà cố không muốn cho tía tôi đi xa nhà, nhưng thấy ông Huyện tha thiết quá nên không thể từ chối. Bà ra điều kiện là mỗi tháng phải cho “cháu tôi” về thăm nhà một lần, khi có đám giỗ cũng phải cho nó về và phải có thầy cho nó học.

Cuối cùng tía tôi rời nhà đi làm Biện Tổng. Tổng của ông Huyện là tổng Minh Huệ, còn tổng nhà là tổng Minh Quốc. Ông Huyện cũng có rước thầy về tại nhà, dạy cho 3 người con trai học, nhưng ông than thở: “Thằng Hai học hết, chớ mấy đứa kia có thuộc chữ nào!”

Tía tôi bỏ trống chiếc ghế Biện ở nhà, ông cố tôi bắt ông Mười, tức em trai út của ông nội tôi, thay vào. Nhưng ông Mười là người hoạt động, không chịu ngồi trên ghế cả ngày nhìn ngó giấy tờ mù

mịt. Ông Mười còn ham gà nòi, thường bỏ trường học chữ nho để đến trường gà. Bà cố thấy thế bèn cưới vợ cho ông để cầm chân con. Còn ông cố tôi thì bắt ông làm hương chức, ngồi ghế xã trưởng để sau này ra tranh chức cai tổng. Luật lệ bắt buộc phải có 3 năm làm hương chức thừa hành (notables exécutifs) là hương thân, hương hào và xã trưởng thì mới tranh cử được.

Nhưng ông Mười không ham chức cai tổng bằng mê gà nòi. Làm xã trưởng mỗi lần đi đăng thuế, tức là đem tiền công nho lên nộp trên quận, thì ông ghé trường gà thua ráo nạo. Sáng nào ông cũng đi xe ngựa vô chợ, ông cố tưởng là ông đi làm việc nên khen: “Từ ngày cưới vợ, coi bộ nó biết tu thân”. Tu 3 năm đắc đạo, mấy chục mẫu đất bay theo đạo... gà nòi. Ông cố tôi kêu trời kêu đất nhưng vẫn phải bán thêm mấy chục mẫu để trả nợ cho ông, mong ông có được một thành tích tốt đẹp để lấy thế thắng khi ra tranh cử.

Đối với ông Mười, giữa cái ghế cai tổng và tiếng gà gáy, ông ngã về tiếng gà gáy hơn. Ông nuôi gà như một hãng sản xuất gà nòi, lập luôn trường gà tại nhà, mỗi tháng đá hội 3 ngày.

Trong lúc đó, ngược lại, em ruột của ông cố tôi, người thứ chín lại bỏ tiền ra cất một ngôi nhà thờ Công giáo ngay trong đất nhà để cho con cháu tu thân tích đức. Trong chi tộc của ông cố Chín, đa số con cháu đến nhà thờ học đạo; ngoại trừ mấy người con như ông Tư, ông Sáu, ông Tám thì không bao giờ đi nhà thờ. Hèn chi người ta nói “*sanh nguoi vo sanh giac, sanh tu bat sanh tam*” là đúng lắm.

Có mấy nét đối nghịch trong gia tộc tôi, là việc thuê người ở. Khi tôi lớn lên thì thấy nhà ông tôi, ông Mười tôi đều có thuê

người ở. Và nhà tôi cũng có thuê một người, khi người này hết hạn lại thuê người khác ở thường xuyên trong nhà, làm việc vặt và coi giữ tôi. Công việc không lấy gì nặng nhọc. Riêng nhà ông nội tôi và ông Mười thì thuê người dài hạn không biết bao lâu, nhưng thấy cả gia đình họ ăn ở trong nhà như người nhà. Riết rồi sanh đẻ ra đông quá, phải cho họ ở riêng ở rìa đất. Họ có nhà riêng, tuy không ở chung trong nhà nữa, nhưng vẫn làm công hàng ngày.

Những người này phần lớn là người miền Trung. Họ đi ghe bầu vào bán sản phẩm ở chợ làng tôi, như rổ rá, nia thúng. Họ đan khéo lắm, bán rất chạy. Có một số người đi bán thuốc cao trà đáng chỗ không bán thúng nia. Họ mặc đồ trắng, cấp nách cây dù đen, vai quai một gói quả mướp trong đó đựng các thứ thuốc như rễ cây, quế, thuốc cao đựng trong hũ sành, nhiều người bán cả mật gấu.

Một số người trong bọn họ vào buôn bán năm nay rồi năm sau, và ở lại làm mướn luôn, không về xứ nữa. Hồi đó sự đi lại và cư ngụ rất dễ dàng, không ai bị xét hỏi giấy tờ lý lịch gì hết. Có người dò hỏi xong chỗ ở, chỉ cần cái nền đủ dựng một căn nhà, cái chòi là đủ. Ghe về xứ, năm sau chở bà con vô ở luôn với những người đã cắm rễ trước.

Họ cũng khôn, tìm đến ông cố ông nội tôi để xin ở. Ban đầu ở làm công chỉ ăn cơm và nhờ sự che chở đỡ đần. Rồi năm này sang năm khác, họ có vợ con, được các ông chủ nhà cho ra riêng như trường hợp tôi kể ở trên. Phải nhận rằng những người này làm lưng siêng năng chịu khó hơn người địa phương. Khi tôi lớn lên thì họ đã trở thành người xứ tôi, không còn phân biệt nữa, duy tiếng nói thì họ không thể sửa theo giọng Nam được.

Trước đây, những người này có một "họ" chung là "Huế", Huế A, Huế B .v.v.. nhưng bây giờ thì tiếng "Huế" đã rụng mất như đuôi nòng nọc, không biết từ lúc nào. Tôi vẫn thương mến và đối xử với họ như người nhà. Lớn tuổi thì gọi bằng chú, nhỏ hơn chút thì gọi bằng anh.

Nhưng cuộc đời của những "thằng Huế" không dừng lại ở đây mà phát triển mạnh lên, nghĩa là từ vô sản trở thành trung nông rồi phú nông chỉ trong vòng 5, 7 năm. Khi tôi học trường làng thì họ còn ở rìa đất ông tôi, hoặc còn làm công cho ông Mười. Nhưng khi tôi lên trường tỉnh thì họ đã có ruộng riêng mướn của điền chủ, có người tậu được ruộng, trâu và nhà cửa hẳn hoi.

Bây giờ từ vị trí người làm công, họ quay lại mua đất của người trước đây là chủ. Không nói đâu xa, mấy người ở cho ông nội tôi thì vẫn còn ở nhờ đất ông tôi, nhưng những người ở cho ông Mười thì bắt đầu mua đất của ông Mười. Vì "đạo gà nòi", độ nào ông cũng "ăn" nhưng rốt cuộc đất điền bay hết, không bay đi đâu xa mà vào tay mấy người ở cũ của ông. Tôi nghe kể lại, bán đất đối với ông hồi đó chẳng khó khăn gì. Ông kêu mấy người ở tới bảo: "Đưa tao 100, đất từ cây dừa quì tới cuối bờ thuộc về mày". Thế là xong. Người mua kẻ bán không phải làm giấy tờ gì cả. Lần khác ông kêu người khác tới: "Đưa tao 300, mày lấy miếng biên gồm luôn cái địa..." Lại cũng xong, chẳng cần giấy tờ chữ ký gì hết. Ông làm xã trưởng, ai dám nói gì? Cứ thế, nay một khúc ruộng mai một miếng vườn, đất đai dần dà lọt vào tay người ở của ông một cách êm ru. Độ gà nòi nào ông cũng "ăn to" nhưng rốt cuộc đất ruộng bay hết theo cánh gà nòi. Ông Mười chẳng thiết gì chức nọ tước kia,

cứ lao theo "đạo gà nòi" cho đến khi kháng chiến nổ ra, ông lại nuôi bộ đội với lúa bò. Nhà ông làm trường quân chính, đất ông xây cất công binh xưởng. Vậy mà một trong những người ở cũ của ông, không biết thù oán ông điều gì, đem lựu đạn gài dưới chân giường ông. May lựu đạn không nổ. Ông biết đứa nào, nhưng không nói. "Nói ra nó gài nữa!"...

Tôi sống và lớn lên trong khung cảnh bên nội như thế. Gia tộc chia làm ba nhánh, tuy không kinh chống nhau, nhưng không ai chịu ai, đường ai nấy đi, đạo ai nấy thờ. Về già ông nội tôi vô đạo Cao Đài, dựng khánh thờ trong nhà, rước đồng nhi tới đọc kinh cầu siêu cho ông cố tôi. Trong lúc đó ông Mười (em ông nội tôi) lại rước thầy chùa làm theo nghi lễ nhà Phật. Thành thử lễ nghi hai đảng khác nhau, không biết hương linh ông cố tôi chấp nhận bên nào vì hai bên đều là hiếu tử cả. Còn một đảng nữa là ông cố Chín tôi (em ruột ông cố tôi, chú ruột của ông nội tôi) lại cất nhà thờ, theo đạo Thiên Chúa, rước dì phước tới ở thường trực và dạy chữ cho con cháu. Tôi học ở các dì và thầy trong nhà thờ này.

Như thế là bên nội tôi có ba dòng tư tưởng: Thiên Chúa, Cao Đài và "gà nòi". Ông Mười là giáo chủ đạo sau cùng. Ông cố Chín bảo ông vô đạo Thiên Chúa, ông không trả lời ngay, nhưng ông nói sau lưng: "Đạo Thiên Chúa không thờ ông bà, không ăn của cúng, không hạp với tôi". Ông nội tôi bảo ông vô đạo Cao Đài, ông cũng không dám trả lời trước mặt, chỉ nói sau lưng: "Hai con mắt đi còn lọt mương. Một con mắt (đạo Cao Đài thờ Thiên Nhân) chắc té vũng hoài". Thế là ông chỉ theo "đạo" gà nòi. Có non phân nửa gia tộc bên nội tôi vô đạo của ông.

Tôi ở giữa ba nhánh sống cho

nên được ba dòng nước gội mát. Tôi thuộc hết kinh Thiên Chúa trong quyển sách gọi là sách Phêrô. Tôi học chữ ở nhà thờ. Tôi lại thuộc kinh Cao Đài. Tôi cũng biết ham gà nòi và biết chút đỉnh về gà nòi, nhờ vậy tôi đã viết được một quyển truyện về gà nòi.

Trong khi đó, gia tộc bên ngoại tôi cũng chia làm hai nhánh. Trên cánh đồng sau nhà bà ngoại tôi có một ngôi chùa tên là Oai Linh tự, hiện được liệt vào thắng cảnh Việt Nam. Còn ở ngay bên nhà, chỉ cách một dây đất là ngôi nhà thờ Thiên Chúa. Sáng trưa chiều tối, tôi đều nghe tiếng chuông chùa và tiếng chuông nhà thờ ngân nga dóng dả theo ánh bình minh và hoàng hôn. Thành ra khi ở nhà (làng Hương Mỹ) hoặc ra nhà ngoại, lúc nào tôi cũng nghe tiếng chuông. Mẹ tôi bảo lúc nhỏ tôi được cho bú đúng giờ là nhờ vào tiếng chuông. Nhà ngoại tôi có cái đồng hồ xưa mặt lục giác, số la mã, mỗi sáng phải lên giây thiêu thì nó mới chạy. Thỉnh thoảng nó đứt dây thiêu thì cứ bỏ liều cho nó thất nghiệp, may mà tìm được thợ xóm thì mới sửa chữa. Thời đó, trong xóm không ai có đồng hồ. Đồng hồ đeo tay lại càng không có. Khi cần biết sớm tối, người ta chỉ cần nghe tiếng bìm bịp kêu hoặc coi chừng mặt trời lên xuống ngang ngọn cây gạo cây gừa, hoặc che tay nhìn mặt trời. Đi làm ruộng hay đi buôn, sớm trễ vài chục phút, thậm chí vài giờ, cũng không quan trọng gì.

Trong cái cảnh thôn quê cách nay hơn nửa thế kỷ và cái bối cảnh của dòng họ nội ngoại tôi như thế, tôi sanh ra và lớn lên, đi học, chăn trâu, đi ruộng, trèo cây, bắt cá... Có thể nói tất cả sinh hoạt nông thôn tôi đều có tham gia hoặc có biết. Có lẽ vì thế mà bây giờ tôi viết văn nghiêng về đồng quê hơn là thành thị. Tôi là người nhà quê

từ gốc tới ngọn, không có phần nào dành cho đèn điện và nước phong-tên cả. Lúc còn ở miền Bắc, tôi đã phát biểu: "Tôi không có cảm xúc gì hết khi nhìn những nhà máy, công xưởng mới mọc lên. Tôi chỉ xúc động với những mái tranh lụp xụp và những con trâu con bò, đĩa đầm lầy lội..." Do đó mà tôi bị phê bình là "lạc hậu", không muốn công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

Bây giờ cũng vậy, tôi đứng đờm không một tí cảm xúc nào khi nhìn những ngôi nhà chọc trời, những máy bay phản lực. Đành rằng nhà lầu quạt máy ở khoẻ hơn nhà tranh; máy bay đi nhanh hơn xe bò, nhưng nhà văn tả cái gì ở đó? Thang máy, cầu tiêu máy, hút bụi máy? Trái tim tôi nặn ra từ đất sét thì làm sao rung động với gạch bông thảm hoa cho được! Tôi không thuộc về sự sang trọng choáng lộn đó.

Các bạn cỡ tuổi tôi có tưởng tượng được rằng tôi thà ăn cháo với muối kho quẹt chớ không ăn hamburger! Các bạn có tin rằng tôi chưa sắm bộ đồ tây nào, chưa mua đôi giày mới nào không? Các bạn đọc truyện Alphonse Daudet có nhớ nhân vật Maître Corniche trong *Lettres de mon moulin* không? Lão già có cái cối xay gió. Lão sống trong cái cối xay bột mì ấy và lấy tiền công từ khách trong vùng đến xay bột làm nguồn sống. Lão gọi gió là hơi thở của Chúa và sống yên vui với cái cối xay gió ấy, tưởng rằng đời lão sẽ không có gì thay đổi cho đến chết. Bỗng nhiên một hôm ở đâu đó trên chợ tỉnh, người ta dựng nên một cái nhà máy xay bột mì không cần sức gió mà chạy bằng diesel gì đó. Dần dần trong vùng bớt đi những đàn lừa chở những bao lúa mì đến cho lão xay như trước kia. Rồi vắng hẵn. Chiếc cối của lão thất nghiệp, những cánh quạt tề liệt

hoàn toàn. Lão biết nguyên do, tức tối ra vào nguyên rửa kẻ đã dựng lên nhà máy đó. Lão chạy suốt ngày từ xóm này qua xóm khác, kêu rống lên: "Đó là con quỷ ăn xương thịt dân ta, phát nát sự giàu có và phồn thịnh của tổ quốc ta. Đờ con quỷ!" Nhưng không ai nghe lão. Người ta cứ chở lúa mì đến nhà máy vì nó xay nhanh hơn, rẻ hơn và tốt hơn cái máy phải gió của lão... Rồi một hôm người ta thấy cửa cối xay đóng kín mít và khoá chặt. Cạy cửa vào, người ta thấy lão nằm chết bên chân cối.

Khi còn đi học, tôi đọc truyện với sự tò mò. Nhưng bây giờ đọc lại, tôi thấy ít nhiều mình trong lão Corniche. Tôi đã sống và lớn lên trong khung cảnh đồng quê "*trên đồng cạn dưới đồng sâu, chông cày vợ cấy con trâu đi bừa*" và tôi yêu cái khung cảnh đó tới bây giờ. Khi nhớ quê hương, tôi vẫn thấy quê tôi y như hồi tôi còn thơ ấu.

Thời đó trẻ con đi học chữ đã là một sự tiến bộ rồi. Trẻ con đi đến trường làng cũng không nhiều. Lên trường quận lại càng thưa thớt. Vậy mà tôi lên tới trường tỉnh, rồi lên khỏi trường tỉnh nữa: vô collège, cái trường độc nhất cho cả 10 tỉnh miền trung Nam bộ, thi khó đậu vô cùng. Vậy mà tôi có hai người chú vô được trường đó. Một người cậu ra tới đế đô và tôi thì đã lên đến đó rồi.

Trở lại ngôi trường tư thực Trung Châu yêu quý của tôi, với chuyện chọc ghẹo mấy cô bạn đầm, với những trận xem đá banh cộp, những lần tắm pít-xin ké, với những khúc bánh tét nhun mỡ mua ở cầu tàu, với những đêm coi hát chui ở rạp Nam Xuân,... Cho đến hết năm học, thằng thì về nhà, đứa đi học tiếp, lưu luyến mấy rồi cũng chia tay, với cái rương đồ gói ghém vác xuống đò về nhà.

Năm sau tôi thi đậu vô collège.

Đây là một chuyện ghê gớm chứ không phải vừa gì. Thi tuyển (concours) chứ không phải thi lấy điểm đậu (examen). Trường lấy vô 90, tôi đậu hạng 88. Tía tôi ngóng hoài không thấy đọc tên tôi, ông bảo: "Mầy thi rớt thì về chăn trâu cho ông nội!" May quá tới số 88 thì chàng va lú ra. Thấy kệ, miễn đậu vô trường là được, hạng mấy không cần.

Hồi đó tôi không biết có những ông lớn bà lớn chạy ngỗ sau, phụ nhĩ cho các quan giám khảo hoặc ông Đốc. Mình là dân ruộng mới rửa chân vừa sạch nước phèn, đâu có biết cái mảnh lối đó, vả lại có quen với ai đâu mà phụ nhĩ! Thời

nào cũng vậy, con ông cháu cha vẫn sướng hơn là con phó thường dân. Khi vô học rồi mới biết. Có hai thằng anh em ruột là Trần Kỳ Phùng và Trần Kỳ Văn đậu cả hai, một đứa ngồi lớp A một đứa ngồi lớp B. Các cậu ấm loại này chiếm ít nhất là một phần tư tổng số 90. Còn những trò từ trường primaire của ông đốc Dương Văn Cấp ở ngay cửa collège đó, chỉ một bước là vào. Số này quen nước quen cái, không khớp như đám các tỉnh lên thi, nên đậu dễ dàng, chiếm ít nhất một phần ba tổng số. Như vậy còn không đầy phân nửa dành cho dân ruộng như tôi đây. Số thí sinh là 500, bị đánh rớt 410 đứa, còn 90

đứa, thì muốn đậu vào trường, 1 phải đánh ngã 5, dù thuộc loại *payant* tức là đóng tiền học, chứ không được *bourse* (học bổng) cũng là loại khá.

Thời đó tiền trường ở nội trú mỗi tháng là 17 đồng, ba tháng đóng một lần 51 đồng. Gia đình tôi phải vất vả lắm mới cho tôi lên đây học, và coi đó là sự hãnh diện và danh dự của cả hai bên nội ngoại. Bây giờ các con tôi đậu tiến sĩ, cử nhân cả mà tôi cũng không vui bằng hồi đó dòng họ tôi vui khi tôi đậu vô collège Pháp. Thế mới biết thế kỷ nào có niềm vui của thế kỷ nấy.

(còn tiếp)

quê tôi

Quê tôi đây - nằm bên đường quốc lộ
Rẽ vào đây - đường đất rộng thênh thang.
Con mương nhỏ, cống xây, chiều nắng đỏ
Tiếp cổng làng cao vút đứng hiên ngang.

Quê tôi đây - trường xưa thay mái ngói
Sân đình vui, muôn thuở bóng hàng me.
Cánh đồng trải sau làng vùng đông rọi,
Xóm làng quen ấp ủ những bờ tre.

Vườn sai trái vào thu vàng óng ả
Tiếng chim reo trong vắt buổi trưa hè
Xuân nhẹ nắng sáng màu xanh cho lá,
Trời sang đông gió bắc lạnh da se.

Vườn tay vẫy chào trăng dĩa ẻo lả,
Long lanh sương, cài thảm cỏ bình minh,
Chiều xuống chậm bướm đùa theo sóng mạ,
Bếp lều tranh nằm nhả khói thanh bình.

Mùa lúa chín tiếng gà vang hồi hã
Giục làng trên xóm dưới kéo ra đồng.
Mặt trời lặn, bước chân bò thong thả
Theo lúa vàng trĩu gánh trở về thôn.

Những đồng rạ chất đầy như dãy núi
Đền đuốc lên, đập lúa rộn ngoài sân.
Đêm thôn xóm vui hơn ngày mở hội,
Mừng được mùa, chè xôi nước quen thân.

Rồi năm mới, pháo giao thừa, nôi bánh tét
Lễ xuất hành, câu nêu tết... quê tôi
Và trắng sáng hát hò quên gạo trắng
Cảm nhịp chày, trai gái hẹn thành đôi.

Tôi lớn lên trong vườn khoai ruộng thóc
Đọt rau hùi, trái chín ngọt tình thương...
Nhờ hai buổi trường làng, tôi biết đọc
Luyện tay mềm, tôi viết chữ Quê Hương.

Tôi nhớ mãi con đường làng câu cặm,
Những đêm mưa đơm dệp ở sau nhà,
Mùa keo chín tu hú về rộn lảm
Đất viên tròn làm đạn bắn chim sa...

Quê thương mến! Giờ muôn vàn xa cách
Biết còn không, hình nét nhớ thân yêu?
Bước gian truân không dám hứa ra nhiều
Nhưng vẫn hẹn Quê Hương ngày tái ngộ!

việt thao

TRUYỆN CỦA MỘT TÁC-GIA
ĐI TỪ MIỀN BẮC

những mảnh đời

PHƯƠNG LIÊN

(khởi đăng từ số 173)



Chương 67

Karlovivari là một trong số thành phố có nhiều thắng cảnh nổi tiếng nhất ở Tiệp. Dân Việt Nam, ai đã từng một vài lần đến Đà Lạt mà tới đây thì thế nào cũng có cảm tưởng rằng hai thành phố này có nhiều nét giống nhau. Cũng ở một địa thế tương đối cao như vậy. Cũng sương mù. Cũng bầu trời tím biếc. Cũng sông, cũng suối, cũng ghềnh thác và cũng những mảnh hồ xanh thơ mộng. Cũng những đôi thông đuổi theo nhau. Cũng những con đường ngoằn ngoèo, những tường gạch, những mái dốc, và đặc biệt là cũng những công trình, những lâu đài cổ kính. Có một điểm khác so với Đà Lạt là thành phố này rộng hơn rất nhiều. Và có lẽ nó cũng nổi tiếng hơn Đà Lạt, vì ngoài cái danh hiệu thành phố du lịch ra nó còn được cả thế giới ưu ái đặt cho một cái tên khác là thành phố điện ảnh. Mà quả thật như vậy, có lẽ trong một năm chẳng có tháng nào là ở đây lại không có từ một đến hai ba cái liên hoan phim trong rất nhiều những cái liên hoan phim đủ các kiểu.

Hàng năm, nhất là vào mùa hè, không biết là có bao nhiêu đoàn khách du lịch từ muôn phương kéo đến tham quan thành phố này, và

đối với dân lao động hợp tác Việt Nam thì chẳng biết từ bao giờ cái tên Karlovivari ấy đã ăn sâu vào tiềm thức. Không cách này thì cách khác, trong khoảng thời gian mấy năm sống và làm việc ở Tiệp Khắc, thế nào người ta cũng phải tìm cách đến đây được ít nhất một lần. Trong những cuộc gặp gỡ, ai mà chưa biết Karlovivari như thế nào thì bị coi là quê lắm. Cũng quê như đến Praha mà không được đến quảng trường Con Ngựa, không được đi chợ Con Bò, không được đứng hóng mát ở cầu Tình trên sông Vltava, không được biết ba tuyến tàu điện ngầm mà ga nào ga ấy đều lộng lẫy như những cung điện... Nhưng có một điều đáng nói là, nếu một người bình thường đã háo hức Karlovivari đến vậy, thì những cô gái, nhất là những cô đã có người yêu người tình còn khao khát đến khắc khoải. Hay ít nhất cũng là làm cũng ra vẻ khắc khoải. Cô nào cũng đòi bồ, đòi người yêu của mình phải đưa mình đi bằng được. Không thì giận hờn... Thời buổi con gái quý như mỳ chính cánh, anh nào không biết chiều chuộng, không biết tâm lý một tí là mất bồ như chơi. Mà sự thật thì cũng đã có quá nhiều anh mất bồ rồi. Vì bạn đánh quả, vì muốn làm thêm giờ, vì tham công tiếc việc hay vì bất kỳ một

lý do gì đó không đưa em đi được là mất. Có rất nhiều kẻ chỉ rình có cơ hội để rũ rề em đi thôi. Cho vui. Và nếu mà em hứng lên... Đi... Thế là mất.

Tất nhiên ai cũng muốn đi Karlovivari rồi. Một thành phố đẹp đẽ, thơ mộng, nổi tiếng như thế mà không đến thăm được một lần thì coi như là phí cả cuộc đời. Nhưng đâu có phải là cứ muốn là được. Ai có bạn bè làm ở những nhà máy, hợp tác xã gần đấy thì không nói làm gì. Cứ viết thư trước rồi kéo nhau đến thì có muốn ở bao nhiêu lâu cũng chẳng sao, lại có người tận tình dẫn đi chỗ này chỗ kia... Còn với những người không có ai quen biết ở đó thì để tự nhiên đến được Karlovivari quả là một sự khó khăn. Nhất là vào mùa hè. Thành phố lúc nào cũng nườm nượp người, nếu không đặt khách sạn trước thì chỉ có mà ăn mà ngủ ở ngoài đường. Mà, nếu chỉ một mình mình thì chuyện ăn ngủ ở ngoài đường còn có thể tạm chấp nhận được. Nhưng nếu đã đi cùng với người yêu mà vẫn phải vạ vật qua đêm nơi bến tàu, bến xe, nơi quán nước cửa hàng thì còn có cái gì gọi là thơ mộng được.

Vậy nên, có rất nhiều chuyến đi tập thể. Theo nhà máy, cùng với dân Tiệp thì quá tốt. Không thì cũng đi theo đoàn của nhà mình. Ít ra thì cũng xin được có xe đưa xe đón, cũng hợp đồng được khách sạn trước... Một trong những thành tích nổi bật của bất kỳ một anh đội trưởng một anh phiên dịch nào đó là trong nhiệm kỳ mấy năm của mình, tổ chức cho anh chị em trong đoàn được đi tham quan một số nơi. Đi Thủ đô Praha. Đi Bratislava, thủ phủ của vùng Sloven. Đi Thành Phố Điện Ảnh. Hoặc cao hứng lên thì đi Đức, đi Bun... Đi họp với cán bộ vùng, họp với lãnh đạo sứ, chỉ cần nói bâng quơ một câu rằng tuần vừa rồi cho

công nhân đi một vòng những đầu những đầu là đủ để được bạn bè cũng như lãnh đạo nhìn bằng con mắt khác. Kể những chuyện dọc đường đi của anh em, những xử sự, đi đứng, nói năng và nói chung là những hành vi ngộ nghĩnh, vừa tức, vừa bực vừa buồn cười của họ để làm tôn cái hiểu biết, lịch lãm của mình cũng là một cái thú. Anh nào không làm được điều ấy thì bị coi như là kém. Phải cố gắng mà phấn đấu đã đành, có khi lại còn bị cấp trên nhắc nhở rằng tại sao không quan tâm đến sự mở mang hiểu biết của anh em.

Anh đội trưởng kiêm phiên dịch của đoàn Ceská Trebová là một người thông minh. Mới mùa hè đầu tiên mà anh đã làm việc với lãnh đạo xin cho chị em trong đoàn được một chuyến đi tham quan thành phố Krlorivari bằng kinh phí của nhà máy. Chục năm về trước, việc xin một chiếc xe ca, xin cho mỗi người mấy trăm Cu để đi chơi nơi này nơi khác, thậm chí sang chơi cả ở Ba Lan hoặc Hung chỉ là những chuyện quá đơn giản. Nhưng ba bốn năm trở lại đây, khi mà đại đa số dân chúng Tiệp đã nhìn những người anh em lao động hợp tác Việt Nam bằng con mắt khác thì thành tích ấy của anh được nhiều người đánh giá như một kỳ công.

Hôm Hoa ra viện cũng là hôm bà phụ trách nhân lực thông báo cho anh phiên dịch biết là ban lãnh đạo nhà máy đã nhất trí để đoàn của anh được đi tham quan Krlorivari trong thời gian ba ngày. Khách sạn đã đặt sẵn, lịch trình đưa đón đã thỏa thuận cặn kẽ với lái xe, đảm bảo là sẽ điểm danh một lượt những thắng cảnh, những công trình nổi tiếng nhất.

Chỉ trong nháy mắt cả đoàn đã biết tin được đi tham quan thành phố điện ảnh vào cuối tuần này. Lập tức, ai nấy bắt tay vào tít tít

chuẩn bị. Những bộ cánh mới, đẹp nhất được mang ra là lượt lại cho thật phẳng phiu. Ai cảm thấy chưa đủ thì đi cửa hàng chọn mua thêm. Những đôi giầy cũng được lau chùi, đánh bóng. Son, phấn, nước hoa... phải đủ số. Tất nhiên là phải làm đầu. Máy cuốn catalog về các kiểu quần áo váy sống và về các kiểu đầu tóc được chị em tha lời hết từ phòng này sang phòng khác. Phòng nào cũng bàn tán loạn xạ ngấu rảng chị phải mặc màu này, em phải mặc màu này thì mới đẹp, rằng mặt chị thì phải đầu kiểu này, mặt em thì phải đầu kiểu này mới trông được. Rồi đi đi lại lại mua sắm, người quên cái này, người quên cái kia... có một buổi mà phải chạy ra chạy vào cửa hàng đến cả chục lần. Rồi nháo nhào lên vì chuyện chỉ có mấy cái lô uốn tóc mà ai cũng tranh giành đòi làm trước hoặc vì chuyện cả đoàn chỉ có mấy cái máy khâu mà số quần áo váy sống cần phải sửa lại cho vừa người thì lại quá nhiều.

Chỉ có một người không lộ ra vẻ vui mừng gì là Hoa. Mặc kệ ai muốn háo hức kiểu gì thì háo Hoa vẫn cứ nằm dài trên giường và thở ra thườn thượt. Hoa lại nghĩ đến mười nghìn Cu tiền mua cái đài 939. Thì rõ ràng là trong mấy ngày nằm bệnh viện, số tiền thuốc, tiền đạm... của nhà nước Tiệp đổ vào người Hoa đã vượt xa cái số mười nghìn Cu ấy. Thì vẫn biết, theo quan điểm riêng của Hoa, rằng mai ngày kiểu gì rồi số thuốc bổ, số chất đạm ấy cũng phát huy tác dụng. Thì vẫn biết rằng thế nào rồi Hoa cũng phải khoẻ lên, có khi chẳng cần ăn uống gì, bồi dưỡng gì thêm mà cũng vẫn khoẻ... Nhưng nghĩ đi nghĩ lại mãi rồi cuối cùng Hoa vẫn lại thấy tiếc. Giá như mà Hoa không phải đựng gì đến số mười nghìn Cu ấy. Giá như mà người ta trích trong số tiền thuốc, tiền đạm ấy ra mười nghìn

Cu mà đưa cho Hoa thì có phải là tốt cho cô biết bao nhiêu lần không cơ chứ.

Hoa buồn chán tưởng muốn nẫu hết cả người. Cô lại không ăn không uống gì, lại lả đi và mặt mũi mày lại đỏ ửng lên, người ngợm lại nóng hầm hập.

Hoa lại sốt. Sốt cao. Anh phiên dịch và mấy chị em cùng phòng lại phải một lần nữa mang cô vào bệnh viện. Lại khám. Lại thử. Lại đo. Lại xét nghiệm. Lại hội chẩn... Nhưng cả một tập thể giáo sư bác sĩ rất có kinh nghiệm với một đàn máy móc hiện đại cũng vẫn không phát hiện ra là Hoa mắc bệnh gì. Tất nhiên là lại phải tiếp tục theo dõi con bệnh, và trong thời gian ấy người ta vẫn phải tiếp tục duy trì sự sống cho cô bằng những chai nước, chai đạm mà theo con mắt của mình dám cán bộ cấp ở Việt Nam vẫn gọi là thuốc bổ.

Rồi dùng một cái, như có một phép lạ nhiệm màu tự nhiên Hoa lại cắt sốt. Đầu óc cô lại mát mẻ như thường làm các bác sĩ lại một lần nữa chỉ biết nhìn nhau, chịu không hiểu có sự cố gì xảy ra trong cơ thể con bệnh. Rồi, vào chiều thứ tư, nhân có anh phiên dịch dẫn mấy chị em vào thăm thì Hoa lại bám lấy anh mà nằng nặc đòi về.

Lập tức, anh chạy đi gọi bà bác sĩ phụ trách phòng bệnh đến để trình bày ý kiến của con bệnh. Bà lắc đầu.

- Không!... Sáng nay cô còn sốt ba chín, bốn mươi độ... Không thể được. Phải ở lại để chúng tôi tiếp tục theo dõi thêm mấy ngày nữa.

- Nhưng tôi thấy khoẻ hẳn rồi. Tôi muốn về.

Bà bác sĩ vẫn kiên quyết:

- Khoẻ cũng không thể được.

Rồi bà động viên Hoa:

- Cô không sốt nữa là tốt lắm rồi. Nhưng phải ở lại đây để chúng tôi theo dõi tiếp... Nếu đúng là cô không mắc bệnh thì chúng tôi giữ

lại làm gì?

Anh phiên dịch cũng nói:

- Thôi em chịu khó ở lại. Nếu đúng là không có bệnh thì trước sau thế nào rồi người ta cũng cho về. Sớm một hai ngày thì cũng có giải quyết được cái gì đâu?

Hoa ở lại. Nhưng đến chiều thứ năm, lúc anh phiên dịch vào kiểm tra xem sự chuẩn bị của chị em như thế nào thì đã thấy Hoa trong phòng đang lúi húi gấp quần áo cho vào vali.

- Em về lúc nào vậy?

- Sáng sớm nay anh ạ.

- Người ta đã cho về ngay được à?

- Không! Em trốn... Sáng nay, lúc bà hộ lý đến bảo ra ngoài mấy phút cho bà ấy mở cửa sổ, thay chân ga và quét dọn phòng bệnh, tranh thủ cơ hội ấy em chuẩn luôn.

- Em về làm gì?

- Để đi Karlorivari chứ làm gì nữa anh? Với lại...

- Với lại gì nữa...?

- Với lại hôm nay đã là mười tư. Mai rằm rồi... Em phải về mua ít hoa quả để thắp hương.

Bây giờ anh phiên dịch mới để ý thấy là trên đây căn phòng của chị em Hoa là một mùi hương ngan ngát. Ngược nhìn lên những chiếc bàn thờ nho nhỏ đặt trên nóc những chiếc tủ sắt anh thấy những đĩa hoa quả đầy ngồn ngộn. Cả hoa nữa. Mỗi bàn thờ là một đĩa hoa. Các cô gái ở đây mua hoa cúc, hoa hồng ở cửa hàng về rồi hái từng bông ra đặt vào đĩa để cúng cho giống cảnh Việt Nam. Tất nhiên là hương. Những que hương leo lét cháy đã gần hết nhưng chẳng hiểu sao tàn hương vẫn không chịu rơi xuống.

- Người ta bảo rằng, khi mà tàn hương quán quýt quện vào nhau thành từng búi như thế kia là nhiều lộc lắm. - Anh phiên dịch nghĩ thế.

- Không hiểu sau chuyển đi

Karlorivari lần này về, những lộc, những phúc kiểu gì sẽ đến với các cô thợ này đây? Rồi anh hỏi lại Hoa:

- Thế là em quyết tâm đi Karlorivari đấy hả?

- Vâng! Em quyết tâm rồi.

- Ngộ nhớ lại sốt nữa thì sao?

- Sốt em cũng cứ đi...

Chương 68

Không một ai, từ những giáo sư, bác sĩ trong bệnh viện, đến những chuyên gia về tâm lý, những chuyên gia thần kinh nổi tiếng, từ anh phiên dịch đến chị em trong đoàn... có thể hiểu được những suy nghĩ trong đầu óc Hoa mấy ngày gần đây. Hoa có tính ghen tị kinh khủng nhưng cô rất khéo léo trong việc che giấu không để lộ ra ngoài. Thấy ai hơn mình cái gì là ruột gan Hoa lỏng lẻo, cồn cào, tưởng như muốn học lên nhưng cô vẫn giữ được vẻ mặt rất bình thản. Cũng có thể là da mặt Hoa hơi dày, lại lúc nào cũng tai tái nên người ngoài không nhận thấy chăng? Nhưng còn ánh mắt, còn nụ cười...? Cặp mắt Hoa vốn trơ trơ như mắt rắn rảo không bao giờ biểu lộ điều gì thì không nói, nhưng trong nhiều trường hợp, dù ruột ghen đến muốn nổ ra đối với một ai đó thì mồm miệng Hoa vẫn có thể hơn hớn cười nói hỏi han như chẳng có gì xảy ra. Nói cho thật thì cũng có nhiều lúc Hoa muốn nhảy lên, muốn cắn xé, muốn cào cấu, muốn giạt tóc, muốn lấy mảnh chai hay lưỡi dao cạo mà rạch mặt một đứa nào đấy, muốn lấy dùi sắt hoặc que nứa mà chọc lòi mắt chúng nó ra cho hả dạ. Nhưng, chẳng hiểu sao đúng lúc máu trong người sôi lên cuộn cuộn nhất thì cũng là lúc đầu óc cô mách bảo phải kìm lại, phải chờ đợi tìm một cơ hội khác mà trả thù cho hữu hiệu hơn nên Hoa lại im

giấc mơ trường sinh

Người luyện thuốc trường sinh bất tử
ước một đời thọ tựa trăng sao.
Người ướp xác đông miên quá khứ
Chờ ngàn sau sống dậy ghêu ngao.

Người mài miệt được tiền bào chế
Mơ uống vô cải lão hoàn đồng.
Người giải phẫu từng phần cơ thể
Mong dung nhan đẹp mãi hoa hồng.

Nhưng sự tử theo đuôi nỗi chết
Lão nhược kia tiếp nối sự già
Cuộc nhân thế gió vèo đã hết
Bằng phút giây vũ trụ bao la.

Từ khởi thủy loài người chúa tể
Hằng kiếm soi song chẳng được gì
Vẫn thí nghiệm đến ngày tận thế
Thần phương nào khỏi khép đôi mi!

lê dã sử



lặng lên giường chui vào chăn nằm.

Trong số những người bị Hoa căm ghét đến không muốn nhìn thấy mặt, không muốn đối trời chung ấy có mấy chị em của đoàn nhà máy dệt Nam Bình. Mặc dù vẫn thon thót cậu cậu tớ tớ, chị chị em em, nhưng trong thâm tâm, chưa lúc nào Hoa coi họ là người. Hoa gọi chúng là những con đi. Tiên sư cha mấy con đi được trời phú cho cái bộ mặt không đến nỗi nào. Tiên sư cha mấy con đi học tiếng giỏi, lại khéo mồm khéo miệng mà chiếm hết mối hàng của Hoa. Tiên sư cha mấy con đi, chẳng tuần nào mà mỗi con lại không bán được cả chục cái đồng hồ, chục cái dây chuyền, chục cái váy...

Và trong số những con đi tốt số ấy, Hoa căm nhất là Nhái. Cùng làm một ca với nhau nhưng trong khi Hoa phải lòng lộn chạy lên chạy xuống, hết nhân nhờ chào hỏi thằng này lại năn nỉ mời mọc con khác mà cuối cùng vẫn chẳng bán chác được cái cóc khô gì thì Nhái lại chẳng phải bỏ công đi gạ gẫm ai cả mà hàng họ của nó vẫn chạy như tôm tươi. Nhái cứ đứng yên trong phân xưởng, vẫn bình thản chạy máy, vẫn chẳng đơ đả, toe toét với ai vậy mà chẳng biết có ma lực gì mà bọn Tiệp, bọn Digan trong nhà máy cứ nườm nượp chạy đến cô hỏi mua hết cái này đến cái kia. Mà cái bọn khi gió, tóc vàng mắt xanh ấy cũng lạ. Mua quen của ai một lần rồi, những lần sau chúng cứ chạy tìm đến của người ấy mà mua. Nhiều hôm, Nhái bán hết cả số hàng mang theo, phải hẹn đến hôm sau hoặc tuần sau mới có, vậy mà chúng vẫn kiên nhẫn chờ, vẫn không thèm để mắt đến Hoa, đến số đồng hồ, dây chuyền, son phấn... mà lúc nào cô cũng nhét chặt căng mấy cái túi của bộ quần áo bảo hộ lao động.

Hoa lại càng ghen hơn nữa khi thấy Nhái càng ngày hình như lại càng thân với Nhất. Mặc dù là em họ của Hoa thật, nhưng lần nào đến Ceská, Nhất cũng chỉ ở phòng Hoa một lúc cho có lệ rồi chuồn sang phòng của mấy chị em Nhái ngồi cho đến hết buổi. Ngoài chuyện chỉ là người đựng nước lã, nhưng giá cả hàng hóa Nhất để lại cho Nhái cũng chỉ như của Hoa chẳng hơn một haler nào, Nhất lại còn hào phóng cho Nhái vay cả hơn chục nghìn Curun để mua thuốc thang gửi về chạy chữa cho chồng... Nhất cũng đã mấy lần mời chị em Nhái lên chơi trên Praha. Ôi! Cái tình cảm của Nhất dành cho Nhái nhiều quá. Sao Nhất không dành cho bà chị họ của nó là Hoa lấy một phần. Lại còn chuyện xảy ra cách đây ít hôm nữa, can cố gì mà Nhất để con đi đi cùng, ngồi cùng suốt một chặng đường dài từ Kolin cho đến tận Praha như vậy...

Càng nghĩ về Nhái, Hoa lại càng lòng lộn. Nhất là nghĩ tới số tiền do buôn bán dễ dàng mà có được của Nhái nhiều gấp không biết bao nhiêu lần số chục nghìn Cu mà Hoa thất lung buộc bụng mãi mới tích cóp được. Nghĩ đến Nhái, Hoa chỉ ao ước muốn có một tai nạn thật oái oăm xảy ra cho cô. Hoa cầu mong cho tự nhiên Nhái đổ bệnh, ốm lăn ốm lóc, ốm trọc cả đầu, cầu mong cho tóc con đi bị cuốn vào trục máy, cho tay con đi bị kẹp giữa những bánh răng. Hơn lúc nào hết, Hoa cầu mong cho căn bệnh tim của chồng Nhái ở nhà càng ngày càng trầm trọng, cầu cho thằng thổ tả phải mổ lên mổ xuống, phải chết đi sống lại. Cô cũng cầu mong cho con Nhái bị bệnh tật hoặc đi học bị ô tô đâm phải. Cô ước mơ cái cửa hàng nho nhỏ trong nhà của chồng Nhái bây giờ ngày nào cũng bị không công an khu vực làm khó

dễ thì cũng bị phòng thuế khám xét, không bị bọn đầu trộm đuôi cướp ký sổ quýt nợ thì cũng bị bọn đầu gấu gây gỗ trấn lột.

Lúc quyết liệt nhất, Hoa cầu mong trong một đêm hôm khuya khoắt nào đó ngôi nhà của chồng con Nhái bị kẻ nào đó cho một mối lửa. Ôi! Giá như mà Hoa có phép phân thân. Nếu có một phép lạ nào đó mà Hoa có mặt ở thành phố Nam Bình vào lúc này thì nhất định là cô sẽ kiếm cho bằng được một can xăng. Hoa sẽ đợi đêm xuống rồi mang can xăng ấy bí mật đổ vào cửa hàng của chồng con Hoa rồi cho một mối lửa thì có mà trời cứu.

Nhiều đêm, Hoa mơ thấy ngọn lửa từ ngôi nhà của chồng con Nhái bốc lên cao đến ngút trời. Ngửi thấy mùi thịt mùi cá ai đó rán cháy khen khét ngoài bếp cô lại tưởng tượng ra đấy là mùi thịt người... Hoa ngồi ngẩn ra, rồi tự nhiên cô ngộ ra một điều rằng: Tại sao lại cứ phải về Việt Nam mới có thể đốt tan cơ ngơi của Nhái được? Tại sao cô không thể làm điều đó ở đây? Phải trừ hậu họa ngay từ khi nó hãy còn trong trứng nước. Hạnh phúc của Nhái, của chồng con con đi có được là do những đồng tiền của nó làm ra ở đây. Phải trừ. Phải đốt sạch. Mà không phải chỉ đốt riêng của một mình con đi. Của tất cả những con đi khác của nhà máy dệt Nam Bình cũng như của tất cả những con đi trong đoàn này cũng cần phải bị đốt sạch. Cần phải cho chúng nó quay trở về vị trí ban đầu, nghĩa là trắng tay, trắng mắt.

Ước ao làm sao có một đám cháy thật to, một đám cháy có thể thiêu trụi, có thể san phẳng tất cả làm Hoa khoái chí. Đang nóng sốt bùng bùng, thân thể cô như được một nguồn nước mát chảy qua mà tỉnh táo hẳn lại. Và Hoa quyết định: Không phải phân vân gì nữa,

không phải chờ một lúc nào khác, ngay lập tức cô phải về nhà, phải bằng mọi cách đốt sạch tài sản cũng như tiền bạc của những con đi trong đoàn.

Hoa ngồi nhìn đóng chẵn gói của mình. Cô không tiếc. Chăn gối này là của nhà máy cho mượn, có về Việt Nam cũng chẳng mang theo đi được nên cũng chẳng tiếc làm gì. Cái giường sắt và cái tủ sắt cũng thế. Rồi cô đứng lên mở tủ. Có cái đáng kể nhất là số tiền hơn chục ngàn Cu, có tiếc điều tiếc đứng thì cũng đã bay mất rồi. Máy bộ quần áo mang từ Việt Nam sang đã chập, mấy bộ quần áo âm phủ thì có quảng ra đường cũng chẳng ai thèm lấy, chấy cũng đáng... Hoa kiểm soát một lượt. Chẳng còn gì đáng giá ngoài mấy cái đồng hồ, mấy cái dây chuyền của Nhất để

lại cho từ tuần trước đến nay vẫn chưa bán được. Nhưng của mấy con đi thì đáng tiếc lắm. Hoa chột nhoe miêng cười khi nhìn sang đây mấy cái tủ của mấy chị em trong phòng. Ngoài số hàng họ phải thanh toán vốn liếng với người ta ra, con đi nào trong đoàn này cũng hàng chõng quần áo váy sống đẹp như tiên. Con đi nào cũng một tủ đồ đạc dụng cụ quý giá. Nhiều tiền mà, nên vào cửa hàng thấy cái gì cũng tha về, tích trữ ở đây để có cơ hội là đóng gói gửi về Việt Nam. Quần áo, đồ đạc... của chúng mày rồi sẽ thành than hết các con ạ... Nhưng cái đáng để tâm nhất vẫn là số tiền của chúng mày. Không như Hoa, chưa lần nào gửi được dù một cái áo lót hay một cái quần lót về cho ai; trong đoàn, con đi nào cũng đã

vài lần gửi hàng hóa về chi viện cho người thân của chúng ở Việt Nam. Tối thiểu, mỗi lần gửi như thế mỗi con đi cũng phải tốn đến năm sáu ngàn Cu. Vậy mà, đến giờ số tiền để ra được của chúng vẫn cứ gấp mấy lần Hoa. Số tiền ấy của chúng mày rồi cũng ra mày ra khỏi hết thôi các con ạ. Mà như thế cũng có nghĩa là tiêu tan những dự định của chúng mày, cũng có nghĩa là tiêu tan những trông chờ, những hy vọng, những khao khát của bố mẹ chồng con anh chị em chúng mày...

Hoa cười thầm. Một chuyện vui đến như vậy nên mặt mày cô như rạng rỡ hẳn lên. Bất giác, Hoa huýt sáo thành tiếng. Dẫu sao thì cũng phải hạn chế đến cùng sự thiệt hại của bản thân mình. Hoa nghĩ thế, và cô lấy số đồng hồ, dây chuyền trong tủ ra, cẩn thận lấy khăn mùi xoa gói ghém lại cho tận xuống đáy chiếc túi du lịch rồi mới đi chuẩn bị cho công việc chính của mình.

Muốn đến Karlorivari được sớm để có nhiều thời gian thăm thú ở thành phố này hơn thì phải xuất phát ở Cská Trebova từ lúc trời còn đêm. Theo chương trình, đúng bốn giờ sáng ngày thứ sáu là xe sẽ chuyển bánh. Vậy nên số đông chị em phải dậy từ lúc ba giờ. Có người, vì hồi hộp mà không ngủ được đã thức giấc từ lúc hai rưỡi. Có người còn sớm hơn. Thì phải dậy sớm như vậy để còn làm vệ sinh thân thể, để nấu nướng ăn uống chút đỉnh và nhất là để trang điểm quần áo, đầu tóc, mặt mũi... cho ra dáng là những người đi du lịch.

Hoa cũng dậy từ lúc ba giờ. Trước hết, cô xuống tầng hầm, tắm một cái cho người ngợm tỉnh táo, sáng khoái. Rồi cô nấu một nồi mì. Với số nước luộc nửa con gà chiều qua có thể nấu một nồi mì cho hai bữa, nay dồn làm một nên hơi

thuở ban đầu

tặng vợ tôi

*Em học với tôi một mái trường
Học sau mấy lớp thật dễ thương
Bà cô hai đứa xem vừa xứng
Coi tuổi se tơ quán chỉ hồng.*

*Tôi đến làm quen, tưởng thế thôi
Bâng quơ lắm cảm một đôi lời
Cầu thang vội vã em vào lớp
Ngây ngất lòng tôi nửa nụ cười.*

*Và nhớ lại em mới thuở nào
Sân trường khẽ bước đáng thanh tao
Mũi cao, mắt sáng, môi tươi thắm
Tóc thề, áo tím, đẹp làm sao!*

*Theo mãi rồi em cũng động lòng
E dè sánh bước Quán Đường Sơn
Thừa dịp nắm tay trong khoảnh khắc
Cuộc đời bỗng thấy đáng yêu hơn.*



*Cuối năm tốt nghiệp khoác chinh y
Bom đạn, làm than, có quân chi
Để tròn bốn phận trai thời chiến
Thản nhiên nào nghĩ chuyện yên nguy.*

*Không biết tình em tới độ nào
Tôi nhìn chẳng thấy nét lo âu
Tiến đưa chiều ấy ra đơn vị
Thẹn đón hôn môi một nụ đầu...*

trần kim vân

(Montréal)

nhiều, cô phải cố gắng lắm mới ăn hết được. Xong, Hoa mặc quần áo, sửa sang đầu tóc lại một tí là bốn giờ kém đúng vào lúc ông lái xe của nhà máy đánh cái xe ca quen thuộc đến đậu ở trước cửa.

Không ai bảo ai, mới nghe tiếng anh phiên dịch chào hỏi bà già thường trực ở cửa dưới vọng lên chị em ta đã xách đồ đạc lao xuống. Người Việt Nam là vậy. Vẫn biết là mình có một suất, vẫn biết là không ai quên, không ai bỏ rơi mình vậy mà vẫn cứ phải tranh giành, chen lấn xô đẩy nhau.

Tất nhiên là rồi ai cũng tìm được một chỗ ngồi cho mình. Tất nhiên là rồi cuối cùng nhóm nào cũng đã ngồi vào với nhóm ấy... Và, khi thấy tất cả gần như đã ổn định anh phiên dịch mới lên tiếng hỏi lại:

- Từng phòng, từng nhóm... kiểm lại xem còn ai chưa lên không?

Hỏi han nhau một hồi rồi chị em mới ồn lên:

- Nhóm em đủ rồi!
- Phòng em đủ rồi!
- Tất cả đủ hết rồi anh a...

Anh phiên dịch cũng tin là như thế, nhưng đúng lúc định nói với ông lái là cho xe chạy đi thì anh mới như sực nhớ ra điều gì:

- Còn cô Hoa đâu? Cô Hoa ngồi ở đâu?

Không thấy Hoa thưa. Và cũng lúc bấy giờ chị em mới ngó người ra:

- Hoa dậy lâu lắm rồi cơ mà? Rồi những cô ngồi phía cuối xe nói với lên những cô ngồi đằng trước:

- Cứ tưởng là Hoa ngồi ở trên ấy?

Những cô này đáp lại:

- Thì trên này lại cũng cứ tưởng là Hoa ngồi dưới ấy?

Như thế có nghĩa là Hoa vẫn chưa ra. Lúc ấy, mới có người đoán:

tuyết hoa

Ngoài kia tuyết đổ đầy vơi
Bên song cảm thấy lạnh khơi nỗi buồn
Ngập ngừng từng trận gió buông
Ngàn hoa tuyết rụng trắng lưng cội trần.
Âm thầm thơ trải đôi vắn
Sầu đông gói trọn mấy lần biệt ly
Thời gian như bóng mây đi
Không gian còn lại những gì cho ta
Trắng tay, trắng cả sơn hà
Lòng hoang trông đám tuyết hoa lạnh lùng!

phan long yên



- Hay là Hoa lại sốt?

Nhưng lại cũng có người gạt đi:

- Không phải đâu. Có thể là Hoa đang thấp hương đấy.

- Đúng rồi! Trước khi đi làm hay đi bất cứ đâu bao giờ Hoa cũng thấp hương...

Hoa thấp hương thật. Nhưng thay vì như trước đây khăn khứa trời đất, tổ tiên, ông bà, cầu khẩn sơn thần thổ địa... phù hộ cho bán được một món hàng nào đó thì hôm nay Hoa lấy chỉ buộc vào mỗi cái chân hương bốn que diêm. Ba nén hương như vậy là mười hai que. Rồi cô đốt hương, cắm vào bát. Lúc kiểm lại số giấy báo để trên bàn thờ thấy đã quá đủ, Hoa mới leo xuống. Rồi cô tức tốc chạy xuống xe.

Đúng lúc anh phiên dịch định cử người chạy lên tìm Hoa thì cô xuống đến nơi.

- Hoa làm gì trên ấy mà lâu vậy? - Có một ai đó cất tiếng hỏi.

- Người ta thấp mấy nén hương cúng các cụ... Tìm mãi mới thấy bật lửa.

- Thế thấp được chưa?

- Được rồi.

Để Hoa yên vị xong, anh phiên dịch nói với ông lái cho xe đi.

Mùa hè nên trời chóng sáng. Trời xanh thăm thẳm và cao vút,

đằng đông, một vùng hồng đã hiện ra, hứa hẹn một ngày nắng đẹp. Nhà cửa, cảnh vật hai bên đường lần lượt hiện ra...

Trong khi đó thì những nén hương trong căn phòng của Hoa ở Ceská cũng càng lúc càng ngán dần ngán dần. Không ẩm ướt như ở Việt Nam, giữa mùa hè nhưng không khí ở Tiệp vẫn rất khô và những nén hương vẫn cháy rất tốt. Những que diêm cũng vậy. Dù để trong túi áo hay trong ngăn kéo những que diêm ở xứ này cũng không bao giờ bị ẩm. Những que diêm ấy chỉ đợi những đốm than sáng trên đầu những nén nhang đến gần một khoảng cách nào đó sẽ lập tức bùng cháy.

Và nó chúng đã bùng cháy, cả mười hai que trong cùng một lúc. Ngọn lửa ấy làm cháy luôn số tám hương dày đặc có sẵn trong bát hương. Rồi nó lan xuống mấy tờ báo mà Hoa đã xếp thành chồng ở đấy. Rồi mấy tờ báo lại rơi xuống làm cháy đồng chân ga. Rồi từ đồng chân ga ấy đám cháy đã lan ra cả tòa nhà... Và, toàn bộ sự kiện ấy xảy ra chỉ mười lăm phút sau khi chiếc xe chở đoàn người đi Karlovvari xuất phát.

(còn tiếp)

TÌNH HẬN

TỔNG MINH
LONG QUÂN
(khởi đăng từ số 202)



Chương 13

Những buổi lễ tiếp tân, tuyên thệ, bàn giao khiến Oliver bận rộn tới bụi nhung trong lòng chàng tràn đầy hạnh phúc của kẻ chiến thắng. Oliver nôn nóng muốn bắt tay vào công việc của một tổng thống Hoa Kỳ sau kỳ bầu cử vẻ vang.

Thành phố Hoa Thịnh Đốn là trung tâm của các chính khách Mỹ quốc. Giờ đây Oliver trở nên nhân vật chính của cái nôi chính trị này. Bây giờ chàng mới khám phá ra một điều, trong guồng máy chính quyền, người này quen biết với người kia, có những liên hệ trông tréo, dây mơ rễ má giới thiệu chỗ không phải một kẻ cầu bơ cầu bất mà có cơ hội leo lên nấc thang danh vọng được đâu. Ngay ở thủ đô, có khoảng mấy ngàn ký giả của các cơ quan truyền thông được chính quyền chiều đãi như con cưng vì cái miệng và ngòi bút của họ có thể đưa một nhân vật sáng giá xuống vũng bùn nhơ hời nào không hay. Quyền lực của báo chí không ở đâu mạnh bằng ở Mỹ.

Trong ngày đầu tiên nhậm chức, Oliver cùng Jan đi dạo quanh một vòng trong Tòa Bạch ốc. Lúc trước chỉ đọc báo, nghe nói đến nơi ở của tổng thống như một huyền thoại. Bây giờ hai người là chủ nhân của tòa nhà

gồm 132 phòng rộng lớn với 32 nhà tắm, 29 lò sưởi cùng ba hệ thống thang máy. Bên trong có đủ mọi phương tiện cho gia đình Tổng thống giải trí như hồ bơi, sân tennis, nhà kính trồng đủ các loại hoa kiểng, phòng xem xi nê, phòng tập thể dục, thôi thì đủ cả không thiếu thứ gì. Chung quanh tòa nhà là 18 mẫu tây sân cỏ xanh rì dùng làm sân đánh gôn cho khách của Tổng thống.

Cảm giác được sống trong tòa nhà không vui sướng bằng cảm giác chính mình đang góp phần tạo dựng lịch sử nước Mỹ khiến hai vợ chồng ngây ngất với bao cảm giác nôn nao, khó tả.

Jan nắm tay chồng, nhìn ra xa nói nhẹ nhàng:

- Thật giống như một giấc mơ anh nhỉ?

Oliver xiết nhẹ tay vợ với vẻ thương yêu:

- Anh lấy làm vui khi hai vợ chồng mình cùng chia xẻ niềm vinh quang này.

Những lời nói phát ra từ trái tim của Oliver. Sống với Jan, Oliver khám phá ra nàng là người vợ tốt và không hối tiếc gì cho sự chọn lựa này. Nàng lúc nào cũng ở bên cạnh săn sóc, ủng hộ tinh thần chồng. Tư cách cao sang cùng tánh tình điềm đạm của Jan khiến Oliver hãnh diện vì nàng. Chàng thấy yêu vợ hơn xưa và tự hứa sẽ là người bạn đường trong

suốt quãng đường còn lại của hai người.

Khi hai vợ chồng trở về văn phòng bầu dục, nơi làm việc của Tổng thống thì gặp Peter đang ngồi đợi họ.

Ngay khi nhậm chức, người đầu tiên Oliver đề cử là Peter. Ông ta trở nên giám đốc nhân viên của Tòa Bạch ốc.

Oliver mừng rỡ bắt tay Peter:

- Thật tôi không thể tưởng tượng được mình có ngày hôm nay đó Peter.

Peter mỉm cười:

- Dân chúng tin tưởng vào khả năng của người có tài nên bỏ phiếu bầu cho Tổng thống đó chứ.

Oliver nhìn thẳng vào mắt còn lại của Peter:

- Tôi vẫn là Oliver như ngày nào. Mình gọi tên nhau như ngày xưa đi.

- Nếu ông muốn. Nhưng khi nào chỉ có riêng chúng ta thôi. Kể từ hôm nay, ông đừng quên rằng bất cứ lời nói, cử chỉ nào của ông cũng đều có ảnh hưởng đến cả thế giới. Bất cứ những gì ông tuyên bố đều có ảnh hưởng đến kinh tế hoặc chính trị của bao nhiêu nước khác. Quyền lực của ông cao hơn bất cứ ai trên thế giới này.

Vừa lúc đó có tiếng máy cô thư ký bấm vào báo tin:

- Thưa Tổng thống, có nghị sĩ Davis muốn vào gặp Tổng thống.

- Mời ông ấy vào.

Peter nói với vẻ mặt dăm chiêu:

- Để tôi ra ngoài bắt tay vào việc. Có cả đồng hồ sơ bàn giao tôi cần phải đọc.

Cánh cửa cũng vừa mở ra, nghị sĩ Davis lao vào tay bắt mặt mừng:

- Peter... mạnh giỏi chứ.

Hai người đàn ông vui vẻ bắt tay như hai người bạn thân lâu ngày. Peter quay sang nói với Oliver:

- Thôi để tôi đi ra ngoài làm việc. Chúng mình gặp lại nhau sau.

Khi còn lại hai người, Davis chấp tay sau lưng, đi vòng phía sau bàn giấy chỗ làm việc của Oliver gật gù:

- Chỗ ngồi này thích hợp với con lắm đó. Nồi ước ao của ba được trông thấy con ngồi trên chiếc ghế này nay đã thành sự thật khiến ba vui mừng lắm.

- Cám ơn ba đã giúp con. Phải cần thời gian con mới quen với cảm giác có mặt ở đây... Có nghĩa là, cảm tưởng ngày xưa chính Tổng thống Lincoln, Tổng thống Roosevelt đều ngồi ở đây khiến con cứ tưởng như mình nằm mơ...

Nghị sĩ Davis bật lên cười ha hả:

- Đừng để những ý nghĩ đó vào đầu rồi làm con sợ. Ngày xưa mấy vị tổng thống khác trước khi trở thành anh hùng, huyền sử thì họ cũng là những người bình thường như con vậy thôi. Lúc đầu họ ngồi lên chiếc ghế này họ cũng mang tâm trạng như con, nhưng rồi cũng đầu vào đấy. Người lãnh đạo giỏi nhờ có quần thần lo việc cho mình, mình chỉ việc quyết định. À, hồi này trước khi đến đây, ba có ghé qua thăm Jan. Coi bộ con gái ba đang ở chín tầng mây. Nó ngất ngây với địa vị đề nhất phu nhân lắm đó.

Oliver gật đầu tán thành:

- Jan xứng đáng ở ngôi vị đó và con tin nàng sẽ đảm trách vai trò một cách toàn hảo.

- Ba biết. Sẵn đây ba có một danh sách muốn thảo luận với tổng thống có được không?

Chữ "tổng thống" được nghị sĩ Davis nhấn mạnh với vẻ giễu cợt. Oliver gật đầu hăng hái:

- Được chứ ba.

Davis ngồi xuống chiếc ghế đối diện và đẩy tờ giấy về phía Oliver. Chàng cầm lấy, chưa kịp

đọc nhưng cũng hỏi:

- Danh sách gì vậy hờ ba?

- Chỉ một vài đề nghị cho sự chọn lựa tân nội các. Đây là những người ba chọn...

- Ô! Nhưng mà.. Con đã chọn thành phần nội các rồi...

- Ba nghĩ là con nên đọc kỹ danh sách này trước khi quyết định.

Olivier ngược lên nhìn cha vợ với vẻ bối rối:

- Nhưng không có cách gì..

Giọng nghị sĩ Davis trở nên lạnh lùng:

- Oliver, hãy xem danh sách này đi đã.

Oliver nhăn nhó với nét mặt khổ sở:

- Ba..

Nghị sĩ Davis giơ hai tay lên trời với vẻ chán nản. Ông ta cau mày nhìn con rể với nét mặt nghiêm khắc:

- Ba không muốn con nghĩ là ba yêu cầu con làm việc gì theo ý muốn của ba. Ba chọn người trong danh sách này vì ba nghĩ họ là những người giỏi, có thể giúp con phục vụ đất nước. Ba là người yêu nước. Ba không xấu hổ mà che giấu điều này. Đất nước này đối với ba quan trọng hơn tất cả mọi việc.

Davis cao giọng nói tiếp:

- Con đừng nghĩ là ba giúp con ngồi trên chiếc ghế này vì con là con rể của ba, đó là con làm to. Ba cố gắng bằng mọi giá để con có địa vị ngày hôm nay vì ba nghĩ con xứng đáng, có tài để leo lái quốc gia. Bởi vậy ba tìm kiếm một ban tham mưu giỏi để họ giúp con trong việc điều hành guồng máy, đó là điều ba rất quan tâm.

Oliver ngồi im lặng không nói gì thêm. Nghị sĩ Davis gõ gõ mấy ngón tay trên bàn, nói với giọng hùng hồn:

- Ba sống ở thành phố này nên ba biết rõ mọi việc. Con biết ba

rút ra một kinh nghiệm gì không? Đó là tổng thống nào chỉ được dân tín nhiệm một nhiệm kỳ thì đáng buồn lắm. Con có biết tại sao không? Bởi vì trong bốn năm đầu, vị tân tổng thống chỉ đủ thời giờ học hỏi và biết được mình phải làm cái gì cho đất nước này khá hơn. Ông ta có nhiều ước vọng để thực hiện nhưng phải có đủ thời gian. Bốn năm không đủ để vị tổng thống cải tổ đường lối chính trị cũng như xã hội. Khi vừa quen nước, quen cái thì đã phải đi xuống để nhường chỗ cho người khác lên thay. Thử tưởng tượng cũng như con ngày hôm nay, hồi họp ngồi trên ghế lãnh đạo, không biết phải bắt đầu từ đâu; quay qua quay lại đã hết nhiệm kỳ, nhường chỗ cho người khác, coi có đáng buồn không? Ba muốn con làm tổng thống phải là hai nhiệm kỳ, được dân chúng tín nhiệm. Muốn như vậy thì con phải chọn một nội các với những người có tài thì guồng máy mới thông suốt được.

Không để cho Oliver nói gì thêm, Davis vén tay áo nhìn đồng hồ và đứng lên:

- Ba phải đi gấp vì có buổi họp. Tối nay ba sẽ gặp lại con ở nhà.

Oliver máy móc bắt tay chào từ giã ông cha vợ. Chàng ngồi im nhìn theo bóng ông già đi khuất sau cửa, sau đó chàng chậm chạp cầm tờ danh sách của nghị sĩ Davis đưa lên đọc.

Trong cơn ác mộng đêm đó, người đàn ông thấy cô thư ký Miriam đã tỉnh dậy và ngồi trên giường. Có người cảnh sát bên cạnh cô ta đang hỏi cung và làm biên bản.

- Cô cho tôi biết ai đã gây cho cô tình trạng hôn mê vừa qua?

- Vâng. Người đó là...

Người đàn ông giật mình tỉnh dậy, người ướt đầm mồ hôi, tìm

vẫn còn đập thình thịch vì lo sợ.

Sáng hôm kế tiếp, Oliver nhờ Peter điện thoại về bệnh viện ở Kentucky để hỏi thăm tình trạng sức khỏe của cô thư ký cũ có chút gì khả quan không. Ông giám đốc nhân sự lắc đầu:

- Tôi e ngại tình trạng cô ấy không có gì thay đổi, thưa tổng thống. Cô ấy vẫn trong tình trạng hôn mê.

Oliver chắc lưỡi có vẻ tội nghiệp người con gái, sau đó ngằn ngừ nói:

- Miriam không có thân nhân, gia đình gì bên cạnh để chăm sóc. Chẳng lẽ để cô ấy sống mãi bằng máy trợ lực, thân xác thì còn sống mà như người thực vật, không biết gì cả, thà để cô ấy chết thì đỡ khổ thân cho cô ấy hơn. Nếu sau thời gian dài hôn mê tỉnh lại, thần kinh cô ấy thế nào cũng bị hư hại ít nhiều. Sống như vậy thì còn khổ hơn là chết.

Peter mỉm cười khó hiểu:

- Bác sĩ nói để chờ thêm một thời gian nữa xem sao. Có nhiều khi có người bị hôn mê cả mấy tháng trời, mấy bác sĩ định gỡ máy ra nhưng bỗng dưng bệnh nhân lại tỉnh dậy như vừa qua giấc ngủ dài, vẫn tỉnh táo như thường. Ở đời này cũng có nhiều phép lạ.

Giám đốc nghi lễ của tòa Bạch ốc tường trình cho tổng thống về nghi lễ ngoại giao cần thiết cho những ngày sắp tới:

- Thưa tổng thống, có tất cả 147 nhân vật ngoại giao ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Quyển sổ bìa xanh dương là danh sách tên tuổi của tất cả đại sứ các nước và vợ của họ hiện có mặt ở thủ đô. Còn quyển màu xanh lá cây là danh sách những nhân vật trọng yếu của các tòa đại sứ, của ủy ban Tư vấn.

Ông ta đưa thêm vài giấy tờ cho Oliver vừa tiếp tục giảng giải:

- Còn đây là danh sách những đại sứ quan trọng mà Tổng thống cần tiếp đón.

Oliver đọc nhanh qua danh sách. Có một cái tên quen thuộc: đó là Đại sứ Atilio Picone và vợ là Sylvia. Oliver nhớ lại buổi tiệc tiếp tân dạo nào ở nhà nghị sĩ Davis và người đàn bà đẹp mà Davis đã dẫn Oliver: đó là trái cấm. Oliver buột miệng hỏi:

- Thế trong buổi tiệc ra mắt tân tổng thống, mấy ông đại sứ có mang vợ của họ theo không?

- Thưa không. Mấy phu nhân sẽ được giới thiệu sau. Tôi đề nghị Tổng thống nên tiếp đón phái đoàn ngoại giao càng sớm càng tốt.

- Đồng ý.

- Tôi sẽ thu xếp để thứ bảy tới này Tổng thống mở tiệc mời các đại sứ đến để họ ra mắt và trình ủy nhiệm thư với Tổng thống.

Oliver gật đầu đồng ý, mắt vẫn không rời cái tên Atilio và Sylvia Picone.

Thế rồi buổi tiệc khoản đãi nhân viên ngoại giao cũng diễn ra thật tốt đẹp. Những quan khách buổi tối hôm nay toàn là những nhân vật quan trọng của khắp thế giới. Oliver đi bắt tay từng người và truyện trò với mỗi người dăm ba câu để làm thân. Oliver dừng lại nói chuyện với ba người đàn bà đẹp, vợ của ba nhân vật quan trọng. Vừa dợm bước chân sang hướng khác thì Oliver thấy Sylvia từ phía bên kia đi tới. Người đẹp tiến tới bắt tay Oliver:

- Chào mừng Tổng thống. Tôi mong đợi phút giây này từ lâu.

Nói câu này, đôi mắt người đẹp sáng long lanh. Oliver nói nhỏ:

- Tôi cũng vậy.

Sylvie nói thật nhỏ:

- Tôi biết thế nào ông cũng đắc cử.

Oliver nói như thì thầm:

- Mình nói chuyện này sau nhé.

Sylvie nhanh nhẩu gật đầu, nói nhẹ như hơi thở:

- Nhớ nhé.

Sau bữa ăn tối là dạ vũ được tổ chức ngay phòng tiếp tân với ban nhạc của hải quân. Oliver nhìn dáo dạt sang cả của Jan là lướt theo điệu nhảy với ông đại sứ Pháp, chàng nghĩ thầm: "Kể ra nàng cũng đẹp đấy chứ. Thân người nàng thật quyến rũ theo bước chân dài các. Nàng thật xứng đáng là một đệ nhất phu nhân".

Một tuần lễ sau khi Oliver nhậm chức làm tổng thống, tờ *Washington Tribune* bắt đầu tấn công với hàng tit lớn: "Tin đồn là tổng thống đã gian lận trong việc vận động bầu cử".

Oliver mở to mắt như không thể tin được. Chàng mới chân ướt, chân ráo lên làm tổng thống có thời gian ngắn mà đã phạt lòng báo chí đến như thế thì làm sao lèo lái guồng máy quốc gia được. Nhưng khi chàng đọc đến tên chủ nhiệm của tờ báo thì chàng hiểu ra ngay. Cái tên Leslie Stewart không xa lạ gì với Oliver cả.

Tuần kế tiếp thì lại có chuyện khác: "Tổng thống bị điều tra về việc khai man thuế lợi tức cá nhân trong thời gian làm thống đốc tiểu bang Kentucky".

Hai tuần sau thì tờ *Washington Tribune* lại chạy hàng tit lớn: "Cô thư ký cũ của tổng thống Russell đang nộp đơn thưa ông ta về tội quấy nhiễu tình dục trong thời gian còn làm thống đốc.."

Đến lúc này thì quá lắm rồi. Jan hăm hăm cầm mấy tờ báo đi sang văn phòng của Oliver. Nàng thả mấy tờ báo trước mặt chồng:

- Anh đã đọc báo sáng nay chưa?

- Có. Anh...

- Tại sao anh lại làm như vậy để hủy diệt tất cả mọi người trong gia đình? Anh..

Oliver cắt ngang lời vợ:

- Khoan đã. Em không thấy âm mưu gì sao? Leslie đứng đằng sau giật dây tất cả mọi việc. Chính nàng đã hối lộ cho cô gái để thừa anh. Nàng ta dùng mọi cách để trả thù anh đã bỏ nàng mà lấy em làm vợ. Chuyện rõ ràng là như vậy. Bây giờ nàng hả dạ vì có phương tiện trong tay để triệt hạ uy tín của anh.

Trước xi căng đàn như vậy, nghị sĩ Davis vội vã điện thoại cho Oliver:

- Oliver. Ba muốn đến gặp con khoảng một tiếng đồng hồ nữa, có chuyện gấp.

- Dạ. Ba cứ đến.

Oliver ngồi chờ cha vợ ở phòng đọc sách. Nghị sĩ Davis đẩy cửa bước vào, Oliver vội vàng đứng dậy chào:

- Ba mạnh giỏi chứ?

Nghị sĩ Davis có vẻ giận cực điểm. Ông ta văng tục ngay:

- Mạnh cái chó gì được. Con đàn bà khốn nạn này nó muốn hủy diệt, làm thân bại danh liệt cả gia đình mình.

- Dạ đâu có. Nàng ta chỉ..

Nghị sĩ Davis gầm lên:

- Ai cũng đọc tờ *Washington Tribune*. Độc giả thích loại tin vịt và họ tin những bài báo là thật mới chết chó. Mọi người bắt đầu e dè...

- Thừa ba, theo con nghĩ báo cứ viết những tin giật gân để câu độc giả nhưng sau đó không có chứng cứ thì cũng xù xuống theo thời gian mà thôi.

- Không có xù cách dễ dàng đâu. Con có xem tivi chương trình bình luận của đài WTE số 6 không? Họ phỏng vấn và làm

cuộc thăm dò để xem ai sẽ lên làm tổng thống kỳ tới, tên của con đứng hạng bét. Con coi đó, mới lên làm tổng thống mà họ đã bình luận kiếm người thay thế. Ba cũng biết là cô Leslie nhất định theo dõi để chơi con tới cùng. Con phải làm cho cô ả câm họng lại.

Oliver cười gượng gạo:

- Mình đâu có làm gì được. Đó là quyền tự do của báo chí, mình đâu thể dùng áp lực hay gì khác đâu?

Nghị sĩ Davis nhìn chăm chú Oliver một hồi rồi cười nham hiểm:

- Có cách chứ sao lại không.

Oliver có vẻ nôn nóng, hỏi tới:

- Ba nói sao? Làm cách nào bây giờ.

Davis khoát tay cho Oliver ra hiệu:

- Từ từ đã. Ngồi xuống đi rồi ba nói cho nghe.

Hai người đàn ông ngồi đối diện nhau trên ghế sa lông, Davis nhếch môi cười nhạt.

- Chúng cứ rõ ràng là con mẹ đàn bà này nó còn yêu con nên mới tìm cách phá con tới cùng. Có yêu mới hận dữ như vậy. Nó tìm cách trả thù con đã bỏ rơi nó. Bây giờ mình cãi không lại kẻ có tờ báo trong tay đâu. Phải nhin và làm hòa mới được.

Oliver thở dài sườn sượt:

- Làm hòa cách nào đây? Leslie hận con, không thèm nhìn tới mặt. Đâu có cách nào để làm nàng nguôi giận?

Davis đưa mắt nhìn xuống phần dưới thân thể của Oliver nói xa gần:

- Thì dùng đầu óc tính toán thử coi. Có một cách xưa như trái đất mà đàn ông hay đàn bà vẫn dùng nó để mưu cầu lợi hại.

Oliver mở to mắt, miệng há hốc với vẻ ngạc nhiên tột độ:

- Ba.. Chắc ba không định nói.. biểu con...

- Ba chỉ đề nghị con tìm cách hạ hỏa con nhỏ này xuống. Con làm bộ như là con ăn năn vì đã bỏ rơi nó. Ba cá với con một trăm phần trăm là Leslie nó còn yêu con. Chỉ có yêu người ta mới xem nhau như kẻ thù mà thôi.

Oliver cau mày tỏ vẻ không hiểu:

- Ba đến gặp con hôm nay chỉ là nói với con chuyện này à?

Nghị sĩ Davis nhún vai nói tỉnh bơ:

- ừm.. Ba muốn con dụ nó, làm như con vẫn còn yêu nó. Phải làm đủ mọi cách cho nó si mê con rồi tự dưng nó sẽ im họng lại. Một phần nó núp lén tình cảm với con thì đâu còn già họng mà kiếm chuyện nữa, phải không? Làm nó xiêu lòng một lần thì dụ nó thêm lần khác. Đàn bà mà mê trai thì biểu gì nghe nấy. Tối thứ sáu này phủ tổng thống có tiệc khoản đãi phái đoàn ngoại giao, con mời một số nhà báo. Trong số quan khách này, con rán mời cho được con nhỏ Leslie đến dự. Rồi con lựa lúc không ai để ý, con làm duyên dáng để mê hoặc nó và yêu cầu nó đừng phá con nữa.

- Con không biết... con làm được không nữa.. Không biết bằng cách nào để làm hòa.

- Ba không cần biết con làm cách gì. Có thể con mời nó đến chỗ nào vắng vẻ để tâm tình. Ba có căn nhà nghỉ mát trong một trang trại ở Virginia. Chỗ đó vắng vẻ riêng biệt, không ai lui tới. Rất kín đáo, tiện cho con lắm. Cuối tuần ba đi Florida chơi, ta sẽ tìm cách dẫn Jan đi theo ba cho con trống tay, trống chân.

Nói đến đây nghị sĩ Davis móc trong túi ra một tờ giấy cùng xâu chìa khóa, ông ta đưa cho Oliver.

- Đây nè, chìa khóa nhà cùng bản đồ chỉ dẫn đến đó, cho con mượn làm chỗ hú hí đó.

Oliver nhìn ông già vợ trân

trần như không thể tin được. Chàng há hốc mồm ngạc nhiên:

- Trời đất, ba tính toán sẵn cả rồi sao? Nhưng rồi cô ta không chịu... Hay không hứng thú thì làm sao?

- Ba bảo đảm với con là nó sẽ chịu đi mà. Thôi ba đi về đây. Hẹn gặp lại con thứ hai tuần sau nhé. Rán lên, chúc con may mắn.

Davis đi về mà Oliver vẫn còn ngồi thừ trên ghế suy nghĩ. Chàng tự nhủ: "Không, ta không thể làm tổn thương nàng thêm một lần nào nữa. Ta không thể đối gặt nàng.."

Tối hôm đó, hai vợ chồng Oliver ăn cơm xong, Jan âu yếm nhìn chồng nói:

- Hồi chiều ba điện thoại rủ em ngày mốt này đi Florida chơi với ba. Coi bộ ba muốn giới thiệu vợ tổng thống cho mấy người bạn của ba ở đó biết. Em đi như vậy, bỏ anh ở nhà một mình anh có buồn không? Em biết thứ sáu này tòa Bạch ốc có tiệc. Nếu anh cần em ở lại tiếp đón quan khách với anh thì em sẽ xin lỗi ba và ở lại với anh.

- Không, không.. em cứ đi chơi với ba đi. Dĩ nhiên ở nhà một mình anh sẽ nhớ em nhưng có mấy ngày thôi mà!

Trong đầu Oliver có ý nghĩ: "Tội nghiệp Jan, phen này mình giải quyết mọi việc xong xuôi với Leslie, mình sẽ dành thời gian nhiều hơn cho vợ. Jan là người vợ tốt, mình không muốn phản bội nàng".

Leslie đang điện thoại thì cô thư ký ló đầu vào báo tin:

- Thưa bà, có điện thoại..

Leslie che máy điện thoại, nói bằng giọng khó chịu:

- Cô không thấy tôi...

- Dạ, Tổng thống đang chờ ở đầu giây.

Leslie im lặng nhìn cô thư ký

một hồi rồi mỉm cười:

- Thôi được rồi.

Leslie nói vội vào máy với người ở đầu giây, hẹn sẽ gọi lại, sau đó nàng bấm đường giây thứ nhì. Một giọng nói quen thuộc vang lên:

- Leslie đó hả?

- Chào anh Oliver. Có cần phải gọi anh là tổng thống không?

Giọng người đàn ông ở đầu giây bên kia nói thật nhẹ nhàng:

- Em muốn gọi anh là cái gì cũng được.

Cả hai cùng im lặng một hồi lâu. Sau cùng Oliver nói giọng tha thiết:

- Leslie, anh muốn gặp em.

- Anh có suy nghĩ kỹ chưa? Gặp nhau không tốt cho tiếng tăm của anh đâu.

- Nhưng anh muốn gặp em.

- Bây giờ anh là Tổng thống. Anh ra lệnh cho em đó phải không? Em có quyền từ chối được không?

Oliver nói đùa:

- Nếu em là một công dân yêu nước, em không từ chối yêu cầu của người lãnh đạo xứ sở của em. Nay giờ anh nói đùa, nhưng thứ sáu này tòa Bạch ốc có tiệc khoản đãi phái đoàn ngoại giao và báo chí. Anh mời em đến dự. Anh rất vui khi em không từ chối lời mời của anh.

- Mấy giờ?

- Tám giờ tối.

- Được rồi, em sẽ tới.

Buổi tối thứ sáu, Leslie mặc áo dạ hội màu đen phủ dài tới gót chân, có đường xẻ bên hông lên tới đùi trông thật khéo gợi. Sợi dây nịt với đầu bằng vàng 14 carat trông thật trang nhã và lịch sự. Vừa gặp Leslie, trong lòng Oliver dâng lên những tình cảm nhẹ nhàng với kỷ niệm xưa. Trông nàng vẫn còn đẹp. Oliver đưa tay ra bắt tay Leslie:

- Chào Leslie.

Leslie nghiêng đầu thật lịch sự:

- Chào Tổng thống.

Nắm bàn tay mềm mại, hơi ẩm ướt vì mồ hôi của người tình cũ, Oliver không biết nàng đang căng thẳng, đang giận hay đang có những cảm xúc khi đối diện người tình đã phản bội mình?

Cố gắng ép mình trong nghi lễ, Oliver chỉ nói nhẹ:

- Tôi thật vinh hạnh được sự tham dự của Leslie.

- Tôi cũng vậy.

- Một lát mình nói chuyện sau nhé.

- Vâng.

Thấy Leslie mỉm cười, Oliver có cảm tưởng như cát được gánh nặng. Bấy lâu nay chàng vẫn mang canh cánh trong lòng một mặc cảm đã phản bội người tình xưa. Những bài báo tấn công liên tiếp về chàng có lẽ do sự hận thù. Chàng mong tìm dịp xin lỗi nàng, không phải với ý đồ muốn nàng ngưng loạt bài công kích nhưng muốn nói lên những lời tạ tội của hai kẻ đã từng yêu nhau.

Buổi tiệc diễn ra trong bầu không khí thân thiện. Cách bàn của Oliver là một bàn của các nhà ngoại giao Ả rập. Trong đám quan khách này, Oliver để ý thấy có một người đàn ông cứ nhìn chằm chằm về hướng chàng với đôi mắt sâu, đen trông rất kỳ lạ. Oliver nghiêng đầu sang Peter hỏi nhỏ:

- Cái ông bàn bên cạnh là ai vậy?

Peter đảo mắt nhìn nhanh rồi thì thầm:

- Đó là ông Ali Fulani - một trong những nhân vật trọng yếu của khối Ả rập. Nhưng tại sao ông lại hỏi vậy?

- Không có gì.

Oliver liếc mắt sang người đàn ông xứ Trung đông. Ông ta vẫn

nhìn Oliver chăm chú.

Buổi tiệc diễn ra trong bầu không khí vui tươi. Trong đám quan khách có Sylvia, vợ ông đại sứ Ý ngồi với chồng ở một bàn cạnh Leslie. Oliver phải tiếp chuyện với khách khứa, người này dăm ba câu, người kia một hai câu bông đùa. Mãi cho đến tối khi tiệc gần tàn, Oliver mới có dịp gặp riêng Leslie mà không ai chú ý đến. Oliver nói thì thầm:

- Anh cần gặp riêng em để nói chuyện. Anh có nhiều chuyện muốn nói. Em có thể đến gặp anh ở một chỗ hẹn nào đó không?

Leslie ngần ngừ, trả lời bằng giọng yếu ớt:

- Thôi.. anh có nghĩ là nguy hiểm cho tai tiếng của anh không? Tốt hơn mình đừng làm vậy.

Olive nói thật nhanh:

- Anh có ngôi nhà nghỉ mát ở Virginia, cách đây một tiếng đồng hồ lái xe. Em đến gặp anh ở đó nhé.

Leslie nhìn sâu vào mắt người tình cũ. Lần này nàng không có vẻ chống đối nữa. Nàng nhẹ gật đầu:

- Vâng. Em sẽ tới.

Oliver nói nhanh địa chỉ và hướng đi. Chàng ân cần dặn dò:

- Tối mai 8 giờ anh chờ em ở đó nhé.

Leslie chớp mắt, nói như hơi gió thoảng:

- Vâng ạ.

Sáng thứ bảy mà Hội Đồng An Ninh quốc gia phải nhóm họp gấp. Giám đốc cơ quan tình báo CIA vừa khám phá ra một tin động trời.

- Thưa Tổng thống, tôi vừa nhận được nguồn tin mật cho biết xứ Lybia vừa lén lút mua một số vũ khí nguyên tử của Iran và Trung Hoa lục địa. Thiên hạ xầm xì là Lybia muốn dùng nó để tấn công Do Thái. Ngày mai hay một tôi sẽ có tin chính xác coi chuyện

thật hay không.

Ngoại trưởng Werner nóng nảy lên tiếng:

- Mình phải có phản ứng ngay, không thể chần chờ được. Phải nói cho họ biết là Mỹ sẽ can thiệp nếu chiến tranh ở Trung đông xảy ra.

Mất cả buổi sáng trong phòng họp, mọi người điên đầu trước những xung đột giữa các nước trên thế giới. Điều khó là, hễ Mỹ bênh vực cho nước nào thì các nước khác chĩa mũi dùi chống Mỹ, cho rằng anh khổng lồ nhà giàu đã chen vào nội bộ nước họ. Oliver mệt mỏi vô cùng trước những vấn đề cần phải giải quyết. Tuy nhiên chàng vẫn nhớ đến cái hẹn tối nay với Leslie. Trong thâm tâm, chàng muốn hủy cái hẹn vì tâm tư chàng rối bời vì chuyện quốc gia, chàng không còn lòng dạ nào tính chuyện khác. Nhưng chàng lại nhớ đến lời dặn dò của ông cha vợ. Ông ta đã tính toán hết mọi việc, lập kế đem vợ chàng đi vắng để chàng có cơ hội. Nay chàng hủy cái hẹn biết đâu ông ta sẽ nổi giận lên? Hơn nữa bây giờ đã trễ, dù có muốn điện thoại hủy cái hẹn cũng không biết liên lạc Leslie ở đâu. Trong lòng Oliver cảm thấy hồi hộp lạ kỳ khi nghĩ đến cái hẹn với Leslie. Chàng không muốn đi đến chỗ hẹn chút nào, và trong lòng chỉ cầu mong Leslie đừng đến.

Thế rồi 6 giờ chiều, Oliver cùng người tài xế thân tín nguyên là nhân viên an ninh, lái chiếc công xa dành cho nhân viên chính phủ đi công tác, nhắm hướng Virginia chạy thẳng.

Oliver chờ đợi không lâu thì đã thấy xe của Leslie quẹo vào sân. Căn nhà mát này của nghị sĩ Davis thật là chỗ lý tưởng cho cuộc hẹn hò vì căn nhà nằm khuất

sau một thửa đất trồng cây ăn trái um tùm.

Nhìn qua cửa sổ, Oliver thấy Leslie mở cửa xe bước xuống. Trông nàng đẹp và tươi mát trong bộ quần áo giản dị cuối tuần. Oliver tiến đến cửa trước và mở rộng cánh cửa chờ đợi.

Leslie bước tới. Cả hai người đứng im lặng nhìn nhau, không ai nói với ai một tiếng nào. Hai người đều có cảm tưởng như hai người tình hẹn hò gặp nhau như thuở xưa, quên cả hiện tại hai người đi hai ngã khác nhau rồi.

Mãi mấy phút sau, Oliver là người lên tiếng trước:

- Trời ơi, tối hôm qua anh gặp lại em, anh không ngờ em vẫn còn đẹp như xưa, còn mặn mòi hơn nữa là khác.

Oliver tự nhiên nắm tay Leslie và dẫn vào phòng khách như hai người tình. Chàng âu yếm hỏi:

- Em uống gì để anh lấy cho?

- Cám ơn anh. Em không uống gì đâu.

Oliver mời Leslie ngồi xuống ghế sa lông. Chàng ngồi xuống bên cạnh nàng, nhìn thật sâu vào mắt người yêu xưa với vẻ đắm đuối.

- Leslie, anh hỏi em một chuyện này nhé. Em có ghét anh không?

Leslie im lặng một hồi rồi nhẹ lắc đầu, nói bằng giọng khô khan:

- Không. Ngày trước em tưởng em là em hận anh suốt đời nhưng về sau em nghĩ lại, cũng nhờ anh phụ bạc như vậy em mới có được ngày hôm nay.

Oliver chớp mắt, nói bằng giọng cảm động:

- Em nói vậy là sao, anh không hiểu?

- Em nguyện trong lòng là ăn miếng, trả miếng với anh. Anh làm em đau khổ thế nào thì em cũng sẽ làm anh nếm mùi vị y chang như vậy. Cho nên em mới

tìm đủ mọi cách để nắm được mấy tờ báo trong tay, dùng ngòi bút để tấn công anh. Anh là người em yêu bằng tất cả con tim. Khi anh bỏ rơi em để lấy vợ giàu, em cứ nghĩ là em không thể nào sống nổi nữa...

Nói đến đây, cảm thấy tủi thân, Leslie lấy mu bàn tay lau hai hàng nước mắt. Không cảm lòng được, Oliver chồm tới ôm hai vai nàng vào lòng, buột miệng nói:

- Em yêu của anh..

Thế rồi không cưỡng lại tình cảm xưa dâng trào, hai người hôn nhau say đắm, quên cả trời đất. Leslie cuồng nhiệt trong vòng tay người tình xưa, nàng thì thầm:

- Trời đất, em không ngờ có ngày hai ta được gần nhau như thế này.

Môi của Oliver vẫn không rời đôi môi ướt gợi tình của Leslie, chàng dịu dàng đứng lên đi về phía phòng ngủ. Tình cũ không rủ cũng đến, ông bà xưa đã từng nói. Oliver lẫn Leslie bị thôi thúc bởi những đòi hỏi của xác thịt, của hơi hướm quen thuộc. Hai người cởi bỏ quần áo và ôm nhau trên giường, cuồng nhiệt trong việc làm tình. Họ quên cả quá khứ lẫn hiện tại. Họ chỉ có cảm tưởng như hai kẻ yêu nhau bị xa cách một thời gian dài nay mới gặp lại.

Sau cuộc mây mưa, hai người nằm dài bên nhau, Leslie gối đầu lên cánh tay Oliver thủ thỉ:

- Buồn cười quá nhỉ?

Oliver nhướn mắt lên uể oải hỏi:

- Cái gì mà em buồn cười?

- Những bài báo em viết tấn công anh. Thật ra em chỉ muốn cho anh để ý đến, nhớ em mà thôi.

Nói đến đây Leslie xoay người lại ôm Oliver, thầm thì vào tai chàng:

- Mà anh có nghĩ đến em không?

- Phải nói là có.

Leslie ngồi bật dậy, nhìn Oliver nói bằng giọng nửa đùa, nửa thật:

- Em rất hãnh diện về anh đó Oliver, một tổng thống của nước Hoa Kỳ.

- Anh cố gắng làm một nhà lãnh tụ giỏi để xứng đáng lòng tin cậy của dân chúng. Chuyện này đối với anh rất quan trọng. Anh không muốn người dân có ý nghĩ anh là kẻ bất tài, không làm được cái gì ra hồn, chỉ hứa suông như các nhà chính trị chỉ biết mị dân. Bây giờ tối rồi, anh phải về lại dinh...

- Vâng. Em để anh ra về trước, em sẽ đi sau để mọi người khỏi để ý.

- Chừng nào anh mới gặp lại em hở Leslie?

- Bất cứ lúc nào tiện, anh muốn thì cứ điện thoại cho em...

- Chúng mình phải cẩn thận tối đa chớ không thôi người ngoài biết được thì cả hai chúng ta thân bại, danh liệt luôn.

- Em biết. Tội mình phải kín đáo và cẩn thận tối đa.

Leslie nằm dài người trên giường, ngắm thân thể Oliver trong lúc chàng mặc quần áo vào. Khi mặc quần áo xong xuôi, lúc sắp đi ra cửa, Oliver cúi xuống hôn lên má Leslie và thì thầm:

- Em như một phép lạ mang đến hạnh phúc cho đời anh.

- Anh cũng vậy. Lúc nào anh cũng là người yêu lý tưởng của em.

Hôn nhẹ lên môi Leslie để chào từ giả, Oliver hẹn hò:

- Ngày mai anh sẽ điện thoại cho em.

Oliver hấp tấp xoay người đi ra cửa. Người tài xế lái đưa chàng trở lại Hoa Thịnh Đốn. Ngồi trên xe nhưng đầu óc Oliver vẫn nhớ đến hình ảnh của Leslie. Chàng tưởng đâu bây giờ hai người hai ngã rẽ, xem nhau như hai kẻ xa

lạ, ai dè gặp nhau thì tình cảm hai người vẫn nồng nàn như thưở ban đầu. Oliver tự nhủ: "Leslie yêu ta thật lòng. Ta cố gắng không làm nàng tổn thương thêm một lần nào nữa."

Như sức nhớ ra một chuyện, Oliver lấy điện thoại cầm tay và bấm số điện thoại của nghị sĩ Davis ở Florida. Ở đâu giây bên kia, Davis bốc điện thoại trả lời.

- A lô.

- Con đây ba.

Giọng ông nghị sĩ húng khởi hẳn lên:

- Con đang ở đâu vậy?

- Đang trên đường từ Virginia trở về Hoa Thịnh Đốn. Con điện thoại để báo cho ba một tin mừng. Mình khỏi phải lo về việc nhức đầu nữa. Mọi chuyện được giải quyết tốt đẹp.

- Nghe tin này ba mừng quá.

- Con biết ba trông tin nên con điện thoại ngay cho ba biết.

Sáng hôm sau, lúc vào ghé ngồi ăn điểm tâm, Oliver cầm tờ báo lên đọc tin tức như thường lệ. Ngay trang đầu của tờ *Washington Tribune* là hình căn nhà nghỉ mát của nghị sĩ Davis ở Virginia với hàng tít lớn: "Đây là tổ chuồn chuồn bí mật của Tổng thống Oliver Russell - nơi ông ta làm chỗ hẹn hò trăng hoa với các người đẹp".

(còn tiếp)

Hân-hạnh giới thiệu:

ĐI TÌM NHÂN CHÚNG

tiểu-thuyết xã-hội đen của
TỔNG MINH LONG QUÂN
(chưa đăng trên Làng Văn)
400 trang, giá 20 mỹ-kim (32GK)
Liên-lạc: Làng Văn

TRỞ VỀ TỪ XỨ TUYẾT

NGUYỄN PHONG

phóng tác

(khởi đầu từ số 204)



(tiếp theo)

Theo sự học hỏi của chúng tôi với các bậc hiền triết trên núi Tuyết thì Nhân Quả là một định luật vũ trụ, chi phối tất cả mọi sự việc trong thiên nhiên với những qui tắc nhất định. Thứ nhất, nó có tính cách bất di bất dịch vì không như pháp luật của con người, thường thay đổi theo thời gian và không gian, luật nhân quả không bao giờ thay đổi. Thứ hai, nó có tính cách công bình tuyệt đối vì nó không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, vua chúa hay thứ dân. Với pháp luật của con người, kẻ hiền có thể bị xử oan ức, kẻ ác có thể thoát vòng pháp luật. Với luật thiên nhiên, điều này không thể xảy ra. Qui tắc của nó tỉ mỉ, chặt chẽ đến nỗi không một việc gì xảy ra mà không bị nó chi phối. Bất cứ một hành động, tư tưởng nào tạo ra cũng đều có những tác động phản lại; gây nhân nào, gặt quả nấy. Dĩ nhiên không phải nhân nào cũng tạo quả trong hiện tại mà tiến trình từ nhân sang quả được thay đổi theo những biến chuyển đặc biệt. Một số nhân trong quá khứ có thể sinh quả trong hiện tại hay tiềm ẩn đợi trở quả trong tương lai.

Trên con đường tiến hoá, khi vừa thoát kiếp thú chuyển sang kiếp người, con người có nhiều thú tính, thường ích kỷ, hung ác, say mê dục lạc, gây đau khổ cho người khác. Đây là lúc họ tạo những nhân xấu xa

nhều hơn hết và dĩ nhiên sẽ phải gánh chịu hậu quả. Theo thời gian, qua vô số kiếp sống luân hồi, con người dần dần kiềm chế được thú tính, lòng bác ái nảy nở, bắt đầu làm điều lành và đến một lúc nào đó, họ giảm bớt được lòng ích kỷ, có hành động hy sinh cho người khác, tạo nên những nhân tốt và hiển nhiên sẽ được hưởng quả lành. Khi con người đạt đến mức quên mình, giúp người và biết quan niệm rằng đời sống là để thương yêu, để phụng sự, để giúp đời thì họ bắt đầu bước vào con đường tiến hoá mới, con đường của các hiền triết, thánh nhân.

Khi sinh ra đời, ai cũng mang theo cả một khối nhân đã tạo từ trước, tốt cũng như xấu, lành cũng như dữ và hàng ngày họ tiếp tục gieo thêm nhân mới nữa. Do đó khối quả mà họ phải trả tiếp tục gia tăng và chính việc này lôi kéo, dẫn dắt con người tiếp tục trôi nổi trong vòng sinh tử luân hồi mãi mãi không thôi. Cái khối nhân này thường được gọi là “định mệnh” hay “nghiệp” nhưng danh từ định mệnh không hề có tính cách nhất định, không thay đổi như nhiều người lầm tưởng. Con người có tự do ý chí nên có thể thay đổi, hoán cải được định mệnh. Hôm đó sau khi giảng dạy về luật Nhân Quả, hiền triết Kuthumi đã chỉ xuống giòng suối và nói với học trò:

- Đây các con, định mệnh như giòng suối đang chảy xiết và con người như loài cá đang bơi lội trong

đó. Đành rằng giòng nước chảy nhanh lôi cuốn những con cá đi nhưng vẫn có những con cá, nhờ cương quyết, có thể lội ngược giòng. Con người cũng thế, họ có thể thay đổi số mạng bằng những hành động thiện lành. Mặc dù cái nhân đã tạo khi xưa không bao giờ mất đi nhưng cái hậu quả xảy đến có thể thay đổi. Đáng lẽ nó xảy ra trong lúc này thì có thể hoãn lại đến một lúc khác, vào thời điểm khác chẳng hạn.

Người Tây Tạng có câu chuyện sau: Một thanh niên trên đường đi Lhassa dự thi, tìm đến một đạo sĩ huyền thuật và hỏi về tương lai. Vị đạo sĩ cho biết anh sẽ chết trước khi đến Lhassa vì số phận đã định như thế. Bán tín bán nghi, nhưng thanh niên nọ vẫn tiếp tục lên đường. Hôm đó trời đổ tuyết rất nhiều, đang đi men theo khe núi chợt anh nghe tiếng cầu cứu trong một hang đá. Thì ra một đoàn thương buôn chui vào hang tránh tuyết rồi bị tuyết rơi lấp kín cửa hang. Thanh niên bèn cố gắng đào bới tuyết, cứu được họ ra. Sau đó anh tiếp tục lên đường đi Lhassa và thi đậu kỳ thi Lạt Ma. Trên đường trở về nhà, anh ghé qua gặp vị đạo sĩ huyền thuật và chê trách ông này bắt tài, đã tiên đoán sai. Đạo sĩ quả quyết đã nghiên cứu rất kỹ số phận thanh niên nọ và cho biết nếu anh không chết thì ắt phải có một hành động phúc đức lớn lao nào đó mới thay đổi được số mạng của anh như thế. Thanh niên sức nhớ ra việc đã cứu thoát đoàn thương buôn bị chôn trong hang núi tuyết và công nhận vị đạo sĩ có lý. Đó chính là nguyên tắc hoán cải số mạng qua các hành động phúc đức, cứu giúp người khác.

Một phong tục khác của Tây Tạng cũng dựa trên nguyên tắc hoán cải số mạng này là mỗi khi trong nhà có người bị bệnh nặng, gia đình thân quyến thường hay làm phúc, phóng sinh chim cá với hy vọng hành động đó sẽ làm giảm bớt tình

trạng bệnh tật của người thân. Hiển nhiên đối với người Tây phương, đây chỉ là một điều mê tín dị đoan của những dân tộc bán khai, nhưng khi trở về Anh quốc, trong một khoá giảng, tôi có kể về phong tục này. ít lâu sau, một người chủ công ty đánh cá đến gặp tôi và cho biết ông mắc bệnh ung thư, mọi việc chạy chữa đều vô hiệu. Bác sĩ cho biết ông chẳng còn sống được bao lâu nên ông làm chúc thư để lại gia sản cho người con trai duy nhất. Cậu này có đi dự khoá giảng Thánh Kinh của tôi và nghe kể về phong tục Tây Tạng kia nên quyết định ngưng công việc đánh cá lại trong một thời gian. Đây là một quyết định táo bạo nhưng cậu con thương cha, muốn bỏ việc sát sinh tôm cá, mong cho cha già khỏi bệnh. Điều bất ngờ là một thời gian ngắn sau khi việc đánh cá tạm hoãn, bệnh tình ông từ từ thuyên giảm và sau hai tháng điều trị, trước sự ngạc nhiên của các y sĩ, vết ung thư tự dừng biến mất. Thấy vậy, cậu con trai bèn quyết định bỏ nghề đánh cá, cho sửa đổi đoàn tàu đánh cá hơn ba chục chiếc thành những con tàu chuyên chở hàng hoá. Không những thế, cả gia đình đều phát nguyện ăn chay trường, không dùng rượu thịt nữa. Tám năm sau, khi tôi viết cuốn sách này thì ông chủ hãng đánh cá kia vẫn còn sống, cả hai ông bà và cậu con trai vẫn thường tham dự các buổi thuyết giảng của tôi.

Khi con người tin ở luật nhân quả, họ sẽ hiểu rằng vũ trụ không phải là một sự hỗn độn, đầy tình cờ may rủi, mà nó được tạo lập trong một trật tự rõ rệt với những qui luật không bao giờ thay đổi. Gây nhân nào, gặt quả nấy. Bất cứ một hành động tốt đẹp, thiện lành nào, dù là một tư tưởng hay cảm xúc, cũng đều là những viên đá lót đường, giúp ích cho sự tiến hoá chung của nhân loại.

Theo thiên ý, nếu luật nhân quả được giảng dạy và trở nên căn bản

của nền giáo dục hiện tại, thì thế giới này chắc chắn sẽ đổi khác. Sở dĩ con người có những hành động xấu xa, gian tham, trộm cắp, vợ vét, chém giết vì họ nghĩ rằng các hành động đó sẽ gia tăng hạnh phúc, sung sướng cho họ; giúp họ trở nên giàu sang hơn, thoải mái hơn. Họ đã lầm lẫn rất lớn vì những hành động đó chỉ mang lại khổ đau mà thôi. Nếu đã hiểu biết rõ về luật nhân quả báo ứng thì mấy ai dám làm những việc trái thiên nhiên như vậy! Nếu tất cả mọi người đều được học hỏi về luật nhân quả thì các hoạt động gian tham, ích kỷ, hung ác đang đục khoét nền móng của các quốc gia, hay đang gây ra những thảm cảnh bi thương cho nhân loại, sẽ chấm dứt và được thay thế bằng các hành động vị tha, thương yêu vì ai chẳng muốn làm lành khi biết hành động đó sẽ đem lại cho họ niềm hạnh phúc và thúc đẩy sự tiến hoá của họ đến mục đích cao cả hơn.

Thế giới ngày nay đang trải qua những giai đoạn khó khăn với những vấn đề phức tạp, không thể giải quyết vì những phát minh hiện nay hoàn toàn dựa trên trí thức. Trí thức là sản phẩm của đầu óc con người, phát xuất từ căn bản vật chất. Điều con người cần là trí tuệ vốn phát xuất từ điểm linh quang của Thượng Đế, hay căn bản của tâm linh. Trí thức và trí tuệ khác nhau rất xa nhưng không mấy ai phân biệt rõ được điều này. Trí thức có tính cách thu vào, kết nạp, phân biệt, chịu ảnh hưởng của thời gian và không gian. Trí tuệ là giải thoát, cho ra, không phân biệt và vĩnh cửu, không chịu ảnh hưởng của thời gian hay không gian.

Các phát minh khoa học, kỹ thuật phát xuất từ trí thức nên không đem lại hạnh phúc cho nhân loại. Căn bản của chúng xây dựng trên căn bản vật chất nên chỉ đem lại những khoái cảm nhất thời, những giá trị tương đối, và thường bị chi

phối bởi dục vọng. Dục vọng luôn luôn thôi thúc con người thu nạp, vợ vét và tìm kiếm không ngưng. Nó quan niệm càng nhiều càng tốt, và càng sở hữu nhiều sẽ càng hạnh phúc nhiều. Chính vì thế, nhu cầu của con người càng ngày càng được tô điểm thêm không biết bao nhiêu thứ qua những phương pháp quảng cáo khéo léo để tạo nhu cầu. Sự kích thích dục vọng này đã thúc đẩy con người trở nên ích kỷ, vô tình, dừng dừng, chỉ nghĩ đến mình và làm chậm trễ sự tiến hoá chung của nhân loại. Vì bản chất của dục vọng là hưởng thụ nên thế giới càng văn minh, càng tạo ra nhiều nhu cầu mới mẻ chưa hề có. Nền giáo dục, thay vì giúp con người biết mình, biết quay về với cái bản tính thiêng liêng của mình, đã trở nên một nền giáo dục chú trọng đến việc đáp ứng những nhu cầu hưởng thụ của con người. Hiển nhiên trong sự hưởng thụ sẽ nảy sinh cảm giác chia rẽ, ích kỷ vốn là căn bản của các thảm trạng xã hội hiện nay. Người ta sẵn sàng làm đủ mọi thứ, kể cả việc tồi bại, tranh giành chém giết lẫn nhau, chỉ vì nhu cầu hưởng thụ vật chất này.

Sự thay đổi cần thiết hiện nay là phải cải thiện căn bản nền giáo dục hiện đại. Đã đến lúc con người cần quay về học hỏi các giá trị tâm linh, các căn bản minh triết, các định luật vũ trụ mà các đấng giáo chủ trước đây đã chỉ dạy. Luật Nhân Quả là một định luật vũ trụ cần được giảng dạy để giúp con người ý thức rõ rệt về những điều họ đang làm, để biết rõ nguyên nhân cũng như hậu quả của những biến chuyển đã và đang xảy ra cho nhân loại. Sở dĩ các bậc hiền triết trên núi Tuyết bằng lòng chỉ dạy cho chúng tôi cũng không ngoài mục đích cảnh tỉnh nhân loại về các nguy cơ đã, đang và sắp xảy ra.

Trong đời sống quay cuồng hiện nay, con người cần tìm chỗ trú ẩn

trong tâm mình qua các phương pháp tĩnh tâm hay thiền định. Nhiều người đã sử dụng danh từ “thiền” một cách bừa bãi vì mỗi người đều có những nhận xét riêng, tùy quan niệm cá nhân hay tôn giáo. Thật ra tất cả mọi người trong chúng ta, vào một giây phút nào đó, đều ở trong một tâm trạng gọi là “thiền” và tâm trạng này đến với chúng ta khi chúng ta không hề nghĩ đến nó. Đó chính là điểm linh năng bên trong tự phát lộ, khi tâm hồn con người vượt thoát những chi phối của ngoại cảnh, hoàn toàn ở trong trạng thái an tĩnh, không bị bận rộn hay bị lôi cuốn bởi dục vọng của thể xác. Trạng thái này rất khó thực hiện, nhưng khi đã kinh nghiệm nó, chúng ta không tùy thuộc ngoại cảnh. Sự quân bình và an tĩnh này phát sinh từ Chân Ngã thiêng liêng, tiềm ẩn trong mọi chúng ta.

Trong thời gian sống trên núi Tuyết, chúng tôi đã học hỏi với nhiều vị thầy, mỗi vị chỉ dẫn những phương pháp khác nhau. Một trong những phương pháp này là sự “kháng cự tối thiểu” hay sự làm an tĩnh cái tâm trí đang lao xao, bất động. Quy tắc của nó rất giản dị như sau: Người ta không thể ước muốn mà đạt được nó vì cái ý tưởng ao ước, mong muốn một cái gì đã khiến chúng ta rời xa cái đó rồi. Điều chúng ta tìm kiếm không phải ở bên ngoài, không phải cái có thể nắm bắt, có thể sở hữu được vì nó là điểm linh quang, là chân ngã vẫn ở bên trong mà người nào cũng có sẵn. Khi bản ngã không hoạt động thì chân ngã sẽ biểu hiện, khi các ao ước của vật chất chấm dứt thì niềm phúc lạc của tinh thần sẽ đến một cách tự nhiên.

Theo sự hiểu biết của tôi, sự thoải mái của xác thân rất cần thiết để làm yên lặng tâm trí. Trong lúc đầu, người tập không nên cố gắng thái quá, tư thế cần phải tự nhiên vì chỉ khi nào xác thể được thoải mái,

điều hoà, sự tập trung ý thức mới xảy ra. Trong công phu tham thiền hay tĩnh tâm, người ta không thể áp dụng một phương pháp chung, mỗi người tùy thể chất sẽ lựa chọn một phương pháp phù hợp với mình. Có người nghĩ rằng nếu mình đã đạt được một vài công phu qua phương pháp đó rồi thì người khác cũng sẽ đạt được kết quả như thế. Về phương pháp thiền định, điều này không đúng lắm. Bước đầu của việc thiền định là giữ cho trí óc được yên tĩnh và đây là một việc hết sức khó khăn. Chẳng mấy ai có thể giữ cho trí óc không suy nghĩ trong một phút, chỉ vài giây là hàng trăm ý tưởng lộn xộn đã nảy sinh rồi.

Trong kinh Bhagavad Gita, Arjouna đã nói với đấng Krishna: “Thưa thầy, tâm trí con xao xuyến, lộn xộn, hung hăng và ngỗ nghịch. Khắc phục nó còn khó hơn khắc phục gió”. Krishna đã khuyên học trò rằng tâm trí rất khó trị; nếu bình thản, không chống đối, không kiềm chế, không thiết tha hay bám víu mà chỉ theo dõi nó một cách thản nhiên thì nó sẽ biến mất. Và đó chính là công phu chế ngự tư tưởng.

Theo hiền triết Kuthumi, nguyên nhân của các tư tưởng lộn xộn này là do thói quen từ vô số kiếp sống luân hồi với đủ thứ kích thích của ngoại cảnh. Đầu óc con người đã quen với sự náo động đó rồi nên mỗi khi có một kích thích nào ở ngoại cảnh, nó phản ứng tức thì và dần dần trở thành phản ứng tự nhiên. Đã quen phản ứng như thế mà phải quay về với sự an tĩnh của nội tâm thì quả là một sự đảo lộn, một thay đổi quá lớn lao, quá khó khăn. Cũng vì thế, khi chúng tôi đưa ra những phương pháp thiền định, tĩnh tâm tại Anh quốc thì hầu hết mọi người đều trả lời rằng họ không có thì giờ để làm việc đó. Rất ít ai biết rằng những người bận rộn quay cuồng nhất lại là những người cần thực hành những phương pháp này hơn ai

hết.

Một vị hiền triết trên núi Tuyết đã nói với tôi: “Một ngày không xa, sẽ có những chứng bệnh kỳ lạ, những căn bệnh mà khoa học phải bó tay vì nguyên nhân của nó phát xuất từ sự xáo trộn nội tâm, hậu quả của đời sống xã hội phức tạp, quay cuồng. Đến khi đó, họ sẽ hiểu giá trị của sự tĩnh tâm. Trong tương lai, các phương pháp thiền định sẽ phát triển rất mạnh ở phương Tây vì nó đáp ứng nhu cầu khẩn thiết của con người ở thời đại đó”. (Ghi chú: cuốn sách này được viết từ đầu thế kỷ 20, khi người Tây phương vẫn coi thường các giá trị tâm linh Đông phương).

Trong khi học hỏi với các hiền triết trên núi Tuyết, chúng tôi được cảnh cáo rằng việc tĩnh tâm, tham thiền có thể tiêu cực hay tích cực. Nó tiêu cực khi nào nó liên quan đến tư lợi của người thực hành, thí dụ người thực hành ao ước, mong cầu điều gì hay hiện tượng kỳ lạ nào đó. Nó tiêu cực vì nó làm tăng cái bản ngã riêng rẽ và chỉ đáp lại lòng hiếu kỳ của người thực tập khiến họ lầm tưởng rằng họ đã tiến bộ rất nhiều, đã phát triển được quyền năng, đã trở thành một đấng này, vị nọ. Khi nào trọng tâm của việc tham thiền là trở nên một cái gì, sở hữu một điều gì, một quyền năng thần thông nào thì việc này sẽ đưa con người vào các cạm bẫy hết sức nguy hiểm vì nó tăng cường bản ngã, lòng tự phụ, cho mình quan trọng hơn người. Hiền triết có nhiều phương pháp làm phát triển quyền năng như thế, phần lớn do các pháp sư, phù thủy chủ xướng. Hiền triết Kuthumi đã dạy: “Đức tính cần thiết của người đi trên đường đạo là lòng khiêm tốn, biết quên mình, biết dẹp bỏ cái bản ngã thấp hèn để cho chân ngã tự biểu lộ”. Thiếu điều kiện này, người ta sẽ dễ dàng rơi vào các cạm bẫy nguy hiểm của các môn phái tà mị, lợi kỷ hại nhân. (còn tiếp)



Bút Chì phụ-trách

Làng Văn mở mục "Độc-giả thắc-mắc" để giải-dáp những nghi-vấn của bạn đọc về các lãnh-vực: văn-học, nghệ-thuật, khoa-học, xã-hội, chính-trị, kinh-tế, nhân-văn, v.v.

Trong mục-dịch học-hỏi, Bút Chì hoan-ngheh mọi ý-kiến đóng-góp về câu trả lời.

Vì khuôn-khổ hạn hẹp của một tiểu-mục, xin vui lòng hạn-chế mỗi lần hỏi tối-đa ba câu. Đa tạ.

Giao-Chỉ

Hỏi: Tôi đọc sách của một thiền sư nổi tiếng, thấy nói rằng "nước ta trước đó đã có tên là Nam Việt. Rồi từ Nam Việt đổi thành Giao Chỉ, sau đó được đổi thành Giao Châu." (*Thiền sư Tăng Hội*, trang 21). "Giao Chỉ sau đổi thành Giao Châu khi chúng ta bị nội thuộc nhà Hán." (sdd, trang 21). Đến năm 111, Nam Việt bị nhà Hán xâm chiếm. Lúc đó ta mất tên Nam Việt và trở thành một bộ của nhà Hán gọi là bộ Giao Chỉ. Bộ Giao Chỉ hồi đó đất rất lớn. Tỉnh Quảng Đông và tỉnh Quảng Tây bây giờ cũng thuộc về bộ Giao Chỉ, Đảo Hải Nam cũng thuộc về bộ Giao Chỉ." (sdd, trang 22).

Tôi nghi ngờ những điều trên đây có cái đúng có cái không đúng.

Điều thứ nhất là khi cùng một cuốn sách, cùng một tác giả mà ở trang trước viết "*Giao Chỉ sau đổi thành Giao Châu khi chúng ta bị nội thuộc nhà Hán*", rồi ngay trang sau viết "*Năm 111, Nam Việt bị nhà Hán xâm chiếm. Lúc đó ta mất tên Nam Việt và trở thành một bộ của nhà Hán gọi là bộ Giao Chỉ*." Vậy thì sau khi bị nhà Hán xâm chiếm, nước chúng ta trở thành Giao Châu (trang 21) hay Giao Chỉ (trang 22)?

Theo tôi biết, gần cuối thời Hán, Thái-thú Sĩ Nhiếp mới xin đổi Giao-chỉ quận thành Giao-châu, đúng không?

Điều thứ hai, theo tôi biết, nhà Hán chiếm Nam Việt trước Tây-lịch, không phải năm 111 (sau Tây-lịch). Hai thời-diểm này cách nhau tới 222 năm, hơn hai thế-kỷ, không phải ít.

Điều thứ ba, Giao Chỉ chỉ gồm một vùng đất nhỏ ở châu thổ sông Hồng, không bao gồm cả Quảng Đông, Quảng Tây, Hải Nam. Xin bác BC cho biết ý kiến.

*Chân Định
Pháp*

Đáp: BC có đọc cuốn sách ông hỏi, nhưng chỉ chú-tâm vào phần thiền-học, không để ý đến những chi-tiết sử học, vốn không thuộc phạm-vi chuyên-môn của tác-giả.

1) Địa-danh "Giao-chỉ" có từ thời Hùng-vương, lúc đó gọi là "bộ", một trong 15 bộ của nước Văn-lang. Mãi sau này đến khi bị nhà Hán chiếm, Giao-chỉ trở thành "quận", vẫn giữ tên Giao-chỉ, là một trong 9 quận thuộc vùng đất Nam Việt cũ.

Ông nhớ đúng, hơn 300 năm sau khi chiếm được Nam Việt, nhà Hán mới cho đổi quận Giao-chỉ thành Giao-châu (nâng cấp từ

"quận" thành "châu"), do sự tâu xin của Thái-thú Sĩ Nhiếp năm 203.

Diện-tích của "bộ", "quận" Giao-chỉ, và ngay cả "châu" Giao (Giao-châu) rất nhỏ, không hề bao giờ gồm cả Quảng-đông, Quảng-tây và Hải-nam như nhà sư viết.

Theo sử-gia Phạm Văn Sơn trong bộ *Việt sử tân biên*, địa-danh "Giao-chỉ bộ" hay "bộ Giao-chỉ" có từ thời Hùng Vương, nước Văn-lang.

Nước Văn-lang của người Lạc Việt chia ra làm 15 bộ, gồm:

- Văn-lang: kinh-đô, ở Bạch-hạc, Vĩnh-yên.

- Châu-diên: vùng Ba Vì, Sơn-tây.

- Phước-lộc: vùng đồng-bằng sông Hồng.

- Tân-hung: Hưng-hoá, Tuyên-quang.

- Vũ-định: Thái-nguyên và một phần nhỏ tỉnh Hoa-nam (Trung-hoa).

- Vũ-ninh: Bắc-ninh.

- Lục-hải: Lạng-sơn và một phần nhỏ thuộc tỉnh Quảng-tây (Trung-hoa).

- Ninh-hải: Quảng-yên và một phần nhỏ tỉnh Quảng-tây (Trung-hoa).

- Dương-tuyên: Hải-duong.

- Giao-chỉ: Hà-nội, Hưng-yên, Nam-định, Ninh-bình.

- Cửu-chân: Thanh-hoá.

- Hoài-nam: Nghệ-an, Hà-tĩnh.

- Cửu-đức: Lưu-vực sông Đà, sông Mã.

- Việt-thường: Quảng-bình và vùng Bắc Quảng-trị.

- Bình-văn: vùng Nam Quảng-trị (Phạm Văn Sơn ghi là Ninh-bình).

Năm 257 trước Tây-lịch, Thục Phán chiếm nước Văn-lang, sát-nhập Tây-Âu (Âu Việt, gồm phủ Khai-viên và Thái-bình tỉnh Quảng-

tây và 2 phủ Lô, Liêm thuộc tỉnh Quảng-đông) vào Văn-lang (Lạc Việt) lập thành nước Âu-lạc, xây thành Cổ-loa, đóng đô ở Phong-kê (Phúc-yên ngày nay).

2) Ông nói đúng, nhà Hán chiếm nước Nam Việt năm 111 trước Tây-lịch, không phải năm 111 (sau Tây-lịch).

3) Ông nói đúng về diện-tích của Giao-chỉ.

Như trên đã kể, bộ Giao-chỉ thời Hùng-vương rất nhỏ, chỉ gồm Hà-nội, Hưng-yên, Nam-định và Ninh-bình. Quận Giao-chỉ Hán-thuộc rộng hơn, bao gồm toàn vùng Bắc Việt ngày nay.

Không khi nào Giao-chỉ bao trùm cả Quảng-đông, Quảng-tây và Hải-nam. Chỉ có nước Nam Việt thời Triệu Đà mới gồm cả Bắc Việt ngày nay, Quảng-đông, Quảng-tây và Hải-nam.

Khi nhà Hán chiếm Nam Việt, chia vùng này ra 9 quận, gồm:

- Nam-hải (một-phần Quảng-đông).
- Hợp-phố (phần còn lại của Quảng-đông).
- Uất-lâm (một phần Quảng-tây).
- Thương-ngô (phần còn lại của Quảng-tây).
- Giao-chỉ (Bắc-Việt).
- Cửu-chân (bắc Trung-Việt).
- Nhật-nam (từ đèo Ngang đến đèo Hải-vân).
- Châu-nhai (một phần của Hải-nam).
- Đạm-nhĩ (phần còn lại của Hải-nam).

Riêng quận Giao-chỉ thời Hán-thuộc có 12 thành, 92.440 nhà với 746.217 dân, chia ra 10 huyện: Liên-lâu, An-định, Câu-lâu, Mê-linh, Khu-lương, Bắc-đại, Tây-vu, Long-diên và Châu-diên. Quận-ly của Giao-chỉ là Mê-linh (Châu-phong cũ).

Quận Cửu-chân có 5 thành, 55.753 nhà với 166.013 người,

tìm tia nắng quái

Cho tôi xin lại nụ cười
Chút duyên hàm tiếu của thời ấu thơ
Bước chân se sẻ dại khờ
Mây hồng xuân biếc thêu thùa mắt moi.

Cho tôi xin lại nụ cười
Như tia nắng hạ đầy cơn trước thềm
Nắng từ vườn cải nắng lên
Nắng như che chở cho bẽn lứa đôi.

Cho tôi xin lại nụ cười
Kéo tơ tình dệt, đau ngời sắc thu
Giòng trôi đập đổi, đèn bù
Sao nay như cánh phù du rã rời.

Cho tôi xin lại nụ cười
Giá băng tuyết đổ rơi bởi mùa đông
Ngồi sông chỉ những ước mong
Tìm tia nắng quái mà hong nụ cười.

vân nương



chia làm 7 huyện: Tư-phố, Cư-phong, Đô-lung, Hàm-hoan, Võ-thiết,...

Quận Nhật-nam có 5 thành, 15.460 nhà với 69.485 dân, gồm 5 huyện: Chu-ngô, Ty-cảnh, Lộ-dung, Tây-quyển và Tượng-lâm.

Đến năm 226, thời Đông Ngô, từ Hợp-phố trở lên gọi là Quảng-châu; từ Hợp-phố xuống tới Bắc Việt ngày nay, gọi là Giao-châu. Riêng Bắc Việt trở lại tên cũ, là quận Giao-chỉ.

Đến nhà Đường (618-907), bãi bỏ cương-giới Giao-châu cũ, gộp các quận Giao-chỉ (Bắc-Việt), Cửu-chân (bắc Trung-Việt) và Nhật-nam (từ đèo Ngang đến đèo Hải-vân) đổi thành "phủ", đặt tên là An-nam,

An-nam đô-hộ phủ chia ra 12 châu:

- Giao-châu (mới) gồm 8

huyện: Hà-nội, Nam-định,... ngày nay.

- Lục-châu (3 huyện): Quảng-yên, Lạng-sơn.

- Phúc-lộc châu (3 huyện): Sơn-tây.

- Phong-châu (3 huyện): Sơn-tây.

- Thăng-châu (3 huyện).

- Trường-châu (3 huyện).

- Võ-ngã châu (7 huyện).

- Võ-an châu (2 huyện).

- Ái-châu (6 huyện): Thanh-hoá.

- Hoan-châu (4 huyện): vùng bắc Nghệ-an.

- Diên-châu (7 huyện): từ Nghệ-an vào Nam.

Đường nào đi Florida

Hỏi: Tôi định lái xe từ Toronto đi Miami, Florida nhân dịp

các cháu nghỉ "winter break". Nghe nói tới ba đường đi Florida, dài và tiện-nghỉ tương-đương như nhau. Xin bác cho biết thêm một chút chi-tiết, thí-dụ như có sách nào hay website nào nói về chuyện này.

Ngoài ra, nghe nói ở Florida có một con đường mang tên Việt là "Thiên Thai", không biết có đúng không? Sao không lấy tên nhân-vật lịch-sử (Hùng Vương, Gia Long) hay địa-danh lịch-sử (Mê-linh, Đống-đà)? Cảm ơn bác.

Bill Trương
Toronto

Đáp: Đúng là có ba lối từ Toronto đi Miami (xem bản đồ):

1) Toronto-Windsor-xa lộ 75: 2749 cây số, 26 giờ lái xe.

Nếu không quen xem bản-đồ,

không thích đổi nhiều đường, ông nên chọn lối này, chỉ sử-dụng hai xa-lộ: 401 West từ Toronto tới Windsor, qua biên-giới vào Detroit, lấy 75 South đi một mạch cho tới tận Miami, không phải đổi đường nữa.

Về sách viết về chặng Detroit-Miami có cuốn *Along Interstate-75*, dày khoảng 200 trang, có bản-đồ chi-tiết từng dặm đường cùng nhiều lời khuyên, kinh-nghiệm quý giá về chỗ ăn, ở, tốc-độ, tránh giờ kẹt xe khi ngang qua các thành-phố lớn, các khu cắm trại và thắng cảnh... Giá sách 25 gia-kim, mua tại các tiệm Chapters, Indigo, văn-phòng CAA.

Ngoài ra, muốn biết tin-tức mới nhất về thời-tiết, các đoạn đường sửa và tất cả những điều cần biết dọc theo xa-lộ 75, anh có

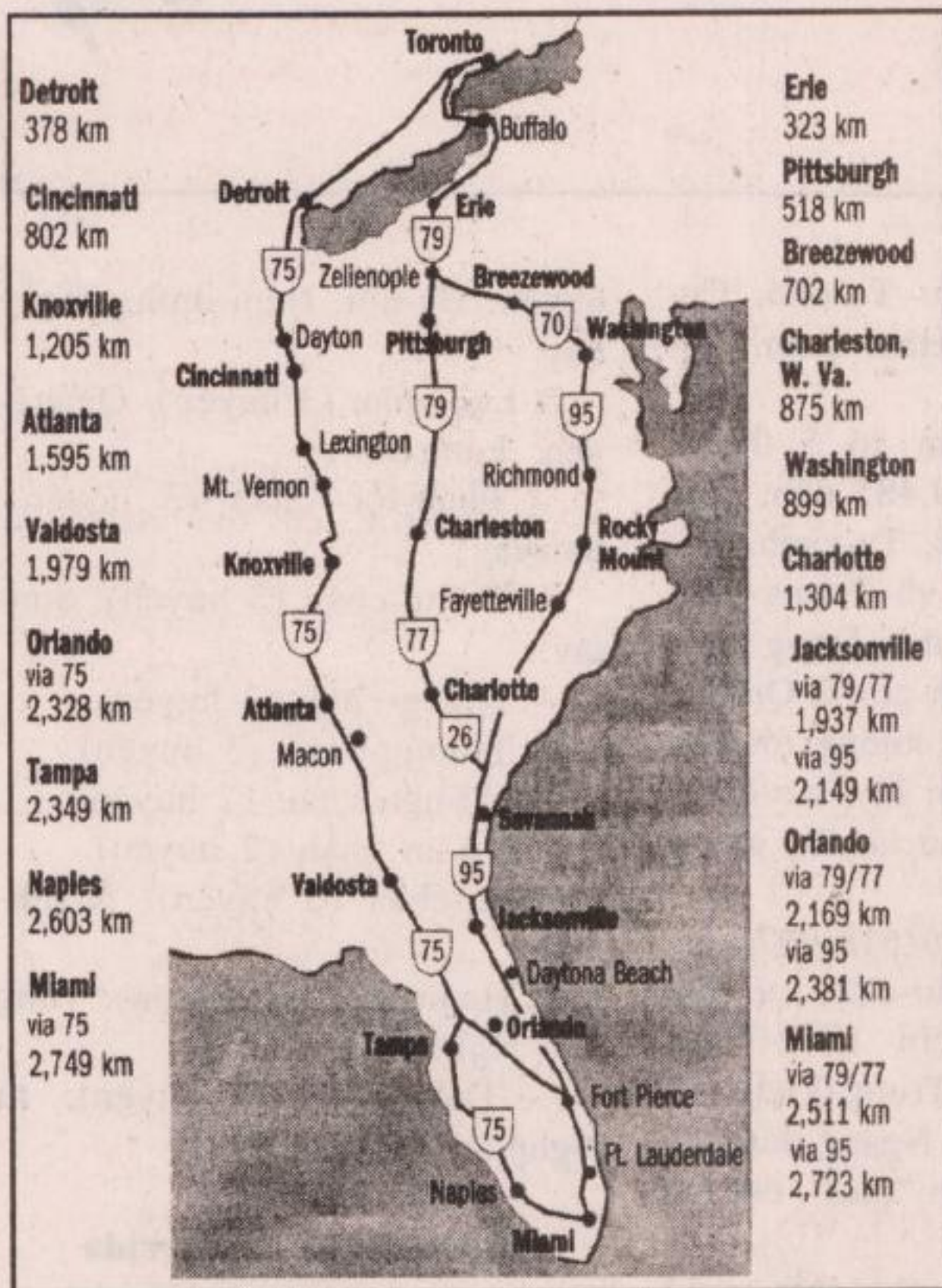
thể xem ở website: www.i75online.com

2) Toronto-Buffalo-Washington DC - xa lộ 95 - Miami: 2723 cây số, 26 giờ lái xe.

Từ Toronto, lấy QEW West đến Buffalo đi 95 West tới Erie, theo 79 South tới Zelenople lấy 70 East đi Washington DC. Từ Washington lấy 95 South đi đến tận Miami. Đoạn này chạy gần biển, nhiều đoạn rất đẹp.

3) Đường ngắn nhất từ Toronto, qua Buffalo, Erie, Pittsburgh, Charleston, Charlotte, Savanna, Jacksonville, Miami: 2380 cây số, 24 giờ lái xe. Tuy-nhiên đoạn đường từ Erie tới Charleston hơi nguy-hiểm, nếu có bão tuyết.

Sau hết, đường *Thiên Thai* ở gần Orlando, Florida là đường tư-lập (không phải công-lập), do tư-



Đường về Florida
và ngang qua ... Thiên Thai (ở Orlando)



Aleurites fordii Hemssley, Euphorbiaceae.
Tên Nhật: Shina-aburagiri.

nhân (không phải cộng-đồng) đề-nghị đặt tên. Đó là con đường dẫn vào trang-trại của một đại-gia-đình người Việt.

Macedonia

Hỏi: Xin cho biết một số chi-tiết về (nước?) Macedonia, hình như ở Âu-châu?

Một hội-viên VBVNHN
Hoa Kỳ

Đáp: Macedonia là một tiểu-quốc trước kia thuộc Liên-bang Nam-tư ở Đông Âu, nay đã độc-lập, nằm ở phía đông Albany và bắc Hi-lạp. Thủ-đô là Skopje. Diện-tích 25.333 cây số vuông (gần 9.781 dặm vuông), là vùng núi cao, lũng sâu, hồ rộng, rất đẹp; 40% diện-tích là rừng. Dân-số hơn 2 triệu người, gồm 65% người Macedonia, 21% Albany, 3% Thổ, 3% Croatia, 3% các giống khác; 67% theo Chính-thống-giáo, 30% Hồi-giáo.

gôm

GS Nguyễn Đình Hoà không di-cư

Tiếp theo bản tin về GS Nguyễn Đình Hoà từ-trần, trong phần tiểu-sử, Làng Văn ghi là "GS di-cư vào Nam năm 1954", chúng tôi nhận được vi-thư của ông Nguyễn Đình Cường, cháu của GS Hoà, cho biết về sự sai-lầm.

Theo bản tiểu-sử do ông Cường gửi tới, GS Nguyễn Đình Hoà du-học Hoa-kỳ từ năm 1948, và về nước làm việc từ 1957 đến 1965, sau đó tiếp-tục cư-trú tại Hoa-kỳ cho tới khi qua đời.

Xin cáo lỗi cùng quý độc-giả.

Hoa lá ngô-đồng

Bài viết về cây ngô-đồng in trên số trước xong, hình-ảnh hoa lá ngô-đồng mới về tới toà-soạn. Nhận thấy đây là một tài-liệu mới lạ, LV xin tiếp-tục phổ-biến bản vẽ hoa lá ngô-đồng như trang bên.

diễn-đàn



Đi tìm điện-mạo người tị-nạn Việt-nam thế-kỷ 20

Có chuyện này tôi muốn bàn với làng, nhân vụ William Joiner Center. Đã có một số người kêu-gọi chúng ta nên làm một cái gì nhằm phác-hoạ chân-dung người tị-nạn trên nhiều khía-cạnh.

Làng đã làm đề-án "Đi tìm nhân-vật VN thế-kỷ 20" (sẽ in sách), vậy có nên nung đà đó, "đi tìm điện-mạo cao người tị-nạn VN thế-kỷ 20" không? Nếu có phương-tiện khả-quan thì ta làm cho xóm tụ, nếu phương-tiện khiêm-tốn thì ta làm vừa vừa thôi. Tất-nhiên ta làm một cách toàn diện (không bỏ qua văn-học đấu-tranh, lương-tâm) thay vì chỉ viết về lòng

thương-nhớ quê-hương chung chung như nhóm K. Bowen đang làm một cách xuyên-tạc.

Xin làng suy-nghĩ, cân-nhắc xem, có nên hô-hào chuyện này không? Nếu làm được, chúng ta sẽ chứng-tỏ cho Bowen và tập-đoàn thấy khả-năng và trí-tuệ của người tị-nạn. Và lại, chúng sẽ hành-động khác kiểu WJC: thay vì đăng báo tuyển-lựa ứng-viên để rồi nhận cỡ Nguyễn Huệ Chi, Hoàng Ngọc Hiến, tạo cho chúng có cơ-hội ngàn năm một thuở liếm giày "đế-quốc tư-bản" kiếm ít đô-la; chúng ta sẽ mời gọi, thỉnh-cầu những người có thiện-chí, có công tâm,

Tóm lại, chúng ta có thể không có 250.000 đô-la, nhưng chúng ta không trịch-thượng, ngạo-mạn, mà chỉ huy-động một số tiền đầu tư nhỏ bé, theo một cung-cấp đăi-ngộ lịch-thiệp...

Trần Văn Tích

LTS: Toà-soạn đang ý-kiến của BS Trần Văn Tích lên đây, vì nhận thấy ý-kiến của ông có thể thực-hiện được. Chúng tôi mong đợi sự hưởng-ứng và ý-kiến đóng-góp thêm của thân-hữu, độc-giả, đoàn-thể cộng-đồng. ●

NHẬN ĐÁNH MÁY COMPUTER CHỮ VIỆT, TRÌNH-BÀY VÀ ẤN-LOÁT SÁCH, BÁO, QUẢNG-CÁO



Phẩm chất cao, giá hạ
Trang: (905) 625-9194



Ngủ không được

Bác-sĩ tiếp một bệnh-nhân đứng tuổi, dáng điệu có vẻ mệt-mỏi lắm.

Bệnh-nhân:

- Bác-sĩ ơi! Tôi không ngủ được! Máy con chó hoang ngoài đường sủa suốt đêm, tôi làm đủ cách, tụi nó chỉ im đi được một lúc...

Bác-sĩ biên toa, an-ủi:

- Khổ quá! Cụ dùng thử mấy viên nay xem sao, tuần sau cho tôi biết kết-quả.

Tuần sau tái khám, bệnh-nhân trông hốc-hác hơn. Bác-sĩ hỏi:

- Bộ thuốc không có hiệu-quả gì sao cụ?

Bệnh-nhân:

- Thưa không hẳn vậy, bác-sĩ. Cả tuần nay đêm nào tôi cũng đuổi theo mấy con chó gần tắt thở. Mãi đêm kia mới tóm được một con, nhưng không làm sao bắt nó uống thuốc được!

Không vừa

Một cụ bà móm-mém mang hàm răng giả tới phòng răng, yêu-cầu sửa đi sửa lại mãi:

- Khổ lắm, vẫn không vừa, ông ơi!

Chuyên-gia răng giả cầm hàm răng lên, tần-ngần:

- Cụ há ra tôi xem! Không hiểu cụ nói sao chứ tôi thấy nó

vừa khít-khao, không còn chỗ nào sửa cho vừa cái mồm của cụ...

Cụ bà trở mặt:

- Ai bảo ông ... cái mồm? Tôi bảo là vừa với cái ly thuốc ngâm nó mỗi đêm cơ mà!

Có yêu lắm không?

Bác-sĩ tâm-lý hỏi một cô dâu mới:

- Chồng cô có yêu cô lắm không?

Đáp:

- Yêu lắm chứ! Yêu vô cùng! Món nào tôi nấu, anh cũng ăn sạch sành sanh, không bắt tôi ăn tới một miếng!

May quá!

Cảnh-sát chặn một chiếc xe cà-tàng chạy qua một thị-trấn nhỏ.

Cảnh-sát:

- Cụ chạy 90 cây số giờ ở chỗ tốc-độ giới-hạn 60 cây!

Ông cụ:

- 90? Thầy đội nói thật chứ? Cảnh-sát dẫn ông cụ đến xe cảnh-sát, trở vào máy:

- Đấy cụ xem!

Ông cụ hớn-hở:

- Vậy thầy nhớ biên chơ kỹ vào giấy phạt là cái xe tôi nó chạy tới 90 nhé! Ghi 100 cây càng tốt! Tôi bán xe cho bạn tôi. Các ông ấy cứ nghi là xe tôi không chạy khoẻ đến thế!

Thế thì tệ thật!

Hai diễn-giả tâm-sự:

- Không có gì tệ cho bằng, trong lúc mình đang thao thao bất tuyệt, nhìn xuống cứ thấy một khán-giả giở đồng hồ ra xem mãi...

- Vâng! Tệ hơn nữa là xem xong, hấn lại kê đồng hồ vào tai để coi nó còn chạy hay không!

Được quá chứ!

Bố bảo con gái mới lớn:

- Nay con, thằng bồ của con vừa gặp bố, ngỏ ý muốn làm đám cưới.

Cô con gái mở to mắt:

- Thế hả bố? Nhưng... con muốn sống với mẹ cơ!

Ông bố hớn-hở:

- Được! Được! Con cứ mang mẹ theo!

Lang tây

Trong phòng khám bệnh, bác-sĩ Smith tiếp một thiếu-nữ xinh đẹp và một bà cụ. Bác-sĩ bảo:

- Cô Annette Tran, cởi hết quần áo rồi nằm lên chiếc ghế khám kia.

Cô gái:

- Thưa bác-sĩ, không phải tôi. Bà tôi đây mới là bệnh-nhân. Tôi chỉ đi theo để thông-dịch.

Bác-sĩ:

- À! Cô bảo bà cụ há mồm ra, nói "A ..." cho tôi xem.

Vỏ quít dày

Tại nhà hàng trong khuôn-viên đại-học, một anh sinh-viên kia nhìn trộm cô bạn cùng trường đến mấy lượt, do-dự mãi mới dám bung khay lân-la lại gần áp-úng:

- Tôi ... tôi ngồi đây được chứ?

Cô gái nhìn anh một cái, chột nói thật to:

- Cái mặt của anh, tôi không thèm!

Mọi người đều quay lại nhìn. Có tiếng cười khúc-khích. Anh nọ xấu-hổ quá, giả-vờ không nghe, bê khay ra góc phòng, cầm-cúi ăn cho xong bữa, lòng tê điếng, uất-ức.

Đang ăn, ngẩng lên chột thấy cô gái ngồi trước mặt. Cô nói:

- Tôi xin lỗi vì đã làm anh ngượng. Anh hiểu cho, Tôi đang

theo học khoa tâm-lý, và đang nghiên-cứu xem phản-ứng ngược-ngập của từng người ra sao...

Anh sinh-viên hỏi lại rõ to:

- Ba trăm? Sao lại tới ba trăm? Làm gì mà đắt thế!

Điếc

Một ông cụ mãi lo làm giàu đến lúc gần đất xa trời mới chợt nhớ mình chưa có vợ, bèn sắm một em người mẫu thơm phức mang về nâng khăn sửa túi.

Mấy hôm sau cụ tìm đến bác-sĩ, lo-lắng:

- Bác-sĩ ơi, hình như vợ tôi bị lãng tai. Tôi nói cái gì cũng phải lại gần nàng mới nghe thấy.

Bác-sĩ:

- Thì cụ mang bà ấy tới đây khám, xem lãng tới mức nào để tôi tính.

Ông cụ:

- Vợ chồng mới, tôi ngại nói ra... Bác-sĩ có cách gì...

Bác-sĩ suy-nghĩ:

- Được rồi. Chiều nay về nhà, ông đứng xa xa bà nhà, hỏi một câu gì đó. Nếu bà không nghe, ông tới gần hơn, rồi gần hơn nữa. Cứ làm vậy cho tới bà nhà trả lời, ông để ý ghi nhận khoảng cách lý-tưởng ấy rồi bảo tôi biết.

Chiều hôm đó về tới nhà, thấy cô vợ đang lúi-húi trong bếp, cụ đứng tít ngoài xa, hỏi:

- Tối nay đãi anh món gì thế, nàng tiên của anh?

Không nghe vợ trả lời, ông tiến tới mấy bước, hỏi lại. Rồi gần hơn, hỏi lại. Tối gần nữa... gần nữa...

Cuối cùng ông đặt tay lên vai vợ, hỏi lại lần chót.

Bất chợt, ông nghe rõ-ràng tiếng nói thanh-tao mềm-mại của nàng:

- Món súp cải hầm thịt bò. Em trả lời cung lần này là năm lần rồi đó. Hỏi mãi!

Tự-giác cao-độ

Ba bà bạn kéo nhau vào nhà thờ xưng tội. Đông người quá, các bà phải xếp hàng chen-chúc nhau trước phòng xưng tội. Một bà vào trước. Hai ba đứng ngoài. Chợt nghe bà bạn:

- Thưa Cha, hôm qua con vô tình nhìn vào chỗ kín của ông hàng xóm.

- Con lấy nước thánh lau mắt và đọc mười bài kinh ăn-năn.

Bà thứ hai:

- Thưa Cha, hôm qua con lỡ chạm tay vào chỗ kín của ông hàng xóm.

- Con lấy nước thánh rửa tay và đọc mười bài kinh ăn-năn.

Bà thứ ba nghe xong lắc-lặng đứng dậy đi lấy nước thánh súc miệng xong quì bên cạnh hai bà bạn, cùng nhau đọc kinh. (CBM)

Đứng đâu?

Mùa đông năm nay lạnh-lẽo, âm-phủ được mùa, ngày nào cũng tiếp cả mấy chục ông. Một hôm Diêm Chúa thân-hành ra chào "khách", sang-sảng quát hỏi:

- Này mấy anh kia, nghe ta hỏi mà làm theo cho đúng, không thì ta ném tuốt vào vạc dầu. Anh nào ở trên dương-thế gian-dâm với vợ bạn, hãy đứng qua bên này.

Các ông nhốn-nháo một lúc rồi một số lục-tục kéo qua bên phải.

Diêm Chúa gật-gù hài lòng, phán tiếp:

- Còn anh nào giam dâm với chị em gái của bạn, đứng qua bên kia.

Các ông lại nhốn-nháo, rồi một số đứng qua bên trái.

Chợt Diêm Chúa trông thấy dâm ba ông cứ chạy qua chạy lại lộn-xộn, bèn giận-dữ hét:

- Còn mấy anh kia! Đứng đâu đứng yên một chỗ, làm gì mà

chạy nhặng lên thế?

Các ông sợ xanh mặt lúng-túng đứng lại. Một ông thu hết can-dảm, lập-cập tâu:

- Tâu Diêm Chúa... Con vừa thuộc ... bên này vừa thuộc ... bên kia nên không biết phải đứng đâu!

Diêm Chúa chợt hiểu, bật cười lên ha hả:

- Còn đứng đâu nữa? Mấy anh đứng sau lưng ta!

Đồng bệnh tương lân

Một cậu sinh-viên Y-khoa Hà thành được bố-trí đi công-tác thực-tế ở miền cao. Nơi cậu công-tác là một bản làng khá đông-đúc nên cũng không buồn bã gì lắm; có điều các cô sơn-nữ ở đây da đen thui chứ không trắng-trẻo như gái miền xuôi.

Công-tác được non một năm, cậu bị đồng-chí chi-bộ Đảng địa-phương mời lên "làm việc" rất gấp.

Cậu sinh-viên chưa kịp đặt mông xuống băng ghế, đồng-chí Đảng-ủy mặt đen như tròn chảo đã vỗ bàn, gắt:

- Anh biết cô Hong-K-Nia chứ?

- Báo-cáo, có biết!

Đồng-chí Đảng-ủy cười đắc thắng:

- Cô ta không có chồng, tự-nhiên sinh con. Điều lạ là con của cô ta da hưng-hừng màu cà-phê sữa chứ không đen như cô ấy và đám trai làng ở đây.

Cậu sinh-viên bối-rối:

- Báo-cáo, chắc là trường-hợp trực-trắc trong vấn-đề di-truyền. Thí-dụ như bầy cừ trắng của đồng-chí lâu lâu lại sinh ra một con cừ con màu nâu nâu...

Đồng-chí Đảng-ủy cũng bối-rối không kém:

- Mà này! Thôi! Ta không bàn chuyện đó nữa! Anh về nghỉ. Tuyệt-đối không hé răng với ai về chuyện cừ trắng cừ nâu nhé! ●



THIỆP TẾT NHẬN ĐƯỢC
(đợt chót, từ 20.1.2001
đến qua tết):

Tòa soạn nhận được các thiệp Tết kể sau, xin cảm tạ và trang trọng kính chúc quý thân-hữu một kỳ lễ vui-tươi, tràn-dầy ân-phúc:

Ông Dương Văn Anh và các con, Mississauga; Lương Văn Nam, Portland; Ký-giả Trọng Kim và báo Ngày Nay, Texas; Anh Châu Văn Tín, Virginia; Ông Cao Khắc Tiếp và Hội Cựu Quân Cán Chính VNCH, Hawaii; Cô Trần Lưu Hương, California; Ông Ngô Văn Cận, Pháp; Ông bà Hoàng Lưu Khiêm và gia-đình, Úc-đại-lợi; Ông bà Nguyễn Văn Thanh, Virginia; Ông Nguyễn Kim và Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam, Hoa-kỳ; Ông Liêu Văn, Úc; Học-giả Thái Văn Kiêm, Paris; Ông Trần Minh, Virginia; Ông Hồ Đắc Tín, BC; Ông Ngô Minh, Pháp; Cô Hà Như Sương, Québec.

BÁO BỊ TRẢ VỀ

Xin quý độc giả có tên sau đây vui lòng cập nhật địa chỉ mới. Tòa soạn không gửi lại những số báo bị trả về, ngoại trừ có lời yêu cầu, kèm theo 4\$ tem (2\$ bồi hoàn tem phạt và 2\$ tem gửi lần thứ hai):

Quách Ngọc Trân, AB; John Cuong Tran, AB.

Ông lang Trần, Đức: Mạn phép đưa ý kiến của ông lang ra công khai. Hi vọng sẽ được đáp ứng. Làng sẽ tùy theo sự quan tâm của công chúng để sắp xếp công việc.

Chúc ông bà vui khỏe, trẻ trung. Kính.

Hoà Vũ, AB: Báo bị trả về, dọn nhà? Nhớ cho số điện thoại để tiện liên lạc. Thân.

Ông Nguyễn Định, Edmon-ton: Đã nhận được chi phiếu. Cảm ơn ông. Về hình ảnh áo dài, áo bà ba, ông thử tìm trên lịch treo tường xem. Ngoài ra, xin xem ở sách ảnh Lê Quang Xuân, Trần Cao Lĩnh. Kính.

Ông Lê Quang Văn, WI: Cảm ơn ông đã gửi cho đặc san Quảng Ngãi, rất công phu. Kính chúc ông và quý Hội luôn thành công. Kính.

Thi sĩ Thuý Sơn, CA: Cái chi phiếu thứ hai đã tới. NH sẽ để ý xem cái trước có đến không.

Thơ chữ Hán, muốn gửi bằng vi thư, ông nhờ các cháu sao chụp lại theo dạng "tiff, black & white,

200 dpi" và gửi bằng attachment. Kính.

Anh Sông Mao, WA: Những tài liệu anh có về kịch VN đầu thế-kỷ 20, rất quý. Xin tiếp tục nghiên cứu và công bố.

Huỳnh Ngọc Nga, ý: Bay giờ NH ... giỏi rồi! Chị dùng dạng chữ nào toà soạn cũng đọc được.

Ông Nguyễn Châu, New York: Đã nhận được hai băng hình về sinh-hoạt văn-hóa VNCH tại New York. Rất quý. Cảm ơn ông.

Ông Trần Ngọc, Ha Uy Di: Đã nhận được bài thơ. Từ bài 1 sang bài 2, đã thấy tiến. Cảm ơn ông.

Anh Lê Hoàng Văn, Thái Lan: Mừng anh sắp sang Mỹ định cư, sau những năm dài bị giam cầm ở nhà tù Di Trú Thái Lan. Đã chuyển anh của anh đến Hội Cựu SVSQTB Thủ Đức Ontario. Hi vọng các anh khoá 2/71 (Đồng Đế) sẽ nhận ra anh.

Anh P. Đan Hà, Úc: Đã nhận được thư và bản chiết tính, cảm ơn anh. Đã "truy lùng" tất cả địa chỉ cũ của anh NM để huỷ đi, tránh gửi lạc lần nữa. Thân.

Nhắn tin ông Hà Xuân Quỳnh và quý độc giả gửi thư cho nhà văn Nguyễn Phong: Theo ý tác giả, toà soạn không thể chuyển thư. Dịch giả NP phần bạn bịu việc trường, trường sở, phần chú tâm viết lách và tu học, mặt khác tự nhận thấy bề học mênh mông và khả năng mình chưa đi đến đâu, nên không thể trả lời thư riêng hay bàn bạc gì thêm được, ngoài những gì đã viết. Kính mong quý độc giả thứ lỗi.

BÀI NHẬN ĐƯỢC
Văn: Hoà Vũ, Nguyễn Thanh, Trúc Giang.
Thơ: Trịnh Tây Ninh, Khang An (2), Nguyễn Tường Tận, Tôn Thất Sơn, Tuệ Nga (2), Văn Nương (3), Thuý Sơn, Vạn Giả.

BÀI SẼ ĐĂNG
Văn: Những ngày chưa lâu (HV).
Thơ: Xuân này con chưa về (TTS), Em đón xuân...
Nhấn tin tị-nạn
 Ông Lê-Khắc Hồng, cựu trung-tá Truyền tin, quê Kiến-an (Bắc Việt), nay ở đâu xin liên-lạc với cháu Lê-Khắc Ưu Đàm (nhờ LV chuyển).

CHIA BUỒN

Nhận được tin buồn,

Cụ bà **TRẦN LƯU KHẢI**
 khuê danh Nguyễn Thị Vinh
 bút-hiệu Khải Vinh

thân-mẫu của nhà thơ Trần Tường Hoàng (Trần Lưu Khiêm), đã qua đời tại Toronto ngày 11.2.2001, hưởng thọ 70 tuổi.

Xin chia buồn cùng anh Trần Tường Hoàng và quý tang-quyển.

Cầu-nguyện cho hương-linh cụ bà sớm về nơi an-lạc.

Gia-đình Khải Chính Phạm Kim Thư
 Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

Sách mới về

(Bổ-túc Thư Mục 2001, in trên Làng Văn số 209)

Chân dung và đối thoại

Bút-ký văn chương
 Trần Đăng Khoa
 US\$13.00 - CA\$20.50

Chiếc áo mộng mơ
Tiểu thuyết xã hội Trung Hoa
 Quỳnh Dao
 US\$12.00 - CA\$19.00

Chiến tranh Việt Nam toàn tập
 (Từ trận đầu đến trận cuối)
 gần 1000 trang khổ lớn,
 bìa cứng có Jacket
 US\$45.00 - CA\$70.00

Chữ nghĩa bề bề

Tập văn
 Đặng Trần Huân
 US\$12.00 - CA\$19.00

Dì Thu

Truyện ngắn
 Trang Châu
 US\$10.00 - CA\$16.00

Dữ hơn rắn độc

Tiểu thuyết phóng tác
 Hoàng Hải Thủy
 US\$15.00 - CA\$24.00

Giọt lệ tương tư

Tiểu thuyết xã hội Trung Hoa
 Quỳnh Dao
 US\$11.00 - CA\$17.50

Hạnh phúc có thật

Truyện ngắn
 Bùi Bích Hà
 US\$10.00 - CA\$16.00

Kho tàng truyện tiểu lâm Việt Nam

Nguyễn Cử & Phan Trọng
 Thường
 US\$12.00 - CA\$19.00

Lời tỏ tình đã cũ

Truyện ngắn
 Hoàng Chính
 US\$10.00 - CA\$16.00

Những ông vua nổi tiếng Trung quốc

(3 cuốn)
 Tiêu Lê,
 Vũ Ngọc Quỳnh dịch
 US\$45.00 - CA\$70.00

Những tên biệt kích cầm bút

Hồi ký lao tù
 Hoàng Hải Thủy
 US\$16.00

Quê nội quê ngoại

Truyện đồng quê miền Nam
 Xuân Vũ
 US\$18.00 - CA\$28.50

Sài Gòn - Cali 25 năm gặp lại

Bút ký
 Văn Quang
 US\$13.00 - CA\$20.50

Tâm lý con người qua nét bút

Quang Bạch
 US\$12.00 - CA\$19.00

Tình yêu

Truyện ngắn
 Hoàng Nga
 US\$10.00 - CA\$16.00

Thế giới tâm linh

Tài liệu
 Đoàn Văn Thông
 US\$15.00 - CA\$24.00

Tội ác và quả báo

Đoàn Văn Thông
 US\$10.00 - CA\$16.00

Trăm hoa đua nở trên đất Bắc

Tài liệu về Phong trào Nhân Văn Giai Phẩm trên đất Bắc năm 1956
 Mạc Đình Hoàng Văn Chí
 US\$18.00 - CA\$28.50

Truyền thống văn hoá VN trong văn chương đối liên
 Biên khảo, Trần Công Định
 US\$15.00 - CA\$24.00

Tự điển Phật học

bìa cứng, khổ lớn
 Chân Nguyên & Nguyễn
 Tường Bách
 US\$28.00 - CA\$44.50

Tự điển thành ngữ, tục ngữ

Hoa Việt
 bìa cứng, Nguyễn Văn Khang
 US\$16.00 - CA\$25.50

Tự điển thành ngữ, tục ngữ

Việt Hoa
 bìa cứng, Nguyễn Văn Khang
 US\$15.00 - CA\$24.00

Tự học tiếng Anh, luyện nghe và thực hành
 (sách & 2 tape), Trình Tiến
 US\$20.00 - CA\$32.00

Việt Nam niên biểu

Tập C: 1939-1975
 Tài liệu, Chính Đạo
 US\$22.00 - CA\$35.00

Vinamese for you

sách & 2 tape học tiếng Việt
 Nguyễn Văn Khôn
 US\$15.00 - CA\$24.00

Liên-lạc: LÀNG VĂN



Xin hỏi tại các đại lý sau đây

WASHINGTON DC:

- * Washington Productions (703) 538-4979
- * Vĩnh Hảo Video (703) 534-6422
- * Sovina Service & Travel (703) 641-0555

LITTLE SAIGON, NAM CALI:

- * TTBN Bích Thu Vân (714) 897-4519
- * Đà-Lạt Music (714) 638-0612

S. FRANCISCO, BẮC CALI:

- * Nhà sách Mỏ Làng (415) 673-8115

ARLINGTON, TEXAS

- * TTBN Nhạc Trẻ (817) 274-8499

HOUSTON, TEXAS:

- * TTBN Phương Mi (713) 523-1131

KANSAS CITY, MO:

- * KIM's (816) 231-2434

EDMONTON, CANADA:

- * Lucky 97 Tailor (780) 425-1396



Giá bán: COMPACT DISC: \$12.00
CASSETTE: \$8.00
LỜI BÀI HÁT: \$5.00

Ngài Hoa Kỳ và Canada,
xin thêm \$3.00 cước phí
(Air Mail/Par Avion)

N.A. PRODUCTIONS

© 2000 by Nguyệt Ánh - Warning All Rights Reserved
P.O. Box 4003, Falls Church, VA. 22044 USA
Phone: (703) 533-0264 - Fax: (703) 532-7453

LÊ LÀNG

MUA BÁO DÀI HẠN NHANH . RẺ . NHIỀU QUYỀN LỢI KHÁC

Độc-giả mua báo dài hạn nhận báo gửi về tận nhà, được bớt từ 10% đến 25% khi mua sách do Làng Văn phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân-phiếu hoặc bưu-phiếu về tòa-soạn tại Gia-nã-đại (Canada).

GIÁ BÁO DÀI HẠN

(hiệu-lực từ tháng 1 năm 2000, thay thế tất cả các giá trước đó)

Báo gửi trong Canada: - một năm 12 số: CA\$55 gia-kim
- hai năm 24 số: CA\$105 gia-kim

Gửi đi Hoa-kỳ: nên mua báo gửi bằng đường bộ
đường bộ: - một năm 12 số: US\$55 (CA\$85 gia-kim)
- hai năm 24 số: 105 mỹ-kim (160 gia-kim)
hàng không: - một năm: US\$70 mỹ-kim (CA\$110 gia-kim)

Các nước khác:
đường thủy: - một năm 12 số: US\$55 (CA\$85 gia-kim)
- hai năm 24 số: 105 mỹ-kim (160 gia-kim)
hàng-không: - một năm 12 số: US\$85 mỹ-kim (CA\$130)

Ghi-chú:

- CA\$: gia-kim, tiền Canada; US\$: mỹ-kim, tiền Mỹ
- Nếu trả bằng tiền địa-phương, xin theo giá sau (1 năm):
Anh: đường thủy 35 bảng / hàng-không 55 bảng
Đan-mạch: đường thủy 450 krone / hàng không 700 krone
Đức: đường thủy 130 đức mã / hàng không 200 đức-mã
Hòa-lan: đường thủy 145 gulden / hàng-không 225 gulden
Na-uy: đường thủy 550 krone / hàng-không 850 krone
Nhật-bản: đường thủy 6.000 yen/hàng-không 10.000 yen
Pháp: đường thủy 350 quan / hàng-không 650 quan
Úc: đường thủy 110 úc-kim / hàng-không 170 úc-kim
Ý: đường thủy 120.000 lira/hàng-không 180.000 lira

Gửi về tòa soạn Canada: Độc-giả cư-ngụ tại Canada, Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Ý, Nhật, xin gửi chi-phiếu cá-nhân bằng tiền địa-phương về tòa-soạn. Độc-giả tại các nước khác xin gửi ngân-phiếu (money-order) bằng tiền Mỹ hoặc bưu-phiếu (postal money-order, mua tại bưu-điện) bằng tiền Canada về:

Đức:	Na-uy:	Hòa-lan:	Úc-đại-lợi:
Dr. Ngô Việt Dũng	Dương Kim	Hồ Thị Chiến	Nguyễn Văn Tà
Postfach 104122	Bjorn Bodesvei 153	Bazillehof 36yster 77	3/45 51 Ivy St.
44041 Dormund	1253 Oslo	1628 XD-Hoorn-NH	Greenacre, NSW 2190

Lưu ý: các văn-phòng đại-diện chỉ nhận chi-phiếu, chuyển hồ-sơ; không có đủ-kiện để giải-quyết các vấn-đề giao-dịch.

Quý vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên trong vòng 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) hoặc 12 tuần (nếu mua báo gửi bằng đường thủy) sau ngày tòa-soạn nhận được chi-phiếu. Sau thời-hạn này, nếu chưa nhận được, xin thông-báo cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu trên nhãn địa-chỉ của bạn ngoài phong-bì gửi báo. Xin vui lòng cắt nhãn này để dành. Khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, mua sách, gia-hạn báo, đổi địa-chỉ, v.v.), xin gửi kèm mã-số để tránh nhầm lẫn. Mã-số này gồm ba nhóm số và chữ. Nhóm thứ nhất là mã-số riêng, không bao giờ thay-đổi. Nhóm thứ hai là hạn báo của quý vị, ghi số báo chót sẽ nhận được. Nhóm chữ cuối cùng (nếu có), là cách gửi báo (máy bay, đường bộ,...).

Quý độc-giả mới, hoặc vừa tái hạn, trong vòng 90 ngày, xin vui lòng kiểm-soát lại nhóm số thứ hai (hạn báo). Nếu thấy không đúng với con số do quý vị tính, xin thông-báo ngay cho tòa-soạn.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, tên đệm, tên:.....

Địa chỉ:.....

mua:.....số báo; từ số:.....; kèm chi-phiếu:.....\$

Ngân, chi-phiếu xin đề và gửi về:

"LÀNG VĂN"

P.O. Box 218, Station "U", Toronto, ON M8Z 5P1, Canada

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....số báo, kể từ số:.....

để tặng cho:.....

Địa-chỉ:.....

Xin đề: "Do.....tặng

kèm theo ngân, chi-phiếu:.....\$

Lưu ý: Khi đổi địa-chỉ, xin quý độc-giả vui lòng báo trước cho tòa-soạn biết. Dùng phiếu đổi địa-chỉ in ngoài phong bì gửi báo; hoặc ghi rõ: tên người mua báo, mã-số và địa-chỉ cũ kèm theo địa-chỉ mới. Tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả lại.

BÀI VỎ

1. Khi gửi bài cho Làng Văn, tác-giả đương-nhiên đồng ý cho phép tòa-soạn đăng trên báo, in sách, phát-thanh, và phổ-biến trên băng. Nếu tác-giả cần giữ lại cho sách riêng sau khi đăng báo, hoặc giao cho các nhà xuất-bản khác, xin thông-báo cho tòa-soạn để tránh in trùng.

2. Khi in sách, tòa-soạn sẽ trả nhuận bút hoặc tặng sách.

3. Tòa-soạn không hoàn lại bản-thảo, dù kèm tem, xin quý tác-giả vui lòng sao giữ lại.

4. Nếu viết bằng máy vi-tính IBM hoặc tương-đương, xin vui lòng gửi đĩa bài hoặc email bản chữ về tòa-soạn.

5. Ngoại-trừ các bài có tính-cách tin-tức, thời-sự tòa-soạn cần phổ-biến rộng, Làng Văn tránh đăng bài trùng. Bài gửi riêng cho Làng Văn, xin ghi chữ "riêng" ở góc trái, phía trên đầu bài.

6. Nếu không cho phép tòa-soạn nhuận-sắc, xin ghi thêm các chữ "không sửa".

7. Bài đã ghi vào cột "sẽ đăng", muốn gửi cho báo khác, xin vui lòng báo trước.

8. Bài đã đăng trên Làng Văn, sau ba tháng, tác-giả có thể gửi đăng lại trên các báo khác.

9. Quý đồng-nghiep muốn trích đăng lại, xin vui lòng báo trước và chờ sự thỏa-thuận bằng thư hoặc email. Bài trích đăng, xin ghi rõ các chữ: (Làng Văn số...) ngay bên dưới tên tác-giả hoặc cuối bài.



Hỏi Sao Không Buồn Cho Được

Được xuất bản lần đầu tiên năm 2004

Giá mỗi tập:
US\$10 (CA\$16)

Liên-lạc:

Làng Văn
Box 218 Stn. U
Toronto, ON
M8Z 5P1
Canada

Hai thi-tập
mới nhất của
Trần Văn Lê
thơ hay
in đẹp
do Người Tàu
và Người Mỹ
xuất-bản
tại Los Angeles



HomeLife Realty Centre Corp.

2579 Hurontario St., Mississauga, Ont., L5A 2G4



**Steven
KIÊN TRỌNG DAO**
Sales Representative
(Đào Trọng Kiên)
Bus: (905) 279-8300
Fax: (905) 279-5344
Res: (905) 566-5234
Pager 24/24 qua văn-phòng

Chuyên môn phụ trách mua bán, sang nhượng
Nhà Đất - Cơ Sở Thương Mại ...
trong vùng Mississauga, Brampton, Toronto và phụ cận.

- * Phục vụ tận tâm, uy tín, đứng đắn, tín nhiệm.
- * Theo dõi thị trường, định giá chính xác.
- * Giúp đỡ định giá, trả giá và hoàn tất thủ tục.
- * Giới thiệu tìm vay mortgage dễ dàng.
- * Giới thiệu Luật sư uy tín tận tâm



Truyện dài mới nhất của NGÔ NGUYỄN DŨNG



160 trang - 10 mỹ-kim
Liên-lạc: Ngô Nguyễn Dũng
Postfach 104122, 44041 Dortmund, Germany

TÌM ĐỌC



**THƯƠNG QUÊ
DẤU BUỒN THƠ TRỐ BÔNG
MÀU SIM TRONG ĐẤT HỨA**

LIÊN LẠC: NVC
OLSVIKAASEN 144
6183 OLSVIK NORWAY
TEL. (47) 55 26 53 20

© 2008 ANHEM 2008
anhem@online.no

THO NGUYỄN VĂN CƯỜNG

**Bác-sĩ toàn-khoa
QUẢN ĐỨC MINH**

**Nha-sĩ, DDS
NGUYỄN THÙY DUNG**
2580 Shepard Ave., Unit # 31,
MISSISSAUGA, ON L5A 4K3
ĐT: (905) 615-0468

Nha-sĩ NGUYỄN THANH NHÀN
1280 Finch Ave. W., Suite 707
Downsview, Ont. M3J 3K6
(trong Nor-Am Tower)
ĐT: (416) 663-3200

Nha-sĩ TỬ CHẤN PHONG
3085 Hurontario St., #209
MISSISSAUGA
ĐT: (905) 897-8527

**GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO,
CHÚC MỪNG, CHIA BUỒN**

TRANG TRONG:

- nguyên trang \$120 một kỳ
- nửa trang \$70 một kỳ
- 1/4 trang \$40 một kỳ
- 1/8 trang \$25 một kỳ

*Bớt 20% cho độc-giả dài hạn
đăng phần ưu, chúc mừng.*

BÌA LÚNG: 1 ô (3.25"x1.50") \$40 một kỳ

TRANG BÌA TRONG:

- 1 ô nhỏ: \$120 nguyên năm (12 kỳ báo)
- 2 ô: \$200 nguyên năm (12 kỳ báo)
- 5 ô (1/6 trang) \$35 một kỳ - trọn năm \$350
- 15 ô (nửa trang): \$100 một kỳ

CẦN THƯ-MỤC LÀNG VĂN?

Xin xem trên báo Xuân, hoặc vi-báo Làng Văn
www.vietnamlangvan.com/vietnews

Nha-sĩ

NGUYỄN THỊ KIM HOÀN

741 Broadview Ave., #201,
Toronto, Ont. M4K 2P6
Subway Broadview Phố Tàu Đông
CHUYÊN GIẢI-PHẪU NƯỚC,
LẤY GÂN MÀU,
TRỒNG RĂNG THẨM-MỸ
CỔ-ĐỊNH VÀ THẢO RỜI
ĐT: (416) 461-5437



**VĂN-PHÒNG KẾ-TOÁN
&
KHAI-THUẾ LỢI-TỨC
TRẦN ÁNH TUYẾT**
806 College St. (góc Ossington)
(416) 588-4256

*Nhận chuyển hồ-sơ trực-tiếp
lên sổ thuế qua đường dây điện-tử*

The Mountain God of Ba-Vi

Thần Núi Ba Vi

A Vietnamese legend

**CUNG VŨ
BÍCH GIAO
VI-VI**



**SINH-NHẬT, TỰ TRƯỜNG, LỄ-LẠC
MUA GÌ LÀM QUÀ CHO CÁC CON, CHÁU?**

Làng Văn giới-thiệu 2 tập truyện thiếu-nhi song-ngữ Anh Việt
của Cung Vũ, Bích Giao; Vi-Vi minh-họa
có giá-trị cổ-tích, phong-tục, mỹ-học và giáo-dục
có thể dùng để học chữ Việt, Anh
(in 4 màu tuyệt đẹp từ bìa tới tất cả các trang trong).

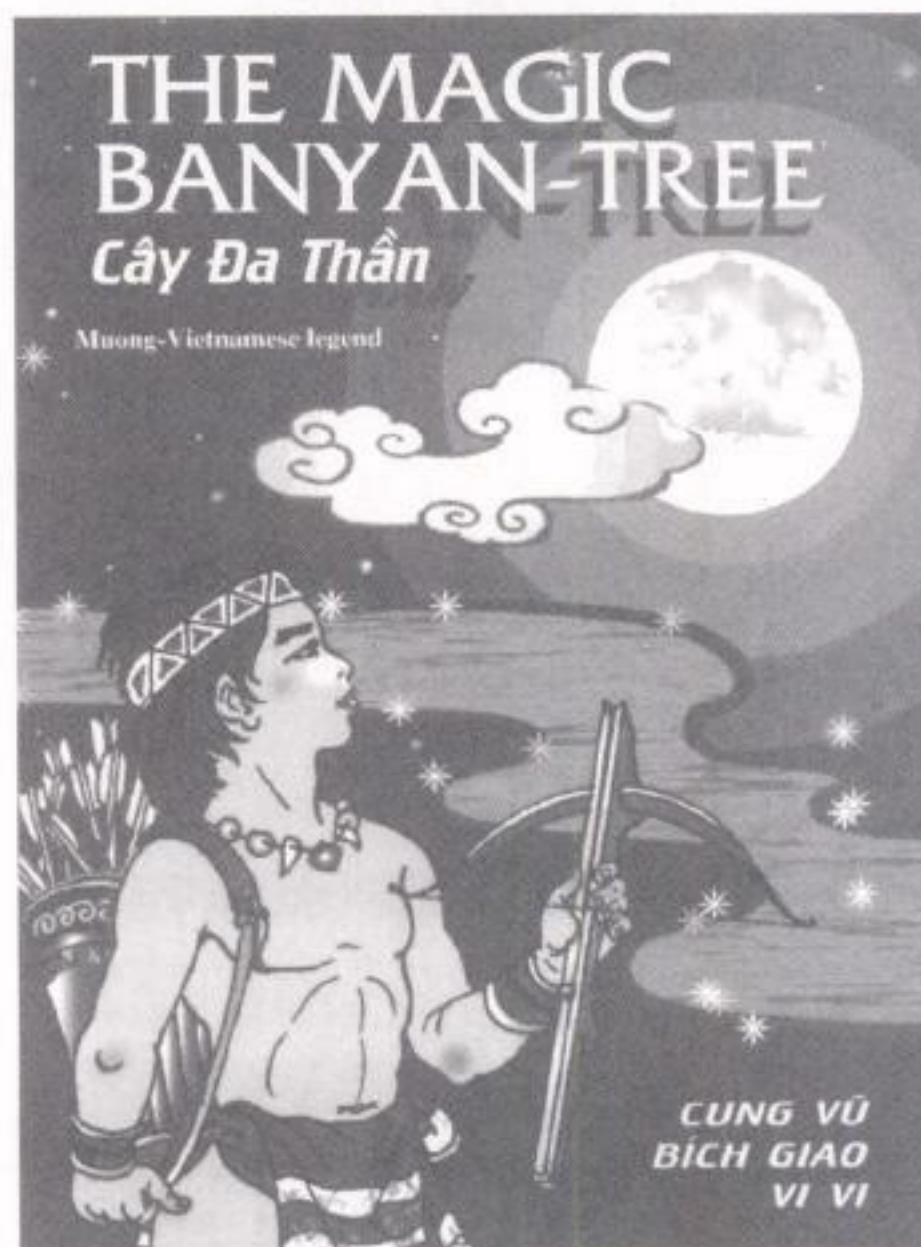
. THẦN NÚI BA VÌ:
truyện cổ Việt-Nam
sự tích thần Tản Viên,
dền Và (dền Đông Cung)
dời Hùng Vương 18

. CÂY ĐA THẦN:
truyện cổ Mường-Việt
sự tích chú Cuội của
đồng-bào thượng-du

Giá mỗi tập:
10 mỹ-kim (16 gia-kim)

Liên-lạc:

LÀNG VĂN
P.O. Box 218 Station "U"
Toronto, ON M8Z 5P1
Canada



**MỖI GIA-ĐÌNH
TỊ-NẠN
MỘT TỦ SÁCH
VIỆT-NAM**



CÂY RĂNG

- Thay những chiếc răng đã bị hỏng bằng phương-pháp tự-nhiên và thẩm-mỹ
- Chữa trị trường-hợp răng giả bị sai lệch
- Giải-phẫu cấy chân răng và gắn răng giả

THAM KHẢO MIỄN PHÍ TẠI VĂN PHÒNG CHÚNG TÔI

(416) 531-5796 & (416) 665-9283

**Điện-thoại miễn phí toàn quốc Canada và Hoa-kỳ:
1 (877) NU-TEETH (688-3384)**

OSCAR DALMAO, D.D.S., R.D.T., D.I.C.O.I., M.A.G.D.

Nha-sĩ tổng-quát, chuyên giải-phẫu cấy răng, làm răng giả,
tốt-nghiệp và được cấp bằng của Hội-đồng Quốc-tế
các nha-sĩ chuyên cấy răng

NHA-KHOA THẨM-MỸ VÀ GIA-ĐÌNH + IMPLANT (CÂY RĂNG)

**DR. MICHAEL
LÊ ĐÌNH HÒA**

20 Adelaide St. East, Unit #100

Toronto, Ontario M5C 2T6

Tel: (416) 429-0150 - (416) 971-6956

(giữa các trạm subway King và Queen - có chỗ đậu xe)

BÁC-SĨ GIẢI-PHẪU THẨM-MỸ

NGUYỄN THẾ LẠC

FRCS (C), CSPQ

TỐT-NGHIỆP TẠI CANADA

Nguyên bác-sĩ giải-phẫu tạo hình Tổng Y-viện Cộng-hòa và Bệnh-viện Bình-Dân

Bác-sĩ giải-phẫu thẩm-mỹ tại Sài-gòn

984 Colborne St. E., Brantford, Ontario, Canada N3S 3T4

Điện-thoại: (519) 753-6477

Cell: (519) 755-9285 - Điện-thoại nhà (sau 9 giờ tối): (519-449-5434)

Làm việc theo hẹn

Thứ Hai tới Thứ Bảy: 9g sáng-6g chiều

Chủ-nhật: theo hẹn

Lấy QEW (hướng Hamilton & Brantford), đổi sang 403 (Hamilton & Brantford), by pass Hamilton, exit Wilson St. West to Brantford (Wilson St. W. là Hwy 2 West cũ), đường này nối vào Colborne St. E.